

**HOẠT ĐỘNG HƯỚNG
NGHIỆP VÀ GIẢNG DẠY
KỸ THUẬT TRONG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ
THÔNG**

NGUYỄN VĂN HỘ (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP
VÀ GIẢNG DẠY KỸ THUẬT TRONG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 2006

Lời Nói Đầu

Giáo dục hướng nghiệp là một trong những thành phần tạo thành giáo dục tổng thể nhằm hình thành và phát triển nhân cách đối với học sinh. Từ thực tiễn của quá trình phân luồng, sử dụng học sinh các lớp cuối cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trong mấy thập niên qua (từ 1980 tới nay), chúng ta đã thấy rõ sự thiếu hụt vai trò của nhà trường phổ thông trong việc định hướng nghề cho tuổi trẻ nhằm giúp các em có được nhận thức đúng khi lựa chọn nghề, giảm tải gánh nặng cho gia đình và xã hội trong các kỳ thi tuyển, tạo tiền đề cho sự ổn định nguồn lực lao động xã hội trước mắt và lâu dài.

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã thấy được tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh phổ thông, đã chỉ ra những định hướng quan trọng về mặt quan điểm và mục đích đối với nhiệm vụ này, đồng thời đã có kế hoạch, chương trình cụ thể giúp nhà trường phổ thông các cấp có cơ sở để triển khai hoạt động này một cách có hiệu quả. Cùng với những hoạt động hướng nghiệp cụ thể mà các trường phổ thông đang tiến hành, chúng tôi tiến hành soạn thảo cuốn sách này với mục đích cung cấp một cách có hệ thống những cơ sở lý luận về giáo dục hướng nghiệp, đồng thời nêu rõ việc tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp tương ứng với nội dung hoạt động hướng nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Cuốn sách được biên soạn dựa trên cơ sở lý luận về giáo dục hướng nghiệp của nhiều tác giả trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các tác giả thuộc các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Triều Tiên v.v..., đồng thời có tham khảo đúc kết kinh nghiệm thực tiễn triển khai hoạt động hướng nghiệp của nhà trường phổ thông nước ta trong suốt thời gian từ 1980 tới nay.

Nội dung sách được chia thành ba phần cơ bản : Phần thứ nhất nhằm cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết lý luận cơ bản về hướng nghiệp bao gồm các khái niệm và hệ thống cấu trúc của giáo dục hướng nghiệp ; Phần thứ hai trình bày cấu trúc hệ thống tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông và những nội dung cụ thể trong việc tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cũng như cách thức thực hiện những nội dung đó ; Phần thứ ba là sự cụ thể hoá bộ phận quan trọng bậc nhất trong hoạt động hướng nghiệp nhằm hình thành những kỹ năng lao động kỹ thuật cho học sinh, tạo ra cơ sở cho quá trình thích ứng nhanh chóng với hoạt động nghề nghiệp sau này trong điều kiện của sản xuất công nghiệp.

Sách phục vụ chủ yếu cho đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường phổ thông và cũng rất hữu ích đối với những người làm công tác nghiên cứu theo chuyên ngành phù hợp.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã cố gắng hết sức mình và học hỏi nhiều ở các tác giả đi trước cùng các bạn đồng nghiệp, song không tránh khỏi những sơ suất. Chúng tôi rất mong có sự góp ý của đông đảo bạn đọc. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. KHÁI NIỆM HƯỚNG NGHIỆP

Bước vào bậc cuối cấp của nhà trường phổ thông, tuổi trẻ học đường thường có những hoài bão lớn lao gắn liền với cuộc sống tương lai của họ. Không ít các câu hỏi đại loại như : "mình sẽ làm gì", "mình chọn nghề gì ?", "nghề nào hay nhất"... luôn xuất hiện trong suy nghĩ của tuổi trẻ nhằm tìm kiếm một vị trí thích hợp cho bản thân mình.

Đối với một số học sinh, việc tìm ra câu trả lời cho những vấn đề trên là không khó lắm. Song, ở phần đông số học sinh còn lại, những câu hỏi trên đặt ra cho các em nhiều trăn trở, buộc các em phải đắn đo, suy nghĩ kỹ càng, bởi có biết bao nghề đáng yêu, đáng gìn gắm "số phận", của mình, có biết bao con đường để đạt tới mục đích của cuộc sống riêng.

Trước tiên cần thấy rằng việc xác định cho mình một hướng đi, một nghề nghiệp chỉ có thể có được ở những cá nhân có khả năng nhận thức và nhận thức một cách tự do các lĩnh vực nghề nghiệp, có khả năng xem xét, so sánh, đánh giá những dạng khác nhau của hoạt động lao động để đi tới một quyết định cho bản thân. Tất nhiên, sự tự lựa chọn này không bao giờ được coi là tuyệt đối, bởi vì nó còn bị giới hạn bởi nhiều điều kiện : kinh tế, chính trị, xã hội, năng lực bản thân...

Như vậy, lựa chọn nghề là một quá trình biểu hiện tính năng động của chủ thể, nó không chỉ liên quan tới nội dung hay hình thức của đối tượng lựa chọn mà còn chịu sự chi phối của chính tính năng động ấy. Điều chỉnh, hướng dẫn và phát triển tính năng động này cho mỗi cá nhân là trọng trách của công tác hướng nghiệp, nó tham gia vào hệ thống các yếu tố khách quan điều chỉnh các điều kiện chủ quan, giúp cho cá nhân định hướng nghề nghiệp một cách khoa học và đúng đắn.

Trong xã hội xa xưa, con đường sống của tuổi trẻ như ta thấy chỉ là sự thừa hưởng cái đã cho của tạo hoá. Từ thời cổ đại Hy Lạp, Platon đã cổ động trong dân chúng tư tưởng : ông trời khi tạo ra con người đã nhào nặn họ với vàng, bạc, đồng. Những con người "vàng" lẽ tự nhiên sẽ là những người làm khoa học, nghệ thuật, hoặc quản lý nhà nước, những người "bạc" sẽ là những chiến binh bảo vệ nhà nước, còn những người "đồng" bao gồm những thợ thủ công, nông dân và nô lệ - họ là những người gánh vác trên vai tất cả sự nặng nhọc của lao động cơ bắp [19].

Những đại diện tiên bộ của thời đại cũ luôn có sự chống đối lại sự bất bình đẳng xã hội, họ quan niệm rằng mỗi người cần đảm đương một công việc phù hợp nhất với năng lực và hứng thú của mình. Xanh-xi-mông, một triết gia đại diện cho tư tưởng chủ

nghĩa xã hội không tưởng mơ ước về một xã hội tương lai, ông viết : "Cương vị và nghề nghiệp khác nhau được phân định bởi năng lực tương ứng... kết quả của sự phân định này chính là họ hoàn thành công việc với mức độ cao những công việc được giao". Cũng theo đó mà sự tiến bộ trong lao động của con người sẽ được thực hiện một cách nhanh chóng hơn nhiều trong một lĩnh vực so với những lĩnh vực khác.... sự phân công lao động theo nghĩa đầy đủ là một trong những nguyên nhân trọng yếu nhất của trình độ văn minh, nhưng rõ ràng, tất cả những kết quả của sự phân công chỉ có thể có được khi vạch ra được sự khác biệt về năng lực của người lao động [24].

Cùng với sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản là sự ra đời của đại công trường thủ công và tiếp theo là nền công nghiệp hiện đại với thị trường lao động rộng lớn về quy mô, đa dạng về chủng loại và ngặt nghèo về học vấn, tay nghề.

C Mác viết : "Tiếp sau sự phân chia, tách biệt những thao tác khác nhau trong lao động sản xuất, người công nhân cũng được phân chia, phân hoá, nhóm họp theo những năng lực mà họ có được, nhờ đó mà những đặc điểm tự nhiên của người công nhân đã được hình thành dựa trên mảnh đất tự nhiên của sự phân công lao động và về mặt khác, công trường thủ công sẽ phát triển lực lượng lao động theo chính bản chất tự nhiên vốn có của mình chỉ theo một chức năng chuyên biệt" [9].

Sự mô tả của K.Mác về quá trình thâm lạng phân hoá và phân chia người lao động thành từng nhóm đã cho thấy : rất nhiều người trong số họ sẽ phải làm những công việc không phù hợp với những đặc điểm tâm lý của họ. Trải theo thời gian, vấn đề này càng trở nên cấp thiết, ảnh hưởng trực tiếp sự phân chia lực lượng lao động. Những yêu cầu của nghề nghiệp đối với con người đã được thay đổi : Điều hành kỹ thuật cao đã đòi hỏi phải khéo léo và thận trọng, các sự cố trong sản xuất đã đem đến cho các nhà tư bản những tổn thất nặng nề, những sai sót trong việc tuyển lựa công nhân, việc chọn lựa những nhân viên thiếu năng lực, việc đào tạo những nhân viên có tay nghề kém đã dẫn đến những giảm sút lớn về kinh tế. Việc tiêu tốn vào hoạt động đào tạo học vấn và tay nghề cho người công nhân đã trở thành một vấn đề đặt ra cho những nhà sản xuất tư bản. Mặc dù vậy sự luân chuyển lực lượng lao động vẫn diễn ra gay gắt, và điều đó đã cho ta thấy rằng nếu trong khi tiếp nhận một nguồn nhân lực vào lao động sản xuất mà không tính đến năng lực cá nhân của họ, không kiểm tra sự phù hợp của họ đối với nhu cầu nghề nghiệp thì không thể giữ được sự bình ổn của sản xuất chứ chưa nói tới nâng cao năng suất lao động. Cuộc cạnh tranh và chạy đua theo lợi nhuận và siêu lợi nhuận đã làm thức tỉnh các nhà tư bản tìm tòi những con đường mới có tính hiệu quả hơn trong việc sử dụng lực lượng lao động, tăng cường bóc lột công nhân. Các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả đã chứng minh lợi ích kinh tế của sự phân công con người theo kiểu "mỗi người ở vị trí của mình". Một số nhà tư bản ở nhiều nước đã bắt đầu hướng tới việc tập trung nghiên cứu về tổ chức và những đặc điểm của người lao động để đưa họ vào vị trí đáp ứng những thao tác lao động nhất định. Sản xuất được tiến hành theo kiểu tổ chức như vậy đã khởi đầu cho một hoạt động nghiên cứu chuyên biệt gắn liền với quá trình định hướng cho con người

tham gia vào một lĩnh vực sản xuất trong một nghề xác định.

Vào năm 1849, ở Pháp đã xuất hiện cuốn sách dưới nhan đề "Hướng dẫn lựa chọn nghề".

Năm 1883 ở Mỹ, nhà tâm lý học Ph. Ganton đã trình bày công trình thử nghiệm (Test) với mục đích lựa chọn nghề. Vào đầu thế kỷ XX Ở Mỹ, Anh, Pháp, Thụy Điển đã xuất hiện các cơ sở dịch vụ hướng nghiệp. Bản thân thuật ngữ "Hướng nghiệp là do giáo sư F. Parson thuộc đại học tổng hợp Garvared (Mỹ) vào năm 1908 đã tổ chức ở Boston lần đầu tiên ở Mỹ hội đồng nghề nghiệp giúp đỡ việc chọn nghề cho người lao động đề xướng [16].

Giai đoạn tiếp theo, chúng ta thấy xuất hiện tổ chức sản xuất theo quan điểm của Taylo. Đây là một đóng góp quan trọng đối với việc mở ra phương pháp quan sát và đánh giá công việc trong một hệ thống thống nhất về định mức lao động, trả công lao động, tổ chức chỗ làm việc, giờ nghỉ quy định tương ứng với ba dạng lựa chọn : công cụ lao động, thủ thuật lao động và thừa hành.

V.I. Lênin đã chỉ ra rằng hệ thống bóc lột này phục vụ quyền lợi của nhà tư bản nhưng vào thời gian đó nó đã chứa đựng "... hàng loạt những thành tựu khoa học sâu sắc trong việc phân tích vận động cơ học trong lao động, loại bỏ những vận động thừa và vụng về,... mở đầu cho một hệ thống kiểm tra và kiểm soát có hiệu quả" [10] .

Ở nước Nga, cuốn sách về hướng nghiệp "Lựa chọn khoa và điếm qua chương trình đại học tổng hợp", trong đó nêu rõ ý nghĩa về lựa chọn nghề khi thi vào trường đại học được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1897 (tác giả là giáo sư trường đại học tổng hợp Pêtecbuga B.F. Kapeev). Nhưng việc chọn nghề cũng như ở nhiều nước trên thế giới chỉ giới hạn trong sự bất bình đẳng xã hội. Tất cả những tác phẩm nghiên cứu về hướng nghiệp chỉ nhằm vào mục đích tăng cường lợi nhuận thông qua việc bóc lột tối đa sức lực của người lao động [20].

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, vấn đề lựa chọn nghề nghiệp đã được hiểu theo một quan niệm mới gắn liền với vai trò chủ động tích cực của con người, nó không chỉ gắn liền với lợi ích kinh tế xã hội mà còn tạo ra các điều kiện để phát triển nhân cách cho mỗi cá nhân.

Từ những năm 20, 30 của thế kỷ XX, công tác hướng nghiệp đã được triển khai trên đất nước Xô viết nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ, đặc biệt là vấn đề lựa chọn nghề cho mỗi công nhân của đất nước. Công tác hướng nghiệp được tiến hành nhờ các tổ chức giáo dục, uỷ ban bảo vệ sức khoẻ và các tổ chức quần chúng. Năm 1927 ở Leningrat đã tổ chức hướng nghiệp với mục đích giúp cho tuổi trẻ và cha mẹ các em quen biết với nghề nghiệp.

Vào năm 1930 ở Matxcova đã thành lập phòng thí nghiệm Trung ương về tư vấn nghề và lựa chọn nghề trực thuộc Trung ương đoàn thanh niên Cộng sản Lênin, trong đó phòng thí nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, tổng kết và phổ

biến những kinh nghiệm tiêu biểu của các cơ quan tư vấn nghề, đặc biệt là việc lựa chọn nghề của tuổi trẻ trong các trường phổ thông kỹ thuật. Hoạt động tư vấn sẽ giúp cho tuổi trẻ hiểu rằng muốn cho đất nước ổn định và phồn vinh không chỉ cần sự đóng góp sức lực và khả năng của mình, mà hơn thế nữa giúp mỗi người lựa chọn cho mình một vị trí trong cơ cấu nghề nghiệp xã hội phù hợp với đặc điểm tâm lý và năng lực về kỹ năng, kỹ xảo lao động nghề nghiệp. Nói cách khác tính đa dạng, nhiều vẻ của thế giới nghề nghiệp và cùng với nó là sự phức tạp của những đặc điểm tâm sinh lý của con người phải được xét tới trong hoạt động lựa chọn nghề của tuổi trẻ [17].

Dựa trên quan điểm của C. Mác, V.I. Lênin và của những nhà khoa học khi xem xét vấn đề hướng nghiệp đối với sự hình thành nhân cách và ảnh hưởng của nó tới các hoạt động sản xuất xã hội, chúng ta có thể thấy được nếu sớm thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho thế hệ trẻ thì đó sẽ là cơ sở để giúp cho họ chọn nghề đúng đắn, có sự phù hợp giữa năng lực, sở thích cá nhân với nhu cầu xã hội. Đối tượng của công tác hướng nghiệp bao gồm một phạm vi rộng về lứa tuổi, nhưng chú ý chủ yếu là đối với thế hệ trẻ ; lực lượng tiến hành công tác hướng nghiệp bao gồm nhiều bộ phận và những mối quan hệ khác nhau trong xã hội.

Vậy có thể hiểu như thế nào về khái niệm "Hướng nghiệp" ? Tùy thuộc vào đặc trưng cho mỗi lĩnh vực hoạt động khoa học mà khi xem xét hoạt động hướng nghiệp có thể có những quan điểm khác nhau về khái niệm này.

Các nhà tâm lý học cho rằng đó là hệ thống các biện pháp sư phạm, y học giúp cho thế hệ trẻ chọn nghề có tính đến nhu cầu của xã hội và năng lực của bản thân ; các nhà kinh tế học thì cho rằng đó là những mối quan hệ kinh tế giúp cho mỗi thành viên xã hội phát triển năng lực đối với lao động và đưa họ vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với việc phân bổ lực lượng lao động xã hội... K.K. Platônốp - một trong những nhà tâm lý học nổi tiếng của Nhà nước Xô viết cho rằng : "Hướng nghiệp, đó là một hệ thống các biện pháp tâm lý - giáo dục, y học, Nhà nước nhằm giúp cho con người đi vào cuộc sống thông qua việc lựa chọn cho mình một nghề nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu xuất hiện, vừa phù hợp với hứng thú năng lực của bản thân. Những biện pháp này sẽ tạo nên sự thống nhất giữa quyền lợi của xã hội với quyền lợi của cá nhân" [21] ; hoặc như viện sĩ C.Ia. Batusép xác định : Hướng nghiệp là một hoạt động hợp lý gắn với sự hình thành ở thế hệ trẻ hứng thú và sở thích nghề nghiệp vừa phù hợp với những năng lực cá nhân, vừa đáp ứng đòi hỏi của xã hội đối với nghề này hay nghề khác ... [13].

Từ những quan niệm đó về hướng nghiệp, chúng ta có thể cho rằng hướng nghiệp là hoạt động sư phạm về mặt phương pháp, xã hội, về mặt nội dung, kinh tế, về mặt kết quả và Nhà nước, về mặt tổ chức.

Tháng 10 - 1980, Hội nghị lần thứ 9 những người đứng đầu cơ quan giáo dục nghề nghiệp các nước xã hội chủ nghĩa (XHCHN) họp tại La-ha-ba-na thủ đô Cu Ba đã thống nhất về khái niệm hướng nghiệp như sau :

"Hướng nghiệp là hệ thống những biện pháp dựa trên cơ sở tâm lý học, sinh lý học, y học và nhiều khoa học khác để giúp đỡ học sinh chọn nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, đồng thời thoả mãn tối đa nguyện vọng, thích hợp với những năng lực, sở trường và tâm sinh lý cá nhân, nhằm mục đích phân bố hợp lý và sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động dự trữ có sẵn của đất nước" [20].

Khái niệm nêu trên về hướng nghiệp là sự kết hợp tương đối hài hoà nhu cầu của mỗi cá nhân với nhu cầu xã hội. Khái niệm đã đặt việc đào tạo con người cho xã hội làm nhiệm vụ trung tâm, trước tiên, đồng thời luôn đảm bảo tính chủ thể trong sự phát triển tự do của mỗi nhân cách. Khái niệm trên cũng đề cập đến cả tính phức tạp của công tác hướng nghiệp, đòi hỏi phải có sự tham gia đồng bộ của nhiều bộ phận xã hội nhằm giải quyết hợp lý lực lượng lao động dự trữ có sẵn của đất nước. Khái niệm trên đây là đầy đủ vì nó bao gồm trong đó nội dung, cấu trúc, đặc trưng cơ bản, phương pháp tiến hành và mục đích hướng nghiệp.

Nói một cách ngắn gọn, dưới góc độ giáo dục phổ thông, hướng nghiệp là sự tác động của một tổ hợp các lực lượng xã hội, lấy sự chỉ đạo của một hệ thống sư phạm làm trung tâm vào thế hệ trẻ, giúp cho các em quen biết với một số ngành nghề phổ biến để khi tốt nghiệp ra trường, các em có thể lựa chọn cho mình một cách có ý thức nghề nghiệp tương lai.

Nhà trường các cấp của chúng ta hiện nay có nhiệm vụ hình thành và phát triển nhân cách cho thanh thiếu niên thông qua các nội dung giáo dục, lao động sản xuất và hướng nghiệp bằng nhiều con đường : dạy học trong nhà trường, tham gia thực tiễn ngoài xã hội, giáo dục trong gia đình và các đoàn thể, các cộng đồng xã hội, giáo dục bằng các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện kỹ thuật...

Nhà trường phổ thông được coi là bộ phận cực kỳ quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, tác động một cách có tổ chức, khoa học đến quá trình hình thành nhân cách của thanh thiếu niên. Bằng mục đích giáo dục tương ứng với từng lứa tuổi, từng trình độ nhận thức, giáo dục phổ thông tạo ra tiền đề cần thiết về mặt trí tuệ và thể chất cho những giai đoạn phát triển tiếp theo của mỗi con người. Nếu như mục đích của việc hình thành nhân cách cho thanh thiếu niên trong chế độ xã hội chủ nghĩa nước ta là tạo cho các em khả năng tham gia tích cực, sáng tạo vào lao động xã hội, thì hướng nghiệp, phần nội dung gắn bó hữu cơ trong giáo dục toàn diện của nhà trường phổ thông sẽ thực hiện nhiệm vụ phát triển nhận thức của tuổi trẻ đối với hoạt động tương lai của họ, phù hợp với những nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

2. NGHỀ NGHIỆP

2.1. Khái niệm về nghề nghiệp

Nghề nghiệp theo chữ La tinh (Professio) có nghĩa là công việc chuyên môn được hình thành một cách chính thống là dạng lao động đòi hỏi một trình độ học vấn nào đó, là hoạt động cơ bản giúp con người tồn tại.

Theo tác giả E.A. Klimóp thì : "Nghề nghiệp là một lĩnh vực sử dụng sức mạnh vật chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động xã hội mà có), nó tạo cho mỗi con người khả năng sử dụng lao động của mình để thu lấy những phương tiện cho việc tồn tại và phát triển" [16].

Theo từ điển tiếng Việt, nghề là "công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội".

Từ một số quan niệm nêu trên, chúng ta có thể hiểu về *nghề nghiệp như một dạng lao động vừa mang tính xã hội (sự phân công xã hội), vừa mang tính cá nhân (nhu cầu bản thân), trong đó con người với tư cách là chủ thể hoạt động đòi hỏi để thoả mãn những nhu cầu nhất định của xã hội và cá nhân*. Như vậy, nói tới nghề nghiệp, trước hết phải nói tới những điều kiện khách quan do xã hội đặt ra (chẳng hạn khi xã hội chưa có những đòi hỏi phải trồng trọt và chăn nuôi thì chưa có cái gọi là nghề trồng trọt và chăn nuôi, nhưng bản thân nhu cầu về trồng trọt và chăn nuôi của xã hội lại thoả mãn những đòi hỏi kiếm sống của mỗi cá nhân, khi đó những dạng lao động trên chỉ được coi như là hoạt động tìm kiếm chứ chưa thể là nghề của cá nhân đó).

Bất cứ nghề nghiệp nào cũng hàm chứa trong nó một hệ thống giá trị : tri thức lý thuyết nghề, kỹ năng, kỹ xảo nghề, truyền thống nghề, đạo đức phẩm chất nghề, hiệu quả do nghề mang lại. Những giá trị này có thể được hình thành theo con đường tự phát (do tích lũy kinh nghiệm trong quá trình sống với cộng đồng mà có) hoặc theo con đường tự giác (do được đào tạo trong các cơ sở trường, lớp dài hạn hay ngắn hạn).

Hoạt động trong bất kỳ nghề nghiệp nào, mỗi cá nhân phải tiêu tốn một số lượng vật chất (sức lực) và tinh thần (trí tuệ) nhất định. Cá nhân sống bằng nghề nào thì lượng tiêu hao về sức lực và trí tuệ cho dạng lao động đó là lớn nhất. Chính vì thế, nghề được coi như đối tượng hoạt động cơ bản trong một giai đoạn nào đó của đời sống cá nhân và trong đa số các trường hợp, nó gắn bó với cả cuộc đời con người, nhiều khi còn truyền từ đời này sang đời khác.

Nghề luôn luôn là cơ sở giúp cho con người có "nghiep" (việc làm) và từ đó tạo ra sản phẩm thoả mãn nhu cầu cá nhân cũng như nhu cầu xã hội. Còn nếu như một người nào đó chỉ có nghề mà không có nghiệp, người đó được coi là người thất nghiệp (ví dụ : sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa tìm được việc làm).

Bất cứ việc làm nào cũng gắn với một nghề cụ thể (hoặc một chuyên môn cụ thể), song không thể coi việc làm với nghề là đồng nghĩa. Việc làm là một dạng hoạt động nhằm biến đổi đối tượng lao động phục vụ cho lợi ích của bản thân và của xã hội. Như vậy, việc làm có thể được xuất phát từ nghề được đào tạo, và cũng có thể là những công việc nhất thời đáp ứng mục đích lao động kiếm sống của chủ thể.

Đôi khi, do xuất phát từ quan niệm về những kỹ năng của một hoặc nhiều nghề được cá nhân sử dụng trong quá trình lao động đã dẫn tới sự nhầm lẫn giữa nghề nghiệp với việc làm. Nếu việc làm diễn ra trong một thời gian dài, có cơ sở từ nghề

được đào tạo, có thu nhập ổn định, trong quá trình lao động cá nhân thường xuyên sử dụng một hệ thống kiến thức lý thuyết về kỹ thuật, công nghệ và các kỹ năng được huấn luyện tỉ mỉ, có hệ thống (tay nghề), khi đó cá nhân không chỉ có nghề mà còn có cả nghiệp.

Hiểu một cách ngắn gọn, nghề nghiệp là một dạng lao động đòi hỏi ở con người một quá trình đào tạo chuyên biệt, có những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nhất định, có phẩm chất, đạo đức phù hợp với yêu cầu của dạng lao động tương ứng. Nhờ quá trình hoạt động nghề nghiệp, con người có thể tạo ra sản phẩm thoả mãn những nhu cầu vật chất, tinh thần của cá nhân, cộng đồng và xã hội.

2.2. Phân loại nghề

Nghề nghiệp được xuất hiện dưới ảnh hưởng của sự phân công lao động xã hội. Số nghề hiện nay lên tới hàng chục nghìn, vậy thì sự khác nhau giữa các nghề là ở chỗ nào ? Có nhiều cách phân loại nghề và mỗi cách như chúng tôi trình bày dưới đây chỉ thu tóm được những đặc trưng cơ bản nhất của nghề theo một bình diện nào đó. Tuy nhiên, trên cơ sở của sự phân loại, nó cho phép chúng ta phân biệt được giữa các nghề (hay nhóm nghề) theo dấu hiệu bản chất của nghề (hay nhóm nghề) này với các nghề (hay các nghề) khác.

2.2.1. Cách phân loại dựa trên đối tượng lao động

Đối tượng lao động là một hệ thống những thuộc tính phản ánh mặt hình thức, nội dung của tồn tại khách quan và các mối quan hệ giữa những thuộc tính này, được biến đổi dưới tác động có mục đích của chủ thể lao động.

Ví dụ : Đối với người làm vườn thì đối tượng lao động là cây trồng và những hiện tượng sinh học có liên quan ; đối tượng lao động của bác sĩ là người bệnh và những hiện tượng bệnh lý...

Trong đối tượng lao động, chúng ta cần đặc biệt lưu ý tới nguyên liệu có trong đối tượng. Chẳng hạn, người thợ nguội có quan hệ với đối tượng thông qua việc tiếp xúc với các nguyên liệu như : kim loại, hợp kim.

Căn cứ trên đối tượng lao động, các nghề được phân thành các dạng :

- + Nghề có đối tượng là thiên nhiên (trồng trọt, chăn nuôi...);
- + Nghề có đối tượng là con người (dạy học, chữa bệnh...);
- + Nghề có đối tượng là các dấu hiệu (đánh máy vi tính, kế toán...);
- + Nghề có đối tượng là nghệ thuật (trang trí, chụp ảnh, soạn nhạc, viết văn...).

2.2.2. Phân loại nghề dựa trên mục đích lao động

Mục đích lao động (MĐLĐ) là kết quả cần đạt được trong mỗi nghề do xã hội đòi hỏi ở cá nhân. Căn cứ vào MĐLĐ, người ta chia thành 2 dạng nghề:

- + Nghề có mục đích nhận thức (điều tra các vụ án, thanh tra...);
- + Nghề có mục đích tìm tòi sáng tạo (nghiên cứu khoa học, tạo, lai tạo giống mới...).

2.2.3. Phân loại nghề dựa trên công cụ và phương tiện lao động

Công cụ và phương tiện lao động bao gồm những dụng cụ, thiết bị, máy móc nhằm biến đổi đối tượng lao động. Những phương tiện lao động giúp cho quá trình làm ra sản phẩm của con người đạt kết quả dễ dàng, giảm nhẹ sức lực trí tuệ và căng thẳng cơ bắp.

Công cụ lao động có thể là thủ công hay máy móc, song để sử dụng các công cụ, phương tiện lao động, con người phải có kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo tương ứng, phải có ý thức cải tiến và hoàn thiện công cụ lao động. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất càng phức tạp thì giá trị sáng tạo, hoạt động trí lực của con người càng được phát huy cao độ, tay nghề về mọi phương diện của người thợ càng phải tinh thông.

Căn cứ vào công cụ lao động, người ta chia các nghề thành 4 dạng :

- + Lao động chân tay (sửa chữa xe đạp, xe máy, thợ thủ công truyền thống...);
- + Lao động bên máy (thợ tiện, thợ phay, thợ bào...);
- + Lao động bằng công cụ đặc biệt là ngôn ngữ (dạy học, ca hát, phát thanh viên...);
- + Lao động trí tuệ (nghiên cứu khoa học, hoạt động chính trị...).

2.2.4. Phân loại nghề dựa vào điều kiện lao động

Điều kiện lao động là hoàn cảnh xung quanh (gồm môi trường tự nhiên và các mối quan hệ xã hội) trong đó diễn ra lao động nghề nghiệp.

Dựa trên điều kiện lao động, người ta chia nghề thành 2 dạng:

- + Nghề có môi trường đạo đức - chính trị (toà án, quản lý, thể chế xã hội ...);
- + Nghề có môi trường vật lý đặc biệt (thợ hầm lò, thợ lặn, phi công, du hành vũ trụ...).

Hoạt động nghề mặc dù có thể được diễn ra trong những điều kiện khác nhau, song chúng đều bao gồm các thành phần chính yếu sau đây :

Công việc cơ bản (là giai đoạn hoạt động diễn ra hệ thống các thao tác, kỹ năng nghề được đào tạo đặc biệt, khoảng thời gian sử dụng chúng vào giai đoạn này là nhiều nhất); Công việc hỗ trợ (bao gồm các thao tác, kỹ năng thực hiện hoạt động như gá lắp, điều chỉnh... trong quá trình sản xuất); Công việc chuẩn bị và kết thúc (bao gồm các thao tác, kỹ năng chuẩn bị nghề, nơi làm việc, lau chùi máy móc, bảo quản bán thành phẩm...).

2.2.5. Phân loại nghề dựa trên các thao tác lao động

Nếu trong cách phân loại thứ hai, người ta thay thế dấu hiệu, "mục đích lao động" bằng dấu hiệu "thao tác lao động cơ bản" thì các nghề được nhóm họp theo những dạng sản xuất (tổng hợp, chuyên ngành hẹp và chuyên ngành rộng). Dưới đây chúng ta đi qua vài nét về những dạng sản xuất đó.

- + Nghề diện rộng : Là những nghề có liên quan tới một phạm vi rộng các công

việc, chẳng hạn như nghề bảo dưỡng máy, lắp ráp máy, sửa chữa máy, thợ máy kéo, thợ máy nổ...

+ Nghề chuyên ngành (rộng) : Đó là những nghề phục vụ trong một lĩnh vực chuyên ngành, thực hiện một công việc xác định (ví dụ nghề sửa chữa điện trong ngành điện, thợ lái máy ủi trong ngành giao thông, thợ hàn khuôn trong nghề đúc).

+ Nghề chuyên ngành hẹp : Đó là những nghề chỉ đòi hỏi một nhóm thao tác nhất định trong toàn bộ quy định làm ra sản phẩm (ví dụ : nghề thu thập thông tin trong quảng cáo, nghề trang trí trên quần áo trong may mặc...). Cũng với cách phân loại này, các nghề còn được phân chia theo các dạng công cụ lao động, hoặc là theo các thuộc tính của các lĩnh vực sản xuất trong xã hội (ví dụ các nghề trong công nghiệp dệt, công nghiệp thực phẩm... hoặc là các nghề trong một tổ hợp các lĩnh vực như : thợ nguội, thợ sửa chữa điện, thường có mặt trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân).

2.3. Sự phù hợp nghề

Một người được coi là phù hợp với một nghề nào đó khi ở họ có được những phẩm chất đạo đức, trình độ văn hoá, năng lực chung và năng lực riêng, tri thức, kỹ năng và tình trạng sức khoẻ đáp ứng được những đòi hỏi do nghề nghiệp đặt ra.

Mức độ hiệu quả hoạt động nghề nghiệp chịu sự chi phối của mức độ sự phù hợp nghề. Người ta có thể phân sự phù hợp nghề thành các mức độ : phù hợp hoàn toàn, phù hợp từng phần. Ở mức độ phù hợp hoàn toàn, khi hoạt động nghề nghiệp cá nhân phải đạt được các tiêu chí quy định về cường độ và tốc độ làm việc, phải đảm bảo độ chính xác của công việc để đạt các chỉ tiêu về chất lượng, tiêu phí sức lực, nguyên liệu, nhiên liệu, an toàn kỹ thuật, đáp ứng các chống chỉ định nghề, không bị những tác động độc hại của quá trình lao động nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khoẻ và hoạt động tâm lý. Còn ở mức độ phù hợp từng phần (không hoàn toàn) khi hoạt động nghề nghiệp cá nhân chỉ đáp ứng được một số tiêu chí nêu trên, hoặc để đáp ứng đầy đủ những tiêu chí đó, họ phải tiêu tốn một số lượng lớn về trí tuệ, sức lực, thời gian và nguyên vật liệu... Trên thực tế, ít có ai sinh ra mà phù hợp với nghề này hay nghề khác, mà thường bản thể tự nhiên chỉ tạo cho họ những cơ sở ban đầu có khả năng phù hợp hay không phù hợp với nghề nghiệp. Bởi vậy khó có thể có sự phù hợp nghề tuyệt đối (hoàn toàn), và để đạt tới mức độ này, bản thân mỗi người phải có sự rèn luyện để hình thành cho mình những gì mà nghề nghiệp đòi hỏi. Có thể nói, mỗi cá nhân đều tiềm ẩn những năng lực, những sở trường đặc biệt để tạo nên sự phù hợp nghề. Nếu biết lợi dụng đầy đủ những cơ sở ấy, đặc biệt là những sở trường sẵn có, kiên trì luyện tập, kết hợp với sự học hỏi ở những người có kinh nghiệm thì sự phù hợp nghề sẽ nhanh đến với bản thân. Tuy nhiên hoạt động nghề có những đặc điểm riêng của nó, thậm chí có những yêu cầu do nó đặt ra ở một số người này thì rèn luyện có thể tạo ra sự phù hợp, nhưng ở một số người khác thì cho dù chăm chỉ mấy cũng không thể đáp ứng. Chính đặc điểm này ảnh hưởng tới chất lượng lựa chọn nghề của học sinh.

Một khi họ chưa biết mình, chưa hiểu nghề thì đối với họ nghề nào cũng có thể làm được nhưng không phải nghề nào cũng phù hợp đối với họ. Các nhà tâm lý học đã chứng minh mỗi nghề đòi hỏi một trình độ phát triển năng lực chung và những năng lực chuyên biệt cần thiết để thực hiện thành công cho riêng nghề nghiệp đó. Đồng thời mỗi nghề còn có những yêu cầu riêng về trạng thái sức khỏe, tâm lý của con người.

Có thể nói sự phù hợp nghề trước hết phụ thuộc vào quá trình nhận thức sâu sắc đối với nghề mình chọn để biết mình, biết nghề và sau đó là quá trình tự rèn luyện để tạo sự phù hợp trong khuôn khổ mà nghề nghiệp đã đặt ra.

Có được sự phù hợp nghề là cơ sở để đảm bảo cho hoạt động nghề đạt tới hiệu quả. Song, để làm cho sự phù hợp nghề có sự bền vững về chất lượng là cả một quá trình khổ công học hỏi, hoàn thiện những gì đã có để làm cho những yêu cầu do nghề nghiệp đặt trở thành những đòi hỏi của chính bản thân mình.

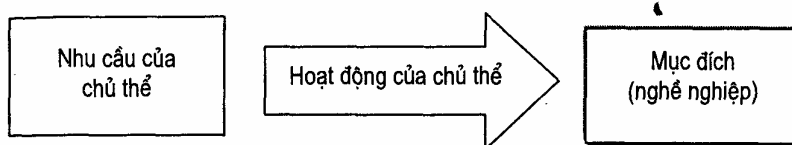
3. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH

Định hướng nghề nghiệp là một khái niệm bao gồm hai yếu tố liên kết với nhau chặt chẽ : yếu tố thứ nhất chỉ trạng thái động của khái niệm - là quá trình xác định cho mình một hướng đi, hướng phấn đấu, rèn luyện, và yếu tố thứ hai - sự cần thiết phải thực hiện hoạt động của bản thân theo một hướng đã được xác định. Tuy nhiên, với ý nghĩa thứ hai này, không thể không có một mục tiêu, một đích nào đó làm chuẩn để xác định hướng hành động.

Như vậy yếu tố định hướng bao gồm trong nó quá trình hoạt động của chủ thể nhằm đạt tới mục đích đã định. Chính ở đây, yếu tố thứ hai của khái niệm - nghề nghiệp trở thành mục tiêu của hoạt động định hướng. Yếu tố này chi phối các hoạt động của chủ thể về nhận thức, về thái độ, hành vi, đồng thời nó là kết quả cần đạt tới quá trình hoạt động. *Như vậy, định hướng nghề nghiệp được hiểu là một quá trình hoạt động được chủ thể tổ chức chặt chẽ theo một logic hợp lý về không gian, thời gian, về nguồn lực tương ứng với những gì mà chủ thể có được nhằm đạt tới những yêu cầu đặt ra cho một lĩnh vực nghề nghiệp hoặc cụ thể hơn là của một nghề nào đó.*

Khái niệm do chúng tôi nêu ra được thể hiện trên sơ đồ 1 :

Sơ đồ 1:



Trong nhà trường, chủ thể trực tiếp định hướng tới nghề nghiệp là học sinh, song với tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm, vốn sống và trình độ nhận thức xã hội còn nhiều hạn hẹp, nên cần có sự trợ giúp của các lực lượng giáo dục. Lúc này hoạt động định hướng nghề nghiệp của học sinh trở thành đối tượng lao động giáo dục của thầy, cô giáo, của các tổ chức chính trị, xã hội trong trường học nhằm giúp cho quá trình định hướng nghề của học sinh diễn ra thuận lợi, đạt tới sự tương hợp cần thiết giữa nguyện vọng cá

nhân với yêu cầu của nghề trong những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Ở đây, các lực lượng sư phạm trong nhà trường trở thành chủ thể của một hoạt động đặc thù - hoạt động hướng nghiệp - một trong những nhiệm vụ giáo dục toàn diện đối với học sinh. Để thực hiện có hiệu quả hoạt động này, các lực lượng sư phạm trong nhà trường cần hiểu rõ đặc điểm định hướng nghề của học sinh với những yếu tố tạo thành như nhận thức nghề, thái độ nghề, lựa chọn nghề và quyết định nghề. Dưới đây chúng ta sẽ tiếp cận với đặc điểm này trong quá trình định hướng nghề của học sinh.

3.1. Định hướng nhận thức đối với nghề nghiệp

Nhận thức là sự phản ánh tồn tại (vật chất và tinh thần) vào bộ óc con người, sự phản ánh này không đi theo một chiều mà là quá trình biện chứng dựa trên những hoạt động tích cực của chủ thể trong mối quan hệ với tồn tại. Tính tích cực của chủ thể nhận thức được biểu hiện thông qua quá trình tiếp nhận một cách chủ động, vận dụng sáng tạo những quy luật vận động của thế giới khách quan vào hoạt động thực tiễn. V.I. Lênin đã từng chỉ rõ "Nhận thức là sự phản ánh thế giới khách quan bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh mà là một quá trình với một chuỗi sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành các khái niệm, các quy luật... và chính các khái niệm, quy luật này... bao quát một cách có điều kiện, gần đúng tính quy luật phổ biến của giới tự nhiên vĩnh viễn vận động và phát triển" [10]. Tính tích cực của con người trong hoạt động nhận thức là khác nhau tùy thuộc vào khả năng phản ánh những thuộc tính của sự vật và hiện tượng, nó được thực hiện ở những cấp độ khác nhau (cảm tính - nhờ các cơ quan cảm giác trực tiếp và lý tính nhờ quá trình tư duy logic - biện chứng), bằng những con đường khác nhau (bằng cách thử đúng sai để tìm ra chân lý hoặc thông qua con đường dạy học - con đường chủ đạo để thực hiện hệ thống kế thừa di sản đối với thế hệ trẻ), và cũng có thể bằng con đường thực tiễn thông qua việc tiếp nhận các kênh thông tin do các tổ chức xã hội chuyên biệt khác cung cấp (báo, đài, vô tuyến, mạng Internet...) hoặc qua các quan hệ giao tiếp với cộng đồng xã hội mà thu nhận tri thức. Sản phẩm của hoạt động nhận thức là những biểu tượng, kinh nghiệm, hình ảnh, hệ thống khái niệm, chúng được biểu đạt nhờ cái vỏ vật chất như ngôn ngữ nói, tín hiệu (chữ viết) và hành vi để nhờ đó, thông qua đó, chúng ta có thể nhận biết và sử dụng được những sản phẩm và nhận thức vào hoạt động thực tiễn.

Theo đó, nghề nghiệp là một dạng hoạt động xã hội, là tồn tại khách quan, bởi vậy để hiểu biết rõ và chiếm lĩnh nó, con người phải nhận thức được nghề nghiệp.

Nhận thức nghề nghiệp là quá trình phản ánh các đặc trưng cơ bản của nghề nghiệp, những biểu hiện định giá của xã hội trong những điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể với giá trị của nghề nghiệp và những đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của những con người làm việc trong nghề nghiệp đó.

Nhận thức nghề nghiệp là một trong những thành phần cơ bản của xu hướng nghề nghiệp (bao gồm : nhận thức nghề, tình cảm nghề và hành động chọn nghề).

Nhận thức nghề nghiệp kết hợp với những thành phần còn lại của xu hướng nghề tạo nên kết quả chọn nghề của học sinh đối với một nghề xác định. Xuất phát từ nhận thức nghề với hệ thống tri thức về nghề, về những đòi hỏi khách quan của nghề đối với những ai hoạt động trong nghề nghiệp đó để đối chiếu với những phẩm chất, năng lực, cá nhân, tìm ra sự phù hợp của nghề đối với bản thân. Có thể nói, nhận thức nghề nghiệp là cơ sở cốt lõi mang tính định hướng cho hành động lựa chọn nghề của học sinh. Nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc về nghề nghiệp sẽ có tác dụng thúc đẩy hành động chọn nghề của học sinh phù hợp với nguyện vọng, khả năng của mình, biết trân trọng và tha thiết yêu nghề mình chọn, giúp cho cá nhân có điều kiện để sáng tạo trong nghề nghiệp, góp phần mang lại hiệu quả nhiều hơn cho xã hội, cho gia đình và bản thân. Nhận thức nghề nghiệp bao gồm những thành tố sau :

3.1.1. Nhận thức về những đòi hỏi của xã hội đối với nghề nghiệp

Nhu cầu của xã hội đối với nghề đã tạo nên thị trường lao động của xã hội. Trước đây - thời kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, nhu cầu của xã hội chỉ được biểu hiện thông qua quản lý Nhà nước bằng việc thiết lập kế hoạch đào tạo, phân bổ sản phẩm đào tạo theo chỉ tiêu ấn định cho mỗi nghề, mỗi lĩnh vực sản xuất mà người ta cho rằng, làm như vậy sẽ tạo ra sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng một cách hợp lý, giúp cho mọi người đều có công ăn việc làm. Với cách hiểu và làm như vậy, bản chất của nhu cầu xã hội hầu như bị tha hoá, trở thành nhu cầu của một bộ phận người nắm quyền quản lý xã hội, tính phổ quát của nhu cầu xã hội được biến đổi trở thành tính cục bộ duy ý trí. Trên thực tế, với cách làm đó, bằng chuẩn mực đó (những quy định chặt chẽ và phân bổ, sử dụng lao động qua đào tạo), thị trường lao động là khái niệm rất xa lạ đối với xã hội Việt Nam cách đây mấy chục năm. Ngày nay, với sự vận hành của cơ chế thị trường, khi sức lao động được coi là hàng hoá như quan điểm của Đảng ta đã thừa nhận, giá trị của hàng hoá "sức lao động" đã được định giá trên thị trường lao động - nó được thị trường chấp nhận đến mức nào là do tính hữu dụng của giá trị đó đáp ứng nhiều hay ít nhu cầu của thị trường lao động xã hội.

Tình trạng không có việc làm của một bộ phận không nhỏ sinh viên tốt nghiệp các trường đại học (việc làm vốn là ước mơ của nhiều bạn trẻ) có "danh giá" trong suy nghĩ của tuổi trẻ học đường hiện nay là một minh chứng cho nhu cầu của thị trường lao động đang vốn rất cần một lượng đông những người thợ có tay nghề giỏi chứ không phải những người chỉ có bằng cấp cao.

Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, mạng lưới ngành nghề cũng được mở rộng về quy mô, số lượng, chất lượng. Kinh tế nhiều thành phần được Nhà nước khuyến khích và chủ trương phát triển sẽ tạo ra những quan niệm mới đối với các nghề trong khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực kinh tế liên doanh với nước ngoài, khu vực kinh tế tư nhân. Bởi vậy, việc tìm hiểu trực tiếp lao động, nhận biết về nhu cầu nghề nghiệp của các khu vực kinh tế trong hiện tại cũng như những dự báo về sự phát triển và biến động của hệ thống nghề nghiệp là điều cần thiết mang tính chiến lược của mỗi học sinh trong quyết định nghề nghiệp tương lai của bản thân mình.

3.1.2. Nhận thức về thế giới nghề nghiệp và những yêu cầu đặc trưng của nghề có dự định lựa chọn

➤ Giá trị và giá trị xã hội của nghề nghiệp

Giá trị là kết quả định giá của một con người, một nhóm người hay của một cộng đồng xã hội đối với các thuộc tính của sự vật, hiện tượng tồn tại khách quan thông qua hoạt động tương tác giữa con người với các sự vật và hiện tượng đó nhằm thoả mãn những nhu cầu nảy sinh trong đời sống cá nhân và xã hội.

Như vậy, giá trị không xuất hiện ngay cùng với nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng trong hoạt động sống. Chỉ trong quá trình hoạt động, bằng quá trình tiến tới thoả mãn nhu cầu (nhanh hay chậm, dễ dàng hay gian khổ, tốt hay xấu, nhiều hay ít...) được trải nghiệm nhiều lần, con người mới có được sự định giá đối với những thuộc tính của sự vật khách quan.

Sự vật, hiện tượng và những thuộc tính của nó tồn tại khách quan đối với con người, là đối tượng của hoạt động nhận thức, song bản thân chúng chưa phải là giá trị. Chỉ khi có sự tương tác giữa con người với chúng, con người nhận biết được tính hữu dụng của chúng trong việc giải quyết một nhu cầu nào đó về vật chất và tinh thần, khi đó chúng trở nên có giá trị. Ở đây giá trị không thuộc về vật chúng mà thuộc về sự đánh giá của con người. Để việc thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người, bản thân sự vật và hiện tượng khách quan có thể đạt được, song giá trị của nó lại phụ thuộc vào chủ thể thông qua sự định giá. Như vậy giá trị được coi là "tiềm năng ẩn" nằm trong sự vật, được xuất hiện ở chủ thể khi những "tiềm năng" này tham gia vào quá trình giải quyết những nhu cầu của chủ thể.

Để nhận biết, khám phá giá trị của sự vật, hiện tượng, con người phải được trải nghiệm nhờ quá trình tương tác với sự vật và hiện tượng đó, song phạm vi, mức độ nhận biết của mỗi cá nhân là không giống nhau. Nguyên nhân của sự khác biệt này chính là ở chỗ mỗi cá nhân có đời sống tinh thần, vật chất, có những mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội khác nhau, với trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống khác biệt, chịu sự quy định của tập tục, lễ thói, nếp sống và những quan điểm sống hiện hữu trong cuộc đời họ.

Chính bởi lẽ đó, với cùng một thuộc tính, tồn tại trong cùng một sự vật một hiện tượng, có người định giá có như một cứu cánh của cuộc sống, có người dừng dừng trước nó, và thậm chí có người tấy chay, vứt bỏ nó. Chúng ta có thể nêu ra hàng loạt những ví dụ làm minh chứng : cây thuốc nam mọc xung quanh ta, đối với thầy thuốc đông y đó là dược phẩm chữa trị bệnh tật, một số người lại nhận biết giá trị như một loại rau cỏ, một số khác - rất đông lại không cần để ý tới ; một cây đa cổ thụ mọc ở đầu làng - đối với những đứa con xa quê, cây đa là biểu tượng của tình làng nghĩa xóm, của chân tình mộc mạc chứa đựng nhiều kỷ niệm của một thời họ đã sống nơi quê, cùng thương thức một bản tình ca, một số người như được sống lại thời trai trẻ, có người cho đó là một sự uỷ mị ru ngủ lòng người, một số thì cho rằng cần phải sống với

hiện tại, phải rộng ràng, mạnh mẽ của thời công nghiệp !...

➤ *Giá trị xã hội*

Giá trị xã hội là giá trị được cá nhân, nhóm xã hội hoặc cả cộng đồng xã hội xem xét, định giá, xác định tác dụng của đối tượng (khách thể) tồn tại trong xã hội đối với con người.

Các giá trị xã hội là các đặc điểm, tính chất, các yếu tố cấu thành và biểu hiện của bản thân hiện tượng xã hội (đối tượng - khách thể xã hội).

Đối với chủ thể xã hội, các giá trị là những cái mang tính chất định giá, tính hiệu quả, tác dụng nhất định (bản thân đối tượng chưa phải là giá trị, song nó tiềm ẩn một nội dung định giá ngoài ý thức của chủ thể, khi nào có sự gắn kết giữa ý thức của chủ thể với nội dung tiềm ẩn này của đối tượng, giá trị mới xuất hiện).

Về cơ cấu giá trị xã hội thường có hai thành tố chủ yếu :

- Đối tượng giá trị là các hiện tượng xã hội, bao gồm các hoạt động xã hội của cá nhân, nhóm xã hội, giai cấp, cộng đồng xã hội trong thực tại xã hội. Các hoạt động trên được thể hiện dưới dạng các vật thể và phi vật thể.

Các dạng trên chỉ trở thành đối tượng giá trị khi chúng được thu hút vào quỹ đạo quan hệ xã hội, vào sự xem xét, định giá, xác định tác dụng xã hội của chính con người và xã hội.

- Về phân loại giá trị xã hội, người ta thường dựa vào tác dụng đối với từng lĩnh vực riêng biệt của đời sống xã hội để chia thành các giá trị xã hội khác nhau : giá trị kinh tế, chính trị, giá trị giáo dục, giá trị văn hoá, giá trị khoa học, giá trị pháp luật, giá trị tôn giáo...

Dựa vào hiệu quả của giá trị về phương diện lợi ích có thể chia thành hai loại giá trị : giá trị vật chất, giá trị tinh thần.

Căn cứ vào sự phân chia các loại giá trị và căn cứ vào những tiêu chí về chức năng, về mức độ phổ biến hoặc về mức độ tác dụng, ý nghĩa xã hội, người ta có thể xác định chúng bằng những "hệ thống giá trị" hay "thang giá trị".

+ Hệ thống giá trị là một hình thức của hệ thống xã hội (nói chung), của cấu trúc xã hội (nói riêng), trong đó thể hiện các cấp độ và mối liên hệ giữa các cấp độ của giá trị xã hội. (Ví dụ, trong xã hội truyền thống Việt Nam : hệ thống giá trị : nhân - nghĩa - lễ - trí - tín).

Việc xác định thang giá trị xã hội không chỉ phụ thuộc vào "đối tượng giá trị" mà còn chịu sự quy định của quan niệm, ý thức của cá nhân, của nhóm xã hội, của giai cấp hoặc của cộng đồng xã hội (cái chung của dân tộc). Chẳng hạn, xã hội phong kiến : nhất sĩ - nhì nông, đối với người lao động : nhất nông- nhì sĩ.

➤ *Giá trị xã hội có những đặc điểm sau :*

Cơ sở của mọi giá trị xã hội là kinh tế - xã hội, là "tất yếu kinh tế". Mọi giá trị xã hội đều là phản ánh điều kiện kinh tế, quan hệ sản xuất, tức là quan hệ xã hội vật chất

cơ bản (nếu xem giá trị xã hội là biểu hiện quan hệ xã hội, thì nó không thể nằm ngoài sự quy định của quan hệ sản xuất với tính cách là "Quan hệ cơ bản, đầu tiên và quyết định tất cả mọi quan hệ khác").

Giá trị xã hội gắn liền với nhu cầu xã hội, lợi ích xã hội và mục đích xã hội

Một hiện tượng, quá trình, hoạt động xã hội chỉ được xem là "có giá trị" khi nó được ra đời và đáp ứng, làm thoả mãn những nhu cầu lợi ích và mục đích của con người và xã hội.

Tính nhiều vẻ, nhiều chiều, nhiều nội dung của nhu cầu, lợi ích và mục đích xã hội đã làm cho các giá trị trở nên phong phú, đa dạng, nhiều cấp độ, nhiều tính chất khác nhau. Đồng thời sự có mặt của các giá trị còn phụ thuộc trực tiếp vào sự khác biệt của các chủ thể giá trị như cá nhân, nhóm, giai cấp, cộng đồng xã hội.

Thông qua nhu cầu, lợi ích và mục đích của mình, các chủ thể giá trị định giá, xác định tác dụng xã hội của đối tượng không hoàn toàn đồng nhất, thậm chí đối lập, mâu thuẫn với nhau.

Một giá trị tích cực là giá trị cá nhân hài hoà với giá trị xã hội.

Giá trị đích thực là giá trị biểu hiện sự phát triển xã hội, phù hợp, đáp ứng được tiên bộ xã hội và mang tính nhân văn (với cách hiểu như vậy, giá trị xã hội có tính cách như là văn hoá).

Nói tới giá trị xã hội là nói tới mối quan hệ giữa giá trị xã hội - truyền thống và giá trị xã hội - tương lai. Mọi giá trị hiện hành đều hàm chứa dưới hình thức này hay hình thức khác "giá trị đã có" thông qua sự "lọc bỏ" cũng như tiềm ẩn trong nó "giá trị sẽ có" với tính cách là "mầm mống", "dự báo", "mong đợi".

➤ *Giá trị của nghề nghiệp*

Xã hội tồn tại không chỉ đơn thuần là sự cộng lại thành tổng số những cá nhân riêng lẻ mà phần chính yếu là những mối quan hệ giữa các cá nhân, giữa những cộng đồng và dân tộc thông qua quan lợi chính trị, kinh tế, văn hoá... Cũng nhờ những mối quan hệ này đã làm nảy sinh những chuẩn mực chung tương ứng với mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp hay của mỗi nhóm xã hội trong một dạng hoạt động chuyên biệt, tuân thủ như một điều kiện tất yếu để tồn tại. Những chuẩn mực chung chính là những định giá của xã hội về sự thoả mãn nhu cầu vật chất hay tinh thần trong đời sống cộng đồng.

Chuẩn mực xuất hiện được hiểu là những mong đợi của một nhóm, một cộng đồng hoặc của toàn xã hội về một kiểu hành vi lý tưởng ứng với một địa vị nào đó mà các hành vi thực tế của cá nhân chỉ có thể tiếp cận với nó. Như vậy mỗi cá nhân muốn tồn tại trong một nhóm, một cộng đồng ở một vị thế xã hội nào đó, họ phải thực hiện một số hành vi theo ý muốn của họ và đồng thời những hành vi đó cũng là sự đòi hỏi của xã hội buộc cá nhân phải làm như vậy. Chuẩn mực xã hội vừa là khuôn mẫu, vừa là áp lực xã hội đối với hành vi cá nhân.

Trong nghề nghiệp, các chuẩn mực thường được hiện thực hoá qua các quy định nghề nghiệp, được những người làm trong nghề nghiệp đó thừa nhận và tuân thủ. Những quy định này có thể được ghi thành văn bản (Luật Giáo dục - nghề dạy học ; Luật Thương mại - nghề bán hàng ; Luật Giao thông - nghề lái xe, lái tàu...) và cũng có thể là những quy ước thông dụng như phong tục, tập quán. Những quy định này được xây dựng tùy theo các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể và nó cũng được thay đổi theo các điều kiện kinh tế - xã hội đó. Nói cách khác, các quy định này có tính lịch sử, xã hội.

Sự định giá của mỗi cá nhân đối với các chuẩn mực nghề nghiệp có thể khác nhau tùy thuộc vào việc nó đáp ứng tới mức độ nào nhu cầu của họ. Song cho dù đậm nhạt về sắc thái, nặng, nhẹ trong cân đong về tính hữu dụng của nó đối với bản thân... thì những chuẩn mực chung này vẫn được mọi người thừa nhận, trong đó nghề nghiệp với tư cách là một dạng hoạt động mang lại sản phẩm (vật chất và tinh thần) để cá nhân và xã hội tồn tại, phát triển, vì thế nó được xã hội thừa nhận như một phạm trù giá trị của mọi thời đại (cần đến nó như một nhu cầu tạo dựng cuộc sống) không kể nó là nghề gì có trong xã hội.

Nghề nghiệp xuất hiện cùng với xã hội loài người, nó là một hiện tượng xã hội, nó có quy luật vận động riêng của nó so với những hiện tượng xã hội khác và sự tồn tại của những quy luật này không phụ thuộc vào xu hướng nói chung và nhu cầu nói riêng của con người. Còn giá trị nghề nghiệp chỉ có thể tồn tại trong mối liên hệ với nhu cầu của con người. Nghề nghiệp với con người có hay không có giá trị tùy theo việc con người có hay không có nhu cầu đối với nghề nghiệp đó.

Sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của giá trị đối với một nghề nào đó phụ thuộc vào sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi một hoặc một số nhu cầu nào đó của con người với tư cách là chủ thể trong mối quan hệ với nghề nghiệp. Mọi giá trị nghề nghiệp đều thể hiện sự lựa chọn, đánh giá của chủ thể mà hàm chứa các yếu tố nhận thức, tình cảm, hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với nghề nghiệp. Giá trị xã hội của nghề nghiệp có ảnh hưởng to lớn đối với đời sống của mỗi con người nói chung và sự lựa chọn nghề nghiệp của tuổi trẻ nói riêng, bởi mục đích dành cho sự quan tâm của cá nhân đối với nghề nghiệp trước tiên là do giá trị của nó đối với xã hội quy định và cùng với nó là sự phù hợp của giá trị này với định giá thái độ hành vi của con người đối với nghề nghiệp. Nhờ có các giá trị xã hội nghề nghiệp mà mỗi nhóm, mỗi cá nhân có được tính khách quan khi nhìn nhận cái thuận lợi và cái khó khăn trong nghề nghiệp, đó chính là những cơ sở vững chắc cho quá trình định hướng, xác định cách thức lựa chọn nghề nghiệp cho thế hệ trẻ.

Cùng với sự biến đổi xã hội, nhu cầu xã hội đối với nghề nghiệp cũng có sự thay đổi tương ứng. Chẳng hạn cách đây 15 - 20 năm, xét về mặt thu nhập, nghề dạy học được xếp vào cuối hạng so với nhiều nghề khác. Song, hiện nay nó là nghề được xã hội quan tâm cả về tầm quan trọng của nó đối với việc đào tạo nguồn nhân lực và cả về tính ổn định trong thu nhập vật chất, ngược lại, cũng vào khoảng thời gian đó, xã

hội đánh giá cao đối với những người làm công tác nghiên cứu khoa học cơ bản, thì hiện nay, hầu như rất ít người quan tâm tới lĩnh vực này, bức tranh quá tải thí sinh vào các trường đại học tổng hợp của 20 năm về trước đã được xuất hiện đối với các trường sư phạm, luật, kinh tế, quan hệ quốc tế... vào giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên cần phải thấy rằng sự định giá đối với các nghề của xã hội có thể có sự biến đổi theo thời gian về mặt này hay về mặt khác (thu nhập cao hay thấp, nhân hạ hay vất vả, danh giá hay thấp hèn...) song giá trị đích thực của mỗi nghề qua sự thăng trầm của thời gian vẫn được lưu giữ : Giá trị về lòng nhân ái cao cả trong nghề dạy học và nghề y đã khiến thầy cô giáo và người bác sĩ, hộ lý trở thành những người mẹ hiền "cô giáo như mẹ hiền", "lương y như từ mẫu". Giá trị về sự sáng tạo của trí tuệ trong đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu khoa học, được xã hội tôn vinh thành nhà tiên tri, nhà khoa học - chữ "nhà" đối với người Việt Nam từ ngàn năm nay quan trọng như miếng ăn hàng ngày, là nơi chõ che mưa nắng, sum họp hạnh phúc gia đình và cho đến ngày nay - thời đại tri thức, thì hẳn ai cũng thấy sự cần thiết của những bộ óc sáng tạo là cần thiết tới mức nào đối với sự cường thịnh của mỗi quốc gia. Giá trị về tính cộng đồng, biện chứng linh hoạt của việc tạo ra hạt lúa, hạt ngô nuôi sống xã hội của người nông dân đã khiến cho nghề nông từ muôn đời nay vẫn là nền tảng cho mọi sự tồn tại và phát triển của muôn người, muôn nghề trong suốt tiến trình lịch sử ("nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ", "đĩ thực vi tiên", ngay đến hành vi tính cách của con người cũng thường bắt đầu bằng nhu cầu "ăn" : "ăn ở", "ăn chơi", "ăn đút lót", "ăn chơi sa đoạ"...). Đã từ xa xưa nghề buôn bán của các doanh nhân luôn bị người đời chê bai, thậm chí gán cho đủ mọi sự xấu xa : "thật thà cũng thể lái buôn", "buôn gian bán lận"... Nhưng hàng bao đời nay, có gia đình nào trong xã hội đã không một lần mua bán - họ cũng đã từng tham gia đội ngũ doanh nhân một cách tự nguyện hoặc để đổi chác, hoặc để kiếm lời. Giá trị xã hội của việc buôn bán được xã hội thừa nhận như một hoạt động trao đổi vật phẩm - thời mông muội và trao đổi giá trị - thời hiện đại ("phi thương bất phú chẳng đã tồn tại song hành với "buôn gian bán lận" đó sao). Ngày nay với nền kinh tế thị trường trong mọi lĩnh vực phải lấy thị trường làm cơ sở cho việc sản xuất : nuôi con gì ? trồng cây gì ? xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá như thế nào ? và sự ra đời của ngành dịch vụ quảng cáo, môi giới hàng hoá đã là một minh chứng cho sự "lên ngôi" của thương mại. Suy cho cùng, nghề nào cũng tồn tại trong nó mặt thuận lợi và mặt khó khăn. Sự thăng trầm về giá trị của nghề nghiệp cũng từ đó mà được những bộ phận người trong xã hội vào những thời điểm nhất định định giá ở những góc độ khác nhau tùy thuộc vào sự thoả mãn tới mức độ nào nhu cầu của họ. Thời bao cấp, cả nước lo chuyện cơm áo, nào có mấy ai đi hát, đóng phim, đá bóng kiếm tiền, nhưng ngày nay, khi điều kiện sống đã ổn định, nhu cầu về văn hoá, vui chơi chí ít cũng được sánh ngang với nhu cầu ăn, ở và thậm chí vượt qua ngưỡng của khả năng hiện thực về thu nhập xã hội trong một bộ phận dân cư khá giả. Đó chính là cơ sở cho sự "đôi đời" của những ca sĩ, của những vận động viên bóng đá, của diễn viên điện ảnh, của hướng dẫn viên du lịch và của nhiều nghề khác tưởng chừng như

"chăng ra gì" (theo nghĩa của sự làm ra thóc gạo) nhưng lại rất "đắt giá" (theo nghĩa của tiền "cát sê" cho mỗi lần xuất hiện). Sự đánh giá nhất thời phiến diện của một bộ phận người trong xã hội và giá trị của nghề nghiệp chỉ được xem như một phần của giá trị, mà thường đó là "phần nổi" của giá trị. Còn "phần chìm" trong giá trị của nghề nghiệp, phần cốt lõi mới là những giá trị đích thực của nghề nghiệp và để chiếm lĩnh nó, trước tiên con người phải có được một trình độ nhận thức sâu sắc, phải nhận biết nó một cách biện chứng cả về bản chất, đặc điểm và những biểu hiện của nó.

Như vậy, việc nhận thức thế giới nghề nghiệp về vật chất hoặc tinh thần với sự biến động theo dòng phát triển của lịch sử xã hội và những yêu cầu đặc trưng của nghề nghiệp sẽ giúp học sinh có được cả bề rộng (nhân quan nghề nghiệp) về mặt số lượng thông tin nghề nghiệp và cả về chiều sâu (đặc điểm của nghề, tính hữu dụng của nghề, giá trị kinh tế xã hội mà nghề đem lại cho bản thân) của lượng thông tin đó.

Phải luôn hiểu rằng không có nghề xấu, chỉ có động cơ xấu trong hành nghề. Không có nghề nào là hèn kém, chỉ có chí khí ươn hèn khi thực thi nghề nghiệp. Bởi vậy, khi chọn nghề, phải tránh tính mặc cảm đối với một lĩnh vực hay một nghề nào đó, bởi chúng có thể không phù hợp với sở thích, hứng thú và năng lực của mình chứ không phải là những gì không phù hợp với những con người khác. Trong quá trình lựa chọn nghề, học sinh với tư cách là chủ thể nhận thức, còn thế giới nghề nghiệp là khách thể nhận thức của các em. Thế giới nghề nghiệp là một tập hợp bao gồm các đối tượng nghề có khả năng thoả mãn nhu cầu chọn nghề của học sinh. Nếu sự hiểu biết về các nghề trong xã hội càng phong phú, cụ thể bao nhiêu thì sự lựa chọn của các em sẽ càng thuận lợi và dễ dàng bấy nhiêu. Nói cách khác, các em sẽ có nhiều cơ may trong việc tìm ra đối tượng thoả mãn nhu cầu của mình trong khách thể nhận thức. Đối tượng này có những đặc điểm mang tính xã hội, có những yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp riêng đòi hỏi chủ thể lựa chọn phải đáp ứng những yêu cầu của nghề nghiệp đó.

Giá trị xã hội của nghề nghiệp có ảnh hưởng to lớn đối với đời sống của mỗi con người nói chung và sự lựa chọn nghề nghiệp của tuổi trẻ nói riêng, bởi mục đích dành cho sự quan tâm của cá nhân đối với nghề nghiệp trước tiên là do giá trị của nó đối với xã hội quy định cùng với nó là sự phù hợp của giá trị này với định giá của cá nhân. Giá trị xã hội của nghề nghiệp là thước đo đánh giá thái độ, hành vi của con người đối với nghề nghiệp. Nhờ có các giá trị xã hội nghề nghiệp mà mỗi nhóm, mỗi cá nhân có được tính khách quan khi nhìn nhận thuận lợi và khó khăn trong nghề nghiệp, đó chính là những cơ sở vững chắc cho quá trình định hướng, xác định cách thức lựa chọn nghề nghiệp cho thế hệ trẻ.

3.1.3. Nhận thức về những đặc điểm cá nhân

Để có thể chọn một nghề nào đó, mỗi người trước tiên phải "hiểu mình" để có được một bức tranh toàn cảnh về chính mình, từ đó có được sự cân nhắc kỹ càng về sự phù hợp hay không phù hợp giữa những gì vốn có và nhu cầu đòi hỏi của nghề nghiệp.

Công việc đầu tiên trong cuộc đời mỗi người là việc chọn cho mình một nghề

phù hợp, bởi đơn giản là nghề nghiệp không tự tìm đến với họ.

Thành công trong việc lựa chọn tùy thuộc vào chất lượng lẫn số lượng trong sự nỗ lực của con người.

Nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân đối với việc chiếm lĩnh một nghề nào đó có thể trở thành hiện thực không chỉ phụ thuộc vào việc nhận biết nghề mà cùng với nó, cá nhân phải hiểu rằng nghề nghiệp đó đặt ra những điều kiện nào về thể chất, về tâm lý, về năng lực, về kỹ năng, về phẩm chất đạo đức mà chính mình cần phải có và nếu chưa có thì phải có sự nỗ lực bổ sung cho đầy đủ. Mỗi học sinh là chủ thể của sự lựa chọn, song những gì đang tồn tại trong chính các em lại là đối tượng được nghề nghiệp "xem xét" để đưa tới những phán quyết về sự phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề của các em. Bởi vậy học sinh cần có sự hiểu biết cần thiết về nhu cầu năng lực, khí chất, các nét tính cách của mình để làm cơ sở cho sự đối chiếu, so sánh với yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Đây là một vấn đề khó đối với học sinh, bởi một mặt các em thiếu những tri thức tâm lý có thể giúp mỗi em tự đánh giá và mặt khác, ở các em lại không có được khả năng đánh giá về mức độ phù hợp của những phẩm chất, nhân cách của mình với yêu cầu hoạt động nghề nghiệp và càng khó khăn hơn khi các em phải giải quyết vấn đề này trong thái độ của mình (hoặc là đánh giá quá cao hay ngược lại, đánh giá quá thấp khả năng của mình).

Ngạn ngữ Ấn Độ có câu: "Người có tính tình cầu thả, làm việc nhỏ cũng khó thành" ; ngạn ngữ Ba Tư cũng nói : "Người có tính khí bất thường, không thể làm việc lớn" ; ở Việt Nam chúng ta, dân gian cũng có câu "chọn mặt gửi vàng" ; "không giao trúng cho ác"... Từ những câu ngạn ngữ của nhiều dân tộc trên thế giới cho chúng ta thấy, trong định hướng nghề nghiệp cho học sinh phải xem xét cẩn trọng tính cách của từng loại đối tượng hướng nghiệp. Trong thực tế, rất hiếm khi có được một sự định hướng chi tiết cho từng cá nhân (công việc này chỉ được thực hiện trong hoạt động tư vấn). Như thường thấy người ta hay phân ra từng nhóm đối tượng có các kiểu loại tính cách tương đồng : tính cách hướng nội và tính cách hướng ngoại. Tính cách hướng nội được đặc trưng bởi những hoạt động của cá nhân có thiên hướng quy tụ vào bản thân hoặc trong một môi trường hẹp. Còn đặc trưng trội của tính cách hướng ngoại là ở chỗ những hoạt động của cá nhân có thiên hướng mở rộng về phạm vi môi trường hoạt động. Việc phân ra các nhóm đối tượng như vừa đề cập tới chỉ là một trong nhiều cách phân loại, song với cách phân loại này, trong hoạt động hướng nghiệp sẽ giúp giáo viên dễ dàng nhận biết sự biểu hiện tính cách của học sinh để nhóm họp các em nhằm tác động đúng và có hiệu quả. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa trên tính cách hướng nội hoặc hướng ngoại mà khẳng định bản chất hoạt động cá nhân thì thật là sai lầm bởi những tính cách này biểu hiện theo chiều hướng xấu hay tốt còn tùy thuộc vào sự điều chỉnh của cá nhân, vào sự dung hoà giữa hướng nội và hướng ngoại trong mỗi con người. Tính cách hướng nội hay hướng ngoại đều có mặt tích cực và mặt hạn chế. Nếu quá trình định hướng nghề biết khai thác mặt mạnh và hạn chế những mặt yếu trong một loại tính cách thì sẽ giúp các em thích ứng được với những dạng nghề phản ánh cả tính

hướng nội hoặc hướng ngoại.

Thông thường, người ta có thể nhận biết những học sinh có tính cách hướng nội nếu nhu cầu lựa chọn nghề của các em tập trung vào các đặc điểm sau đây trong hoạt động của một số nghề tồn tại trong xã hội : thích sự yên tĩnh để tập trung sức lực và suy nghĩ ; thích cẩn thận và sâu lắng ; thích kỹ lưỡng và chi tiết ; ít phải tiếp xúc với nhiều người ; nặng nề trầm tư và động não để hoạt động độc lập ; thích ngồi làm việc trong văn phòng ; quan tâm và thích thú với công việc từ ý nghĩa sâu sắc của nó ; không thích bị ngắt quãng công việc bởi người khác ; thích kiên trì, chậm rãi, liên tục làm việc ; không bận tâm khi phải kéo dài công việc... Còn đối với những học sinh có tính hướng ngoại, các em lại tập trung sự chú ý của mình vào những đặc điểm thường là đối nghịch với những đặc điểm có trong hoạt động nghề nghiệp của những học sinh có tính hướng nội : không thích làm nhiều và chi tiết ; thích chọn những công việc có tiếp xúc với nhiều người ; thích quan hệ rộng để liên kết và hợp tác ; thích làm việc ngoài văn phòng, xa bàn giấy ; quan tâm, thích thú từ thực tế của công việc ; không sợ bị làm phiền khi hoạt động ; thường hành động nhanh nhưng ít liên tục ; thường bận tâm khi công việc phải kéo dài...

Trong cuộc đời mỗi người có thể gặp những may mắn ngẫu nhiên và tất nhiên (điều này trong tâm lý học gọi là "vận may" và "cơ hội"). Vận may ngẫu nhiên thường không hẹn mà đến, song trước khi đạt được vận may này, bao giờ cũng phải thực hiện một số điều kiện nào đó mà trong đa số các trường hợp ta chưa được chuẩn bị trước. Có thể nói, nếu chỉ ngồi chờ vận may ngẫu nhiên này thì không có gì đảm bảo cho sự thành công của cuộc đời. Vì thế, cần làm cho học sinh nhận thức ra rằng chỉ có thể đón nhận vận may cho đời mình bằng sự nỗ lực, kiên trì của bản thân, trong tích lũy tri thức, rèn luyện kỹ năng để đến một lúc nào đó, khi cơ hội đến ta có thể đáp ứng và thành công - đó chính là vận may tất yếu! Nhà doanh nghiệp tỷ phú Bill Gates - chủ tập đoàn máy tính Microsoft từ thực tế của đời mình đã tự bạch : "Không ai cho tôi một cơ hội nào cả. Nhưng, càng chăm chỉ bao nhiêu, tôi càng thấy mình may mắn bấy nhiêu". Với ý nghĩa đó, ta có thể hiểu định hướng nghề nghiệp cho học sinh cũng bao gồm trong nó việc chỉ ra cho các em thấy, muốn hướng tới một nghề nghiệp một cách tích cực, cần phải tự mình xác định được mục đích và quyết tâm thực hiện cho được mục đích đó. Beaverbrook, nhà đại doanh nghiệp lừng danh ở nước Anh vào những năm 1930 - 1960, từ tay trắng làm nên sự nghiệp kinh doanh lớn đã từng nói : cái mà bạn gọi là may mắn nhiều khi có thể do bạn bền bỉ gắng sức và làm việc hợp lý ; cái mà bạn cho là rủi ro, nhiều khi chỉ do thiếu hai đức tính đó mà thôi" [5].

Giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của giáo dục toàn diện. Thông qua giáo dục hướng nghiệp, mỗi học sinh có sự hiểu biết về tính chất và đòi hỏi của ngành nghề mà mình hướng tới, biết phân tích thị trường hoạt động và sự đào tạo nghề tương ứng, tự sàng lọc những nguồn tư vấn để tự mình tháo gỡ vướng mắc hoặc rèn luyện bản thân. Từ đó, mỗi học sinh tự xác định được đâu là nghề nghiệp phù hợp hoặc không phù hợp với mình.

Cả ba mặt nêu trên trong nhận thức nghề nghiệp của học sinh có liên quan chặt chẽ và bổ sung cho nhau tạo thành tính trọn vẹn của nhận thức nghề nghiệp. Tri thức về thế giới nghề nghiệp và nghề định chọn sẽ tạo nên cảm xúc về cái hay, cái đẹp của nghề, hình thành động cơ lõi cuốn bản thân đến với nghề, giúp cho sự lựa chọn nghề đi đúng hướng, phù hợp với những đặc điểm vốn có của bản thân.

3.2. Định hướng thái độ đối với nghề nghiệp

Hành vi lựa chọn nghề của tuổi trẻ có liên quan nhiều tới thái độ của họ. Thái độ đối với nghề nghiệp là sự đánh giá chung mang tính lâu dài của cá nhân về giá trị nghề nghiệp. Thái độ đó có thể là khuynh hướng phản ánh tích cực hoặc tiêu cực của con người đối với nghề nghiệp. Mọi thái độ đối với nghề nghiệp đều bao gồm 3 yếu tố sau:

* Yếu tố tình cảm : Bao gồm các cảm xúc chấp nhận hoặc thờ ơ với nghề nghiệp.

* Yếu tố nhận thức : Là quan niệm và hiểu biết của cá nhân về một nghề cụ thể nào đó mà họ có dự định lựa chọn.

* Yếu tố hành vi : Là sự thể hiện quan niệm và tình cảm của mình thành hành động. Hành động này có thể là chú ý học tốt những môn có liên quan tới sự lựa chọn nghề, tìm đọc các tài liệu nói về nghề đó, tuyên truyền nghề đó cho bè bạn...

Thái độ nghề nghiệp là một thuộc tính cấu thành nhân cách, nó biểu thị sắc thái tình cảm về mức độ say mê của cá nhân đối với hoạt động nghề nghiệp. Đặc trưng cơ bản nhất của thái độ nghề nghiệp được biểu hiện trước tiên thông qua động cơ chọn nghề. Theo A.N. Lêônchiev "cái gì được phản ánh trong đầu con người, thúc đẩy hoạt động và hướng hoạt động vào việc thoả mãn một nhu cầu nhất định thì gọi là động cơ hoạt động ấy" [15].

Như vậy động cơ chọn nghề của mỗi cá nhân là những yếu tố tâm lý thúc đẩy cá nhân, chi phối mọi hoạt động của cá nhân, giúp họ vươn tới sự xác định cho mình một nghề nghiệp nào đó.

Khi chọn nghề, cá nhân chịu ảnh hưởng bởi 3 nhóm tác động:

- Ảnh hưởng xã hội và con người : Bao gồm tất cả những tác động bên ngoài như nhà trường, gia đình, bạn bè...

- Ảnh hưởng tình huống : ảnh hưởng này xuất phát từ tình huống cụ thể có liên quan tới quyết định nghề : nguồn tài chính gia đình, tuổi tác, thời điểm về sự xuất hiện của một nghề mới,...

3.2.1. Nhu cầu và động cơ lựa chọn nghề

Tất cả mọi sự lựa chọn nghề đều có xuất phát điểm từ nhu cầu cá nhân, khi họ thấy rằng trong tình trạng hiện tại của bản thân còn có một khoảng trống : chưa có nghề nghiệp, chưa có một vị thế xã hội đích thực, chưa có những điều kiện vật chất để thực hiện hoài bão,... Tất cả những nhu cầu này sẽ tạo nên động cơ, đó là những yếu tố nội tại đưa cá nhân tới những hành vi nhằm thoả mãn nhu cầu. Tuy nhiên cần phân biệt giữa nhu cầu và ước muốn nghề nghiệp, ước muốn là sự lựa chọn tổng quát để thoả

mãn một nhu cầu cụ thể (chẳng hạn nhu cầu là vào Khoa Toán - Tin và ước muốn là vào Trường Đại học Sư phạm).

Nhu cầu là một khái niệm vượt ra ngoài giá trị vật chất của nghề nghiệp, là một yếu tố rất quan trọng mà nhà sư phạm cần hiểu rõ để tác động đúng. Động cơ thúc đẩy sự lựa chọn thường phản ánh nhu cầu chọn nghề hơn là phản ánh các giá trị do nghề đem lại: ta chọn nghề dạy học hoặc đơn thuần vì chúng ta chọn một hoạt động đem lại cho chúng ta lương và phụ cấp hàng tháng, còn vì giá trị xã hội và đạo đức của người thầy giáo đem lại cho ta thì mãi về sau chúng ta mới hiểu.

Trong Tâm lý học, người ta phân chia nhu cầu của con người thành 5 cấp độ :

- Nhu cầu vật chất : là những nhu cầu cơ bản, mang tính sống còn của con người (lương thực, thực phẩm, nhà cửa, phương tiện đi lại...).

- Nhu cầu được an toàn : là những nhu cầu đảm bảo tính mạng và sức khoẻ của con người (nhu cầu được người lớn che chở của trẻ nhỏ, nhu cầu ở phải vững chắc, lâu bền, hướng nhà phải mát mẻ...)

- Nhu cầu xã hội : là nhu cầu tương tác trong các mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (nhu cầu được yêu thương, chấp nhận...)

- Nhu cầu được kính trọng : là nhu cầu muốn được người khác tôn trọng mình và mình được thể hiện như một nhân cách trước người khác. Nhu cầu được kính trọng vừa là nhu cầu xã hội bình thường, nghĩa là muốn được xã hội chấp nhận như một thành viên trong xã hội, nhưng mặt khác, ở mức cao hơn, cá nhân muốn được xã hội chấp nhận mình ở vị thế cao hơn so với vị thế của người khác.

- Nhu cầu được thể hiện : là bất kỳ nhu cầu nào làm cho con người vượt trội hơn người khác.

Sự lựa chọn nghề của học sinh bao giờ cũng bị chi phối bởi một hệ thống động cơ nhất định. Những động cơ này thường bắt nguồn từ những nhu cầu hứng thú, sở thích riêng của mỗi con người và được hình thành dưới tác động hợp thành của động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Động cơ bên trong có vai trò quan trọng thúc đẩy con người đạt tới những mục tiêu nhất định trong quá trình tiến tới mục đích nghề được lựa chọn. Nó là tiền đề nội lực cơ bản cho sự lựa chọn và hoạt động nghề nghiệp sau này, nó giúp cho cá nhân sử dụng có hiệu quả những tư chất, năng lực, kinh nghiệm của mình để trước hết là chọn được một nghề theo ý nguyện, và sau đó là để thực hiện tốt những yêu cầu đặt ra cho hoạt động nghề nghiệp. Những động cơ bên trong có thể bao gồm những thành tố như : trình độ kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ ; hứng thú, nguyện vọng, năng lực, sở trường của bản thân đối với nghề đó ; tiềm năng nhận biết và hiểu được ý nghĩa xã hội, giá trị xã hội của nghề...

Trong các thành phần thuộc động cơ bên trong tạo nên thái độ đối với nghề, cần phải lưu tâm tới hứng thú nghề của cá nhân.

3.2.2. Hứng thú đối với nghề nghiệp

Là sự biểu hiện thái độ của con người đối với lĩnh vực nghề nghiệp hay một nghề cụ thể, nó góp phần tạo nên động lực thúc đẩy cá nhân tìm hiểu kỹ lưỡng về nghề, làm cơ sở cho việc thực hiện nguyện vọng nghề. E.M. Chevlov cho rằng : Hứng thú là động lực quan trọng nhất trong việc nắm vững tri thức, mở rộng học vấn, làm giàu nội dung của đời sống tâm lý con người. Thiếu hứng thú, hoặc hứng thú mờ nhạt, cuộc sống của con người sẽ trở nên ảm đạm và nghèo nàn. Một khi con người ý thức về giá trị nghề nghiệp đối với mình, có được những cảm xúc và sự say mê tích cực trong lao động, học tập nhằm hoàn thiện mình để đạt tới nghề nghiệp, khi đó ở con người đã có được hứng thú nghề nghiệp. N.C. Krupxcaia đã chỉ rõ : chỉ khi nào nghề nghiệp tạo cho nó tâm hồn, khi ở con người có hứng thú đối với việc mà họ đang làm, bị cuốn hút vào công việc - chỉ khi đó con người mới có thể nâng cao tối đa xu hướng hoạt động của mình không kể đến sự mệt mỏi. Lựa chọn nghề nghiệp là một công việc hệ trọng của tuổi học trò, vì thế nếu ở các em có được sự định hướng đúng trong việc hình thành hứng thú tích cực đối với nghề nghiệp thì sẽ giúp cho việc tạo lập ở bản thân các em động cơ mạnh mẽ trong lựa chọn nghề nghiệp [11].

3.2.3. *Nguyện vọng nghề nghiệp*

Hướng tới tương lai là quy luật tất yếu của sự phát triển, trong đó có đời sống tâm lý của con người. *Nguyện vọng nghề nghiệp của con người là một hiện tượng tâm lý biểu thị sự hướng tới một nghề nghiệp nào đó trong thế giới đa dạng và phong phú của nghề nghiệp nhằm thỏa mãn nhu cầu được hoạt động trong nghề nghiệp đó.* Như vậy có thể coi nguyện vọng nghề nghiệp như là hình ảnh của nhu cầu đã trở thành hiện thực. Chính nhờ đặc điểm này của nguyện vọng, làm cho nó đồng thuận với nhu cầu mà về bản chất nguyện vọng là luôn hướng tới tương lai chứ không phải hướng về quá khứ. Có được nguyện vọng xác thực và chính đáng là việc khó, bởi nguyện vọng nghề không chỉ liên quan với nhu cầu của cá nhân mà còn chịu sự chi phối của trữ lượng hiểu biết về nội dung, vai trò và ý nghĩa nghề, cùng với những yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp đối với cá nhân. Bởi vậy, nguyện vọng nghề nghiệp là sự xác định vị trí xã hội mà cá nhân mong muốn vươn tới trên cơ sở nhu cầu và hứng thú của bản thân. Tính tích cực hay tiêu cực của nguyện vọng, mức độ cao thấp của nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh còn phụ thuộc vào những hoàn cảnh cụ thể của sự phát triển kinh tế - xã hội khi lựa chọn nghề, vào sự điều chỉnh, định hướng đúng đắn của cá nhân học sinh dưới tác động của các nội dung, biện pháp giáo dục của trường học trong công tác hướng nghiệp.

3.3. *Năng lực nghề nghiệp*

Năng lực là những thuộc tính của nhân cách, nó khác với những phẩm chất cá nhân khác ở chỗ chúng không tồn tại độc lập mà chỉ tồn tại trong mối tương quan với một hoạt động nhất định nào đó. Năng lực được biểu hiện ở nhịp độ, chiều sâu và sự bền vững trong việc chiếm lĩnh phương pháp và cách thức hoạt động, nó được coi như là cấu trúc đặc thù của nhân cách, bao gồm một tổ hợp những thuộc tính nhân cách của cá nhân, là điều kiện để cá nhân tiến hành có hiệu quả một số hoạt động nhất định, là

thành tố bên trong của hoạt động tâm lý và động cơ tâm lý. Vận dụng những quan điểm nêu trên để xem xét năng lực nghề nghiệp, cho phép chúng ta thấy năng lực nghề nghiệp là một tập hợp các thuộc tính nhân cách tương đối bền vững, được hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động có liên quan tới nghề nghiệp. Theo K.K. Platônôv "năng lực đối với một ngành nghề nhất định nào đó được xác định bởi những yêu cầu mà ngành nghề đó đặt ra cho cá nhân nào tiếp thu được nó" [21]. Điều đó cũng có nghĩa là năng lực nghề nghiệp được phát triển không chỉ trong hoạt động nghề nghiệp mà nó còn có thể được hình thành và phát triển trong quá trình chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của mỗi cá nhân. Hứng thú, sở thích đối với một nghề nào đó đối với cá nhân nếu cộng với sự tham gia tích cực vào lao động chiếm lĩnh nghề thì năng lực nghề nghiệp của cá nhân càng có điều kiện phát triển. Năng lực có tiền đề sinh học là những tố chất có sẵn trong hệ di truyền, song nếu trong đời sống cá nhân không có được những điều kiện cần thiết để phát huy những tố chất đó thành năng lực thì "vốn liếng trời cho" này sẽ bị thui chột.

Mỗi con người đều tiềm ẩn những năng lực và những sở trường đặc biệt để đi tới thành công, thành tài, nếu biết lợi dụng đầy đủ các cơ sở ấy đặc biệt là những sở trường sẵn có để lựa chọn nghề nghiệp, nghiệp vụ nhiệm vụ có tính đột phá thì dễ mang đến thành công. Ở những người thất bại, chính họ đã không đánh giá được mình, không tự kiểm chế được mình và không nhìn thấy sở trường của mình nên đã dẫn đến những lựa chọn sai lầm về đủ mọi phương diện.

Bản chất của thành công, thành tài là thực tại, là nhân tố nội tại của con người. Con người sinh ra đã có các nhân tố về trí tuệ để dẫn tới thành công. Con người sinh ra là một sinh mệnh đầy sức sống, có đầy đủ điều kiện giành thắng lợi. Mỗi con người đều có cách nghe, cách nhìn, cách tiếp cận, cách tiếp xúc, thưởng thức, suy nghĩ riêng. Mọi người đều có tiềm lực và tài năng đặc biệt riêng và những hạn chế thiên bẩm. Mọi người đều có thể do thiên bẩm để trở thành kiệt xuất, có năng lực suy xét, năng lực cảm thụ, năng lực sáng tạo và hoàn toàn là người giành thắng lợi. Những báu vật trời cho này là vô giá, cần phải biết lợi dụng và biết phát huy những tố chất nội tại, thậm chí còn phải nâng niu, giúp đỡ họ thành công.

Tự nhận thức chính là nhận thức về chính mình, có thể đó là sức đẩy để đạt tới thành công.

Bởi vậy trong hoạt động giáo dục của nhà trường, nếu thiếu đi sự hiểu biết học sinh về mặt sinh học để tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển những ưu thế về trí lực, thể lực của các em thì khó có thể phát hiện và hình thành được năng lực nghề nghiệp cho học sinh.

4. HỆ THỐNG HƯỚNG NGHIỆP

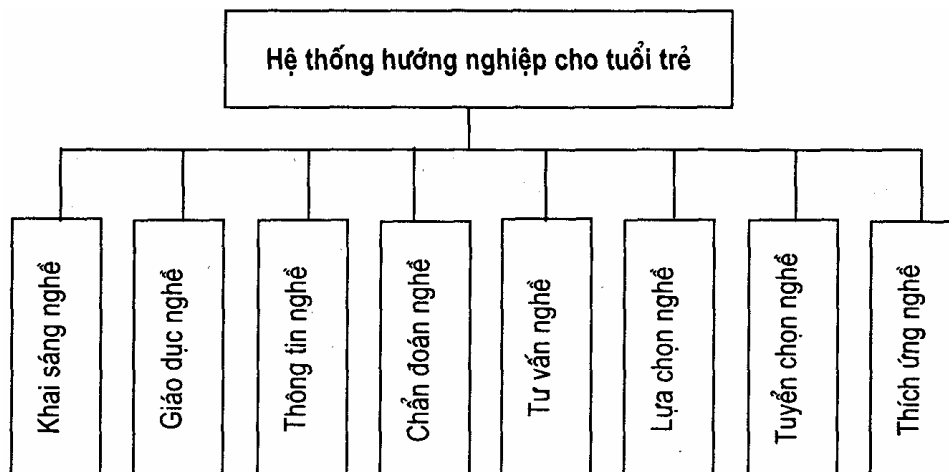
4.1. Cấu trúc của hệ thống hướng nghiệp

Hướng nghiệp đối với tuổi trẻ - là một hệ thống đa cấp.

Trong cấu trúc của hướng nghiệp, có thể phân chia thành các bộ phận (yếu tố)

sau : khai sáng nghề, thông tin nghề, giáo dục nghề, chẩn đoán nghề, tư vấn nghề, lựa chọn nghề, tuyển chọn nghề và thích ứng nghề (xem sơ đồ 2).

Sơ đồ 2. Các bộ phận hợp thành hệ thống hướng nghiệp



Mỗi một thành phần trong cấu trúc có đặc trưng riêng về nội dung và phương pháp thực hiện trong những điều kiện thực tiễn của hoạt động hướng nghiệp tùy thuộc vào mức độ chuẩn bị cho tuổi trẻ tiếp tục học lên trong các trường đại học đi vào hoạt động trong nhà trường tại các cơ sở đào tạo nghề nghiệp hoặc trong sản xuất. Hoạt động hướng nghiệp được thực hiện trong sự gắn bó chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khai sáng nghề, dự báo nghề và tư vấn nghề được tiến hành trong các trường phổ thông và trong các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, còn tuyển chọn và thích ứng nghề chỉ được thực hiện chủ yếu trong các cơ sở đào tạo nghề trong các tập thể lao động. Giáo dục nghề cho thanh thiếu niên được thực hiện trong nhà trường, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp và các tập thể lao động.

Dưới đây chúng ta sẽ xem xét những thành phần trong cấu trúc nêu trên trong hệ thống hướng nghiệp.

4.1.1. Khai sáng nghề nhằm cung cấp cho học sinh những kiến thức về nghề nghiệp, để trên cơ sở đó hình thành cho các em thái độ tích cực và hứng thú đối với các dạng hoạt động lao động nghề nghiệp, tạo dựng ý thức chủ động trong lựa chọn nghề

Trong khai sáng nghề theo thứ tự có thể bao gồm các yếu tố thành phần : thông tin nghề, tuyên truyền nghề và cổ động nghề (quảng cáo nghề)...

Mục đích của thông tin nghề là giúp học sinh quen biết với các dạng hoạt động, những nghề nghiệp khác nhau trong xã hội, xu hướng phát triển của chúng, nhu cầu của thị trường lao động nghề nghiệp, những đặc điểm của hoạt động nghề, điều kiện và những thủ tục để thi tuyển vào các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề. Thông tin nghề cần đảm bảo các yêu cầu : *tính giáo dục* - cần nêu rõ ý nghĩa của lao động đối với đời sống con người và xã hội, tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề đúng đắn ; *tính*

khách quan - thông tin nghề cần phản ánh không chỉ những mặt thuận lợi của nghề mà cả những mặt khó khăn, phức tạp của nó ; *làm quen với mức độ hiện đại* của nghề nghiệp và những điều kiện lao động, chỉ ra những khả năng phát triển của nghề. Trong khi trình bày nội dung nghề, cần phản ánh không chỉ tình trạng hiện tại của nó mà cần phải đề cập cả quá khứ và tương lai phát triển của nghề ; *Tính toàn diện* - bao gồm trong đó việc chỉ rõ nghề nghiệp không chỉ với quan điểm kỹ thuật - công nghệ, mà cả với quan điểm kinh tế - xã hội, nhân cách.

Phần hợp thành quan trọng của khai sáng nghề là *cổ động* (vận động) nghề cho tuổi trẻ để họ có thể hiểu rõ những nghề mà địa phương đang đòi hỏi nhằm phát triển kinh tế vùng, những cơ sở đào tạo nghề đóng trên địa bàn khu vực. Mục đích của tuyên truyền nghề là phổ biến những kiến thức về nội dung và phương pháp hoạt động hướng nghiệp cho giáo viên nhà trường, các tổ chức xã hội, cha mẹ học sinh. Tổng kết và ứng dụng những kinh nghiệm thực hiện có hiệu quả hoạt động hướng nghiệp.

Nhiệm vụ của tuyên truyền nghề là khơi dậy ở học sinh hứng thú đối với những nghề, những lĩnh vực sản xuất, những doanh nghiệp đang đòi hỏi nguồn nhân lực cần thiết của xã hội, hình thành cho học sinh thái độ tích cực đối với các nghề phổ thông trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông và các lĩnh vực phục vụ khác.

Một trong những hình thức tuyên truyền mang tính xã hội rộng lớn là quảng cáo.

Quảng cáo là dịch vụ thông tin mang tính phi cá nhân về sản phẩm hoặc ý tưởng của một chủ thể muốn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng tác động tới nhận thức, thái độ hoặc hành vi của một số đối tượng nào đó.

Quảng cáo thường là một dịch vụ kinh doanh vì bên thuê quảng cáo phải trả tiền để thông tin về sản phẩm hoặc ý tưởng của mình được một số đối tượng nào đó biết đến.

Quảng cáo mang tính phi cá nhân bởi nó nhằm tác động vào một nhóm người chứ không chỉ riêng lẻ một cá nhân nào.

Những thông tin do quảng cáo mang lại nhằm thuyết phục và ảnh hưởng tới người tiếp nhận để họ "làm" hoặc "không làm" theo những thông tin đó.

Trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường phổ thông, quảng cáo cũng được sử dụng như một phương tiện, công cụ, giúp nhà trường đạt tới mục tiêu hướng nghiệp, một khi nhận thấy cần phải giúp học sinh hiểu rõ, gây ấn tượng sâu sắc đối với các em thái độ về quan niệm hay về hoạt động của một lĩnh vực, một bề nghề nào đó. Tùy thuộc vào mục tiêu cụ thể của mỗi hoạt động hướng nghiệp mà quảng cáo nghề thực hiện các chức năng sau :

- Làm cho sản phẩm thông tin nghề nghiệp đưa ra có những đặc tính riêng nổi trội hơn những nghề nghiệp khác.
- Thông tin, hướng dẫn cách tiếp cận nghề nghiệp.
- Quảng bá, tuyên truyền cho lĩnh vực hoặc nghề nghiệp đó.

- Mở rộng mạng lưới thu hút nguồn nhân lực đi vào lĩnh vực nghề nghiệp đó.
- Gia tăng hứng thú, sở thích, nhu cầu được gắn bó với nghề được quảng cáo.

Quảng cáo nghề nghiệp là một trong những hình thức của thông tin nghề. Nguồn gốc của thông tin nghề bắt nguồn từ những tư tưởng của các nhà sư phạm, họ có nhu cầu truyền đạt một lượng thông tin nghề nghiệp nào đó đến đối tượng của mình (khán giả mục tiêu). Quá trình của việc truyền đạt thông tin trong quảng cáo diễn ra như sau :

- Nhà trường làm việc với công ty quảng cáo để truyền đạt ý tưởng về thông tin của mình.

- Công ty quảng cáo sẽ "mã hoá" các thông tin này bằng từ ngữ, hình ảnh, âm thanh sao cho khán giả mục tiêu có thể hiểu được. Các thông điệp đã được mã hoá này được chuyển đến khán giả mục tiêu qua các phương tiện truyền thông đại chúng như ti vi, radio, báo, tạp chí, áp phích, tờ rơi,...

- Sau khi đã tiếp cận được với khán giả mục tiêu, các thông tin này được "giải mã" để họ có thể hiểu được những gì mà các cơ sở đào tạo muốn truyền đạt.

Để việc giải mã được khán giả mục tiêu lĩnh hội thấu đáo, các cơ sở đào tạo phải nghiên cứu kỹ lưỡng về hình ảnh, từ ngữ, âm thanh,... sao cho phù hợp với trình độ nhận thức của đối tượng, tránh cho sự giải mã các thông tin này bị sai lệch. Bên cạnh đó, để tránh những yếu tố gây nhiễu trong quảng cáo, nhà trường cũng cần lưu ý tới việc sử dụng hợp lý các phương tiện truyền thông, thời gian tiến hành quảng cáo, tần suất quảng cáo cho một dạng thông tin... Quảng cáo nghề suy cho cùng cũng nhằm tới mục đích là thông qua việc truyền đạt những thông tin cụ thể để cổ động đối tượng đi đến hành động lựa chọn. Tác động của quảng cáo lên một đối tượng thường trải qua những giai đoạn sau :

- Giai đoạn nhận thức : làm cho đối tượng ý thức rằng nghề đó đang hiện hữu trên thị trường lao động.

- Giai đoạn lĩnh hội : Làm cho đối tượng hiểu được những đặc trưng và vai trò của nghề nghiệp đó trong hoạt động thực tiễn.

- Giai đoạn chấp nhận : Là giai đoạn mà đối tượng nhận định, đánh giá xem xét sự phù hợp hay không phù hợp của nghề đối với nhu cầu của bản thân, thậm chí còn tiến hành so sánh nghề đó với các nghề khác mà mình cũng ưa thích để rồi đi tới quyết định lựa chọn.

- Giai đoạn ưa chuộng : Đối tượng sẽ chọn cho mình một nghề trong số nhiều nghề của một lĩnh vực, một lĩnh vực trong số nhiều lĩnh vực nghề nghiệp cùng loại vì họ tin rằng nghề đó (hoặc lĩnh vực nghề đó) sẽ thoả mãn nhu cầu của họ nhất.

- Giai đoạn sở hữu : Là giai đoạn mà khi đó lượng thông tin về nghề có trong quảng cáo đã hoàn toàn nhập tâm, đã kêu gọi được đối tượng đi đến hành động quyết định lựa chọn nghề.

- Giai đoạn củng cố : Giai đoạn này xảy ra sau hành động lựa chọn ; đối tượng sẽ

có những hành động cụ thể nhằm đi sâu trên kiếm thông tin về nghề đã chọn, khẳng định tính đúng đắn của sự lựa chọn cho mình và truyền đạt những thông tin này tới bè bạn.

4.1.2. Thông tin nghề

Thông tin nghề là sản phẩm của quá trình phản ánh thế giới nghề nghiệp trong hoạt động sống của con người, được tích tụ, chuyển tải và tiếp nhận nhờ các phương tiện vật chất (não bộ, máy ghi âm, vô tuyến truyền hình, phim ảnh, máy vi tính...) hoặc phi vật chất (ngôn ngữ, hình ảnh, tín hiệu...).

Với khái niệm nêu trên, thông tin nghề chỉ có thể xuất hiện với những điều kiện sau :

- Nguồn cung cấp thông tin : là những gì tồn tại trong hoạt động nghề nghiệp, chẳng hạn như đặc điểm đối tượng lao động, mục đích và phương tiện lao động, phương thức lao động (kỹ thuật và công nghệ), những phẩm chất và kỹ năng cần có của người lao động, môi trường lao động...

- Nơi tích tụ thông tin : hệ thống tri thức và kỹ năng nghề nghiệp được ghi lại trong sách vở, trong kinh nghiệm của những người lao động.

- Chủ thể chuyển tải thông tin : đó có thể là con người (đội ngũ giáo viên) trong hoạt động thông tin và tuyên truyền - ở đây giáo viên vừa là chủ thể truyền đạt thông tin, nhưng nếu đặt ở vị trí độc lập với nguồn thông tin được cung cấp thì giáo viên chỉ được coi như là phương tiện chuyển tải cũng như máy móc, thiết bị kỹ thuật truyền tin, sách vở, đài, vô tuyến.

- Đối tượng tiếp nhận thông tin : là một con người, một nhóm người có nhu cầu được cung cấp thông tin để hoạt động.

- Phương thức chuyển tải thông tin và tiếp nhận thông tin : có thể mang tính ngẫu nhiên (đi một ngày đàng, học một sàng khôn). Lượng thông tin được chuyển tải và tiếp nhận theo phương thức này thường là đơn lẻ, thiếu tính liên tục, rời rạc, tốn nhiều thời gian. Việc tiếp nhận và chuyển tải thông tin có thể được thực hiện theo con đường tự giác (trong nhà trường, trên một số chương trình thuộc các kênh VTV của Đài truyền hình Việt Nam...). Hiệu quả chuyển tải và tiếp nhận thông tin nghề theo phương thức này được nâng lên rõ rệt nhờ tính kế hoạch, mục đích, hệ thống.

Nghề nghiệp là một dạng hoạt động của đời sống xã hội, vì thế thông tin nghề vừa có sự ổn định để duy trì các mối quan hệ xã hội và lực lượng sản xuất trong một giai đoạn lịch sử xác định, song nó cũng có sự biến động theo trình độ phát triển của nhu cầu sản xuất. Thông tin nghề vừa chứa đựng trong đó những chuẩn mực chung của lao động xã hội về kinh nghiệm sản xuất ("đời cha cho chí đời con, đẽo vuông rồi lại đẽo tròn mới nên" ; "nhất nước nhì phân, tam cần, tứ giống"...) vừa bao gồm những giá trị của nghề nghiệp ("nhất nghệ tinh, nhất thân vinh").

Song sự tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin này lại tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi cá nhân về năng lực, sở thích, nguyện vọng, động cơ và lý tưởng của họ. Vì thế,

hiệu quả của thông tin nghề đối với mỗi cá nhân không chỉ phụ thuộc vào chất lượng, số lượng của nguồn thông tin hay phương thức chuyển tải chúng đến với họ mà điều quyết định trực tiếp lại chính là năng lực tiếp nhận của mỗi cá nhân. Năng lực này không tự nhiên có được mà cần có một quá trình rèn luyện, bồi dưỡng nhằm giúp cho mỗi cá nhân biết cách thu nhận và xử lý thông tin nghề một cách kịp thời và khoa học. Đây là việc làm của toàn xã hội, nhưng bộ phận trọng yếu nhất là nhà trường, nơi đảm nhận trước xã hội trách nhiệm gìn giữ, kế thừa và phát triển những thông tin nghề nghiệp với đầy đủ giá trị của nó đối với thế hệ trẻ. Trong nhà trường phổ thông, thông tin nghề được thực hiện qua hai giai đoạn của hoạt động hướng nghiệp : Giai đoạn thứ nhất là giáo dục (khai sáng) nghề và tuyên truyền nghề ; giai đoạn thứ hai là tư vấn nghề. Thông tin nghề còn là yếu tố cấu thành các yếu tố khác trong cấu trúc của hệ thống hướng nghiệp.

Mục đích của giai đoạn một là cung cấp cho học sinh một hệ thống các kiến thức về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội và của địa phương, khơi dậy ở các em nguyện vọng, hứng thú đối với những nghề mà các em có nhu cầu lựa chọn, giúp các em có ý thức tự giác, có vốn tri thức nghề nghiệp cần thiết trước khi đi tới quyết định chọn nghề của bản thân.

Phân tạo thành quan trọng của thông tin nghề là hoạ đồ nghề. Mục đích của hoạ đồ nghề là mô tả nghề nghiệp với sự biến đổi về đặc điểm và nội dung lao động dưới ảnh hưởng của cách mạng khoa học công nghệ. Trong hoạ đồ nghề cần nêu ra những nội dung sau :

Đặc điểm chung của nghề nghiệp (lịch sử nghề, giá trị xã hội của nghề, nhu cầu việc làm trong nghề, những ví dụ minh hoạ từ tiểu sử đã biết của một số nghề đại diện).

Đặc điểm sản xuất của nghề nghiệp (mô tả quá trình lao động - nội dung và đặc điểm lao động, đối tượng, phương tiện và kết quả hoạt động).

Những kiến thức và kỹ năng chung, chuyên biệt cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp, những đòi hỏi (yêu cầu) do nghề nghiệp đặt ra đối với người lao động (tình trạng sức khoẻ, đặc điểm tâm lý, sinh lý của con người), chống chỉ định y học.

Đặc điểm tâm lý của lao động (mặt hấp dẫn và không hấp dẫn, tiếng ồn, nhiệt độ...), điều kiện xã hội và kinh tế (lương và phụ cấp, các chế độ bảo hiểm,...)

Những kiến thức về khả năng phát triển (thăng tiến) trong nghề (bằng cấp, học lên, văn hoá nghề nghiệp).

Những kiến thức có trong hoạ đồ nghề cần phải được bổ sung hoặc thay đổi theo thời gian và sự phát triển của khoa học, kỹ thuật công nghệ một cách có hệ thống.

Có thể nói, hiệu quả tác động của toàn bộ hệ thống hướng nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ mức độ xác định, xây dựng hoạ đồ nghề. Giáo dục nghề được hiểu là quá trình giúp cho học sinh có hứng thú, động cơ, lựa chọn nghề nghiệp một cách vững vàng, có được tình yêu lao động trong nghề lựa chọn. Nhiệm vụ của giáo dục nghề bao gồm

việc hình thành cho học sinh trách nhiệm, danh dự và đạo đức nghề nghiệp. K.K.Platônôv đã cho rằng khai sáng nghề và giáo dục nghề có mối liên quan chặt chẽ... cần phải biết cách lồng vào giờ học của tất cả các môn học và đặc biệt phải lưu ý là bắt đầu từ các lớp đầu cấp phổ thông" [20]. Giáo dục nghề sẽ đạt hiệu quả cao khi có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các lực lượng giáo dục ngoài xã hội, các cơ sở sản xuất, đặc biệt là việc tạo ra những điều kiện để học sinh có thể tiếp xúc trực tiếp với người lao động, với lao động quản lý và tổ chức sản xuất, với bảo quản và phân phối hàng hoá,... để tạo lập thái độ đúng đắn đối với hoạt động nghề nghiệp.

Mỗi học sinh trong nhà trường cần phải được giáo dục không chỉ là quá trình trang bị một tổng số tri thức cho họ mà trước tiên phải giúp họ trở thành một công dân với ý thức trách nhiệm đầy đủ về sự cống hiến của mình cho xã hội phát triển. Để đạt được điều đó cần thiết phải cung cấp cho các em những hiểu biết về xã hội trong đó tồn tại nhiều mối quan hệ đòi hỏi các em phải nhập tâm, biến nó thành cái của chính mình như một phẩm chất thường trực để tích nghi, để hoà nhập. Một trong những định hướng giải quyết vấn đề này là quá trình hình thành ở các em ý thức chọn nghề sao cho sự lựa chọn đó không chỉ thoả mãn những nhu cầu của bản thân, của gia đình mà còn phải phù hợp với đòi hỏi tất yếu của nghề nghiệp. Sự kết hợp hài hoà, thoả đáng của nhu cầu cá nhân với nhu cầu nghề nghiệp trên thực tế không phải lúc nào cũng thuận chiều, mà trong rất nhiều trường hợp nó bị sai lệch bởi những yếu tố khách quan tác động, chẳng hạn đó có thể là dư luận định giá của một bộ phận dân cư xã hội về thứ bậc của nghề nghiệp, và cũng có thể là những lời khuyên nhủ của cha mẹ, của bạn bè hoặc thậm chí trong những phút yếu lòng của cuộc sống với suy nghĩ buông thả "miễn là vào được đại học", "miễn là có việc làm", "mọi chuyện tính sau",... đã vô tình khiến cho chủ thể lựa chọn trở thành kẻ vô trách nhiệm đối với chính mình và đối với xã hội.

Bởi vậy, nhà trường với chức năng đặc thù của mình trong sự hình thành và phát triển nhân cách của tuổi trẻ, cần thiết phải tạo ra được hình ảnh trung thực về giá trị đích thực của nghề nghiệp, để các em thấy rằng trong xã hội không có nghề nào là thấp hèn hay danh giá, không có nghề nào là dễ dàng hay gian khổ.

4.1.3. Tư vấn nghề

Là lời khuyên bằng lời hoặc các tài liệu có liên quan tới sự lựa chọn nghề của những nhà chuyên môn trên cơ sở những tư liệu do chẩn đoán nghề mang lại.

Về bản chất, tư vấn là một hoạt động thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của một cá nhân hay của một nhóm người muốn hiểu biết về một đối tượng hoạt động nghề mà họ chưa có điều kiện tiếp cận một cách cận kề và hoàn chỉnh.

Trong thực tế chúng ta thường thấy xuất hiện các cụm từ có liên quan tới hoạt động tư vấn như : tư vấn học đường, tư vấn hôn nhân và gia đình, tư vấn việc làm... Đồng thời cũng tồn tại những tổ chức dịch vụ tư vấn hiện có mặt tại thành phố, các khu công nghiệp, các tổ chức thanh niên, phụ nữ, quân đội như : Trung tâm tư vấn và

xúc tiến việc làm, Trung tâm tư vấn hôn nhân và gia đình, Trung tâm tư vấn nghề...

Như vậy, tư vấn nghề cũng có thể được hiểu như một hoạt động thông tin nhằm giúp học sinh nâng cao nhận thức, hiểu biết về nghề và hoạt động nghề, lĩnh vực nghề riêng biệt.

Tư vấn nghề là một hoạt động đối tượng, trong đó chủ thể là một cá nhân hay một tổ chức có kinh nghiệm nắm vững một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nào đó. Chủ thể tư vấn là nơi thu nhận, sàng lọc, chuyển tải thông tin nghề và có khả năng ứng xử với đối tượng tư vấn (để thoả mãn những nhu cầu đối tượng ở mức độ cần thiết). Do tính phức tạp về nhu cầu của đối tượng tư vấn, chủ thể tư vấn cũng theo đó mà có thành phần xuất xứ rất đa dạng : đó có thể là những chuyên gia xã hội học, tâm lý học, y học, những chuyên gia về thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hoá, mỹ thuật...

Đối tượng tư vấn có thể là bất cứ học sinh nào, nhóm học sinh, cha mẹ học sinh nào nếu họ có nhu cầu tư vấn.

Mối quan hệ giữa chủ thể tư vấn và đối tượng tư vấn là mối quan hệ tác động, cải biến, trong đó chủ thể tư vấn ở vị trí tạo nên sự tác động nhờ việc chuyển tải thông tin, phân tích, khuyên nhủ. Đối tượng tư vấn ở vị trí của những người được cải biến nhờ việc tiếp nhận những thông tin chưa rõ ràng hoặc thiếu hụt.

Kết quả cuối cùng của tư vấn có thể là sự chuyển biến về nhận thức và cũng có thể là sự thay đổi những quyết định lớn của cuộc đời Song, nếu thông tin thiếu toàn diện, ứng xử của chủ thể chưa thấu tình đạt lý, có thể dẫn đối tượng tư vấn tới những nhận thức hoặc việc làm vô bổ - sự cải biến diễn ra theo chiều hướng xấu, kém hiệu quả.

Nội dung tư vấn nghề là những thông tin theo yêu cầu của đối tượng tư vấn. Những thông tin này nhằm đặt trước đối tượng sự lựa chọn quyết sách cho mình, có được sự định hướng để "cần phải" hay "không cần" thực hiện theo dự kiến trước đây hoặc những lời khuyên của chủ thể tư vấn. Thông tin tư vấn nghề bao gồm cả những mặt được và chưa được của đối tượng thoả mãn nhu cầu, kèm theo những lời khuyên "nên" hoặc "không nên" của chủ thể. Nội dung tư vấn nghề có thể là thuận chiều nếu những thông tin do tư vấn mang lại giúp cho đối tượng củng cố thêm những ý định của mình, làm sáng tỏ thêm những gì còn vướng mắc trong tiến trình đạt tới ước muốn cũng như kết quả sẽ đạt tới của họ.

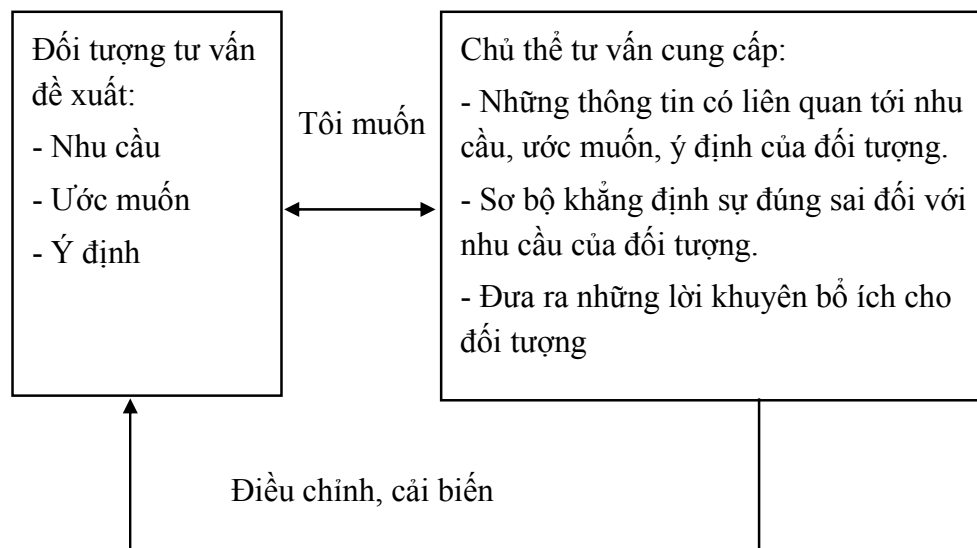
Những thông tin loại này trong nội dung tư vấn được hiểu như là nguồn thông tin thuận chiều so với ước nguyện của đối tượng. Trong rất nhiều trường hợp, nội dung tư vấn nghề lại bao hàm những thông tin phản bác lại suy nghĩ của đối tượng, vạch rõ những yếu tố sai trái không thể chấp nhận được trong thực tiễn hoặc những cản trở khiến học sinh không có khả năng thực hiện được ước muốn. Những thông tin loại này được gọi là những thông tin phản bác của chủ thể tư vấn đưa ra giúp đối tượng xem xét và quyết định. Trong hoạt động tư vấn, ngoài sự tham gia chính yếu của chủ thể và đối tượng, chúng ta còn thấy sự có mặt của những phương tiện hỗ trợ như phim, video,

tranh ảnh và đôi khi thường gặp cả những cuộc thị sát thực tế tại hiện trường để đối tượng có điều kiện mắt thấy, tai nghe, làm sáng tỏ hơn những nhận định của bản thân. Kết quả của mỗi hoạt động tư vấn nghề được biểu thị qua mức độ thông hiểu, chấp nhận hay không chấp nhận những thông tin và lời khuyên có liên quan tới nhu cầu do đối tượng đặt ra của chủ thể tư vấn cùng với những quy định cụ thể của đối tượng. Không phải mọi cuộc tư vấn đều đi tới kết quả thuận điều mà đôi khi nó chỉ là những gợi mở cho đối tượng một số hiểu biết cần thiết để trên cơ sở đó đối tượng sẽ tiếp tục suy nghĩ, tự phân tích để đi tới quyết sách cho bản thân. Hiệu quả của hoạt động tư vấn có thể mang tính tức thời (sau một lần tư vấn) và cũng có thể mang tính lâu dài (sau một số lần tư vấn). Ở trường hợp thứ hai, mỗi lần tư vấn, đối tượng có thêm những thông tin làm sáng tỏ mục đích cần đạt tới trong nhu cầu, tạo ra sự điều chỉnh cần thiết phù hợp hơn với thực tế.

Về phía chủ thể, thông qua hoạt động tư vấn, họ sẽ thu nhận được nhiều thông tin bổ ích về nhu cầu đa dạng của nhiều loại đối tượng tư vấn, tìm được những kinh nghiệm trong giao tiếp với đối tượng trong những hoàn cảnh cụ thể, để từ đó nâng cao khả năng và hiệu quả tư vấn.

Mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng thông qua nội dung trong hoạt động tư vấn có thể được biểu hiện qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 3: Mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng trong hoạt động tư vấn



Hoạt động tư vấn nghề thường được tiến hành dưới 2 dạng chủ yếu là :

Tư vấn cá biệt được thực hiện tay đôi giữa chủ thể tư vấn và một cá nhân học sinh nào đó có nhu cầu.

Tư vấn nhóm xã hội diễn ra với sự có mặt của chủ thể tư vấn với một số người nhất định (một nhóm học sinh, một nhóm cha mẹ học sinh, một chủng loại giới tính, một tập thể lớp họ có chung một hoàn cảnh...)

Trong điều kiện nhà trường phổ thông, chẩn đoán nghề và tư vấn nghề luôn luôn gắn kết với nhau, trong đó chẩn đoán nghề là cơ sở để nhà trường lựa chọn nội dung

và hình thức tổ chức tư vấn nghề phù hợp với từng loại đối tượng cụ thể.

Chẩn đoán nghề : là quá trình nghiên cứu nhân cách và tổ chức sinh học của học sinh, được tiến hành bởi tổ chức y tế, các nhà tâm lý các nhà sư phạm nhằm mục đích xác định sự thích dụng nghề và hình thành xu hướng nghề cho học sinh. Nghiên cứu nhân cách nhằm mục đích hướng nghiệp sẽ bao gồm những nhiệm vụ như : xác định mức độ hiểu biết của học sinh về lĩnh vực hoạt động lao động ; nghiên cứu đặc điểm cá nhân của nhân cách và năng lực lao động trí tuệ thể lực ; nghiên cứu hứng thú và dự định nghề của học sinh. Trong điều kiện của nhà trường phổ thông, hiệu quả của chẩn đoán nghề phụ thuộc nhiều vào việc tổ chức quan sát học sinh trong quá trình học tập nội khoá và ngoại khoá để từ đó chọn lọc, định hình về bức tranh nhân cách của học sinh với những đặc điểm nổi trội, tình hình sức khoẻ của mỗi em. Quan sát được thực hiện bởi giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, những nhận định của nhân viên y tế và các trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp - dạy nghề (KTTH - HN - DN). Với sự trợ giúp của nhiều lực lượng như giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên các môn học, thầy thuốc,... tiến hành thông qua các phương pháp như quan sát, trao đổi, phỏng vấn, phân tích các sản phẩm lao động, phân tích các hoạt động thực tiễn, anket, thực nghiệm, nghiên cứu lý lịch của học sinh...

Nghiên cứu y học bao gồm trong đó việc chỉ ra tình trạng và mức độ phát triển các hệ thống sinh học của hoạt động về thể chất và tinh thần.

Quan sát học sinh trong quá trình các em tham gia vào hoạt động thực tiễn, đánh giá thái độ của các em đối với lao động, kiến thức và chất lượng sản phẩm do quá trình học tập mang lại sẽ cho phép giáo viên nhận định được về khuynh hướng, năng lực của học sinh để trên cơ sở đó trao đổi lại với các em, giúp cho các em nhận biết được bản thân để lựa chọn nghề nghiệp một cách có ý thức và khoa học.

Trong tư vấn nghề có thể phân thành các dạng như : tư vấn y học, tư vấn tâm lý - giáo dục và tư vấn hỗ trợ (bổ sung).

Tư vấn y học được tiến hành bởi các chuyên gia y tế (bác sĩ) dưới dạng giới thiệu cho học sinh về các dạng lao động phù hợp mỗi người sau khi đã có sự tìm hiểu cụ thể tình trạng sức khoẻ của cá nhân đó.

Tư vấn tâm lý - giáo dục là lời khuyên của giáo viên về các dạng lao động, nghề nghiệp phù hợp hơn cả đối với phẩm chất đạo đức tính cách, sự hiểu biết, năng lực, tư tưởng của mỗi học sinh. Tư vấn hỗ trợ (chỉ dẫn, tra cứu) được tổ chức cho học sinh cuối cấp THCS và THPT tại trường hoặc tại các trung tâm KTTH - HN - DN, hoặc trong các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, tại các cơ sở sản xuất. Nhờ tư vấn hỗ trợ, học sinh có thể tiếp nhận được những thông tin về thị trường lao động khu vực và đất nước, học vấn nghề nghiệp.

➤ Chức năng của tư vấn

Tư vấn không phải là mục đích sau cùng mà chỉ là phương tiện, công cụ giúp cho đối tượng tư vấn thoả mãn nhu cầu hoặc mục tiêu dự kiến. Tuỳ thuộc vào mục đích cụ

thể mà hoạt động tư vấn có những chức năng khác nhau. Có thể nêu dưới đây những chức năng cơ bản của hoạt động tư vấn.

Chức năng thông tin : Đây là chức năng rất quan trọng của tư vấn, bởi nó có khả năng đáp ứng những thiếu hụt thông tin để hoàn tất hoặc bổ sung, sửa đổi những gì đối tượng tư vấn đã biết. Trong hoạt động thực tiễn, do sự biến động của xã hội, của hoàn cảnh, thường thì những gì chúng ta đã biết, đã quen thuộc ngày hôm nay sẽ lạc hậu bởi ngày mai và những khoảng thời gian sau nữa. Ngay cả trên một hoạt động cụ thể, không phải ai cũng hiểu biết một cách toàn diện, căn kẽ đối tượng hoạt động của mình. Sự hiểu biết thiếu đầy đủ, hoặc sai lệch có thể dẫn tới những hậu quả thấp kém hoặc tai hại khôn lường. Chính vì thế, việc cung cấp thông tin của chủ thể tư vấn là nguồn vốn bổ ích giúp cho đối tượng có điều kiện tham khảo, xem xét, cân nhắc trong việc thực hiện một hoạt động đáp ứng nhu cầu, mục đích của họ.

Thông tin trong tư vấn nghề là một dạng phi vật chất, song nhờ có phương tiện này, nó có thể tổng hợp thành kết quả dưới dạng một thông tin mới mang tính chủ thể của đối tượng tiếp thu nó để chỉ đạo các hoạt động tiếp theo hoặc dưới dạng lợi nhuận vật chất nhờ có quyết sách đúng.

Chức năng uốn nắn và điều chỉnh : Đây là chức năng đi kèm với chức năng thông tin, nhờ hiệu quả của chức năng thông tin mang lại.

Trong tư vấn nghề thông tin do chủ thể tư vấn mang lại có thể xuất phát thuận chiều với đề xuất, ý nguyện chứa đựng tính khách quan, phù hợp với logic phát triển của thực tiễn. Song, do nhiều nguyên nhân (trạng thái tâm lý, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống, các mối quan hệ xã hội...) khiến cho tầm nhìn và sự hiểu biết của đối tượng có tính phiến diện, lỗi thời, hoặc vượt khỏi khả năng của bản thân, khi đó chủ thể tư vấn dựa trên việc cung cấp thông tin chính diện, đưa ra những lời khuyên bổ ích, chúng được coi như những khuyến cáo giúp cho đối tượng tư vấn suy xét, điều chỉnh những suy nghĩ, việc làm của mình cho phù hợp với thực lực và đòi hỏi của khách quan. Với ý nghĩa như vậy, để thực hiện chức năng này, những thông tin do chủ thể tư vấn mang tới cho đối tượng cần đảm bảo chính xác, toàn diện và lời khuyên giải của chủ thể phải chân tình, đúng đắn.

Chức năng xã hội : tư vấn nghề là một hoạt động xã hội, biểu hiện mối quan hệ giữa con người với con người (một cá thể này với một cá thể khác hoặc một tổ chức này với một tổ chức khác), được diễn ra hàng ngày, bằng con đường tự phát hoặc tự giác. Tư vấn cũng là một quá trình giao tiếp diễn ra nhờ quá trình trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, giúp đỡ nhau trong những hoạt động đa dạng của đời sống : cha mẹ khuyên con cái, thầy cô dạy dỗ học trò, thầy thuốc khuyên nhủ học sinh.

Những hoạt động như trên có thể khác nhau về mức độ, song ít nhiều chúng đều phản ánh màu sắc của hoạt động tư vấn. Tuy nhiên, để hoạt động xã hội này đem lại hiệu quả cao trong các mối quan hệ xã hội, nó cần được tổ chức một cách khoa học, có sự tham gia đồng bộ của nhiều lực lượng, được thiết lập và hoạt động theo những quy

trình có chọn lọc để hướng tới sự phát triển của mỗi con người, mỗi cộng đồng và cho toàn xã hội trên cơ sở làm thoả mãn những nhu cầu đặt ra của đối tượng tư vấn.

➤ *Phân loại tư vấn*

Căn cứ vào những dấu hiệu khác nhau của hoạt động tư vấn, nếu đem nhóm họp những hoạt động tư vấn có chung một dấu hiệu cùng loại, ta có thể phân thành một số loại tư vấn sau :

* Dựa trên mục đích tư vấn chúng ta có : tư vấn giáo dục và tư vấn dịch vụ kinh doanh.

- Tư vấn giáo dục nhằm giúp đối tượng tư vấn tăng cường nhận thức tạo cho đối tượng khả năng đánh giá thực trạng một cách khách quan hơn, tự hiểu mình nhiều hơn để từ đó có khả năng đối chiếu, so sánh, làm tiền đề cho quá trình đạt tới mong muốn. Những thông tin do loại tư vấn này đem lại rất bổ ích cho tự hoàn thiện nhân cách, mang tính giáo dục, giúp cho mỗi cá nhân trưởng thành hơn trong cuộc sống. Chủ thể tư vấn trong loại này thực hiện hoạt động theo trách nhiệm được phân công, không có kinh phí chi trả từ phía đối tượng tư vấn. Loại tư vấn này thường xuyên xuất hiện trong các cơ sở học đường, trên báo chí hoặc một số phương tiện truyền thông khác.

- Tư vấn dịch vụ kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho đối tượng có nhu cầu để thu lợi nhuận. Tùy thuộc vào nội dung tư vấn, chủ thể tư vấn, thời gian và điều kiện tư vấn, kinh phí chi trả cho mỗi hoạt động tư vấn là khác nhau. Mỗi lần tư vấn hoặc một số lần tư vấn có thể được thiết lập theo những hợp đồng kinh tế, chủ thể tư vấn có trách nhiệm chuẩn bị theo nội dung đã bàn bạc, thống nhất, còn đối tượng tư vấn phải chi trả một khoản kinh phí nào đó cho chủ thể. Hoạt động tư vấn loại này thường được tiến hành trong các trung tâm tư vấn tại các tổ chức kinh tế, xã hội khu vực hoặc trung ương (chẳng hạn tư vấn qua điện thoại 108, tư vấn việc làm, tư vấn y học, tư vấn tiêu dùng...).

* Dựa trên thành phần tuổi tác, giới tính, có các loại tư vấn như : tư vấn cho trẻ em, tư vấn cho thanh thiếu niên, tư vấn cho phụ nữ, tư vấn cho những người cao tuổi, tư vấn cho những người khuyết tật.

* Dựa vào nội dung tư vấn, có các loại tư vấn như : tư vấn nghề nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn giá cả, tư vấn y học, tư vấn hôn nhân, tư vấn gia đình,...

* Dựa vào khoảng cách không gian giữa chủ thể và đối tượng tư vấn, chúng ta thường gặp các loại tư vấn trực tiếp và tư vấn gián tiếp.

- Tư vấn trực tiếp là tư vấn trong đó diễn ra sự tiếp xúc trực tiếp với đối tượng tư vấn. Tư vấn loại này thường được thực hiện trong một giới hạn không gian cho phép, vì không phải lúc nào chủ thể và đối tượng tư vấn cũng có cơ hội gặp nhau để trao đổi. Tư vấn trực tiếp rất có lợi trong hoạt động tư vấn, vì thông qua giao tiếp, chủ thể và đối tượng không chỉ hiểu biết nhau qua lượng thông tin mà còn biết rõ nhau hơn về những xúc cảm, tình cảm, kể cả ngoại hình, thể lực. Điều đó tạo cơ sở cho chủ thể tư vấn có được lời khuyên hợp lý, khách quan và xác thực hơn.

- Tư vấn gián tiếp là loại tư vấn được thực hiện với sự cách biệt về không gian, khi chủ thể không tiếp xúc trực tiếp với đối tượng. Tư vấn gián tiếp được thực hiện nhờ những phương tiện chuyên nghiệp như báo chí, truyền hình, mạng Internet, điện thoại,...

* Dựa vào vùng địa lý, hoạt động tư vấn có thể chỉ giới hạn trong phạm vi một địa phương, một khu vực, trên toàn quốc hoặc mở rộng trên phạm vi toàn thế giới.

Tùy vào khả năng, nội dung và mục đích tư vấn, hoạt động tư vấn có thể chỉ giới hạn trong một cơ quan, một thành phố, một tỉnh, song có những hoạt động tư vấn vươn cả ra ngoài lãnh thổ quốc gia do các công ty tư vấn có tên tuổi đảm nhận.

* Dựa trên số lượng đối tượng tham gia vào quá trình tư vấn, chúng ta có tư vấn cá biệt và tư vấn nhóm.

➤ *Mối quan hệ giữa nhu cầu và hoạt động tư vấn*

Hoạt động tư vấn chỉ có thể xảy ra trên cơ sở giải quyết những nhu cầu tư vấn. Nhu cầu này có được, trước hết phải xuất hiện một tập hợp các đối tượng có khả năng đáp ứng những nhu cầu của chủ thể (chẳng hạn một tập hợp các nghề đáp ứng nhu cầu lựa chọn của học sinh). Song không phải mọi nghề có trong tập hợp đều thỏa mãn những chuẩn mực có trong nhu cầu của chủ thể. Việc xác định chọn ra nghề nào đòi hỏi chủ thể phải có năng lực nhận thức tương đối đầy đủ về nghề đó (là nghề gì ? chiếm lĩnh nó bằng con đường nào ? hoạt động của nó ra sao ?...) và điều đó không phải ai cũng làm được. Chính ở đây, hoạt động tư vấn nghề xuất hiện. Chủ thể hoạt động tư vấn - những chuyên gia giàu kinh nghiệm, có hiểu biết tường tận về tập hợp các nghề mà học sinh có nhu cầu đề cập tới sẽ giúp họ nên chọn đối tượng nào, vì sao lại không phải là đối tượng khác, việc lựa chọn sẽ diễn ra theo phương thức nào là có lợi hơn cả, hoạt động trong nghề nghiệp đó sẽ đạt tới những hiệu quả đối với bản thân chủ thể có nhu cầu và cộng đồng xã hội ra sao ?...

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, hoạt động tư vấn cho dù cố gắng tới đâu cũng không thể đáp ứng ngay một lúc nhu cầu của đối tượng tư vấn. Đôi khi hiệu quả của hoạt động tư vấn vẫn bị cản trở bởi những độ nhiễu do các yếu tố sau đây gây ra :

- Nhu cầu của đối tượng tư vấn không rõ ràng.
- Chủ thể tư vấn hiểu chưa thấu đáo nhu cầu đối tượng tư vấn.
- Nhu cầu của đối tượng vượt ra ngoài sự hiểu biết của chủ thể tư vấn
- Những thông tin do chủ thể tư vấn đưa ra không phù hợp với những hiểu biết của đối tượng tư vấn.
- Những kiến giải của chủ thể tư vấn chưa cụ thể, hoặc vượt ra ngoài khả năng có được của đối tượng tư vấn, kém khả thi.
- Sự trái ngược với cùng một loại thông tin do nhiều chủ thể tư vấn cung cấp.

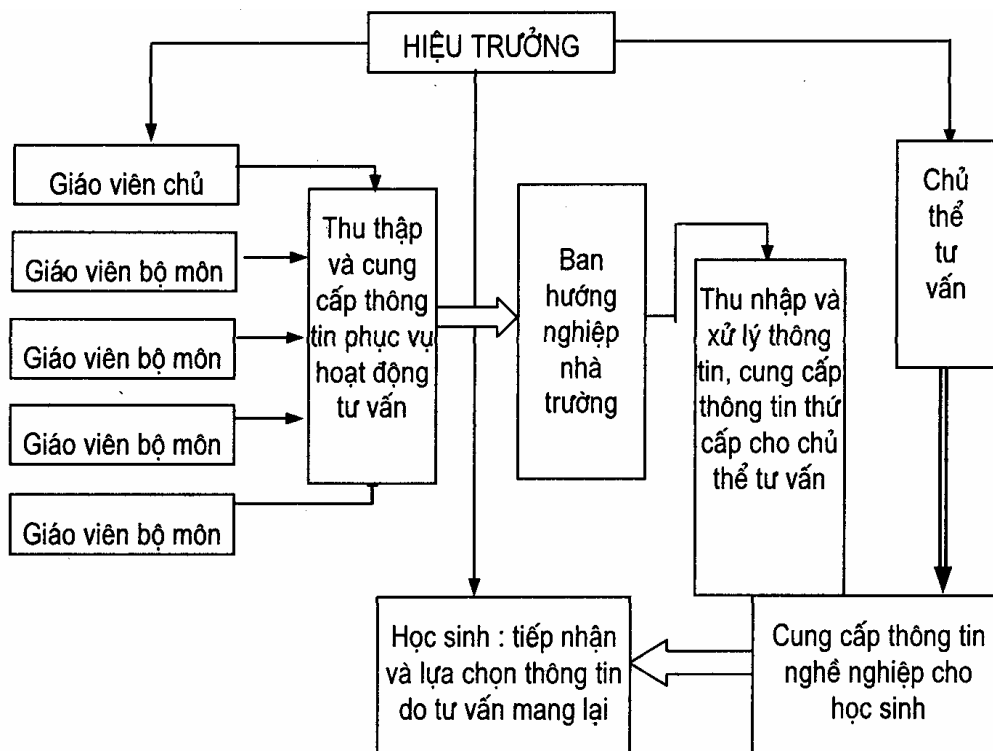
Trong giới hạn nội bộ của hoạt động giáo dục ở trường THPT, hoạt động tư vấn nghề có liên quan tới những thành phần cơ bản sau:

Hiệu trưởng, Ban hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, thư viện, y tế, Đoàn TNCS.

Hiệu quả của hoạt động tư vấn một phần quyết định phụ thuộc và tính tích cực hoạt động của các bộ phận này trong mô hình tư vấn nội bộ.

Mối quan hệ giữa các thành phần nêu trên được biểu hiện qua sơ đồ 4 :

Sơ đồ 4: Mối quan hệ trách nhiệm giữa các bộ phận trong trường khi thực hiện hoạt động tư vấn nghề cho học sinh



Những thành phần nêu trên với chức năng, nhiệm vụ riêng của mình sẽ tham gia vào hoạt động tư vấn cho học sinh trên những phần việc sau :

* Hiệu trưởng : Là người phụ trách chung về các hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường, trong đó có hoạt động tư vấn. Hiệu trưởng có trách nhiệm thông qua và ký các quyết định về kế hoạch tiến hành các hoạt động tư vấn trong và ngoài trường.

* Ban hướng nghiệp : Chịu trách nhiệm thu thập xử lý những thông tin do các bộ phận cung cấp, đưa ra những nhận định, đánh giá sơ bộ về xu hướng nghề của học sinh. Những thông tin sau xử lý do Ban hướng nghiệp thực hiện sẽ là những tài liệu bổ ích cho cán bộ làm công tác tư vấn khi tiến hành hoạt động này, làm cho nội dung tư vấn có tính sát thực, đáp ứng đúng nhu cầu định hướng nghề của đối tượng tư vấn. Ban hướng nghiệp còn chịu trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng đề xuất kế hoạch và tổ chức các hoạt động tư vấn về nhân lực, cơ sở vật chất,... phù hợp với kế hoạch năm học của nhà trường trên từng loại đối tượng cụ thể.

* Giáo viên bộ môn : Thu thập và cung cấp những thông tin có liên quan tới thái độ, năng lực học tập của từng học sinh đối với những môn học cụ thể.

* Giáo viên chủ nhiệm : Cung cấp những thông tin phản ánh trình độ nhận thức xã hội, phẩm chất đạo đức, kỹ năng hoà nhập với cộng đồng của mỗi học sinh do mình phụ trách. Mỗi giáo viên chủ nhiệm còn có trách nhiệm tập hợp những thông tin do những bộ phận khác cung cấp để thiết lập các phiếu đánh giá về xu hướng nghề đối với từng học sinh trong lớp làm cơ sở cho hoạt động tư vấn.

* Thư viện : Thu thập và cung cấp những thông tin về nhu cầu, hứng thú, sở thích của hoạt động đối với những lĩnh vực hoạt động xã hội, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, kỹ thuật, v.v... được phản ánh qua sách báo, tài liệu do Nhà nước ấn hành.

* Y tế nhà trường : Trên cơ sở các kết quả giám định y học đối với từng học sinh qua các năm học, bộ phận y tế có thể thu thập và cung cấp lượng thông tin về tình trạng sức khoẻ và dự kiến về sự tương ứng của tình trạng này đối với mỗi lĩnh vực nghề hoặc nghề cụ thể cũng như những chống chỉ định nghề trên mỗi học sinh.

* Đoàn thanh niên cộng sản : Thu thập và cung cấp những thông tin về năng lực hoạt động xã hội, tập thể, về ý thức, thái độ, lối sống của mỗi thành viên trong tổ chức.

* Học sinh : Là đối tượng của hoạt động tư vấn đồng thời là chủ thể của quá trình tiếp nhận thông tin nghề do hoạt động tư vấn mang lại học sinh không chỉ có nhiệm vụ tiếp thu thông tin do chủ thể tư vấn cung cấp mà cùng với nó là quá trình lựa chọn những thông tin hữu ích phù hợp với năng lực, sở trường, tình trạng sức khoẻ và nhu cầu lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

4.1.4. Tuyển chọn nghề

Tuyển chọn nghề được tiến hành chủ yếu trong khâu thi tuyển vào các cơ sở đào tạo nghề, các trường đại học và cao đẳng. Tuyển chọn nghề chính là quá trình đánh giá sự phù hợp ban đầu về các phẩm chất, nhân cách, năng lực của cá nhân đối với những yêu cầu do nghề nghiệp cụ thể đặt ra. Trong công tác này, phẩm chất, năng lực, trình độ nhận thức, kỹ năng lao động,... của học sinh trở thành đối tượng xem xét của quá trình tuyển chọn nghề. Tuyển chọn nghề và thích ứng nghề thường không được tiến hành trong nhà trường phổ thông. Mặc dù vậy, quá trình tham gia trực tiếp của học sinh vào các dạng lao động trong nhà trường (lao động sản xuất, học tập tại xưởng, vườn trường,...) cũng đem lại lợi ích thiết thực cho việc hình thành dần khả năng thích ứng của học sinh đối với hoạt động sản xuất ngoài xã hội.

4.1.5. Lựa chọn nghề và cấu trúc của nó

Lựa chọn nghề là một quá trình lâu dài và phức tạp, nó được biểu hiện ở những mức độ khác nhau ngay trong những lớp đầu của trường phổ thông cơ sở, được tiếp tục phát triển và hoàn thiện dần ở những lớp sau và nhất là ở lớp cuối cấp phổ thông trung học, trong các trường, lớp dạy nghề, được tạm coi là kết thúc khi con người đã có những khả năng lao động nghề nghiệp độc lập (nói "tạm coi là kết thúc" vì cũng có thể xảy ra những biến động trong quá trình công tác như thay đổi vị trí công tác, chuyển nghề,... lúc đó con người lại cần có một thời gian nhất định để thích ứng với nghề nghiệp và hoàn cảnh mới).

Với tư cách là một quá trình hoạt động, lựa chọn nghề bao gồm những tính chất cơ bản sau :

➤ *Tính chủ thể của quá trình lựa chọn*

Quá trình lựa chọn nghề của học sinh diễn ra với sự chi phối của những mối quan hệ xã hội phức tạp (giữa học sinh với gia đình, học sinh với tập thể lớp, trường, đoàn, đội, học sinh với cộng đồng, học sinh với các dạng thông tin...). Những mối quan hệ này tác động tới nhận thức, nhu cầu, động cơ, hứng thú, sở thích nghề nghiệp của học sinh. Tuy nhiên, để đi tới một quyết định nghề, trong tuyệt đại bộ phận các trường hợp, quyết định đó là do chủ thể đưa ra và khẳng định. Tỷ lệ phần trăm ảnh hưởng của những tác động khách quan tới sự lựa chọn trên mỗi cá nhân là nhiều ít khác nhau, song quyết định cuối cùng của quá trình lựa chọn nghề bao giờ cũng thuộc vào một con người cụ thể. Thêm nữa, sự tiếp nhận và mức độ ảnh hưởng của những tác động khách quan đều phụ thuộc vào chất lượng của trình độ nhận thức ở mỗi cá nhân. Thường khi lựa chọn "nhầm" một nghề nào đó, tuổi trẻ thường đổ lỗi cho cha mẹ, bạn bè, xã hội mà ít khi nhìn lại sự yếu kém của chính mình. Câu nói "tiên trách kỷ hậu trách nhân" trong hoàn cảnh này là hoàn toàn phù hợp.

➤ *Tính khách thể của sự lựa chọn*

Nói tới quá trình lựa chọn nghề là nói tới sự kết hợp giữa nhu cầu, nguyện vọng cá nhân với yêu cầu do nghề nghiệp và xã hội đòi hỏi. Không phải bất cứ nguyện vọng nghề nghiệp nào của chủ thể lựa chọn cũng được xã hội chấp nhận. Trong xã hội, mỗi cá nhân có vị trí xác định, với vị trí đó, cá nhân vừa được hưởng những quyền lợi nhưng đồng thời cũng cần có những trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Mối quan hệ giữa quyền lợi và trách nhiệm trong lựa chọn nghề được biểu hiện thông qua mối quan hệ giữa nguyện vọng cá nhân (tôi muốn) với đòi hỏi về số lượng và chất lượng mà nhu cầu nguồn nhân lực hoạt động trong các lĩnh vực nghề nghiệp đòi hỏi (tôi cần phải). Khi đó chủ thể lựa chọn trở thành đối tượng của sự lựa chọn.

Kết quả của sự lựa chọn (đạt nguyện vọng hay không đạt nguyện vọng) phần chính yếu phụ thuộc vào những gì có được nhờ vào hoạt động của chủ thể lựa chọn (tôi có thể).

➤ *Tính mục đích của sự lựa chọn*

Kế hoạch cho cuộc đời là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ, vì trong cuộc sống, bên cạnh những diễn biến phụ thuộc vào chúng ta lại có những điều mà chúng ta phụ thuộc vào cuộc sống. Cho dù như vậy thì mỗi cá nhân vẫn cần phải xây dựng kế hoạch cho tương lai bởi đó là sự khẳng định sự trưởng thành của cá nhân về trí tuệ và xã hội. Mỗi học sinh khi lớn lên, phải xác định cho mình một kế hoạch sống, vì đó là sự khẳng định những mục tiêu cần vươn tới. Những mục tiêu này quan trọng như không khí đối với sự sống. Giáo sư tiến sĩ Davis J.Schwartz cho rằng : Sống không có mục đích thì cũng chẳng khác gì kẻ hành khất trong cuộc đời, chỉ đi, đi mãi, chẳng biết mình sẽ đi đâu và đặt chân đến nơi nào, và thêm nữa, nếu trong tay bạn

chẳng có một kế hoạch gì thì cuộc đời bạn sẽ là cuộc đời của kẻ hành khất, còn nếu bạn xây dựng được kế hoạch cho tương lai tức là cuộc sống của bạn sẽ có mục đích.

Lựa chọn nghề là một hoạt động có đối tượng. Đối tượng ở đây chính là những nghề mà học sinh sẽ chọn. Nghề được chọn trở thành mục đích hoạt động lựa chọn của học sinh. Để đạt tới mục đích, học sinh cần phải hiểu rõ đối tượng (nghề). Sự hiểu biết này càng cặn kẽ, sâu sắc đầy đủ bao nhiêu thì khả năng chiếm lĩnh nghề nghiệp càng mau chóng trở thành hiện thực bấy nhiêu. Một khi đã hiểu rõ nghề nghiệp, học sinh sẽ dần thiết lập được kế hoạch cụ thể, có những biện pháp, phương pháp thích hợp trong học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh được nghề lựa chọn ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng không phải ngay một lúc học sinh hiểu rõ nghề nghiệp, biết đầy đủ về nghề mình định lựa chọn. Bởi thế, mục đích của sự lựa chọn nghề cũng cần được xác định cụ thể tương ứng với từng cấp học, từng trình độ nhận thức của học sinh. Nghề nghiệp trọng xã hội luôn có sự biến động theo sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật - công nghệ và nhu cầu của cuộc sống, vì thế mục đích đặt ra cho sự lựa chọn nghề cũng cần được điều chỉnh thường xuyên để hoạt động lựa chọn nghề của học sinh không bị hẫng hụt và phi thực tế. Việc xác định mục đích cho sự lựa chọn nghề của học sinh là rất đa dạng và phức tạp. Muốn xác định được nghề sẽ chọn phù hợp với mình, ngoài việc hiểu biết về nghề đó, học sinh phải tự hiểu mình. Chỉ có trên cơ sở này, bản thân học sinh mới hình thành được mục đích lựa chọn nghề sát thực với tiềm năng vốn có đáp ứng những yêu cầu của nghề nghiệp.

➤ *Tính cấu trúc của quá trình lựa chọn*

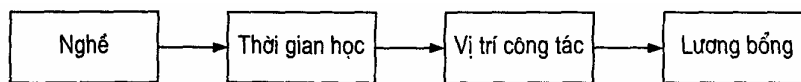
Trong quá trình tồn tại và phát triển, giai đoạn lựa chọn nghề được coi là một bộ phận, một mắt xích trong cấu trúc đời sống con người. Khi xác định cho mình một hướng đi, một vị trí hoạt động trong đời sống xã hội, chính là lúc con người lựa chọn nghề. Quá trình lựa chọn như ta thường thấy, không phải là chốc lát, không diễn ra một lần mà nảy sinh trong những mối quan hệ phức tạp "tôi và nghề nghiệp", "tôi và gia đình", "tôi và chức vụ",... Điều đó có nghĩa là lựa chọn nghề được đặt trong một hệ thống các mối quan hệ giữa chủ thể (người lựa chọn) và những điều kiện khách quan có mối quan hệ trực tiếp đối với nghề nghiệp. Hiểu rõ đặc điểm này, công tác hướng nghiệp cần thiết phải tạo được hiệu quả tối ưu các mối quan hệ của hệ thống, giải quyết có hiệu quả sự sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các mối quan hệ phù hợp với cái vốn có của chủ thể và nhu cầu xã hội. Xuất phát từ những quan hệ này, khái niệm hướng nghiệp (bao gồm trong nó việc lựa chọn nghề, tuyển chọn nghề...) được luận giải theo một nghĩa rộng hơn : hướng nghiệp theo lãnh thổ, theo cương vị và hơn thế nữa, theo một tư tưởng xác định của mỗi cá nhân. Nếu như xem xét lựa chọn nghề tách khỏi các dạng lựa chọn (các mối quan hệ) trong đặc trưng của cuộc sống con người thì sẽ dẫn tới sự hạn chế kết quả thực tế của các biện pháp hướng nghiệp, giới hạn khả năng điều khiển quá trình tái sản xuất nguồn nhân lực cho đất nước.

Trong quá trình lựa chọn nghề của học sinh thường tồn tại các mối quan hệ diễn ra theo các dạng sau :

*** Dạng các mối quan hệ tách rời nhau**

Ở dạng này các mối quan hệ "tôi và nghề", "nghề và lương bổng", "nghề và thời gian học"... kế tiếp nhau xuất hiện theo thời gian. Mỗi quan hệ cấp thiết thứ nhất được giải quyết thoả đáng thì đồng thời xuất hiện dạng cấp thiết thứ hai và cứ như vậy, các mối quan hệ theo thứ bậc tạo thành một chuỗi. Chúng ta có thể biểu thị dạng quan hệ này theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 5: Dạng các mối quan hệ tách rời nhau trong tựa chọn nghề



Trên sơ đồ 5 cho thấy một ví dụ về cấu trúc kiểu tách rời trong lựa chọn nghề theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết đối với một cá nhân. Đối với mỗi người, vị trí các thành phần trong cấu trúc có thể là khác nhau chứ không nhất thiết phải tuân theo một thứ tự xác định.

Trong kiểu cấu trúc này người ta có thể phân 2 dạng :

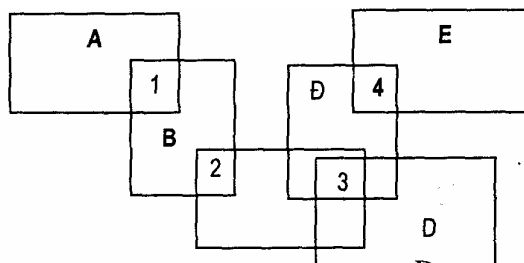
Dạng phổ biến : Phản ánh tính tức thời của việc lựa chọn nghề, các yếu tố tham gia vào quá trình lựa chọn thay đổi hàng tháng, hàng năm.

Dạng chuẩn tắc : Phản ánh mối quan hệ bền vững và trình tự cấu trúc tương đối ổn định trong con người, các yếu tố tham gia vào quá trình lựa chọn nghề xuất hiện như một khuôn mẫu, tồn tại trong suốt tiến trình lâu dài, có khi diễn ra trong toàn bộ cuộc sống.

*** Dạng các mối quan hệ giao nhau :**

Khác với cấu trúc kiểu tách rời, khi các mối quan hệ xuất hiện với một số lượng nào đó trong cùng một thời điểm, ta có cấu trúc theo kiểu giao nhau. Cấu trúc này hàm súc, phức tạp và biểu hiện sự xung đột giữa các thành phần (các mối quan hệ) tham gia vào quá trình lựa chọn nhiều hơn (xem sơ đồ 6).

Sơ đồ 6: Dạng các mối quan hệ giao nhau trong lựa chọn nghề



Trên sơ đồ 6 phản ánh một cấu trúc theo kiểu giao nhau. Mỗi ô vuông biểu thị cho một quan hệ. Các chữ số biểu thị thứ tự về tính cấp thiết của việc giải quyết các mối quan hệ. Nhìn vào sơ đồ ta thấy : ở vị trí cấp thiết số 1 có hai mối quan hệ cùng xuất hiện (A, B) ; ở vị trí cấp thiết số 2 có ít nhất hai mối quan hệ cùng xuất hiện (C, B) ; ở vị trí cấp thiết số 3 có ít nhất ba mối quan hệ cùng xuất hiện (C, D, Đ) ; ở vị trí cấp thiết số 4 có hai mối quan hệ cùng xuất hiện (Đ,E) ; Nếu sắp xếp theo thứ tự, ta có

(A, B), (B, C), (C,D,Đ) và (Đ E).

Sự hình thành cấu trúc theo kiểu nào trong lựa chọn nghề trước hết phụ thuộc vào tiềm năng có được của nhân cách : vốn tri thức, các mối quan hệ giao tiếp, phẩm chất đạo đức, năng lực... và sau nữa là điều kiện vốn có của nhu cầu xã hội đối với nghề nghiệp (uy tín nghề nghiệp, đặc trưng đòi hỏi của nghề...). Công tác hướng nghiệp là cầu nối giữa nhân cách và điều kiện khách quan (nghề nghiệp), nó có thể làm cho thứ tự ưu tiên của cấu trúc tách rời trở nên hợp lý, giúp cho mỗi cá nhân khi lựa chọn nghề biết được cách sắp xếp các mối quan hệ vào vị trí hợp lý nhất cho bản thân và xã hội, hoặc là nó giúp cho việc giảm bớt những xung đột giữa các mối quan hệ.

Ngoài ra, trong khi phân tích và đánh giá các kiểu cấu trúc của sự lựa chọn nghề, cần lưu ý rằng một loại cấu trúc hiếm có một sự "trong sạch" tuyệt đối.

Cũng có thể chúng ta không loại trừ kiểu cấu trúc hỗn hợp giữa kiểu tách rời theo giai đoạn và kiểu giao nhau, khi cá nhân vừa có sự quyết định sơ bộ ngã về yếu tố này nhưng vẫn còn lại "vùng xung đột" chờ đợi sự đấu tranh động cơ mãnh liệt để giải quyết những điều kiện chủ quan với những đòi hỏi khách quan của nghề nghiệp và xã hội.

Công tác hướng nghiệp sẽ góp phần điều chỉnh quá trình lựa chọn nghề, nâng cao mức độ điều khiển nó, tạo cho việc lựa chọn nghề có một cấu trúc cân đối và hợp lý nhất.

4.1.5. Thích ứng nghề

Hướng nghiệp trong trường phổ thông là một khâu của công tác hướng nghiệp toàn xã hội. Nó giúp cho thế hệ trẻ có ý thức đúng đắn về nghề nghiệp và lựa chọn nghề. Mặc dù nhiệm vụ chủ yếu của trường phổ thông không phải là đào tạo nghề cho học sinh, nhưng trong điều kiện cho phép, một mặt nó tiến hành định hướng nghề, tư vấn nghề, góp phần vào công tác tuyển chọn nghề, mặt khác nó đảm bảo ở mức độ cần thiết về tay nghề cho học sinh để giảm nhẹ gánh nặng cho quá trình thích ứng với những đòi hỏi của trường nghề cũng như trong thực tế sản xuất.

➤ Khái niệm về thích ứng

Để thích ứng, trước hết mỗi cá nhân cần phải tự hiểu mình (mình là ai ?) thông qua những đặc trưng mà bản thân coi đó là một giá trị được thừa nhận. Đồng thời để hiểu kỹ mình hơn, chính xác hơn, cần thiết phải có sự tồn tại của một hoặc nhiều cá thể khác. Do đó thích ứng được coi là quá trình thấu hiểu mình bằng người khác và thông hiểu kẻ khác bằng chính mình.

Với cách hiểu như vậy, *thích ứng là kết quả của sự thích nghi với xã hội mà nhờ nó, cá nhân được thừa nhận vị trí của mình vào trong cấu trúc xã hội. Quá trình chuyển dịch này diễn ra từ tốn, từng bước một, dần tạo ra sự hài hoà xã hội mà mỗi con người có thể đạt tới trong chừng mực năng lực nhận thức, trình độ học vấn của chính họ. Đó cũng chính là quá trình thừa nhận xã hội và xã hội thừa nhận vị trí của mỗi cá nhân.*

Trong sự tồn tại của mình, mỗi cá nhân khi hành động đều trực tiếp hay gián tiếp có quan hệ với cá nhân khác hoặc một nhóm người khác nhằm truyền đạt, tiếp nhận hay xử lý thông tin do mình hoặc do đối tác đưa ra. Nhờ có mối quan hệ này là sự tác động qua lại của các chủ thể sẽ được thực hiện, giúp cho các chủ thể hoặc là hiểu biết nhau hơn, có sự hợp tác và đồng tình, hoặc đối đầu nhau khi có sự khác biệt về mục đích và động cơ hành động. Những mối quan hệ giao tiếp như vậy diễn ra trong xã hội được coi như sự tương tác xã hội. Nó chính là quá trình hành động và hành động đáp lại giữa các chủ thể trong các mối quan hệ xã hội.

Tương tác xã hội do các chủ thể khác nhau gây ra, vì thế tính chất của mỗi tương tác phụ thuộc vào mục đích hành động và giá trị. Hơn thế nữa, mục đích này lại bị phụ thuộc vào chuẩn mực xã hội theo quan niệm của mỗi chủ thể. Sự khác biệt giữa các hệ giá trị tồn tại trong mỗi chủ thể tương tác là yếu tố cơ bản quyết định mức độ thích ứng giữa họ. Thông thường, các chủ thể không thể thích ứng trong hành động tương tác nếu có sự xung đột về giá trị, tuy nhiên trong một số trường hợp, mặc dù các hệ giá trị là có sự xung đột, song giữa chúng vẫn tồn tại sự thích ứng (ở vị trí ông chủ để làm giàu và đi làm thuê cho ông chủ để làm giàu. Ở đây ta thấy vị trí ông chủ và người làm thuê nếu đứng trên bình diện phân công lao động xã hội thì giá trị là xung đột, song giữa ông chủ và người làm thuê vẫn có thể hoà hợp trong hành động để cùng tồn tại và phát triển). Trong quá trình tương tác, các hệ giá trị của các chủ thể có những biến động, hoặc là xích lại gần nhau hơn, hoặc là rời xa nhau hơn, hoặc là sự lệ thuộc của một hệ giá trị này vào hệ giá trị của đối tác. Mức độ thích ứng của các chủ thể tương tác phụ thuộc rất lớn vào sự biến động giá trị này (nếu như hệ giá trị của các chủ thể đều không có sự biến đổi thì các chủ thể không thể thích ứng với nhau được ; nếu hệ giá trị có biến đổi ít thì các chủ thể sẽ có cơ may tìm thấy sự thích ứng ; nếu cả hai hệ giá trị đều có sự biến đổi lớn, cùng hướng thì sự thích ứng sẽ diễn ra ở cả hai chủ thể, còn nếu như chỉ có một hệ giá trị biến đổi, thường khi đó sẽ đưa tới số lệ thuộc của một chủ thể này vào chủ thể còn lại, trường hợp có một trong hai giá trị bị biến đổi hoàn toàn thì khi đó chủ thể tương ứng sẽ phải điều chỉnh hệ giá trị của mình cho phù hợp với hệ giá trị của chủ thể còn lại).

Như vậy, thích ứng xét về mặt xã hội là quá trình cá nhân đạt được những đặc trưng xã hội thông qua việc lĩnh hội những chuẩn mực và khuôn mẫu xã hội, có được khả năng nhận thức và ứng xử tương ứng với vị thế và vai trò xã hội của bản thân, giúp cho cá nhân hoà nhập vào xã hội.

Khái niệm thích ứng nêu trên bao gồm 2 mặt chủ yếu :

Mặt bị chi phối của cá nhân bởi những đặc trưng xã hội như chính trị, kinh tế, văn hoá. Cá nhân tiếp nhận kinh nghiệm xã hội bằng cách thâm nhập vào môi trường xã hội, vào hệ thống các quan hệ xã hội. Do sự chi phối của các đặc trưng xã hội vào hệ thống các quan hệ xã hội, các cá nhân dường như bị "nhúng chìm" vào các chuẩn mực và khuôn mẫu phù hợp với những không gian và thời gian mà cá nhân đang tồn tại. Vai trò của cá nhân trong quá trình thích ứng xã hội chỉ dừng lại ở sự tiếp nhận

những di sản vốn có của nhân loại. Còn khả năng sáng tạo ra những kinh nghiệm, những giá trị mới đóng góp cho xã hội là mặt thứ hai của sự thích ứng. Bên cạnh sự tiếp nhận, kế thừa cái sẵn có của xã hội, mỗi cá nhân thông qua quá trình tham gia vào các hoạt động xã hội bằng kinh nghiệm sống và những điều kiện riêng biệt về tâm lý, sinh lý, họ chủ động thể hiện các chuẩn mực quan hệ xã hội theo cách riêng của mình. Điều đó có nghĩa là sự thích ứng xã hội của mỗi cá nhân còn bao gồm trong nó sự chuyển hoá những kinh nghiệm xã hội thành những giá trị của cá nhân, tái tạo lại kinh nghiệm xã hội bằng hoạt động tích cực của họ tác động trở lại môi trường.

Hai mặt chính yếu này của thích ứng luôn dựa vào nhau để tồn tại. Không có sự tiếp nhận thì không thể có sự sáng tạo. Đồng thời, sự sáng tạo làm cho những kinh nghiệm cũ có thêm giá trị mới và bản thân chủ thể của sự tiếp nhận cùng với sự sáng tạo của họ cũng qua đó mà trưởng thành và phát triển. Thích ứng xã hội là một hiện tượng xã hội xuất hiện cùng với xã hội loài người, diễn ra trong suốt cuộc đời của con người, mang những sắc thái bị quy định bởi tính đa dạng trong mục đích hoạt động của cá nhân, của nhóm.

➤ *Môi trường thích ứng*

Môi trường là một hệ thống đa dạng các điều kiện tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của cá nhân. Môi trường tự nhiên được hiểu là các điều kiện tự nhiên - sinh thái, khí hậu, thời tiết, địa mạo... tác động tới sức khoẻ, sinh hoạt, giải trí, vui chơi,... thường nhật của mỗi cá nhân.

Môi trường xã hội gồm các điều kiện chính trị (chế độ xã hội, quan hệ xã hội - giai cấp, thể chế xã hội...), kinh tế (quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, phân phối sản phẩm, sở hữu vật chất...), văn hoá (quan hệ tư tưởng, hệ thống giáo dục, các tổ chức văn học - nghệ thuật, thông tin truyền thông, lối sống, đạo đức...), môi trường xã hội - sinh hoạt (các tổ chức phục vụ sinh hoạt cộng đồng, gia đình).

Sự thích ứng của mỗi cá nhân diễn ra trong những môi trường nhất định. Môi trường đó được quy định bởi yêu cầu đặt ra trong lĩnh vực, phạm vi cá nhân hoạt động. Một mặt môi trường tạo ra những điều kiện cho hoạt động của cá nhân (điều kiện vật chất, các mối quan hệ giao tiếp), mặt khác, môi trường đặt ra những yêu cầu đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết nó (môi trường), phải tuân theo nó theo cách riêng của mỗi người để nhờ đó mà cá nhân thích ứng hoà nhập được với môi trường. Như vậy, môi trường được coi là chủ thể của sự thích ứng đối với mỗi cá nhân, song điều đó không các nghĩa là cá nhân thụ động chịu sự chi phối hoàn toàn của môi trường, mà tùy thuộc vào năng lực bẩm sinh, kinh nghiệm lý trí và định hướng giá trị của mỗi cá nhân (còn gọi là khả năng thích ứng). Mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự thích ứng là khác nhau về cường độ và hiệu quả. Sự định hướng giá trị của cá nhân càng đúng đắn và phù hợp với đòi hỏi của môi trường bao nhiêu thì khả năng thích ứng của cá nhân với môi trường càng nhanh chóng bấy nhiêu. Vấn đề đặt ra ở đây là phải tạo dựng một môi trường thuận lợi cho thích ứng, vừa phải coi trọng vai trò chủ động tích cực nhập

tâm những giá trị của môi trường vào mỗi cá nhân trong quá trình thích ứng.

➤ *Thích ứng tự nhiên và thích ứng xã hội*

Trong thực tế, hoạt động của mỗi cá nhân không bao giờ có sự "vô thức" tuyệt đối. Song, để dễ cho sự nhận biết những hành động thích ứng mang tính bản năng với những hành động thích ứng chịu sự chi phối của ý thức, chúng ta phân chia thích ứng ra làm hai loại, tùy thuộc vào mức độ tham gia của ý thức.

Thích ứng tự nhiên là sự thích ứng với những điều kiện sống thông qua các phản ứng của cơ thể sinh hoạt với các tác động trực tiếp vào cá nhân. Thuộc loại thích ứng này có hệ thống các phản xạ không điều kiện của cơ thể đối với môi trường như khí hậu, thời tiết, cảnh quan... Chẳng hạn, khi lạnh da thường co lại để giữ nhiệt ; khi gặp nguy hiểm ta thấy ón lạnh sau lưng, dựng tóc gáy, đang đi có vật cản lao về phía ta, ta thường co tay đẩy lại... Sự thích ứng của cơ thể dưới dạng các phản xạ có điều kiện nếu một khi trở thành kỹ xảo các thao tác trở nên thuần thục, sự tham gia của ý thức là không đáng kể thì đây cũng được coi là sự thích ứng vô thức. Chẳng hạn người đã biết bơi, khi xuống nước, đều có các phản ứng vùng vẫy chân tay để cơ thể nổi ; một người thợ khi thực hiện các thao tác nghề, có thể vừa làm vừa chuyện trò mà không nhầm lẫn (cán bộ văn phòng đánh máy, đan lát, thợ đóng hộp thuốc lá...)

Thích ứng tự nhiên có cả ở người và động vật, song ở con người, cấp độ và chất lượng thích ứng ở mức độ cao hơn nhiều. Nó không còn thuần túy chỉ là sự thụ động chống đỡ mà còn là sự kết hợp giữa phản ứng tự nhiên với chủ động nắm bắt các tác động để chống đỡ có hiệu quả (cùng phản ứng với nhiệt độ thấp về mùa đông, bên cạnh sự phản ứng tự nhiên như co rút, độ căng của da giảm, là mặc thêm quần áo ấm, ít đi ra ngoài gió hơn, sử dụng nước nóng trong tắm rửa, tăng thêm các phương tiện sưởi ấm...).

Vì vậy, cho dù đó là những quá trình thích ứng vô thức, song ít nhiều đã có sự tham gia của ý thức, bị chi phối bởi những giá trị khác nhau trong các mối quan hệ xã hội. Với lý do đó, trong giao tiếp bình thường, ta chỉ có một danh từ chung để chỉ quá trình thích ứng đó là "thích ứng xã hội".

Thích ứng xã hội là quá trình cá nhân nhận biết bản thân và nhận thức các quy luật vận động của tự nhiên, các chuẩn mực (quy tắc phép tắc) của xã hội đang diễn ra xung quanh mình để vừa tiếp nhận kinh nghiệm xã hội, chịu sự quy định của những giá trị xã hội đó, vừa chuyển hoá những giá trị xã hội thành những giá trị của riêng mình, góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và cùng với nó là sự tích tụ thêm kinh nghiệm sống của cá nhân trước các yêu cầu của chủ thể thích ứng (môi trường hoạt động). Tất cả các biểu hiện của quá trình thích ứng theo dạng này luôn luôn có sự tham gia ở mức độ cao của ý thức. Ý thức trở thành nhân tố thường trực tạo nên sự thành công hay thất bại của quá trình thích ứng. Với cách hiểu như vậy về thích ứng có ý thức, trên thực tế nó chính là quá trình xã hội hoá cá nhân. Sự khác biệt giữa quá trình xã hội hoá và quá trình thích ứng là ở chỗ quá trình xã hội hoá được thể hiện trên bình

diện toàn xã hội với tất cả những gì tồn tại trong xã hội, tự giác hoặc tự phát, còn quá trình thích ứng bao giờ cũng là hoạt động có định hướng (ứng đáp, phản ứng và thích nghi, tương thích - sự hoà nhập), là một quá trình tự giác luôn mang tính tích cực, chủ động của cá nhân trước những yêu cầu của môi trường hoạt động. Quá trình thích ứng thường chỉ diễn ra trên bình diện bộ phận trong quá trình xã hội hoá (thích ứng nghề nghiệp, thích ứng với môi trường sống, thích ứng với cuộc sống gia đình khó khăn...). Trong thực tiễn, với những đặc điểm tương đồng của quá trình xã hội hoá và quá trình thích ứng, nhiều khi các khái niệm đã nêu còn được thay thế cho nhau.

➤ *Mối quan hệ giữa hành vi xã hội, hoạt động xã hội và thích ứng xã hội*

Nếu hiểu thích ứng như là cách đáp lại những tác động của ngoại giới đối với chủ thể, giúp cho chủ thể tồn tại cả về mặt sinh học, cả về mặt xã hội, thì thích ứng không chỉ bao gồm một hệ thống các hành vi xã hội mà còn là sự có mặt của một hệ thống các hoạt động xã hội. Hành vi xã hội không đơn thuần là sự phản ứng của con người trước các tác động ngoại giới như J.Watson, đại diện tiêu biểu của thuyết hành vi trong tâm lý học đã đề xuất. Hành vi xã hội luôn tồn tại trong nó những yếu tố bên ngoài (hệ thống giá trị xã hội và hoàn cảnh thực tế của tình huống làm xuất hiện hành vi). Hầu hết hành vi trong cuộc sống của mỗi cá nhân đều ít nhiều có sự cân nhắc, suy đoán lợi hại để đi tới những phản ứng của bản thân. Những cân nhắc và suy đoán này xuất phát từ kinh nghiệm của mỗi người, do vậy phù hợp hay không phù hợp của phản ứng luôn bị chi phối bởi vốn liếng tích lũy được trong các mối quan hệ xã hội (chẳng hạn, trước một cuộc ẩu đả có bạn mình trong đó, việc tham gia hay không tham gia vào hoạt động đó hoàn toàn do kinh nghiệm trước đó mà cá nhân đã từng trải để đi tới quyết định : hoặc là tham gia can ngăn, hoặc lảng tránh sự việc. Mỗi quyết định trên đều là sự suy nghĩ về cái được, cái mất, cái cá nhân và tình bè bạn để dẫn tới những hành vi đó. Rõ ràng ở đây sự can thiệp của ý thức như là người bạn đồng hành với hành vi : bỏ bạn hay cứu bạn, được về tình nghĩa nhưng có thể bị tổn hại về thể xác...). Có thể nói, con người chỉ có hành vi chính thống (bản năng) khi họ chưa hình thành ý thức, hoặc mất đi khả năng ý thức về mình và xã hội. Mọi hành vi giúp cho con người đi dần tới sự thích hợp với ngoại giới đều có sự tham gia của ý thức. G.Mead, nhà xã hội học Mỹ, đã có quan niệm đúng về hành vi của con người bằng hành vi xã hội có tổ chức của một nhóm xã hội. Hành vi xã hội không thể thiếu được nếu xây dựng nó từ các tác nhân và các phản ứng. Nó cần được phân tích như một chỉnh thể linh hoạt, không có bộ phận nào của chỉnh thể được phân tích hoặc có thể được phân tích một cách độc lập (Mead, 1931, Mind, Self and Society).

Trong đời sống cá nhân, những hành động thường nhật luôn bao gồm trong nó một tổ hợp các hành vi và dưới nó là một tổ hợp các thao tác - được coi là những đơn vị cơ bản của hành động. Vì thế nếu như hành vi có thể được phân chia thành những hành vi bản năng và hành vi xã hội, thì chính những thể loại này tạo nên những hành động bản năng và hành động xã hội.

Hành động bản năng là những hành động mà khi thực hiện nó, rất ít có sự can

thiệt của ý thức (đôi khi chúng ta còn quan niệm như một hành động vô thức). Những phản ứng cá nhân trước tác động của ngoại giới thường mang tính tức thời nhằm đáp trả những tác động đó (ngoại trừ những phản ứng mang tính vô thức) đều mang dấu ấn của kinh nghiệm sống đã được khái quát hoá, trừu tượng hoá nhờ các biểu tượng ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi. Kinh nghiệm sống càng dồi dào thì những biểu tượng phản ánh tác động khách quan càng phong phú. Chẳng hạn nheo mắt là thốt phản ứng mang tính vô thức khi có luồng sáng mạnh chiếu vào mắt ta, song nheo mắt trước một đối tác nào đó cũng có thể là một ám hiệu biểu hiện sự thông cảm, hoặc chỉ dẫn một hành vi cần tiếp tục hay không thực hiện nữa. Hành động nheo mắt này trên thực tế đã bao gồm cả những giá trị xã hội do các cá nhân rút ra từ những kinh nghiệm sống. Các tác giả Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng đã đưa ra một nhận định rất đúng đắn rằng : dựa vào các chuẩn mực, các giá trị xã hội, các cá nhân xem xét và đưa ra quyết định hành động hay không hành động ? Nếu hành động thì làm như thế nào ? tại sao phải làm như vậy ? Nói cách khác, hành động xã hội là hành vi, là hành động bị quy chiếu theo những chuẩn mực, giá trị của xã hội như đúng - sai, tốt - xấu, đẹp không đẹp, được ủng hộ hay bị phản đối.... Ngược lại, các hành động vật lý, bản năng sinh học không bị đối chiếu với các chuẩn mực, các giá trị xã hội, nói cách khác, chúng không có tính chuẩn mực...

Các hành động xã hội được cá nhân thực hiện tuy có sự quy định của những chuẩn mực xã hội nhằm mục đích hoà nhập với cộng đồng, thích ứng với những gì do cộng đồng quy định, khi đó cá nhân giữ vai trò như là đối tượng chịu sự điều chỉnh của chuẩn mực xã hội, song cái chủ thể của quá trình hoà nhập luôn được thể hiện thông qua thái độ tiếp nhận, năng lực tiếp nhận để từ đó, so sánh, đối chiếu giữa những gì có được của bản thân (kinh nghiệm sống) với đòi hỏi của tác động ngoại giới. Sự so sánh, cân nhắc này của chủ thể hành động là quá trình nhập tâm, biểu lộ rõ nét tính nhạy bén, quyết đoán, mềm dẻo của cá nhân trước mọi tác động vào chủ thể. Nếu sự nhập tâm này là đúng đắn thì chủ thể có thể có khả năng tìm kiếm được những phương án thích ứng hiệu quả, còn một khi đánh giá sai lệch mặc định của tác động thì chủ thể sẽ vướng phải những thiếu sót hoặc sai lầm trong thích ứng. Trong thực tế giáo dục, đứng trước tập thể học sinh, nhiều khi một tiếng cười rộ của các em lúc bước vào lớp học cũng đòi hỏi người giáo viên phải rà soát lại mình : Kiểu chào hỏi, đầu tóc, quần áo của bản thân có gì khiếm khuyết?... Có thể nói nhận định, đánh giá chủ quan của chủ thể hành động được đặt trong quan hệ quy chiếu không gian ba chiều : chiều chủ quan bao gồm các yếu tố về nhu cầu, động cơ, mục đích, phương pháp thực hiện hành động, chiều xã hội bao gồm các chuẩn mực, giá trị của cộng đồng quy định cho hành động của cá nhân và chiều bản năng sinh học vốn có của một thực thể sống. Ngoài ra, ảnh hưởng tới những hành động xã hội của cá nhân còn có sự tham gia của những tác động vô định mang tính ngẫu nhiên (độ nhiễu) mà trong các mối quan hệ xã hội rất ít khi gặp phải (được coi là những tình huống bất ngờ). Những tình huống này một khi xuất hiện luôn đòi hỏi sự thích ứng nhanh, nhạy cảm và quyết đoán của chủ thể hành động.

Cũng từ độ nhiễu này, thường khiến cho chủ định của hành động bị chuyển hoá thành một dạng khác biệt so với dự kiến. Trong xã hội học người ta coi đó là những hậu quả không dự định do hành động mang lại. Phân tích hành vi xã hội và hành động xã hội thực chất là tìm hiểu bản chất xã hội của hành động thích ứng, bởi lẽ quá trình thích ứng không có gì khác hơn và chủ yếu hơn là sự thích ứng của những hành vi và hành động của mỗi cá nhân trong những điều kiện xác định về các mối quan hệ xã hội, đó cũng đồng thời là quá trình xã hội hoá cá nhân trong suốt quá trình sống và phát triển nhân cách. Đời sống của mỗi con người luôn luôn được diễn ra trong sự thích ứng, tới mức ta có cảm giác như chính mình đang ở một vai diễn ra mỗi một thời điểm trên kịch trường của các mối quan hệ xã hội (Erving Goffman). Đại văn hào W.Shakespeare viết : "Cả thế giới là một sân khấu mà trên đó những người đàn ông và đàn bà là những diễn viên" [5]. Tuy nhiên, đó mới chỉ là một mặt của hành động xã hội - khi họ cần thiết phải ẩn dấu một lợi ích, một tính cách, một nhu cầu nào đó để đạt tới mục đích cho mình hoặc cho đối tác. Trong muôn mặt đời thường, sự thích ứng xã hội sẽ đạt tới giá trị chân thực của một chủ thể, vừa có cái "tôi" trong các mối quan hệ, vừa phù hợp với những chuẩn mực do cộng đồng quy định. Khi đó hành động xã hội là một bản hoà tấu mà trong đó, mỗi hành động của cá nhân là một nhạc công giúp cho âm điệu của bản nhạc có sắc thái riêng phản ánh một biểu tượng hài hoà của đời sống.

Chuyển biến từ sự "ẩn dấu" của cái tôi đến trình độ tự giác bộc lộ nó phù hợp với đòi hỏi của xã hội là quá trình bao gồm một số giai đoạn cơ bản :

Trước hết là nhận biết mình. Thích ứng xã hội thực chất là sự chững chặc cá nhân vào các mối quan hệ do cá nhân lựa chọn, mà số những mối quan hệ này lại được tạo bởi những con người cụ thể có vị trí xã hội, vị thế xã hội và giữ những vai trò khác nhau. Trong đó chủ thể thích ứng trước tiên cần phải biết mình ở vị trí nào trong mối quan hệ mà họ tham gia (chẳng hạn trong quan hệ gia đình, một ảnh viên có thể ở vị trí của một người con, nhưng đối với các học sinh phổ thông khi đi thực tập, họ là giáo viên chủ nhiệm lớp). Không phải mọi sinh viên khi học nghề đều nhận thức rõ vị trí xã hội của bản thân. Ở họ, vị trí mới do xã hội xác định chưa được nhập tâm, tới mức họ vẫn cảm nhận mình còn bé bỏng, chưa phải chịu trách nhiệm đối với những hành vi do họ gây ra, họ là người được che chở như họ đã từng được hưởng thụ trong quan hệ cha mẹ - con cái. Chính vì chưa nhận biết được vị trí của mình trong hoàn cảnh mới của pháp luật Nhà nước, quy chế học đường (quan hệ công dân - bình đẳng trước chuẩn mực xã hội), nên sự quy định của mỗi quan hệ thứ bậc (vị trí của một sinh viên trước ban lãnh đạo lớp, ban chấp hành đoàn thanh niên cộng sản, trước thầy cô giáo,...) đã ảnh hưởng tới quá trình sinh hoạt, tu dưỡng và học tập của họ trong quá trình đào tạo. Một sinh viên khi đánh bạn gây thương tích, ở vị trí của một công dân, họ bị đình chỉ học tập theo quy chế học sinh sinh viên, song nếu ở gia đình, cũng hành vi đánh em, họ chỉ bị cha mẹ quở mắng. Trải qua sinh hoạt tập thể những kinh nghiệm thực tiễn sẽ giúp cho mỗi sinh viên nhìn nhận rõ hơn mình đang đứng trong mối quan hệ nào ? cái gì được bảo vệ, thụ hưởng và cái gì phải tuân thủ và chịu trách nhiệm? Điều đó cũng

có ý nghĩa là sự nhận biết vị trí của mình trong một quan hệ xã hội mới luôn gắn liền với những quyền lợi và nghĩa vụ tương ứng với vị trí mà họ có được, hay nói một cách khác, xác nhận được vị trí của mình cũng chính là cơ sở giúp họ thấy được sự đánh giá của xã hội đối với bản thân và vị thế của chính họ trong hoạt động xã hội. Việc nhận biết mình khi đạt tới mức độ xác định được mình ở thứ bậc nào trong thang bậc của những người trong cùng vị trí là sự tăng trưởng về chất trong nhận thức của sinh viên, nếu như người thầy thật sự giữ được vị thế của mình về đức độ, về tay nghề và nghệ thuật giáo dục của họ trong quá trình đào tạo. Trong nhà trường sư phạm, người thầy giáo không chỉ là tấm gương soi cho sinh viên mà trước hết là khuôn mẫu về vị thế xã hội mà người sinh viên cần đạt tới để trở thành người thầy giáo thực thụ sau khi ra trường. Cho dù mỗi sinh viên trong các môi quan hệ xã hội có thể có những vị thế khác biệt (là sinh viên trong tổ chức lớp, là bí thư chi đoàn trong tổ chức đoàn thanh niên...), song vị thế xã hội chủ yếu của sinh viên đó trong thời gian đào tạo là giáo sinh sư phạm và tương lai gần, khi họ ra trường, nghề nghiệp đã ổn định, vị thế chủ đạo của họ là giáo viên. Để có được sự thích ứng với vị thế xã hội mà sinh viên sẽ thực hiện sau này, các cơ sở đào tạo cần thiết phải giúp cho họ cả về mặt nhận thức và có những hình mẫu cụ thể, tạo điều kiện cho họ tập dượt và được thể nghiệm trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Hình mẫu này được coi là mô hình hành vi, hành động được xã hội thừa nhận, đòi hỏi những vị thế xã hội tương ứng. Thực hiện theo mô hình này, mỗi cá nhân sẽ đảm nhận một vai trò xã hội bao gồm những quyền và nghĩa vụ phù hợp với vị thế xã hội có được ở họ. Do có sự khác nhau về các chuẩn mực này, mỗi cá nhân sẽ đảm nhận một vai trò xã hội bao gồm những quyền và nghĩa vụ phù hợp với vị thế xã hội mà họ có được. Cũng do có sự khác nhau về các chuẩn mực của xã hội đặt ra cho mỗi lĩnh vực hoạt động mà vai trò của mỗi lĩnh vực hoạt động xã hội cũng rất khác nhau. Chẳng hạn nghề dạy học là một trong những lĩnh vực hoạt động xã hội có cùng mục đích với các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, nghệ thuật... nhằm xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và hiện đại, song, với đặc thù của riêng mình trong việc hình thành nhân cách con người cho xã hội mới, xã hội đặt ra cho hoạt động sư phạm những chuẩn mực riêng như phẩm chất của ông thầy, năng lực chuyên tài hệ thống tri thức, hình thành kỹ năng và kinh nghiệm sống cho học sinh, nghệ thuật ứng xử... Do đó, để mỗi sinh viên sư phạm khi bước vào nghề có thể làm tốt vai trò do xã hội quy định, cần thiết phải có những tác động cả về hai phía : về phía nhà nước - số lượng và chất lượng các chuẩn mực xác định vai trò của người giáo viên cho từng cấp học, từng loại hình (thời gian tập dượt và quyền lợi của họ); về phía mỗi sinh viên thì phải được đào tạo để nắm vững những yêu cầu nghề nghiệp khi họ tiếp nhận vị thế xã hội do người giáo viên đảm nhận. Tuy nhiên, trong thực tế học hỏi, tập dượt vai trò của sinh viên sẽ xảy ra tình trạng bất cập giữa hệ thống tri thức và năng lực thể hiện vai trò của cá nhân với những chuẩn mực của vai trò do xã hội định đặt mức độ tương hợp mà họ thực hiện. Khả năng thích ứng này không chỉ phụ thuộc vào năng lực sẵn có của mỗi cá nhân (chủ yếu được hình thành trong quá trình đào tạo và hoạt động nghề nghiệp

của họ), mà còn nhờ quá trình đào tạo, mỗi thành viên trong cộng đồng còn nhận thức rõ hơn về vai trò của những nhóm xã hội mà họ là một thành viên đối với sự phát triển của đất nước. Những chuẩn mực đặt ra, chẳng hạn đối với đội ngũ giáo viên là lòng trung thành đối với Đảng, là đức độ trong sáng và tình cảm nhân hậu đối với trẻ, là tay nghề và nghệ thuật sư phạm, là sự vững vàng về chuyên môn..., tất cả những tiêu chí này là cơ sở cho sự phấn đấu rèn luyện của sinh viên sư phạm, giúp họ có thể nhập cuộc được trong nghề nghiệp. Những sinh viên không đáp ứng được chuẩn mực của nghề nghiệp, sẽ không thể đứng vững trong nghề, thậm chí bị gạt khỏi đội ngũ vào một thời điểm nào đó. Quá trình thẩm thấu những chuẩn mực của nghề dạy học nhằm xác định vai trò xã hội của bản thân trước cộng đồng được coi là quá trình xã hội hoá nghề nghiệp đối với mỗi sinh viên. Chúng ta nói tới "thẩm thấu" là nói tới tính hai mặt của quá trình xã hội văn hoá : mặt chuẩn mực quy định hành vi của con người và mặt chủ thể với những nhu cầu và năng lực trong tiếp nhận những chuẩn mực ấy. Mặt thứ nhất được Neo Smelser, một nhà xã hội học Mỹ, xác định : "Xã hội hoá là quá trình mà trong đó cá nhân học cách thức hoạt động tương ứng với vai trò của mình", và mặt thứ hai, cũng là một nhà xã hội học Mỹ, Fichter đã viết : "Xã hội hoá là một quá trình tương tác giữa người này với người khác, kết quả là một sự chấp nhận những khuôn mẫu hành động và thích nghi với những khuôn mẫu hành động đó". Kết hợp hài hoà giữa việc tiếp nhận các kinh nghiệm, giá trị, chuẩn mực của cá nhân với khả năng tích cực của họ trong quá trình xã hội hoá nhằm tạo ra những giá trị, chuẩn mực mới cho cộng đồng, có nghĩa là họ (người được xã hội hoá) sau khi nhập tâm kinh nghiệm sống theo cách riêng của mình, có thể chuyển hoá nó thành một "thực đơn" mới cho xã hội. G:Andreeva, một học giả Nga, đã quan niệm : "Xã hội hoá là quá trình hai mặt. Một mặt, cá nhân tiếp nhận kinh nghiệm xã hội bằng cách thâm nhập vào môi trường xã hội, vào hệ thống các quan hệ xã hội. Mặt khác, cá nhân tái sản xuất một cách chủ động hệ thống các mối quan hệ xã hội thông qua chính việc họ tham gia vào các hoạt động và thâm nhập vào các mối quan hệ xã hội". Quá trình tiếp nhận và tái tạo này đồng thời cũng là bản chất tích cực trong quá trình thích ứng với lĩnh vực nghề nghiệp mà cá nhân tham gia hoạt động.

Trong quá trình xã hội hoá, tùy thuộc vào vị trí, vai trò xã hội của cá nhân mà đặc điểm của quá trình này là khác nhau. Ở giai đoạn tiền học đường (tuổi nhà trẻ, mẫu giáo), trẻ được hưởng những quyền lợi do cha mẹ và xã hội chăm nom nhiều hơn là sự đóng góp với xã hội. Trách nhiệm cơ bản của trẻ đối với xã hội là nhận biết các quan hệ thứ bậc trong gia đình và ngoài xã hội ở một phạm vi hẹp, tập làm quen dưới sự chỉ đạo, uốn nắn của các bậc cha mẹ và những người làm công tác giáo dục, biết tự giải quyết những công việc đơn giản có liên quan tới cuộc sống bản thân... Trẻ tiếp nhận các chuẩn mực xã hội dưới sự dẫn dắt và chỉ bảo của người lớn, sự bắt chước hầu như nguyên bản những kiểu mẫu đã được sắp xếp và ổn định.

Tính định hướng cụ thể và những biểu tượng chuẩn xác thông qua ngôn ngữ hành vi giao tiếp của người lớn đối với trẻ có ảnh hưởng lớn lao tới quá trình xã hội hoá của

trẻ em lứa tuổi tiền học đường và cùng với nó, trẻ thích ứng với vai trò mà gia đình và xã hội tạo cho chúng : một đứa con, một người anh, người chị, trong gia đình, một thành viên trong một nhóm bạn, một lớp học, một giới tính trai hoặc gái. Cho dù vai trò xã hội còn rất hạn hẹp, giản đơn, song đối với trẻ nhỏ, những gì do hoàn cảnh sống đặt ra buộc các em phải thích ứng (ăn, ngủ, trật tự, nề nếp, xưng hô, nhường nhịn, vui đùa thân ái với bạn bè...) cũng đòi hỏi trẻ phải có sự nỗ lực thường xuyên. Trong giai đoạn này, môi trường gia đình có vai trò cực kỳ to lớn đối với khả năng thích ứng của trẻ. Nhiều mối quan hệ xã hội khác được trẻ tiếp nhận thông qua những mối quan hệ trong một xã hội thu nhỏ là gia đình. Quan hệ tình cảm, quan hệ vật chất, những thói quen và lối sống của những thành viên khác trong gia đình luôn luôn được trẻ coi là những "chuẩn mực" để noi theo. Do đó hiệu quả thích ứng xã hội đối với trẻ tiền học đường phụ thuộc nhiều vào môi trường sống của gia đình bên cạnh những tác động khách quan khác (nhà trẻ, đường phố, nhóm bạn...).

Ở giai đoạn học đường, hoạt động chính của nhi đồng, của thanh thiếu niên là học tập. Nhiệm vụ trọng tâm mà xã hội đặt ra cho các em là tiếp thu một hệ thống tri thức, kỹ năng bao gồm những cơ sở khoa học và kinh nghiệm sống của thế hệ đi trước. Cùng với sự phát triển về thể lực là sự gia tăng về năng lực nhận thức thông qua các hoạt động trí tuệ, các em được mở rộng các phạm vi hoạt động xã hội, văn hoá, vui chơi giải trí, các mối quan hệ xã hội ngày một đa dạng, phức tạp. Cũng chính trong giai đoạn này, vai trò xã hội của các em được thể hiện rõ nét hơn. Những chuẩn mực xã hội được các em tiếp nhận không chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình mà còn có sự tham gia của các tổ chức, cộng đồng xã hội với những quy phạm, mức độ khắt khe xác định (ở trường học là nội quy, quy chế, ở tổ chức Đoàn, Đội là tôn chỉ, mục đích, ở xã hội là pháp luật...).

Sự chuẩn bị về mặt nhận thức cho thanh thiếu niên trong giai đoạn học đường trên cơ sở trang bị cho họ một hệ thống giá trị xã hội được thực hiện thông qua các thể chế xã hội mà trong đó, trường học các cấp được coi là vũ đài chính. Nhà trường giúp cho các cá nhân tiếp thu được một nền văn hoá mà những thế hệ đi trước đã tích lũy, bao gồm: hệ thống những kiến thức về tự nhiên, xã hội, tư duy, công nghệ, kỹ thuật và cách thức hoạt động ; hệ thống kinh nghiệm thực hiện những cách thức hoạt động đã biết, dưới dạng kỹ năng và kĩ xảo của người lĩnh hội kinh nghiệm ; hệ thống kinh nghiệm hoạt động tìm tòi, sáng tạo nhằm giải quyết những vấn đề mới mẻ, đặt ra trước xã hội ; hệ thống những quy phạm của mối quan hệ đối với thế giới, của người đối với người, nghĩa là những phẩm - chất ý chí, đạo đức, thẩm mỹ và tình cảm. Sự lĩnh hội yếu tố thứ nhất của nền văn hoá sẽ giúp cho cá nhân hình thành bức tranh về thế giới và vũ trang cách tiếp cận về phương pháp luận đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn. Nói cách khác, những chuẩn mực được thể hiện vai trò xã hội của mình. Sự lĩnh hội hệ thống kinh nghiệm thứ hai và thứ ba sẽ cho phép cá nhân thể hiện chính mình trong quá trình xã hội hoá nhờ vào việc tái tạo, bảo tồn các chuẩn mực xã hội, tiếp thu sáng tạo ra những chuẩn mực mới cho cộng đồng ở những cấp độ khác nhau tương

ứng với năng lực của bản thân. Còn hệ thống kinh nghiệm thứ tư sẽ tạo điều kiện làm nảy sinh ở mỗi thanh thiếu niên những nhu cầu đạo đức và thẩm mỹ, sắc màu lĩnh cảnh, động cơ hành động... Nghĩa là tất cả những chức năng khác biệt mà cá nhân phải nhập tâm trong quá trình học tập để khi kết hợp chúng sau một quá trình đào tạo, nhân cách của họ được hình thành, phát triển, mặt xã hội của nhân cách trở lên rõ nét, giúp họ có tiềm năng bước vào các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cụ thể. Tuy nhiên, năng lực nhận thức, mức độ lĩnh hội và trình độ vận dụng những kinh nghiệm này ở mỗi cá nhân không đồng đều. Điều đó sẽ dẫn tới tình trạng ở cá nhân này hay cá nhân khác có khi thông hiểu chuẩn mực mà không biết vận dụng, hoặc có thể hiểu, biết vận dụng nhưng máy móc và thiếu sáng tạo hoặc hiểu biết một cách nhuần nhuyễn, mềm dẻo trong vận dụng và linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn. Có thể nói với tính kế hoạch, hệ thống khoa học, có sự định hướng nhờ vào mục đích và mục tiêu đào tạo của từng cấp học, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, sự đầu tư và quan tâm của toàn xã hội, hiệu quả của quá trình xã hội hoá đối với thanh thiếu niên trong hoạt động học tập ở nhà trường là cực kỳ to lớn. Tất cả những gì mà học sinh tiếp nhận ở trường học là cơ sở ban đầu, cần thiết cho những giai đoạn tiếp theo của lao động nghề nghiệp. Cùng với sự xã hội hoá diễn ra trong giai đoạn học đường, quá trình thích ứng xã hội của cá nhân cũng được thực hiện. Đây là sự thích ứng nền tảng cho những thích ứng chuyên biệt của mỗi cá nhân bởi tính phổ biến, cốt lõi về sự có mặt của nó trong mọi dạng lao động sau này. Chúng ta có thể coi giai đoạn thích ứng này như là giai đoạn tiền thích ứng nghề nghiệp.

➤ *Thích ứng nghề*

Thích ứng nghề là một dạng thích ứng có liên quan mật thiết với các dạng thích ứng khác, *thích ứng nghề của một lao động tương lai là quá trình tiếp xúc của họ đối với hoạt động nghề nghiệp, với những điều kiện học tập và lao động. với một tập thể mới.* Kết quả sự thích ứng mà họ đạt tới sẽ được biểu đạt thông qua mức độ tương ứng giữa những yêu cầu nghề nghiệp với những phẩm chất cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp đó.

Như vậy, thích ứng nghề được biểu hiện không chỉ như là sự nắm vững những yêu cầu của nghề mà còn là quá trình nắm được những mối quan hệ giao tiếp xã hội để hình thành các phẩm chất cá nhân trong một nghề cụ thể. Nói một cách khác, thích ứng nghề được biểu hiện không chỉ là sự làm quen với một tổng số những đặc điểm nghề, mà còn là quá trình thiết lập sự thích ứng mang tính xã hội của cá nhân. K.K.Platônôv đã chỉ ra rằng, đặc điểm này (thích ứng xã hội) cần phải được đề cập tới khi nêu ra bản chất của thích ứng nghề. Ông cho rằng : "thích ứng nghề" bao gồm một số kỹ năng thu được khi làm việc trong một tập thể và trong các mối quan hệ nhân cách của những tập thể nghề nghiệp khác nhau [21].

Thích ứng nghề là quá trình đưa con người vào lao động nghề nghiệp, là thời kỳ chuyển thanh niên học sinh, sinh viên sang vị thế của người công dân có tay nghề. Sự chuyển biến này diễn ra ở các mặt phát triển của cá nhân (sức khoẻ, tâm lý, tay nghề,

kinh nghiệm sống, tính cách, đạo đức...). Toàn bộ quá trình thích ứng nghề được diễn ra theo thứ tự ứng với các giai đoạn sau :

* Thích ứng với môi trường nghề (thích ứng ban đầu).

Ở giai đoạn này, mỗi cá nhân tự đánh giá lại quyết định vào trường nghề của mình có đúng không, từ đó mà hình thành thái độ ban đầu với nghề, với các hoạt động học tập, sinh hoạt của trường nghề. Cũng trong giai đoạn này, sinh viên tự tìm cho mình sức hấp dẫn của nghề nghiệp, thử so sánh giữa ước mơ cũ và hiện thực để xây dựng và củng cố niềm tin đối với sự lựa chọn nghề nghiệp. Do tính chất mới mẻ này của sự phát triển tâm lý, sức hấp dẫn của nghề nghiệp phụ thuộc không nhỏ vào những cư xử ban đầu của cơ sở đào tạo nghề, hoặc là gây cho họ những ấn tượng tốt đẹp, giúp các em có được một thích ứng thuận chiều theo môi trường mới, hoặc là tạo ra sự hẫng hụt, sứt mẻ hy vọng.

* Nắm vững hệ thống tri thức và những kỹ năng ban đầu về nghề nghiệp.

Giai đoạn này được thực hiện trong quá trình cá nhân tiếp xúc trực tiếp với các môn khoa học chuyên ngành có liên quan tới lĩnh vực nghề nghiệp tương lai. Nó diễn ra lâu dài và chiếm một vai trò to lớn ảnh hưởng tới chất lượng thích ứng của cá nhân đối với nghề cả về năng lực cũng như về mức độ phù hợp do yêu cầu của nghề đặt ra đối với họ. Sự phù hợp nhiều hay ít của nghề trong giai đoạn này được biểu hiện thông qua kết quả học tập, thử thách tay nghề trong thực tập nghề nghiệp, chính kết quả này tác động trực tiếp đến sự bồi đắp hay làm hao mòn lý tưởng nghề nghiệp của cá nhân.

* Hình thành tay nghề trong môi trường sản xuất.

Đây là giai đoạn thử thách thực sự trong môi trường nghề, được tiếp xúc về không gian và thời gian, cảnh quan, sắp đặt các cơ sở vật chất trong cơ quan, giờ giấc làm việc, nghỉ ngơi, hội họp... thông qua các mối quan hệ qua lại giữa cấp trên và cấp dưới, giữa người học với cán bộ, công chức nơi làm việc, những quyền lợi vật chất được hưởng thụ và đóng góp, sự căng thẳng và mệt nhọc, niềm vui và nỗi buồn, thành công và thất bại trong quá trình vận dụng hệ thống tri thức, kỹ năng nghề nghiệp đã tiếp thu ở học đường vào hoạt động thực tiễn, làm cho quá trình thích ứng trở nên lý thú nhưng cũng không kém phần phức tạp, có thể gây nên những biến đổi rõ nét đối với lý tưởng nghề nghiệp.

Cả ba giai đoạn thích ứng như chúng ta vừa xem xét có mối quan hệ mật thiết với nhau, kế tiếp nhau, tạo thành một quá trình thích ứng hoàn chỉnh. Nếu như ở học sinh phổ thông các lớp cuối cấp trong công tác hướng nghiệp người ta chỉ đặt ra việc hình thành cho học sinh ý thức chọn nghề và một số kỹ năng của một vài nghề phổ biến, thông dụng, thì ở các trường đại học và chuyên nghiệp, vấn đề rèn luyện tay nghề mà sinh viên tiếp thu được trong quá trình học tập tại trường phải được gìn giữ và vận dụng một cách thành thạo vào lĩnh vực nghề nghiệp đã được đào tạo. Tổng số những kỹ năng, kỹ xảo và hệ thống kiến thức được thiết lập trong thời gian học tập tại trường sẽ tạo thành cơ sở của tay nghề trong chuyên môn, giúp cho người lao động có thể

thích ứng nhanh chóng với yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra, đạt tới giá trị khách quan của nghề đòi hỏi.

Có thể nói, khả năng thích ứng của học sinh trong quá trình làm quen với nghề nghiệp được khẳng định trên thực tế kết quả về sự phù hợp hay không phù hợp giữa quá trình phát triển của bản thân với nhu cầu đòi hỏi của nghề nghiệp. Nếu nhân cách nghề là một cấu trúc động, được biến đổi theo sự phát triển của xã hội, thì quá trình trực tiếp tham gia vào hoạt động nghề sẽ là môi trường thuận lợi đầu tiên định hướng theo một kế hoạch khoa học giúp cho cấu trúc nhân cách của tuổi trẻ có cơ sở thích ứng nhanh chóng, đồng bộ với giá trị mang tính khách quan của nghề nghiệp cũng như sự biến đổi nếu có do trình độ sản xuất xã hội tạo nên. Vì thế, nếu mô hình chủ yếu của công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông là "con người - nghề nghiệp", khẳng định tính chủ thể của cá nhân khi lựa chọn nghề, thì mô hình thích ứng của người học trong quá trình đào tạo đối với nghề sẽ là "nghề nghiệp - con người" quy định tính khách thể của cá nhân trong mô hình này và nói rõ rằng với họ vấn đề cơ bản là lựa chọn phương tiện, cách thức để chiếm lĩnh được các giá trị khách quan đó thành giá trị chủ quan cho chính mình. Môi trường nghề luôn luôn là môi trường thuận lợi đối với quá trình hình thành, cải biến và phát triển các phẩm chất nghề nghiệp của cá nhân (hứng thú, động cơ, phẩm chất đạo đức, lý tưởng nghề nghiệp, tay nghề...) là giai đoạn tiếp theo của sự hoàn thiện ở mức độ cao trong công tác hướng nghiệp ở trường phổ thông. Môi trường nghề là cơ sở tạo nên khả năng thích ứng cho hoạt động nghề nghiệp trong một giai đoạn hoặc suốt cuộc đời mỗi người. Tầm quan trọng của môi trường nghề đối với sự hình thành khả năng thích ứng không chỉ dừng lại ở việc chuẩn bị cho cá nhân những tri thức, những kỹ năng cụ thể, mà xa hơn nữa, nó trang bị cho cá nhân khả năng đón nhận những biến động của chính nghề nghiệp họ đang hoạt động qua khả năng nhận biết, chuyển đổi và tự hoàn chỉnh bản thân mình cho phù hợp với nhịp điệu phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ cũng như với các mối quan hệ xã hội và chuẩn mực giá trị trong mọi hoạt động.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. HƯỚNG NGHIỆP - PHẦN TẠO THÀNH CỦA GIÁO DỤC VÀ GIÁO DƯỠNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1.1. Một số cơ sở thực tiễn về sự cần thiết của hoạt động hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông (THPT)

Công tác hướng nghiệp đối với sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam nói chung và nhà trường phổ thông nói riêng là một phạm trù còn rất mới mẻ cả về mặt lý luận và hoạt động thực tiễn.

Thời gian trước đây, những vấn đề có liên quan tới công tác hướng nghiệp, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng giai đoạn lịch sử, nhiều tác giả đã đề cập tới ở góc độ này hay góc độ khác. Vào những năm 80 của thế kỉ XX phải kể tới sự đóng góp của các tác giả như : Phạm Hoàng Gia, Lê Sơn, Phạm Tất Dong đã nêu ra một số cơ sở tâm lý, nội dung của công tác hướng nghiệp. Đặc biệt với luận văn Phó tiến sĩ của mình, tác giả Phạm Tất Dong là người đầu tiên đặt nền móng cho việc thiết lập những cơ sở lý thuyết về hướng nghiệp.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, cùng với chiến thắng của dân tộc giải phóng Miền Nam, thống nhất tổ quốc, công cuộc xây dựng CNXH đặt ra cho sự nghiệp giáo dục nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng góp phần vào việc khôi phục và phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện hoà bình. Nhận biết được nhu cầu này, nhiều bài viết của không ít tác giả đã đưa ra chương trình, nội dung, cách thức tổ chức công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông [8]. Trên thực tế, trong khoảng thời gian 10 năm từ 1980 - 1990, công tác hướng nghiệp đã được triển khai đối với hệ thống giáo dục phổ thông theo kế hoạch, theo chương trình và nội dung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoạch định nhằm làm tốt việc phân luồng học sinh tốt nghiệp các cấp THCS và THPT sau khi tốt nghiệp ra trường. Mặc dù mới chỉ là những bước đi đầu tiên của nhà trường phổ thông vào lĩnh vực hướng nghiệp, hình thức tổ chức hướng nghiệp, hệ thống tư vấn nghề cho học sinh, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác này, đội ngũ cán bộ chuyên môn về hướng nghiệp, v.v... còn quá thiếu thốn và non yếu, song ở một mức độ nào đó thông qua kết quả việc triển khai các chỉ thị của nhà nước và của ngành về hướng nghiệp, chúng ta cũng thấy được sự cố gắng của hệ thống giáo dục khi tiến hành công tác mới mẻ này. Bên cạnh việc hình thành được nội dung công việc hoàn toàn không có trước đây trong công tác giáo dục toàn diện của nhà trường, tăng cường chức năng kinh tế - xã hội của mỗi trường khi thực hiện mục đích giáo dục, xây dựng được một số tài liệu làm cơ sở chỉ đạo cho việc thực hiện chương trình,

nội dung hướng nghiệp, chúng ta đã thiết lập được một mạng lưới các trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp ở các tỉnh và một số thành phố, đô thị lớn của cả nước cho dù hiện nay tên gọi của các trung tâm này có thể đã thay đổi, nội dung các phần việc của nó mang "tính kinh tế" hơn, nhưng xét bề chức năng cơ bản, đây vẫn là những cơ sở trụ cột của công tác hướng nghiệp ở các địa phương. Mặc dù những mầm mống, những yếu tố của hướng nghiệp đã tồn tại trong hoạt động giáo dục của nhà trường như là những nội dung chính khoá, nhưng lý giải nó như một hệ thống tất yếu, khoa học tác động vào sự hình thành nhân cách người học sinh như thế nào thì chúng ta vẫn đang đi ở những bước đầu hơn 20 năm đã qua, kể từ ngày Chính phủ ban hành quyết định 126/CP (10/3/1981) về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý học sinh các cấp THCS và THPT tốt nghiệp ra trường và Thông tư 31/TT của Bộ Giáo dục hướng dẫn việc thực hiện quyết định cho các cơ quan quản lý giáo dục, trường phổ thông các cấp và các cơ quan liên ngành, cùng với sự biến đổi lớn lao của xã hội, giáo dục phổ thông và những vấn đề có liên quan tới vấn đề hướng nghiệp cũng cần được nhận thức sâu sắc và thực tiễn hơn. Trước hết phải thấy rằng, mấy năm trở lại đây, một số định hướng giá trị nghề nghiệp đối với thanh niên bị đảo lộn. Trước đây chúng ta thường lấy sức mạnh tư tưởng để động viên thanh niên đi vào những lĩnh vực có nhiều gian khổ như nông nghiệp, dạy học ở những vùng núi cao, vùng xa xôi hẻo lánh, lâm nghiệp, giao thông, nghề mỏ, cơ khí v.v... và kèm theo đó là phân luồng học sinh theo chỉ tiêu Nhà nước mà không tính tới năng lực, nhu cầu, sở thích của mỗi cá nhân. Ai được đào tạo ra cũng có việc làm và như người ta nói - trở thành cái đinh vít trong một cơ chế đã được định vị sẵn của nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp. Trong xã hội phong kiến, đi học và làm quan là con đường và mục đích phấn đấu của mỗi sĩ tử, thì ngày đó (thời bao cấp) đi học và làm cán bộ là những khái niệm dẫn xuất tất yếu của mỗi học sinh. Sống trong lý tưởng và sự bao dung đến mức khất khe của cơ chế kinh tế cũ, hầu như mọi giá trị nghề nghiệp đã được sắp sẵn mà không cần có sự phán xét, cân nhắc của cá nhân.

Tình hình biến đổi hiện nay trong công tác tuyển sinh đã cho phép học sinh phổ thông tự lựa chọn nghề theo năng lực của bản thân, nhưng đó mới chỉ là điều kiện khách quan, vấn đề là phải tạo cho người học sinh có năng lực tận dụng điều kiện khách quan này. Đây quả thực là một quá trình hết sức phức tạp do kinh tế thị trường hiện nay tạo ra cách nhìn cho mỗi người trong xã hội đối với việc làm của họ theo quy luật lợi ích nhiều hơn là lý tưởng. Nói cách khác khi tìm một việc làm, mỗi cá nhân xác định trước tiên là những gì sẽ đem lại cho họ về mặt lợi ích kinh tế. Nghề nào đem lại tiền lương cao, có khả năng thăng tiến nhanh, nghề đó thu hút nguyện vọng của nhiều người trong xã hội. Việc xoá bao cấp trong các doanh nghiệp nhà nước và sự xuất hiện nhiều doanh nghiệp tư nhân làm cho việc tuyển chọn cán bộ vào làm việc tại các cơ sở trở nên kỹ càng và thận trọng hơn. Những doanh nghiệp trả lương cho cán bộ, công nhân ở mức lương cao là những xí nghiệp có quá trình công nghệ tiên tiến, bộ máy quản lý năng động, hợp lý và tại những doanh nghiệp này, công tác tuyển chọn

người càng khắc khe hơn. Người học sinh nhiều khi không thấy tất cả những yếu tố đó trong việc tuyển chọn cán bộ thời kinh tế thị trường mà chỉ thấy nổi bật lên yếu tố vật chất để đua chen nhau trong kỳ thi tuyển vào một số trường đệ đơn vào các doanh nghiệp một cách tự phát.

Bên cạnh yếu tố tự thân trong việc lựa chọn nghề, những tác động của cha mẹ, những người thân, bè bạn và sự định giá mang tính xã hội trong cộng đồng cũng dẫn tới những sai lầm trong các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh. Chẳng hạn việc chọn trường cho con em mình trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của các bậc cha mẹ có thể đi theo hai chiều hướng :

- Thứ nhất là thích cho con mình là "thầy" hơn "thợ". Có nhiều học sinh học lực chỉ trung bình, thậm chí yếu, nhưng với "mộng" con mình được lao động bàn giấy sạch sẽ, các bậc cha mẹ cố gắng ép con phải thi vào đại học cho sang. Thực tế không như họ suy tính, theo thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh, cơ cấu thu hút lao động qua khảo sát tuyển dụng trên 500 doanh nghiệp trong năm 1999 cho thấy : Đại học (8%), Trung cấp (6%), công nhân bậc 4 (11%), công nhân bậc 1, 2, 3 (32%), tay nghề sơ cấp và lao động phổ thông (24%). như vậy, đầu ra của đào tạo gắn với nhu cầu có việc làm ngay là thợ chứ không phải là thầy.

- Thứ hai xuất hiện ở những cha mẹ có con em với năng lực và trình độ học tập từ trung bình khá trở lên lại muốn con em mình thi vào các trường có tên tuổi, những chuyên ngành đang được xã hội mến mộ (Đại học An ninh, Đại học Ngoại thương, Đại học Kiến trúc, Đại học Kinh tế, Đại học Luật...). Thế nhưng ít ai tiên liệu được rằng, những địa chỉ hấp dẫn này lại là nơi tập trung cao độ số thí sinh dự tuyển và cũng là nơi tiêu chuẩn xét tuyển cực kỳ cao. (Chẳng hạn như ngành Báo chí của Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh trong kỳ tuyển sinh năm 1998).

Trong thanh niên học sinh hiện nay đang phân ngành theo thứ tự ưu tiên "nhất Tin, nhì Anh, tam Kinh (tế), tứ Luật". Song, theo thời gian, cùng với sự biến đổi không ngừng của thị trường lao động, xu thế chọn trường của học sinh đã có sự thay đổi. Nhiều thí sinh thi vào một trường bất kỳ, sau đó học thêm những chuyên ngành "thời thượng" như tiếng Anh, Tin học song song với chuyên ngành đang học. Gần đây lượng thí sinh đăng ký thi vào các trường sư phạm tăng lên đáng kể, nhiều thí sinh đã đặt khối sư phạm vào nguyện vọng đầu tiên. (Cao đẳng Sư phạm TP. Hồ Chí Minh chỉ tuyển chọn trong phạm vi thành phố là 1200 thì đã có đến 15000 hồ sơ đăng ký dự thi. Năm 1998, chỉ tiêu trường Cao đẳng sân khấu điện ảnh TP. Hồ Chí Minh là 50, số thí sinh đăng ký dự thi là 1072, v.v...). Nhìn vào bảng điểm chuẩn của các trường đã công bố (mùa tuyển sinh năm 2003) ta thấy có sự "đổi ngôi" thú vị giữa các ngành nghề : Nếu như 5 năm trước thì ngành Công nghệ thông tin luôn là ngành dẫn đầu vì có điểm chuẩn cao nhất, thì năm nay vị trí này thuộc về ngành cơ điện - điện tử Đại học Bách khoa và ngành công nghệ sinh học Đại học Khoa học tự nhiên.

Ở một số trường trước đây năm 2000 có tỷ lệ "chọi" (tỷ lệ số thí sinh dự thi so

với chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường Đại học) cao như ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Hồ Chí Minh, ĐHSP Hải Phòng thì vào năm 2004 đã giảm : ĐHSP Hà Nội từ 42,7/1 xuống còn 7,8/1 ; ĐHSP Hồ Chí Minh giảm từ 29,8/1 xuống còn 18,8/1 ; ĐHSP Quy Nhơn giảm từ 15,6/1 xuống còn 8,4/1 ; ĐHSP Hải Phòng từ 75,6/1 xuống còn 5,8/1 ; ĐHBK Hà Nội giảm từ 7,7/1 xuống còn 2,5/1 ; các trường ĐH Luật, ĐH Giao thông, ĐH Xây dựng... cũng giảm từ 20-70% (Báo Giáo dục và Thời đại tháng 9/2004).

Một vài số liệu nêu trên cùng với xu hướng chọn trường của tuổi trẻ và của gia đình họ cho thấy việc chọn trường trong các kỳ tuyển sinh Đại học và Cao đẳng là một quyết định quan trọng đầy khó khăn của thí sinh và gia đình. Hàng năm, xu hướng chọn trường đều có sự thay đổi. Chọn trường như là "cửa ải" trước mỗi mùa thi, mang tính chất quyết định cuộc đời và tương lai của mỗi "sĩ tử" .

1.2. Một số quan điểm của Đảng và nhà nước về hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Để có sự định hướng đúng cho tuổi trẻ khi lựa chọn nghề, khắc phục tình trạng xuống cấp của giáo dục trong bước đi ban đầu vào kinh tế thị trường, chúng ta không thể để cho công tác hướng nghiệp bị coi nhẹ (nếu không nói là lãng quên) trong giáo dục toàn diện hiện nay của các trường phổ thông.

Tình trạng trên đây đòi hỏi phải làm sao cho hàng chục triệu học sinh ra trường hàng năm được định hướng về nghề nghiệp, được chuẩn bị về nhận thức, về kỹ năng lao động cần thiết để chủ động đi vào các lĩnh vực nghề nghiệp. Làm được điều đó, chúng ta mới có thể sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trẻ, gắn được trách nhiệm của người thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mười năm trở lại đây, mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề có sự gia tăng đột biến. Đây vừa là cơ may cho nhiều học sinh tốt nghiệp THPT nhưng cũng tạo ra những khó khăn trong việc phân luồng nguồn nhân lực này một cách hợp lý. Từ thực tiễn của hoạt động giáo dục và đào tạo trong mối quan hệ với phát triển bền vững nền kinh tế xã hội, Đảng và nhà nước ta đã có những chủ trương kịp thời và đúng đắn đối với giáo dục hướng nghiệp. Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã ghi rõ : "Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương" [6].

Luật Giáo dục cũng đã khẳng định : giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học nghề nghiệp, học nghề và đi vào cuộc sống lao động" [6].

+ Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị số 14/2001/CT - TTg về việc : "Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện nghị quyết số 40/20001/QH 10 của Quốc hội khoá X". Trong chỉ thị chỉ rõ : trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và

bảo vệ đất nước, sự phát triển nhanh và mạnh mẽ của KH - CN nói chung và khoa học giáo dục nói riêng, chương trình và sách giáo khoa phổ thông. Trong chỉ thị đã đề ra bốn mục tiêu, đó là : "a) nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện... ; b) Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự học của học sinh ; c) Tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và trên thế giới ; d) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, chuẩn bị tốt cho học sinh học tập tiếp ở bậc sau trung học và tham gia lao động ngoài xã hội...". Chỉ thị cũng đề ra nguyên tắc cần phải đảm bảo khi đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, trong đó có nguyên tắc : "Chọn lọc, đưa vào chương trình các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh ; hết sức coi trọng tính thực tiễn, học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với hoạt động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội" [6].

Ngày 23/07/2003, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã có chỉ thị về việc tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Chỉ thị đã nêu rõ : Giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của nội dung giáo dục toàn diện trong nhà trường phổ thông và đã được xác định trong Luật Giáo dục và Chiến lược phát triển giáo dục năm 2001 - 2010. Tuy nhiên, Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) chưa được các cấp quản lý giáo dục và các trường học quan tâm đúng mức, học sinh phổ thông cuối cấp học, bậc học chưa được chuẩn bị chu đáo để lựa chọn nghề, ngành học phù hợp với bản thân và yêu cầu của xã hội. Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường phổ thông, các trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (KTTH - HN)... cần thực hiện tốt những vấn đề sau :

1. Nâng cao nhận thức về GDHN cho học sinh phổ thông.
2. Quán triệt GDHN trong quá trình xã hội, hoàn thiện chương trình, biên soạn sách giáo khoa, sách giáo viên và trong giảng dạy, tổ chức hoạt động ngoại khoá...
3. Nghiêm túc thực hiện sinh hoạt hướng nghiệp ở các trường THCS, THPT và trung tâm KTTH-HN. Ở mỗi trường cần phân công một lãnh đạo phụ trách công tác GDHN và cử những giáo viên có năng lực tổ chức sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh. Nhà xuất bản Giáo dục tổ chức biên soạn, phát hành đủ tài liệu hướng nghiệp dùng trong các nhà trường.
4. Nâng cao chất lượng và mở rộng dạy nghề phổ thông, tổ chức thi nghề nghiêm túc.
5. Tăng cường chỉ đạo việc triển khai thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của trung tâm KTTH-HN để các trung tâm này thực hiện tốt nội dung giáo dục nghề phổ thông trong chương trình THCS và THPT. Quan tâm phát triển các trung tâm KTTH-HN ở những quận, huyện chưa có, nhất là ở vùng đông học sinh, vùng nông thôn. Các huyện miền núi có thể thành lập trung tâm KTTH-HN cần đề xuất với UBND Tỉnh để sớm thành lập.
6. Các cấp quản lý giáo dục cần quán triệt chủ trương xã hội hoá giáo dục trong

chỉ đạo thực hiện GDHN.

Trong phương hướng nhiệm vụ của năm học 2004 - 2005 và giải pháp nâng cao chất lượng toàn diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi rõ : "Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 32/2007/CT BGD&ĐT ngày 23/7/2003 về tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh phổ thông, đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề nhằm góp phần thực hiện phân luồng trong đào tạo".

1.2.1. Về nội dung của các văn bản

Các văn bản của Đảng và Nhà nước đã xác định công tác hướng nghiệp là một bộ phận gắn bó hữu cơ với toàn bộ hoạt động giáo dục trong mọi cấp học, trong chương trình nội dung các môn học chính khoá và hoạt động ngoại khoá, trong phương pháp chỉ đạo tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học của nhà trường phổ thông. Đặc biệt công tác hướng nghiệp phải được tiến hành trên cơ sở nội dung giáo dục lao động - giáo dục kỹ thuật tổng hợp và tổ chức lao động sản xuất. Cụ thể, trong nội dung, các văn bản đã đề cập tới những vấn đề sau:

Những yêu cầu cơ bản đối với công tác hướng nghiệp.

- Giúp cho học sinh hiểu được hệ thống nghề nghiệp trong xã hội, phương hướng phát triển nền kinh tế quốc dân nói chung và của địa phương nói riêng nhằm xác định cho bản thân trách nhiệm, nghĩa vụ sẵn sàng tham gia vào lao động sản xuất.

- Trên cơ sở của sự hiểu biết nghề nghiệp và nền kinh tế quốc dân, của địa phương, những đòi hỏi khách quan của hoàn cảnh, biết đối chiếu với sự phát triển, năng lực, sở trường, tình trạng tâm sinh lý sức khoẻ của bản thân để điều chỉnh động cơ lựa chọn nghề.

- Tạo ra những điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, về các mối quan hệ xã hội và ý thức cầu tiến bộ của học sinh để các em tích cực tham gia vào các hình thức lao động kỹ thuật do nhà trường tổ chức, nâng cao ý thức và thái độ lao động, có dịp thử sức mình trong hoàn cảnh thực tiễn, từ đó kết luận về sự phù hợp nghề nghiệp của bản thân.

- Phải làm cho mỗi học sinh có được tính chủ động trong lựa chọn nghề, có khả năng tự quyết định được con đường nghề nghiệp tương lai của mình.

Như vậy, yêu cầu của công tác hướng nghiệp chính là kích thích phát triển hứng thú lao động nghề nghiệp của học sinh, uốn nắn sự phát triển hứng thú đó cho phù hợp với sự phát triển sản xuất của địa phương và đất nước. Công tác hướng nghiệp còn cần thiết phải hình thành những năng lực lao động - kỹ thuật - nghề nghiệp cho học sinh, tạo cho các em điều kiện cơ bản để quyết định chọn nghề, hơn thế nữa hướng nghiệp được coi như một hoạt động điều chỉnh động cơ chọn nghề của thế hệ trẻ, sao cho mỗi thanh niên học sinh có được tâm lý sẵn sàng lao động, thoả mãn với sự lựa chọn nghề nghiệp của mình, hăng hái bước vào cuộc sống lao động hiện nay.

1.2.2. Phương hướng thực hiện công tác hướng nghiệp

Các văn bản của Nhà nước đã đề cập tới Phương hướng thực hiện công tác hướng nghiệp trước mắt và lâu dài là theo sát đường lối kinh tế của Đảng phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương.

Công tác hướng nghiệp phải nhằm vào nhiệm vụ trung tâm các trọng điểm của kế hoạch Nhà nước. Tuy nhiên với đặc điểm của một nước đi lên từ nông nghiệp, việc thu hút nhân lực vào các lĩnh vực này là hết sức cần thiết, do đó cần phải cần thiết chú ý tới các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, ở thành phố cần quan tâm tới các nghề thủ công, dịch vụ... Hiện nay, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm trong suốt cả thời kỳ quá độ, vì vậy cần thiết phải lưu ý tới nhu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại trọng nước và xu hướng hội nhập quốc tế.

Đây là một hướng rất cơ bản có tính đến yêu cầu chuẩn bị mở rộng đội ngũ công nhân lành nghề cho các ngành công nghiệp then chốt như năng lượng, cơ khí, luyện kim, hoá chất, công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông...

Các văn bản cũng đều nhấn mạnh rằng, công tác hướng nghiệp sẽ được thực hiện và không đòi hỏi điều kiện gì đặc biệt trong khi liên tục cố gắng tạo nên những điều kiện ngày càng tốt hơn. Điều kiện cần thiết nhất, cần ngay là nhà trường cần phải có nhận thức đúng, có tổ chức tốt, đồng thời các cấp bộ Đảng, chính quyền và cơ sở sản xuất phải có trách nhiệm tích cực giải quyết vấn đề theo khả năng của mình. Cần phải làm cho các bậc cha mẹ học sinh hiểu rõ hơn lao động của công tác hướng nghiệp và nhận thức đúng đắn vị trí của mọi hoạt động nghề nghiệp trong xã hội, khuyên nhủ con em mình thấy được vinh dự và trách nhiệm của tuổi trẻ trước những đòi hỏi của đất nước.

Để chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của công cuộc Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá và nền kinh tế tri thức ở nước ta, việc thực hiện nội dung hướng nghiệp cho học sinh phổ thông đã, đang và sẽ theo các định hướng sau đây :

+ Nội dung phải đáp ứng được mục tiêu đào tạo con người toàn diện, năng động sáng tạo, có khả năng xử lý tốt các vấn đề thực tiễn đặt ra.

+ Nội dung vừa mang tính cơ bản, tinh giản, thiết thực, vừa có tính chất "chìa khoá" để tạo điều kiện cho học sinh chiếm lĩnh được các nội dung khác và khả năng phát triển sâu hơn, rộng hơn ngành nghề đã học.

+ Nội dung phải đủ mềm dẻo (có phần cứng và phần mềm), có sự phân hoá phù hợp với năng lực, sở trường của học sinh, tăng thời lượng thực hành, vận dụng tri thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, đặc biệt chú ý tới năng lực khai thác thông tin để biến các nguồn thông tin thành tri thức.

+ Làm cho học sinh biết tiếp cận với trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến của nhân loại, đồng thời phải biết phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc bằng việc phát triển các nghề truyền thống ở địa phương và đất nước.

+ Xác định rõ hướng nghiệp là cầu nối giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Giáo dục phổ thông dưới góc độ hướng nghiệp là để tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Thay đổi nội dung, giáo trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phải chú ý đến hướng nghiệp, dành tỷ lệ số giờ cho hướng nghiệp một cách hợp lý và thích ứng hơn.

+ Đảm bảo được sự cân đối giữa tri thức văn hoá khoa học và kỹ thuật - công nghệ - hướng nghiệp. Tạo điều kiện cho học sinh nhanh chóng tiếp cận với nghề nghiệp, đặc biệt là nghề trong định hướng phát triển cửa địa phương và đất nước.

+ Đảm bảo được sự cân đối của mối quan hệ khoa học và kỹ thuật, truyền thống và hiện đại, cá nhân và cộng đồng, dân tộc và quốc tế

+ Đảm bảo cho người lao động tương lai hội nhập vào xã hội thông tin, do đó yêu cầu về kỹ thuật, kỹ năng nghề phải đạt trình độ tương đương khu vực và thế giới.

+ Theo hướng phát triển liên tục, tạo điều kiện cho học sinh có thể học tập suốt đời để nâng cao trình độ và hoàn thiện nhân cách người lao động trong nền sản xuất hiện đại.

+ Công tác hướng nghiệp phải cung cấp cho học sinh sự hiểu biết về hệ thống nghề nghiệp trong xã hội, đặc biệt đối với những nghề phổ biến và quan trọng nhất của nền kinh tế, đồng thời cũng phải giúp cho học sinh quen biết với những nghề chính của địa phương, của khu vực và những nghề có tính chất truyền thống. Bên cạnh hệ thống nghề nghiệp, trong các giờ hướng nghiệp cũng phải cho học sinh hiểu biết hệ thống các trường nghề (trường dạy nghề, các trường trung học và đại học chuyên nghiệp).

+ Nội dung công tác hướng nghiệp còn bao gồm cả những yêu cầu mà nghề nghiệp đòi hỏi của con người cần có về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, tâm sinh lý và điều kiện sức khoẻ. Đó là những dự kiến đưa ra trước học sinh, giúp các em có cơ sở khoa học, lường thấy hiện thực trong nghề của mình sẽ lựa chọn, xem xét sự phù hợp hay không phù hợp với mình.

+ Thông qua các giờ hướng nghiệp, giúp học sinh có thái độ đúng đắn đối với kinh tế xã hội và người lao động, thấy rõ trách nhiệm của mình giữa hưởng thụ và cống hiến, giữa cá nhân và tập thể, đánh giá đúng những khó khăn và thuận lợi của đất nước, của địa phương nhằm tạo cho mình tâm thế sẵn sàng đi vào mọi nghề, mọi nơi mà Tổ quốc kêu gọi.

+ Nội dung các bài hướng nghiệp phải khơi dậy ý hướng và hứng thú nghề nghiệp cho học sinh. Những mầm giống tốt, những học sinh có thiên hướng nghề rõ rệt cần được phát hiện, duy trì và giúp đỡ phát triển.

+ Công tác hướng nghiệp không chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức mà điều cần thiết là phải hình thành cho học sinh hệ thống tri thức kỹ thuật công nghệ của sản xuất, bảo hiểm kỹ thuật vào lao động có văn hoá. Những hiểu biết này là cơ sở để hình thành cho học sinh những kỹ năng, kỹ xảo ban đầu về nghề nghiệp, trước mắt là để giảm nhẹ mức độ căng thẳng trong quá trình tiếp xúc với nghề nghiệp sau này.

1.3. Vị trí của hướng nghiệp trong hệ thống giáo dục

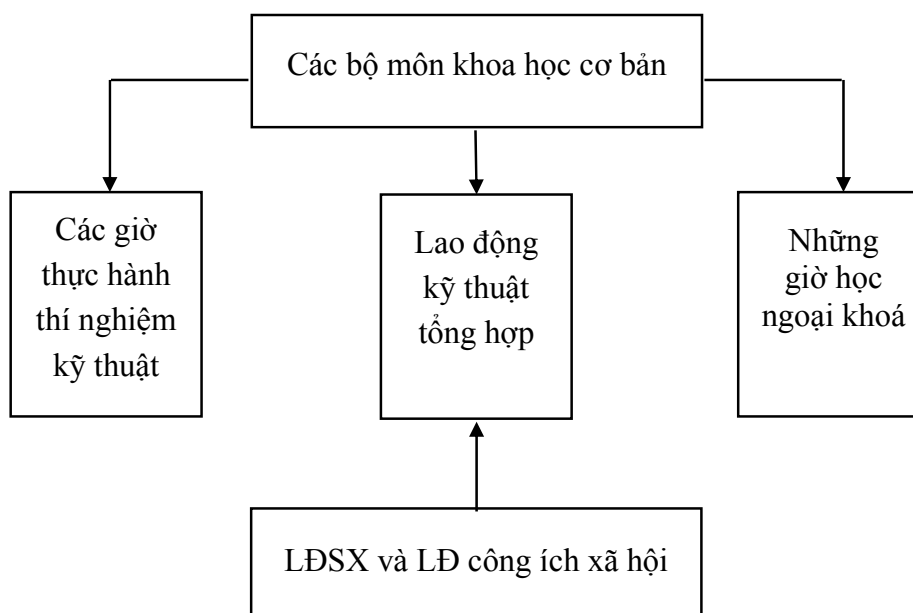
Trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục phổ thông thì giáo dục cơ bản (các môn học : toán, lý, hoá...) có nhiệm vụ trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học về tự nhiên, xã hội và tư duy, nhằm phát triển ở các em năng lực nhận thức, năng lực hoạt động và thế giới quan khoa học. Những kiến thức này được coi như chìa khóa để thế hệ trẻ hiểu các hiện tượng, quy luật của thế giới khách quan, của xã hội và bản thân mình. Hệ thống kiến thức do các môn học cơ bản đem lại là nền tảng của giáo dục kỹ thuật tổng hợp, giáo dục hướng nghiệp và giáo dục lao động cho học sinh.

Nội dung của giáo dục cơ bản bao gồm hàng loạt vấn đề có liên quan tới giảng dạy kỹ thuật tổng hợp, giảng dạy công nghệ sản xuất và công tác hướng nghiệp. Các tri thức nằm trong các bộ môn vật lý, hoá học, sinh vật, toán học và kỹ thuật có quan hệ mật thiết với sự hiểu biết các nguyên tắc khoa học của sản xuất và là cơ sở để học sinh nắm một cách có ý thức các quá trình công nghệ chuyên ngành cũng như những kỹ năng lao động. Mặc dù công nghệ của sản xuất dựa trên những quy luật chung của vật lý, hoá học, sinh học, song chúng có những đặc điểm của riêng mình. Trong các môn khoa học cơ bản, kiến thức công nghệ không được nghiên cứu mà chỉ được sử dụng như những kiến thức minh hoạ. Còn việc đưa những kiến thức này vào trong các bộ môn khoa học cơ bản một cách có hệ thống là không thể được, vì điều đó phá vỡ lôgic của các kiến thức khoa học cơ bản. Chính vì vậy, trong quá trình học tập các môn kỹ thuật chuyên ngành (kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp), học sinh có cơ hội hiểu biết và nắm vững kỹ năng sản xuất và công nghệ chế biến, gia công sản phẩm.

Sự phát triển của công nghiệp được dựa trên cơ sở của việc ứng dụng một cách ý thức những quy luật của tự nhiên. Ngay trong xã hội tư bản C. Mác và Ph. ăng ghen đã cho rằng giáo dục kỹ thuật tổng hợp (GDKTTH) được đặc trưng bởi công nghệ cơ khí và hoá học. Ở những giai đoạn tiếp theo của sự phát triển lịch sử, V.I.Lênin đã chỉ ra rằng đối với GDKTTH, ngoài những kiến thức công nghệ canh nông, việc hiểu biết của học sinh về lĩnh vực chính của sản xuất cần thiết không chỉ giới hạn về mặt lý thuyết mà cả mặt thực hành.

Như vậy, ý nghĩa của GDKTTH được xét cả về hai phương diện có liên hệ với nhau : hình thành những kiến thức lý thuyết đối với những ngành chính của sản xuất xã hội và thứ hai hình thành những kỹ năng, kỹ xảo thực hành, điều khiển công cụ phổ biến trong lĩnh vực sản xuất chủ chốt. Trong giai đoạn hiện nay những kiến thức về kỹ thuật và công nghệ, học sinh được tiếp thu bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng chủ yếu thông qua các con đường sau : các môn khoa học cơ bản, các giờ lao động kỹ thuật phổ thông công nghiệp và nông nghiệp ; lao động công ích xã hội và lao động dịch vụ ; các giờ học ngoài lớp có liên quan với khoa học kỹ thuật. Toàn bộ những kiến thức này thiết lập nên hệ thống chuẩn bị KTTH cho học sinh trong nhà trường phổ thông, và được mô tả theo sơ đồ 7.

Sơ đồ 7: Hệ thống chuẩn bị kỹ thuật tổng hợp cho học sinh phổ thông



Trong hệ thống này, nổi bật lên là mối quan hệ giữa lao động sản xuất và cơ sở khoa học (các bộ môn khoa học cơ bản), bởi vì hiện nay khi địa vị của khoa học được coi như một lực lượng trực tiếp tham gia vào sản xuất xã hội, thì việc nắm kiến thức khoa học ban đầu của học sinh phổ thông là một trong những thành phần quan trọng đối với việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ nắm vững kiến thức, kỹ thuật công nghệ theo tinh thần KTTH. Chính mối quan hệ khăng khít này sẽ mang lại hiệu quả cao trong quá trình đào tạo đội ngũ những người tham gia trực tiếp vào mặt trận sản xuất.

Cùng với nhiệm vụ tham gia các hoạt động lao động sản xuất phải hình thành cho học sinh những kỹ năng, kỹ xảo thực hành phổ biến, đồng thời có đi sâu ở mức độ nhất định vào những nghề nghiệp chủ chốt của địa phương và đất nước.

Hệ thống chuẩn bị cho học sinh phổ thông bước vào lao động xã hội bao gồm việc vận dụng tất cả những yêu cầu xuất phát từ sự cần thiết phải tiến hành trên thực tế các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về GDKTTH cũng như quan điểm thống nhất giữa giáo dục với lao động sản xuất.

Như vậy, nếu lấy con người làm trung tâm của công tác giáo dục thì việc chuẩn bị cho học sinh tham gia vào lao động xã hội là trách nhiệm chung của những thành phần khác nhau trong sự nghiệp giáo dục. Chuẩn bị cho thế hệ trẻ trở thành con người lao động mới trong xã hội ta được thực hiện trên cơ sở của tư tưởng GDKTTH bằng cách vũ trang cho các em năng lực nhận thức thế giới khách quan nhờ có hệ thống tri thức khoa học; năng lực hoạt động nhờ hệ thống kỹ năng, kỹ xảo. Do đó ta có thể nói rằng giáo dục phổ thông (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học tư duy), lao động sản xuất lao động công ích, chính là những phương tiện chủ yếu để tiến hành giải quyết những nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp. Trong đó các khoa học cơ bản là nền tảng nhận thức khoa học cho sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh và các dạng lao động sản xuất mà học sinh tham gia là mũi nhọn quan trọng nhất biến nhận thức

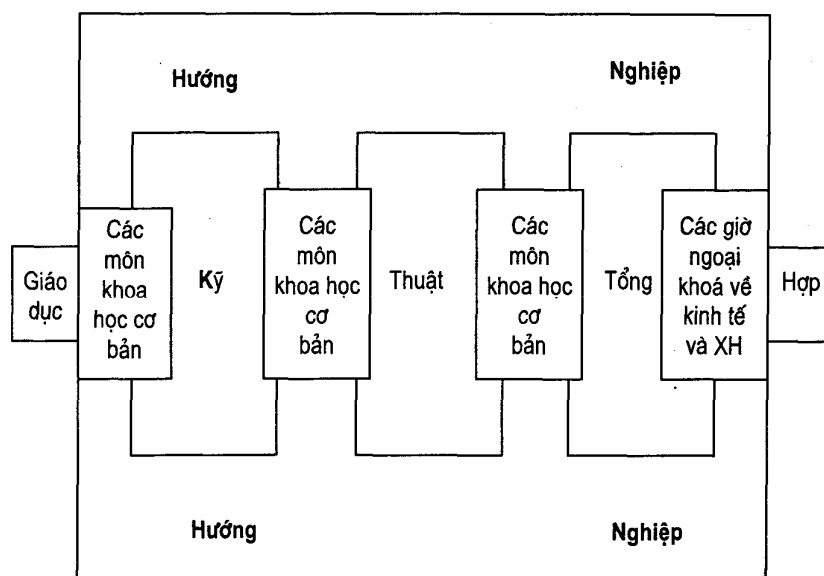
thành hành động, là môi trường thử thách và tích lũy kinh nghiệm ban đầu của các em. Như vậy, mối quan hệ giữa GDKTTH, hướng nghiệp và các thành phần khác trong việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia lao động xã hội là mối quan hệ giữa các tính chất của nhà trường XHCN Việt Nam : thống nhất, phổ thông, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp có phần dạy nghề.

Nhà trường được coi là hạt nhân thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, cung cấp cho các em những kiến thức cần thiết cho việc lựa chọn nghề nghiệp thông qua các hoạt động giáo dục và giáo dưỡng. Nhiệm vụ này chỉ có thể được giải quyết khi chúng ta tiến hành song song cả hai công việc : đảm bảo truyền đạt cho học sinh một nền học vấn chung mang tính kỹ thuật tổng hợp và mặt khác giáo dục cho các em sự sẵn sàng về mặt tâm lý đối với lao động xã hội, những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, tạo ra những điều kiện thuận lợi để các em có thể tự do lựa chọn nghề. GDKTTH cho học sinh sẽ đảm bảo cho các em làm quen với các quá trình kỹ thuật, công nghệ của sản xuất trên cơ sở của việc tiếp thu các kiến thức khoa học nằm trong các môn học. Có thể nói, GDKTTH và hướng nghiệp là những bộ phận gắn bó hữu cơ của quá trình giáo dục và giáo dưỡng trong nhà trường.

Chính GDKTTH là nền tảng cho quá trình định hướng nghề cho học sinh.

Có thể biểu thị mối quan hệ giữa các thành phần này theo sơ đồ 8.

Sơ đồ 8: Mối quan hệ giữa các thành phần giáo dục



Trên thực tế khi triển khai hoạt động hướng nghiệp, nhiều trường phổ thông chỉ tiến hành việc thông tin nghề, điều đó sẽ giảm thiểu hiệu quả hệ thống giáo dục và giáo dưỡng đối với học sinh. Hướng nghiệp phải được hiểu là một hệ thống đa phương tiện đảm bảo khai sáng nghề và giáo dục nghề, nghiên cứu những đặc điểm tâm sinh lý, tiến hành tư vấn và thích ứng nghề cho học sinh tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Dưới đây chúng ta sẽ xem xét một số các phương diện chủ yếu của hướng nghiệp.

Với quan điểm kinh tế, hướng nghiệp được hiểu đó là quá trình điều chỉnh sự lựa

chọn nghề và vị trí lao động của tuổi trẻ tương ứng với nhu cầu của xã hội và năng lực của bản thân. Với quan điểm này, hướng nghiệp cần nghiên cứu cấu trúc nguồn nhân lực xã hội, chỉ rõ những xu thế cơ bản phân bố nguồn lực này theo các lĩnh vực nghề nghiệp trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, trên đất nước và thế giới, nghiên cứu nguyên nhân dẫn tới quá trình luân chuyển lao động và đội ngũ cán bộ trong và giữa các lĩnh vực nghề nghiệp. Hoạt động hướng nghiệp sẽ là thiếu sót khi học sinh lựa chọn cho mình một nghề nào đó nhưng lại không đáp ứng sở trường, năng lực của các em (hay như người ta thường gọi là "ngồi nhầm chỗ"), và từ đó, các em làm việc không phải với tất cả tâm huyết và sức lực của mình để hướng tới những hiệu quả tối ưu trong sản xuất. Đó cũng chính là nguyên nhân làm giảm năng suất lao động.

Các công trình nghiên cứu của các học giả Xô viết trước đây đã chứng minh rằng năng suất lao động ở những người làm việc trong những nghề phù hợp với mình cao hơn từ 20 - 40% so với những người làm việc trong những nghề không phù hợp [16].

2. MỤC ĐÍCH, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

2.1. Chức năng của giáo dục hướng nghiệp

2.1.1. Chức năng xã hội của hướng nghiệp được biểu hiện trong việc hình thành định hướng giá trị cho tuổi trẻ đối với việc tự định hướng nghề, hiểu rõ uy tín nghề, và đồng thời triển khai các biện pháp hợp lý giúp học sinh thích ứng nhanh trong các cơ sở đào tạo nghề cũng như trong thực tiễn sản xuất. Muốn vậy, hướng nghiệp phải nghiên cứu những yêu cầu của tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ và xã hội đối với việc đào tạo nghề nghiệp.

2.1.2. Chức năng tâm lý của hướng nghiệp bao gồm trong việc nghiên cứu cấu trúc của nhân cách, các phương pháp nghiên cứu và đánh giá giá trị nghề cũng như những tính chất của nghề, các kiểu lao động và nghề nghiệp. Các kết quả nghiên cứu tâm lý sẽ làm sáng tỏ bản chất quá trình phù hợp của hệ thống "con người - nghề nghiệp" và hình thành xu hướng nghề. Phương diện tâm lý của hướng nghiệp gắn kết chặt chẽ với phương diện sư phạm của hướng nghiệp. Mỗi con người là một thế giới riêng biệt. C.Mác trong tác phẩm "Phê phán cương lĩnh Gôta" khi nói về năng khiếu của cá nhân đã chỉ rõ : "Không có sự giống nhau về năng lực làm việc của những người khác nhau" [10; 19]. V.I. Lênin nhận định rằng chờ đợi sự bình đẳng sức lực và năng lực của con người trong chủ nghĩa xã hội là vô nghĩa. Ông viết "Về thiết lập sự bình quân con người theo nghĩa là họ quân bình sức lực và năng lực (cơ bắp và tinh thần) của những nhà xã hội học không tưởng là thiếu sự suy nghĩ" [10]. Rõ ràng là mỗi người không thể lao động tốt trong tất cả các lĩnh vực lao động. Mặc dù tính hữu dụng nghề trong quá trình sống có sự thay đổi, song tất cả những phẩm chất tâm sinh lý của con người sẽ phù hợp hơn cả với đặc điểm của một phạm vi nghề nghiệp xác định.

Điều đặc biệt quan trọng về sự thích ứng của tuổi trẻ trong lao động sản xuất tại các cơ sở đào tạo là tâm lý sẵn sàng của họ đối với lao động. Tính sẵn sàng này cần

tiến hành giáo dục cho học sinh trong suốt quá trình học tập, bởi sự đòi hỏi trong bất kỳ nghề nghiệp nào mà các em sẽ lựa chọn trong tương lai gần sẽ là những phẩm chất, tính cách, kỹ năng mà con người cần có để hoàn thành công việc một cách thuận lợi và có hiệu quả nhất trong nghề nghiệp đó. Phát triển năng lực của con người được xác định không chỉ ở chương trình gen có sẵn trong họ mà trước tiên chính là những điều kiện môi trường mà họ tồn tại, là những điều kiện giáo dục. Viện sĩ N.P.Dubinhin cho rằng mỗi một chớp mắt của cuộc sống chúng ta đều được kiểm tra bằng chương trình gen. Chương trình này tạo ra sự phát triển bình thường về sinh học cũng như sự phát triển của năng lực, song việc thiết lập nhân cách của con người chỉ được tạo bởi môi trường, giáo dục và tự giáo dục bên cạnh hệ thống di truyền vốn có [25]. Nhà tâm lý học Xô viết C.C. Rubinstein nhấn mạnh rằng năng lực không được định sẵn, không cho con người dưới dạng chân bị trước bất kỳ một sự phát triển nào, rằng năng lực chỉ được phát triển và định hình trong quá trình học tập và tiếp thu kinh nghiệm sống.

Trên cơ sở những tư chất tự nhiên vốn có, dưới ảnh hưởng của giáo dục, trong những điều kiện phù hợp, năng lực con người sẽ được hình thành và phát triển.

Hướng nghiệp cần chú trọng tới sở thích (khuyến hướng) nghề của học sinh trước dòng xoáy của sự thay đổi giá trị do xã hội tác động đối với thế giới nghề nghiệp. Với sự ít ỏi về kinh nghiệm sống, học sinh rất dễ bị ảnh hưởng bởi những dư luận của xã hội về sự "cao cả" của nghề này hay sự "rẻ mạt" của nghề khác; để rồi đi tới sự né tránh hay sẵn sàng đi vào những nghề nghiệp mà bản thân chưa có những hiểu biết chính xác và đúng đắn về giá trị của nó đối với xã hội. Chính vì thế, điều chỉnh những sở thích, khuyến hướng chọn nghề của học sinh chính là tác động vào mặt tâm lý của các em, hình thành ở các em nhận thức, thái độ đúng đối với nghề nghiệp để từ đó có một sự lựa chọn chủ động tích cực nghề nghiệp trong tương lai.

2.1.3. Chức năng sự phạm của hướng nghiệp ở mức độ đầy đủ được biểu hiện trong việc tổ chức khai sáng nghề và giáo dục nghề nghiệp cho học sinh, hình thành cho các em những động cơ mang giá trị xã hội khi lựa chọn nghề và hứng thú nghề, phù hợp với những đặc điểm tâm sinh lý cá nhân. Công tác hướng nghiệp cho học sinh cần được tiến hành như một quá trình liên tục, chắc chắn, vì rằng mọi sự hời hợt sẽ làm mất đi hứng thú và như vậy hướng nghiệp sẽ mất đi tác dụng của mình.

2.1.4. Chức năng y - sinh học của hướng nghiệp thể hiện trong việc thực hiện các nhiệm vụ như : xác định những tiêu chí lựa chọn nghề tương ứng với tình trạng sức khoẻ..., đào tạo các chuyên gia tư vấn y học nghề nghiệp. Giải quyết những nhiệm vụ này sẽ giúp cho tuổi trẻ lựa chọn được các dạng lao động nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm về sức khoẻ của bản thân, để khi hành nghề có được sự thoải mái và bình ổn về mặt sinh học. C.Mác trong tiểu luận "Suy nghĩ của tuổi trẻ khi lựa chọn nghề" đã viết : "Chúng ta sẽ không lúc nào cũng chọn được một nghề phù hợp với năng khiếu vốn có... Tổ chất thể lực của chúng ta thường đối lập lại một cách nguy hại đối với việc thực thi nghề nghiệp, và chúng ta không nên coi thường điều đó. Trong trường hợp này khi tình trạng thể lực không đáp ứng nghề nghiệp của chúng ta, chúng ta sẽ

không thể làm việc một cách bền bỉ và hiếm khi nào có được sự thoải mái trong công việc. Nếu như chúng ta chọn được một nghề không phù hợp với năng lực vốn có của bản thân, thì khi đó chúng ta sẽ không bao giờ có được kết quả như mong đợi trong quá trình thực thi nghề nghiệp" [9].

Thường thì thanh thiếu niên không biết được mình có những khiếm khuyết gì về tình trạng sức khoẻ, và hơn thế nữa những khiếm khuyết này trong phần lớn các trường hợp được phát hiện bởi những khám nghiệm y khoa một cách cẩn trọng. Ngoài ra việc lựa chọn nghề không phải lúc nào tuổi trẻ cũng có thể hiểu biết những điều kiện về y học do nghề nghiệp đặt ra. Một số nghề thì đòi hỏi cao đối với thị lực, số nghề khác thì đòi hỏi về thính giác, hoặc có nghề lại yêu cầu cao về bộ máy tiền đình..., nhiều nghề liên quan tới môi trường lao động như nhiệt độ, tiếng ồn, độ rung, độ ẩm, lại có những nghề đòi hỏi sự căng thẳng của thần kinh hay cơ bắp,...

Thực tế chứng tỏ rằng một khi sức khoẻ không đáp ứng những đòi hỏi của nghề nghiệp thì người đó không thể làm chủ được nghề nghiệp. Tình trạng sức khoẻ không đảm bảo sẽ tạo ra gánh nặng cho tập thể lao động, là nguyên nhân dẫn tới các tai nạn lao động về thể chất và tinh thần.

2.2. Mục đích của giáo dục hướng nghiệp

Dựa trên mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ của trường phổ thông hiện nay, với đặc trưng riêng của mình, hướng nghiệp có mục đích chung là hình thành năng lực tự chủ trong việc lựa chọn nghề của học sinh trên cơ sở của sự phù hợp giữa năng lực, hứng thú sở thích cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động trong các hoạt động đa dạng của đời sống xã hội. Thực hiện được mục đích nêu trên, hướng nghiệp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả lao động xã hội, điều chỉnh từ gốc sự phân luồng nguồn lao động dự trữ trên bình diện cả nước.

Mục đích trên của toàn bộ hệ thống được chia nhỏ thành những mục đích bộ phận tương ứng với từng cấp học hiện nay trong hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục hướng nghiệp.

2.2.1. Mục đích hướng nghiệp của giáo dục mầm non là giúp trẻ làm quen với một số dạng nghề nghiệp gần gũi với môi trường trẻ sinh sống, phù hợp với giới tính của trẻ, làm cho trẻ phát triển được thái độ tích cực đối với các dạng lao động mang tính sinh hoạt thường ngày, hình thành từng bước hứng thú đối với lao động xã hội, thông qua những hoạt động đơn giản đối với các dạng hoạt động tự phục vụ.

Có thể nói, mục đích của hướng nghiệp mầm non chính là hình thành cho trẻ những cảm xúc đạo đức đối với nghề nghiệp thông qua quá trình giao lưu giữa trẻ với những dạng đồ chơi và trò chơi phản ánh đặc trưng nghề, cũng qua đó giúp các em có được những mối quan hệ xác định ở mức độ ban đầu đối với lao động nghề nghiệp xã hội.

2.2.2. Đối với học sinh các trường tiểu học, mục đích hướng nghiệp là phát triển ở các em nhu cầu đối với lao động học tập và lao động hữu ích xã hội, làm quen

với nội dung cơ bản của một số ngành nghề gần gũi ở địa phương, thông qua đó tạo nên hứng thú có tính định hướng ban đầu đối với lao động nghề nghiệp.

Học sinh cấp tiểu học chưa có điều kiện thực tế thấy rõ bức tranh nghề nghiệp xã hội, bởi một mặt hệ thống kiến thức, kinh nghiệm cá nhân chưa cho phép, mặt khác những khả năng tự tiếp cận những nghề nghiệp đó còn rất hạn chế (do điều kiện không gian và thời gian, do điều kiện thể lực non yếu...). Song để có định hướng nghề nghiệp rõ rệt ở giai đoạn tiếp theo, vấn đề hình thành nhu cầu đối với lao động nói chung và lao động nghề nghiệp nói riêng là rất cần thiết, bởi chỉ có trên cơ sở của sự xuất hiện nhu cầu và cùng với nó chỉ ra cho học sinh thấy rõ đối tượng (nghề nghiệp) có khả năng làm thỏa mãn nhu cầu của các em thì chúng ta mới xây dựng được động cơ và phương thức thực hiện mục đích vươn tới nghề nghiệp của cá nhân.

2.2.3. Đối với học sinh các trường THCS, mục đích của hướng nghiệp là cung cấp cho học sinh một hệ thống kiến thức nghề nghiệp cụ thể, giúp các em những tri thức để tự hiểu được tình trạng sinh học, tâm lý và năng lực của bản thân để có được tiềm năng khoa học trong lựa chọn nghề.

Ở học sinh THCS hệ thống các kiến thức khoa học cơ bản do các em tích lũy được cộng với hoạt động thực tế trong các dạng lao động giản đơn, lao động nghề nghiệp cùng với người lớn, các hoạt động trong quá trình tiếp nhận thông tin khi giao tiếp xã hội đã giúp các em có được những khái niệm tương đối rõ nét về một số dạng lao động nghề nghiệp, đã bước đầu hiểu được những gì mình có được về sức khoẻ, năng lực bản thân, đã có những ước mơ về tương lai, thậm chí vượt quá khả năng hiện thực. Vì thế mục đích chính của giai đoạn này trong hướng nghiệp là quá trình hình thành về chất khả năng nhận thức nghề nghiệp và mối quan hệ khăng khít giữa nhu cầu xã hội với sự phát triển của bản thân mình.

2.2.4. Đối với học sinh THPT, mục đích của hướng nghiệp là giúp cho học sinh có được ý thức như là chủ thể trong sự lựa chọn nghề, có định hướng đúng khi chọn nghề dựa trên cơ sở hiểu biết khoa học về nghề nghiệp, về nhu cầu thị trường lao động xã hội và năng lực, sở trường của bản thân.

Học sinh THPT là bộ phận thanh niên đến tuổi trưởng thành, được tiếp cận với một hệ thống kiến thức từ quá trình học tập ở trường phổ thông và được trải nghiệm thực tiễn thông qua những dạng lao động trong gia đình, trong các tổ chức đoàn thể, hàng ngày được tiếp nhận các dạng thông tin nghề nghiệp và chính những điều kiện này đã giúp cho các em hình thành được những cơ sở xác đáng về kiến thức, về kỹ năng và đặc biệt là sự trưởng thành đáng kể trong nhận thức đối với ý nghĩa cuộc sống, vị trí của bản thân, có được thử thách ban đầu trong lao động nghề nghiệp, góp phần vào đời sống gia đình, tạo ra những tiền đề cho quá trình thích ứng nghề nghiệp sau này. Một số học sinh có ý chí vươn lên, ngay từ khi còn học phổ thông đã tích cực học thêm các môn học cần cho nhiều nghề như tin học, ngoại ngữ... Với cái nền rất đáng quý đó của học sinh THPT, nhiệm vụ hướng nghiệp đối với các em không chỉ dừng lại

ở mức độ nâng cao nhận thức và sự hiểu biết kỹ càng hơn về nghề mà còn là quá trình xác lập những điều kiện hiện thực để đưa các em vào hoạt động trong thế giới nghề nghiệp, tạo ra sự thích ứng ở mức độ nhất định với nghề hoặc lĩnh vực lao động mà họ ưa thích.

2.3. Nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp

2.3.1. Nâng cao năng lực nhận thức nghề nghiệp cho học sinh phù hợp với trình độ phát triển tâm lý và lứa tuổi các cấp học

Đây là nhiệm vụ khởi đầu mà khi giải quyết nó, chúng ta sẽ phải sử dụng các hình thức : thông tin nghề, tuyên truyền nghề... Có thể nói, xã hội có bao nhiêu dạng hoạt động thì tồn tại bấy nhiêu nghề. Số nghề là rất đa dạng, biến động theo sự phát triển của sản xuất có ở khắp mọi địa bàn, tồn tại một cách khách quan, do đó khi đem đến cho học sinh những tri thức nghề nghiệp, cần thiết phải có sự lựa chọn số lượng nghề tiêu biểu, dung lượng về nội dung mỗi nghề cũng như yêu cầu của nghề đặt ra cho chủ thể lựa chọn. Tùy thuộc vào lứa tuổi và giới tính, nhiệm vụ này được triển khai theo nhiều hình thức khác nhau để học sinh có thể lĩnh hội được.. Việc mở rộng nhận quan nghề nghiệp của học sinh sẽ mở ra cho các em một thế giới động các hướng đi trong tương lai của đời mình, giúp các em khắc phục tình trạng hạn hẹp thông tin nghề do nhiều nguyên nhân khách quan mang lại như hoàn cảnh địa bàn cư trú xa các trung tâm thông tin, điều kiện kinh tế eo hẹp của gia đình, trình độ kém phát triển về nghề nghiệp ở khu vực nơi trường đóng... Tăng cường nhận thức nghề nghiệp cho học sinh đòi hỏi phải cung cấp cho học sinh bức tranh trung thực về các nghề nghiệp, từ đó các em tìm ra được giá trị thực của nghề thông qua lăng kính xã hội và sự đánh giá của bản thân mình.

Tăng cường nhận thức nghề nghiệp không phải là hướng tất cả học sinh vào một Sự ham thích đối với một nghề nào đó (mà thực tế xã hội đang cần nhân lực mà điều cốt yếu là phải làm sáng tỏ ý nghĩa xã hội của mỗi nghề nghiệp và những chuẩn mực đòi hỏi của nghề, điều mà học sinh không tự thấy mình có đáp ứng được những chuẩn mực ấy hay không trong lựa chọn nghề. Trên thực tế, do không nhận thức được nghề nghiệp một cách có cơ sở khoa học, cho nên đã dẫn tới tình trạng phân đông số học sinh muốn đặt vị trí của mình ở các trường Đại học và các nghề nghiệp trong các lĩnh vực mũi nhọn (tin học, quản trị kinh doanh...) nhưng số đông ấy thường không được toại nguyện, họ vẫn phải đi vào những nghề nghiệp thông dụng, phổ biến nhất như nông nghiệp, lâm nghiệp, cơ khí, thủ công... mặc dù họ đã tốn phí không ít sức lực vào việc học hành, ôn luyện, thi cử.

Nền kinh tế thị trường đang tạo ra hàng loạt những nghề nghiệp mới lạ trong xã hội. Nhà trường có trách nhiệm xây dựng những bức tranh sát thực về nghề nghiệp đó để giúp học sinh tiếp cận với chúng, hiểu biết chúng và có cơ sở để lựa chọn cho mình một hướng đi một nghề phù hợp nhất.

Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua nhiều hình thức trong công tác giáo dục

toàn diện của nhà trường phổ thông, với sự kết hợp giữa các lực lượng và tổ chức giáo dục trong và ngoài trường.

2.3.2. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được trực tiếp tham gia vào hoạt động xã hội nhằm bước đầu hình thành năng lực thích ứng nghề cho học sinh

Nhiệm vụ cơ bản của nhà trường phổ thông không phải là đào tạo nghề cho học sinh (ngoại trừ một số nghề phổ thông được đưa vào trong chương trình giảng dạy của các Trung tâm giáo dục tổng hợp - hướng nghiệp và dạy nghề đã và đang tồn tại hiện nay) mà chỉ là chuẩn bị những cơ sở cần thiết về tri thức, kỹ năng, phẩm chất cho các em bước vào thị trường lao động xã hội.

Một trong những khiếm khuyết lớn nhất tồn tại bấy lâu nay ở trường phổ thông chúng ta là xu thế tách biệt đời sống. Những hành trang mà người học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông là quả ít ỏi và lạc lõng so với yêu cầu thực tế. Điều cần thiết ở đây là hình thành khái niệm nghề ở các em trên thực tế đối với các dạng lao động xã hội, tạo cho các em cơ hội thử sức mình cả về mặt kỹ năng và những mối quan hệ liên nhân cách trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.

Nhiệm vụ này được thực hiện trong chính khoá thông qua các loại hình lao động sản xuất, những nghề phổ thông được giảng dạy tại các trung tâm hướng nghiệp của địa phương và các trung tâm dạy nghề do các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và tư nhân xây dựng. Tổ chức các loại hình học nghề này không chỉ giúp học sinh thích ứng nhanh với các nghề mà còn tạo ra thu nhập hợp lý, góp phần giải quyết khó khăn về kinh tế gia đình. Vấn đề là những trường phổ thông cần chủ động dự tính kế hoạch tổ chức, liên kết với các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề để cùng họ tác động về mặt sự phạm và giáo dục, đồng thời đảm bảo sự cân đối giữa thời gian học tập và lao động của học sinh. Ở vùng nông thôn, ngoài những công việc sản xuất nông nghiệp mà ở gia đình nào học sinh nào cũng phải tham gia, nhiều địa phương, trong giai đoạn gần đây xuất hiện những làng nghề sản xuất các hàng thủ công, mỹ nghệ truyền thống, đó cũng là những môi trường tốt để rèn luyện tay nghề và tăng cường khả năng quyết định nghề của học sinh ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường ở các vùng đô thị, đang có cao trào học sinh theo các lớp tin học và ngoại ngữ. Đây cũng là một xu hướng tốt tạo dựng cơ sở cần thiết về tri thức khoa học cập nhật trong sự mở rộng liên doanh, liên kết với nước ngoài và xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ hiện nay.

2.3.4. Thực hiện xã hội hoá giáo dục hướng nghiệp nhờ việc phối hợp, liên kết với các tổ chức, các cơ sở sản xuất nằm trong các thành phần kinh tế xã hội

Từ đặc thù của nội dung hướng nghiệp chúng ta thấy, công tác này không thể chỉ do nhà trường đơn phương đứng ra giải quyết mà phải coi nhà trường như là cốt lõi về tổ chức sự phạm, là chỗ dựa để chấp nối các mối liên kết trong khi thực hiện các công việc nhằm đạt được mục đích hướng nghiệp, còn việc thực hiện những nội dung cụ thể lại cần đến khá đông đảo các lực lượng xã hội khác như gia đình, đoàn thanh niên, đội thiếu niên, các cơ quan văn hoá, thông tin tuyên truyền, các doanh nghiệp sản xuất

quốc doanh, tập thể và tư nhân, các trung tâm tư vấn nghề nghiệp... Chỉ trên cơ sở các mối liên kết này, nhà trường mới có khả năng về nhân lực, về cơ sở vật chất và đặc biệt là môi trường nghề nghiệp thực tế, sống động để tác động tới sự hình thành hứng thú, sở thích và những quyết định chọn nghề của học sinh. Sự phát triển kinh tế hiện nay một mặt tạo ra yếu tố tích cực tăng cường khả năng quyết đoán, một mặt tự khẳng định mình trong lựa chọn nghề ở học sinh do cơ chế thị trường và nền kinh tế hàng hoá tạo dựng. Người học sinh đứng trước thế giới nghề không còn chịu sự định hướng một chiều của Nhà nước mà được lựa chọn theo sở nguyện của bản thân.

3. CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Hệ thống hướng nghiệp cũng như những bộ phận giáo dục khác, chỉ có thể đạt tới hiệu quả trong việc định hướng nghề cho học sinh khi nó được chỉ đạo bởi những quan điểm rút ra từ thực tiễn giáo dục nói chung vận dụng vào công tác hướng nghiệp, đó là những nguyên tắc hướng nghiệp.

Nguyên tắc hướng nghiệp được hiểu như là những luận đề phản ánh quy luật giáo dục nói chung và quá trình hướng nghiệp nói riêng, có chức năng chỉ đạo và hướng dẫn toàn bộ quá trình hướng nghiệp trong việc xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức quá trình hướng nghiệp.

Hướng nghiệp được tổ chức tuân theo một hệ thống các nguyên tắc cụ thể sẽ cho phép hệ thống hoạt động một cách khoa học. Tuy nhiên, các nguyên tắc không bao gồm sự chỉ dẫn trực tiếp cho mọi hoạt động thực tiễn, chúng chỉ được coi như cơ sở lý luận cho việc hoạch định các quy tắc, quy phạm của hoạt động thực tiễn. Với ý nghĩa đó, nguyên tắc hướng nghiệp được quan niệm như là những nguyên tắc hoạt động nhờ những kiến thức tổng quát, chung nhất về tổ chức, thực thi và hoàn thiện quá trình chuẩn bị cho học sinh lựa chọn nghề, đồng thời nó cũng là cơ sở lý luận giúp cho người thầy giáo đề xuất nội dung, phương pháp và tổ chức cụ thể đối với công tác hướng nghiệp. Dưới đây chúng ta xem xét một cách cụ thể 6 nguyên tắc hướng nghiệp.

3.1. Đảm bảo đặc trưng giáo dục trong hoạt động hướng nghiệp

Đặc trưng giáo dục được thể hiện trong các hoạt động đa dạng của nhà trường phổ thông. Đặc trưng này là một đảm bảo cho phương hướng chính trị trong công tác giáo dục học sinh.

Giáo dục trong quá trình hướng nghiệp là một bộ phận gắn bó hữu cơ trong công tác tư tưởng chính trị của nhà trường nhằm hình thành ở học sinh phẩm chất đạo đức cách mạng, ý chí phấn đấu tu dưỡng bản thân và những nét tính cách của những người lao động mới. Phù hợp với đặc điểm của nội dung hướng nghiệp, công tác giáo dục được thực hiện thông qua việc truyền đạt những kiến thức về các quy luật phát triển của sản xuất, về sự phân bố lao động xã hội theo khu vực kinh tế để qua đó, học sinh được tăng cường về nhận thức khi lựa chọn hướng đi của mình trong tương lai. Một nội dung rất quan trọng của nguyên tắc này là khơi dậy ý thức tự khẳng định mình về

sự phù hợp của năng lực, hứng thú của bản thân đối với một dạng hoạt động nào đó của sản xuất xã hội. Để có được ý thức này, người học sinh phải hình thành được thế giới quan đối với lao động và tự ý thức được sức mạnh của chính mình. Thực tế cho thấy, nhiều học sinh thi vào trường nọ trường kia cốt chạy theo thị hiếu xã hội, ý muốn của gia đình... chứ không được xuất phát từ những cơ sở có tính khoa học khi tự xem xét những giá trị có được của bản thân để tham gia vào một nghề nào đó.

Tất nhiên, để có được phẩm chất này, cần thiết phải đưa học sinh vào những điều kiện hoạt động cụ thể để các em sáng tỏ dần đối với giá trị đích thực của những hoạt động mà các em ưa thích.

3.2. Đảm bảo phương hướng kỹ thuật tổng hợp hoạt động hướng nghiệp

Giáo dục kỹ thuật tổng hợp được coi là cơ sở của mọi mặt hoạt động trong nhà trường, trong đó có hoạt động hướng nghiệp. Bản chất của nguyên tắc này trong công tác hướng nghiệp là ở chỗ nó tạo ra nền móng về mặt tri thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ, hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. Nguyên tắc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra nhanh chóng, khối lượng và chủng loại các phương tiện kỹ thuật, các quy trình công nghệ ngày một gia tăng, biến đổi không ngừng, sự xuất hiện nhiều nghề mới trong sản xuất vật chất và nhất là trong lĩnh vực dịch vụ đang hàng ngày, hàng giờ ảnh hưởng đến thực trạng biến đổi nhân lực trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Một xu thế chung của nhiều thanh niên học sinh là đi sâu vào một nghề và biết nhiều nghề để khắc phục tình trạng khan hiếm việc làm hiện nay. Bản thân cơ chế thi trường do biến động của công cuộc đổi mới trong một số năm qua cũng làm nảy sinh một cách tự phát chiều hướng học thêm, "tâm sư học đạo" trên nhiều lĩnh vực, thi vào nhiều trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp để có dịp thử thách "ăn may".

Từ thực tế này, vấn đề giúp các em có được nhận quan đúng và rộng trong khi chọn nghề thông qua nền móng GDKTTH là cực kỳ cần thiết. Nền móng này được đặt trong hệ thống các bài học kỹ thuật phổ thông, các môn tự chọn và các giờ tham quan thực hành, thí nghiệm, lao động sản xuất. Tất nhiên cần có sự gia công sư phạm cho phù hợp lứa tuổi, với đặc thù môn học và đặc điểm kinh tế xã hội địa phương.

3.3. Đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ trong hoạt động hướng nghiệp

Bản chất của nguyên tắc này trong hướng nghiệp được biểu hiện ở việc sắp xếp, bố trí kế hoạch, chương trình, nội dung cho mỗi phần việc của hướng nghiệp phải được thiết kế theo một trình tự lôgic xác định (kể cả lý thuyết và thực hành) nhằm tạo ra sự nhất quán, liên tục, kế thừa, làm cho việc tiếp thu tri thức và hình thành kỹ năng, kỹ xảo của học sinh được dễ dàng và chắc chắn. Tính đồng bộ trong hướng nghiệp đòi hỏi phải có sự kết hợp hài hoà giữa lý thuyết và thực hành, giữa nhà trường với các tổ chức quản chúng và cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài xã hội, giữa các yếu tố nằm trong cấu trúc của hướng nghiệp, cũng như giữ được tính nhất quán giữa nội dung với phương pháp và hình thức hướng nghiệp.

Để thực hiện nguyên tắc này, khi sắp xếp hệ thống tri thức và hệ thống các công việc thực hành phải dựa trên kết cấu của mỗi môn học, mỗi phần việc trong hoạt động của nhà trường để tránh sự xáo trộn, phá vỡ lôgic của môn học và quy trình vận động của phần việc đó. Cần thấy rằng hướng nghiệp không phải là một môn học mà là một bộ phận nằm trong tất cả các hoạt động giáo dục, vì thế hoạt động hướng nghiệp nếu không được sắp xếp theo một hệ thống khoa học, đồng bộ thì rất dễ đưa đến tình trạng tùy hứng trong khi triển khai công tác này.

Công tác hướng nghiệp động chạm tới nhiều đối tượng, do đó cần thiết phải có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa những đối tượng này để tạo ra sức mạnh về lượng và chất tác động tới học sinh.

3.4. Đảm bảo sự phân hoá và cá biệt hoá trong hoạt động hướng nghiệp

Mỗi lứa tuổi, nhóm giới tính, mỗi cá nhân có những đặc điểm tâm lý, hứng thú, sở thích và trình độ nhận thức khác nhau đối với nghề nghiệp. Việc tính đến những đặc điểm của mỗi cá nhân và những nhóm xã hội này khi thực hiện hướng nghiệp là bản chất của nguyên tắc.

Nội dung hướng nghiệp được xây dựng trên mục đích hướng nghiệp mà mục đích này, suy cho cùng là sự định hướng cho tuổi trẻ khi lựa chọn nghề, do đó một mặt, ứng với mỗi cấp học, cần thiết phải có một mục đích hướng nghiệp cụ thể và cùng với nó xác lập được một nội dung tương ứng, mặt khác trên cùng một nội dung, khi đưa ra thực hiện lại phải xét tới các mặt đặc thù của đối tượng tiếp thu. Nguyên tắc này đòi hỏi khi xây dựng mục đích, nội dung, phương pháp và các hình thức hướng nghiệp phải luôn luôn mềm dẻo để tất cả những tác động phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý, tính cách, năng lực và điều kiện sống của các em.

Thực hiện nguyên tắc này, hướng nghiệp sẽ góp phần vào việc giải phóng tiềm năng vốn có của mỗi cá nhân, mỗi nhóm cộng đồng, mặt khác nó hướng xã hội tới việc sử dụng hợp lý sức lực, trí tuệ của cá nhân, đặt đúng họ vào vị trí mà họ có thể đáp ứng nhu cầu do xã hội đòi hỏi.

3.5. Đảm bảo tính thực tiễn trong hoạt động hướng nghiệp nhằm phát triển hứng thú, năng lực, sở trường nghề nghiệp của học sinh

Bản chất của nguyên tắc này là chuẩn bị sự thích ứng cần thiết cho học sinh đi vào tiếp thu tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp một cách thuận lợi, dễ dàng nhất thông qua các hoạt động cụ thể. Sự chuẩn bị này là đa dạng, dưới nhiều hình thức, song có thể bao gồm các nội dung chính : hoạt động lĩnh hội tri thức nghề nghiệp (thông qua các môn khoa học cơ bản, các môn lao động thủ công, kỹ thuật nông nghiệp, kỹ thuật công nghiệp, thông qua các kênh nghe nhìn của thông tin đại chúng đã được đặt trong kế hoạch học tập) ; hoạt động lĩnh hội kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp (thông qua các hoạt động nghề nghiệp cụ thể trong xưởng trường, vườn trường, các doanh nghiệp tư nhân và nhà nước, các trung tâm dạy nghề...) ; hoạt động lĩnh hội các mối quan hệ đạo đức, nhân cách nghề nghiệp (được biểu hiện trong khi triển khai hai

dạng hoạt động nêu trên).

Nguyên tắc này là sự biểu hiện cụ thể các chức năng giáo dục và chức năng xã hội của hướng nghiệp, đó là việc hình thành các phẩm chất tâm lý, nhân cách nghề thông qua hoạt động thực tiễn có tính đến trình độ phát triển trí tuệ và thể lực của học sinh. Những hoạt động thích ứng nghề nếu được sắp xếp theo một hệ thống khoa học, có chọn lọc và gia công sơ phạm sẽ là những tác nhân mạnh đối với quá trình hình thành và phát triển năng lực, sở trường, hứng thú nghề của học sinh. Về mặt xã hội, đó là việc chuẩn bị cho đất nước một nguồn lao động dự trữ có năng lực nghề nghiệp thực thụ để khi lực lượng này bước vào các trường nghề, họ sẽ mau chóng thiết lập được tay nghề và các mối quan hệ xã hội có tính nghề nghiệp. Lực lượng dự trữ này càng nhanh chóng tiếp cận nghề bao nhiêu thì xã hội càng có điều kiện vươn lên nhanh chóng trên cơ sở có hiệu quả về chất lượng, tiết kiệm thời gian đào tạo bấy nhiêu. Thực tế công tác đào tạo của các nước phát triển đã cho thấy rằng, nếu nhà trường chuẩn bị cho học sinh bước vào đời sống xã hội càng sát thực tiễn bao nhiêu thì năng suất và hiệu quả lao động nghề nghiệp càng cao bấy nhiêu.

Nguyên tắc này đặt ra vấn đề chuẩn bị cho học sinh điều kiện và môi trường hoạt động thực tiễn. Một mình nhà trường khó có thể thực hiện được việc tạo dựng môi trường hoạt động nghề cho học sinh, song nếu có sự liên kết giữa trường và các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp sản xuất và các tổ chức xã hội khác, dựa vào cha mẹ học sinh tạo dựng mối quan hệ gắn bó giữa nhà trường với thực tiễn xã hội, chắc chắn chúng ta có thể thực hiện được những đòi hỏi của nguyên tắc này.

3.6. Đảm bảo hoạt động hướng nghiệp theo khu vực lãnh thổ

Bản chất của nguyên tắc này là ở chỗ : công tác hướng nghiệp phải được thiết lập và triển khai trên cơ sở đặc điểm kinh tế xã hội của khu vực lãnh thổ nơi trường đóng.

Thực hiện nguyên tắc này không có nghĩa là hướng nghiệp tách rời hệ thống giáo dục phổ thông theo kiểu "cát cứ" mà chính là vận dụng quan điểm thực tiễn trong khi triển khai công tác hướng nghiệp.

Nguyên tắc này đòi hỏi một mặt các trường vẫn phải tuân thủ mục đích chung và những nhiệm vụ chính yếu của công tác hướng nghiệp do nhà nước xác lập, song để đảm bảo chức năng kinh tế của hướng nghiệp thì nó phải trở thành bộ phận tạo ra sự cân đối về phân luồng lao động, tránh được tối đa sự thiếu hụt hoặc dôi thừa lao động cho mỗi khu vực lãnh thổ, giảm việc luân chuyển lao động giữa các khu vực và giữa các ngành nghề. Bởi vậy tính đến những điều kiện thực tế về nhân lực, về xu hướng phát triển kinh tế của mỗi vùng lãnh thổ trên đất nước là điều cần làm trong khi triển khai hoạt động hướng nghiệp.

Trong điều kiện của kinh tế thị trường hiện nay, mỗi khu vực lãnh thổ với tiềm năng nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, truyền thống... đang hình thành những cơ cấu phát triển kinh tế riêng biệt. Mặc dù kinh tế đất nước là một thể thống nhất và mỗi công dân có quyền tàn cho mình một chỗ đứng ở bất kỳ lĩnh vực nào, tại tất cả các

khu vực lãnh thổ của Việt Nam, song có một thực tế chung là thanh niên học sinh ở khu vực nào thường sau khi tốt nghiệp các cấp phổ thông, số đông đều tham gia phát triển kinh tế cho khu vực đó. Tất nhiên không ngoại trừ một tỷ lệ có điều kiện để phục vụ ở một khu vực khác. Định hướng cho thanh niên tham gia vào các lĩnh vực chính của từng khu vực là công việc rất phức tạp, tốn công, tốn của, đặc biệt đối với những khu vực lấy nông nghiệp, lâm nghiệp làm chính yếu, những khu vực xa xôi, hẻo lánh, khắc nghiệt về môi trường, khí hậu.

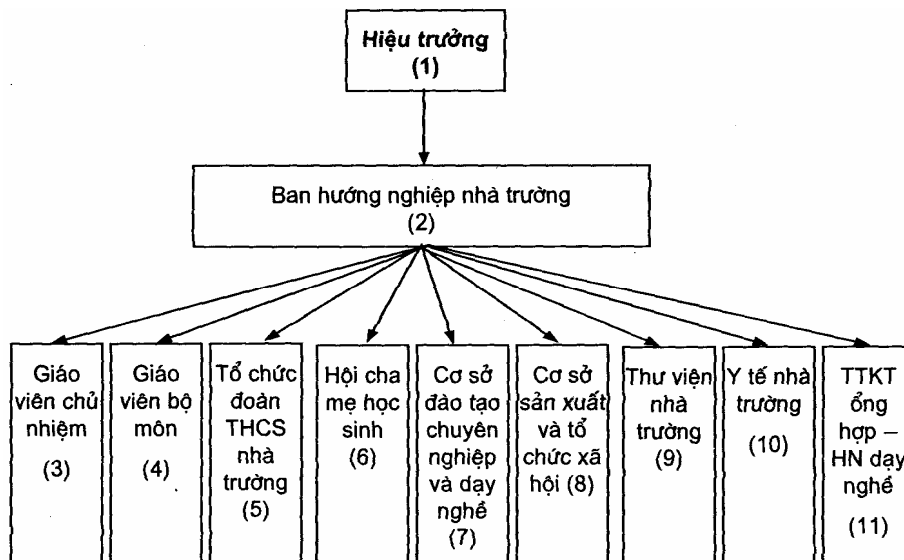
Hệ thống 6 nguyên tắc hướng nghiệp là một thể thống nhất chỉ đạo toàn bộ quá trình hướng nghiệp, đảm bảo được các mục đích, nhiệm vụ và các chức năng của công tác hướng nghiệp.

4. HỆ THỐNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Việc xây dựng hệ thống và cấu trúc của hệ thống hướng nghiệp giúp chúng ta nhìn nhận một cách toàn diện những mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa các bộ phận trong trường, ngoài xã hội. Điều đó sẽ tạo nên sức mạnh đồng bộ khi thực hiện những nhiệm vụ của hoạt động hướng nghiệp. Tất cả những thành phần tồn tại trong cấu trúc của hệ thống hướng nghiệp mặc dù chỉ là những nhân tố khách quan đối với sự định hướng nghề nghiệp của học sinh, song nếu chúng được tổ chức bằng những chỉ đạo sư phạm, khoa học thì việc điều chỉnh, thay đổi, hình thành quá trình định hướng nghề đối với học sinh sẽ có nhiều thuận lợi. Vì thế công tác hướng nghiệp phải được triển khai theo một kế hoạch xác định, có sự chỉ đạo sư phạm đúng đắn về mặt tổ chức, nội dung, phương pháp và phương tiện phù hợp với từng loại đối tượng về độ tuổi, cấp học, loại trường và địa phương. Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét một số nhân tố chỉ đạo về mặt sư phạm đối với công tác hướng nghiệp.

Trong trường trung học phổ thông, hệ thống tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được phản ánh trên sơ đồ 9, trong đó bao gồm 11 thành phần cơ bản.

Sơ đồ 9 : Các thành phần trong cấu trúc của hệ thống hướng nghiệp



4.1. Nhiệm vụ của các thành phần trong hệ thống

4.1.1. Nhiệm vụ của Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chung về kế hoạch và điều hành toàn bộ quá trình thực hiện hoạt động hướng nghiệp trên các mặt cơ bản :

- Phương hướng triển khai hoạt động hướng nghiệp của nhà trường trên cơ sở đường lối, chủ trương hướng nghiệp của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

- Sắp xếp và ổn định kế hoạch hướng nghiệp cho cân đối, hợp lý với kế hoạch toàn diện của năm học do Bộ quy định.

- Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của ban hướng nghiệp trên một số mặt quan trọng như nội dung, thời gian, phương tiện, nhân lực và hiệu quả kinh tế, giáo dục của hoạt động hướng nghiệp.

- Xét duyệt và phê chuẩn kế hoạch hướng nghiệp, các hợp đồng kinh tế và các văn bản kết nghĩa, hợp tác trong quá trình thực hiện hoạt động hướng nghiệp với các cơ quan bạn.

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan chỉ đạo cấp trên về kết quả toàn diện của hoạt động hướng nghiệp.

4.1.2. Nhiệm vụ của Ban hướng nghiệp - bộ phận tham mưu, chỉ đạo trực tiếp hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông

Mỗi ban hướng nghiệp có đại diện các thành phần chủ yếu (từ số 2-11). Phụ trách ban hướng nghiệp là một đồng chí Phó hiệu trưởng, sự có mặt của các thành phần trong và ngoài nhà trường như trong cấu trúc của hệ thống, cho phép mở rộng khả năng liên kết các lực lượng giáo dục (nhà trường, gia đình và xã hội) trong hoạt động hướng nghiệp. Nhiều trường phổ thông hiện nay vẫn còn giới hạn hoạt động hướng nghiệp trong phạm vi trường học, đó không những là một thiệt thòi lớn xét về

mặt lực lượng hỗ trợ, mà còn là một thiếu sót nghiêm trọng khi nhìn nhận bản chất kinh tế, xã hội và giáo dục của hoạt động hướng nghiệp đối với học sinh.

Chức năng chính của ban hướng nghiệp nhà trường là chỉ đạo kế hoạch (soạn thảo, phê chuẩn, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch), nó đồng thời còn là một bộ phận trung gian, môi giới liên kết tất cả các thành phần có trong hệ thống để đạt được mục đích chung trong hoạt động hướng nghiệp.

Nhiệm vụ của Ban hướng nghiệp bao gồm :

- Giúp cho cán bộ công nhân viên trong nhà trường, đặc biệt là đối với các thầy, cô giáo, các tổ chức đoàn thể của giáo viên và học sinh nhận thức đầy đủ và sâu sắc mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung chính của việc tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong trường học.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội có liên quan cùng tham gia vào công tác hướng nghiệp.

- Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá theo từng phần việc, từng giai đoạn của các bộ phận hợp thành trên cơ sở kế hoạch hợp đồng được giao, tương ứng với đặc điểm hoạt động của bộ phận mình.

Để thực hiện 3 nhiệm vụ trên, Ban hướng nghiệp cần thiết phải tiến hành những công việc cụ thể sau :

+ Dựa vào kế hoạch của chính quyền địa phương về phân bổ lao động và phát triển kinh tế xã hội, cung cấp cho giáo viên những hiểu biết về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực ở địa phương và khả năng tiếp nhận học sinh ra trường trong mỗi năm học.

+ Đưa nội dung hoạt động hướng nghiệp vào kế hoạch hoạt động chung của nhà trường ở từng giai đoạn (tháng, học kỳ, năm học) và từng mảng công việc (học tập văn hoá, lao động sản xuất, hoạt động ngoại khoá...)

+ Tổ chức trao đổi kế hoạch thực hiện nội dung hướng nghiệp giữa các bộ phận chức năng trong trường để hoạt động hướng nghiệp được triển khai một cách đồng bộ.

+ Trao đổi với giáo viên và các tổ chức đoàn thể xã hội trong và ngoài nhà trường để thiết lập kế hoạch sử dụng các hình thức hướng nghiệp nhằm phát triển hứng thú, sở trường, năng lực của học sinh.

+ Thiết lập kế hoạch và sự cộng tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất và các cơ quan đào tạo nghề xung quanh nơi trường đóng nhằm nâng cao sức mạnh tổng hợp và hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp (thực hiện các bài giảng hướng nghiệp theo chương trình của Bộ, gặp gỡ, trao đổi giữa học sinh và cơ sở sản xuất, giúp nhà trường về cơ sở kỹ thuật, cán bộ công nhân có tay nghề...).

+ Phác thảo kế hoạch tham mưu (mục đích, thời gian, địa điểm, lực lượng tham gia...).

+ Trên cơ sở hiện có của trường phổ thông, dự tính việc thành lập các nhóm, tổ khoa học kỹ thuật, các đội nghề phù hợp với nguyện vọng, năng lực và yêu cầu thực tế

sản xuất.

+ Kết hợp với Đoàn thanh niên và Hội cha mẹ học sinh tổ chức các cuộc thi, hội thảo, câu lạc bộ... nhằm mục đích giúp đỡ trao đổi với học sinh cuối cấp về hướng đi trong tương lai của họ.

+ Xác lập kế hoạch hướng nghiệp trong các giờ thực hành sản xuất (thông qua các loại hình hoạt động), trong hoạt động ngoại khoá và các công tác xã hội của học sinh, tổ chức các cuộc thi tuyển chọn tay nghề, triển lãm thành quả lao động...

+ Thành lập Ban tư vấn nghề trong trường để góp ý với học sinh và cha mẹ các em về sự lựa chọn nghề.

+ Thiết lập kế hoạch về việc xây dựng nội dung, hình thức tổ chức và lực lượng tham gia học hướng nghiệp, phòng hướng nghiệp của nhà trường.

+ Xác định kế hoạch điều tra cơ bản về hứng thú, năng lực, sở trường của học sinh đầu cấp và cuối cấp.

Tất cả những nhiệm vụ và nội dung công việc trên đây do Ban hướng nghiệp nhà trường đề ra sẽ được các thành phần trong hệ thống cụ thể hoá và triển khai thực hiện. Kinh nghiệm các trường trung học phổ thông cho ta thấy việc bàn bạc, đề xuất các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể thường được tiến hành vào đầu năm học, dần dần bổ sung cho hoàn chỉnh thêm hàng tháng và học kỳ. Tùy thuộc vào tính chất của từng nhiệm vụ mà trao cho từng bộ phận hoặc cá nhân trong trường, hoặc cũng có thể ký kết hợp đồng với các tổ chức ngoài xã hội, ấn định thời gian hoàn thành, đặc biệt là kiểm tra, báo cáo kết quả. Các nhiệm vụ như trên sẽ được sắp xếp thành một hệ thống theo thứ tự ưu tiên về tầm quan trọng, về tính cấp thiết của vấn đề và tiến triển theo thời gian trong năm học. Có thể lấy một ví dụ minh hoạ về sự sắp xếp đó (xem bảng 1).

**Bảng 1 : Kế hoạch mẫu triển khai hoạt động hướng nghiệp của trường
THPT.....năm học.....**

Thời gian thực hiện	Tên công việc và nội dung chủ yếu	Người phụ trách thực hiện	Phương thức tiến hành
19/5	Ban hướng nghiệp họp dự thảo kế hoạch công tác hướng nghiệp trong năm học mới	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng báo cáo, các thành viên trao đổi bổ sung
24/9	Phổ biến kế hoạch về công tác hướng nghiệp của trường cho giáo viên	Hiệu trưởng	
5/10	Nghe báo cáo của từng bộ phận trong trường về dự tính kế hoạch tiến hành công tác hướng nghiệp	Phụ trách các bộ phận	

Thời gian thực hiện	Tên công việc và nội dung chủ yếu	Người phụ trách thực hiện	Phương thức tiến hành
Từ 20/10 ÷ 27/10	Tiến hành điều tra cơ bản đối với học sinh lớp 10 và lớp 12	Giáo viên chủ nhiệm lớp	Theo mẫu phiếu chung của Ban hướng nghiệp
5/11	Chuẩn bị kế hoạch tìm hiểu về nghề dạy học cho học sinh các lớp	Đoàn thanh niên và Công đoàn	Hội thảo CLB ; báo tường; trao đổi với học sinh
20/11	Tổ chức trọng thể kỷ niệm 20/11 thăm hỏi gia đình các thầy giáo, cô giáo	Hiệu trưởng, Hội cha mẹ học sinh	
3/12	Trao đổi với các cơ sở sản xuất ở địa phương để thống nhất tác động trong công tác hướng nghiệp	Phó hiệu trưởng ; đại diện các cơ sở sản xuất có liên quan	Trao đổi ; ký kết hợp đồng
15/12	Tổ chức nghe báo cáo về sự phát triển và truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương	Đại diện Ban hướng nghiệp. Ban chỉ huy quân sự huyện	Nghe báo cáo tổ chức cho học sinh tham quan ; thăm hỏi lực lượng vũ trang đóng tại địa phương
21/1 ÷ 29/1	Tổ chức cho học sinh các lớp tham qua cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cơ sở dịch vụ, thủ công... trong huyện và tỉnh.	GV chủ nhiệm + GV bộ môn phụ trách cơ sở sản xuất có liên quan	Tổ chức tham quan tập thể có trao đổi về kế hoạch với cơ sở sản xuất
19/2	Phối hợp với đoàn thực tập sư phạm tổ chức ngày hội toán học, vật lý	Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ trưởng bộ môn, phụ trách đoàn thực tập	Báo tường, triển lãm kết quả học tập và đồ dùng trực quan
25/2	Gặp gỡ giữa học sinh các lớp 12 với HS cơ sở, chuyên nghiệp ở địa phương	Đoàn thanh niên các lớp Đoàn thanh niên cơ sở chuyên nghiệp	Mạn đàm trao đổi
1/3	Nói chuyện về nghề nghiệp của phụ nữ cho học sinh nữ lớp 12	Ban nữ công ; Đoàn thanh niên.	Trao đổi diện đàm suu tầm, Phân loại tư liệu thiết kế
10/3	Tổ chức xây dựng phòng hướng nghiệp (hoặc bổ sung)	Ban hướng nghiệp ; Đoàn thanh niên.	Khám bệnh, lập chỉ tiêu y học về cơ sở sinh lý cho học sinh các lớp
17/3	Giám định y khoa cho học sinh các lớp trong trường	Ban hướng nghiệp, cơ sở y tế địa phương	

Thời gian thực hiện	Tên công việc và nội dung chủ yếu	Người phụ trách thực hiện	Phương thức tiến hành
6/4	Phổ biến cho học sinh 12 về thể lệ thi tuyển, cách thức lập hồ sơ vào các cơ sở chuyên nghiệp dạy nghề	Ban hướng nghiệp	Báo cáo
20/4	Diễn đàn về chủ đề : "Trương lai của tôi" cho học sinh lớp 12	Đoàn thanh niên các lớp giáo viên chủ nhiệm	Tổ chức ở các lớp 12 có mời đại diện các lớp 10, 11

4.1.3. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp

Trong quá trình tiến hành giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, ngoài việc hình thành một số kiến thức kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cho học sinh, chúng ta phải rất coi trọng việc giáo dục ý thức lao động, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho các em. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người hơn ai hết trong nhà trường có điều kiện thuận lợi gần gũi, hiểu biết học sinh về tất cả các mặt, là người đứng mũi chịu sào đối với sự phát triển của tập thể cũng như của mỗi cá nhân trong lớp mình phụ trách, là nhân tố cơ bản gắn liền các tác động giáo dục của xã hội đối với hệ thống giáo dục của nhà trường. Vì thế, nói riêng trong hoạt động hướng nghiệp, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau :

- Lập phiếu điều tra theo mẫu định sẵn của nhà trường để tìm hiểu hứng thú, sở thích, năng lực và tình trạng tiêu biểu về tâm sinh lý của mỗi học sinh trong lớp (xem mẫu điều tra kèm theo).

- Giúp học sinh hiểu biết ý nghĩa của việc lựa chọn nghề cũng như một số hiểu biết cần thiết nằm trong một vài lĩnh vực lao động nghề nghiệp phổ biến hơn cả của địa phương và đất nước.

- Phân bố và tạo ra những điều kiện cần thiết để học sinh lớp mình có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa trên cơ sở hiểu biết về hứng thú, sở thích, năng lực, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh.

- Là người chịu trách nhiệm đứng ra vận động, lôi cuốn các tổ chức trong trường và ngoài trường có liên quan tới học sinh của mình tham gia vào hoạt động hướng nghiệp.

- Kết hợp cùng với giáo viên bộ môn giảng dạy lớp do mình phụ trách, tiến hành phê chuẩn một cách chính xác, đầy đủ kết quả tu dưỡng phấn đấu, năng lực cụ thể của từng học sinh nhằm giúp cơ quan tuyển sinh làm tốt công tác tuyển chọn sau này.

Sau đây là ví dụ mẫu điều tra giúp giáo viên chủ nhiệm trong công tác điều tra cơ bản.

Mẫu phiếu điều tra học sinh cuối cấp trung học phổ thông

Các bạn học sinh lớp :.....thân mến!

Những hiểu biết về hứng thú và sở thích của bạn có một ý nghĩa rất to lớn trong công tác kế hoạch hoá và đào tạo đội ngũ cán bộ cho các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, đồng thời còn giúp ích cho chính bản thân mỗi bạn trong khi lựa chọn nghề nghiệp tương lai của mình. Chúng tôi đề nghị các bạn hãy đọc kỹ câu hỏi, sau đó trả lời đúng các câu hỏi theo sự suy nghĩ chín chắn của mình.

1. Họ và tên :.....Trường.....Lớp.....

2. Bạn hãy gạch dưới những hướng đi của bạn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (hướng chủ yếu 2 gạch, hướng thứ yếu 1 gạch).

- Thi vào đại học, thi vào cao đẳng, thi vào các trường trung học và dạy nghề, đi bộ đội, trở về nông thôn sản xuất.

Trong các hướng đi trên, bạn sẽ chọn trường nào, chuyên ngành nào ?

3. Nếu có quyết định sẽ tham gia lao động ngay mà không vào đại học thì bạn sẽ chọn lĩnh vực lao động nào ? Nghề nào ?

4. Vì sao bạn lại chỉ chọn chính nghề đó mà không phải nghề khác ?

5. Bạn đã có những chuẩn bị gì cho nghề mà bạn định chọn ?

6. Cha mẹ, bạn bè thân thích đã khuyên bạn những gì trong việc lựa chọn nghề tương lai.

7. Nếu nhà trường có tổ chức những hoạt động ngoại khoá thì bạn thích hoạt động ở nhóm nào ?

8. Môn học nào bạn thích nhất ? Môn học nào bạn có khả năng đạt kết quả cao một cách dễ dàng nhất.

9. Bạn có năng lực về mặt nào ? Bạn hãy dẫn ra những ví dụ cụ thể để minh hoạ cho năng lực đó của bạn.

Trước khi phát phiếu điều tra (hoặc là đọc cho học sinh chép nội dung của phiếu), giáo viên chủ nhiệm lớp cần phải giải thích cho học sinh thấy rõ mục đích của việc điều tra, nội dung các câu hỏi và đồng thời phải căn dặn các em về thái độ trung thực, nghiêm túc khi trả lời các câu hỏi, định rõ thời hạn (ít nhất là 1 tuần lễ) nộp các phiếu trả lời. Trong trường hợp cần thiết, nội dung và hệ thống các câu hỏi của phiếu điều tra có thể phải đưa ra bàn bạc tại Ban phụ trách Hội cha mẹ học sinh. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nói rõ cho học sinh biết rằng các phiếu trả lời của mỗi em sẽ được giữ kín. Tiến hành điều tra cơ bản đối với học sinh chính là thực hiện nghiên cứu hứng thú, sở thích và năng lực của các em. Điều này có ý nghĩa lớn khi triển khai hoạt động hướng nghiệp.

Phương thức cơ bản để thấy rõ khuynh hướng, sở trường của học sinh là dựa trên quá trình quan sát sự phạm lâu dài các hoạt động ở trường và trong gia đình của các em. Việc quan sát này giúp giáo viên chủ nhiệm lớp dự đoán xu hướng nghề nghiệp

của mỗi học sinh đúng đắn và khách quan hơn.

Kết quả quá trình quan sát, theo dõi những lớp đầu cấp sẽ giúp giáo viên sơ bộ thiết lập được bảng năng lực cá nhân, là cơ sở để theo dõi học sinh ở những lớp tiếp theo.

Những khuynh hướng, sở thích của học sinh cũng có thể được biểu hiện thông qua việc trao đổi có hệ thống của giáo viên chủ nhiệm lớp với mỗi em về thái độ học tập bộ môn các giờ học ngoài trường, công tác ngoại khoá, hứng thú đọc sách báo, tài liệu kỹ thuật, hứng thú thể dục thể thao, mê say nghệ thuật và sáng tạo kỹ thuật...

Trong khi tiến hành công tác điều tra thăm dò, giáo viên chủ nhiệm chưa nên đưa ra những kết luận cuối cùng một cách vội vã trên cơ sở của các sự kiện rời rạc, chắp vá, mà cần phải liên tục tích lũy các sự kiện nhằm kiểm tra sự đúng đắn của các nhận định, kết luận sơ bộ của mình. Với nhiều biện pháp và kết quả theo dõi có hệ thống, chúng ta sẽ có khả năng suy đoán đúng phẩm chất của mỗi em.

Thực hiện việc theo dõi một cách khoa học sự phát triển của học sinh và xu hướng, năng lực... gắn với quá trình nhìn nhận những mối quan hệ giữa những nét đặc trưng ấy của nhân cách với điều kiện xã hội, chính trị, đạo đức, nhiệm vụ hướng nghiệp của giáo viên chủ nhiệm không chỉ là tìm ra xu hướng, sở thích của các em mà còn là hình thành và phát triển, điều khiển, uốn nắn những xu hướng và sở thích đó. Đặc biệt cần tạo nên ở học sinh tình cảm nghĩa vụ xã hội, ý thức sẵn sàng làm bất kỳ những công việc gì khi đất nước và tập thể đòi hỏi.

4.1.4. Nhiệm vụ của giáo viên bộ môn trong hoạt động hướng nghiệp

Giáo viên bộ môn với tư cách là người trực tiếp truyền thụ kiến thức trong một lĩnh vực khoa học cho học sinh, lĩnh vực khoa học đó trên thực tế lại được ứng dụng phổ biến trong một số ngành nghề của xã hội. Vì thế nếu cho rằng hoạt động hướng nghiệp là phần việc của riêng giáo viên dạy hướng nghiệp là sai lầm. Chính việc truyền thụ kiến thức khoa học bộ môn là quá trình tạo nền móng cho sự lĩnh hội kiến thức nghề nghiệp. Nội dung tài liệu học tập của các bộ môn có thể và cần phải được sử dụng vào công tác hướng nghiệp cho học sinh và thêm nữa, lực lượng của các giáo viên bộ môn trong trường học có ý nghĩa như là mạng lưới gắn chặt các yếu tố thời gian và biện pháp tác động tới học sinh, làm cho hoạt động hướng nghiệp được tiến hành liên tục, đa dạng, mọi nơi, mọi chỗ trong khuôn khổ của nhà trường phổ thông. Nhiệm vụ của giáo viên bộ môn trong hoạt động hướng nghiệp có thể đề cập tới là : Cung cấp cho học sinh một số hiểu biết về nghề nghiệp (ý nghĩa của các kiến thức đã học đối với việc nắm vững một nghề nào đó giáo dục lòng yêu lao động và con người lao động...).

- Phát hiện kịp thời và có biện pháp thích hợp bồi dưỡng hứng thú, năng lực của học sinh đối với bộ môn (cả về nhận thức và khả năng hoạt động thực tiễn của các em).

- Hướng dẫn tổ chức ngoại khoá về nội dung và phương thức tiến hành để đáp

ứng sở thích, năng lực biểu biết, sáng tạo kỹ thuật của học sinh.

- Quan hệ mật thiết với các cơ sở sản xuất và tổ chức xã hội để triển khai chu đáo, có hiệu quả các buổi tham quan, trao đổi, mạn đàm, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ môn học... có trong lịch trình giảng dạy.

- Trong điều kiện cho phép về cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường, cố gắng xây dựng các phòng học bộ môn, tạo điều kiện cho giảng dạy chuyên môn và giới thiệu nghề.

- Trên góc độ môn mình phụ trách, cung cấp những tư liệu có liên quan tới các nghề trong xã hội để góp phần xây dựng phòng hướng nghiệp cho nhà trường.

4.1.5. Nhiệm vụ hướng nghiệp của tổ chức Đoàn thanh niên trong trường học

Trong trường học, tổ chức Đoàn thanh niên là bộ phận quan trọng nằm trong hệ thống hướng nghiệp góp phần to lớn trong việc biến những chủ trương, kế hoạch của Ban hướng nghiệp nhà trường thành những việc làm cụ thể, có nội dung, có phong trào, sôi nổi và lợi ích thiết thực. Vì thế ta có thể đề cập tới một số nhiệm vụ cơ bản của Đoàn thanh niên trong hoạt động hướng nghiệp như sau : Thiết lập mối quan hệ mật thiết thường xuyên giữa cơ sở đoàn trường với tổ chức cơ sở đoàn của các cơ quan bạn nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức cơ sở này về mặt lực lượng trẻ, gán gũi với lứa tuổi của học sinh trong trường, để có sự đồng cảm về mặt nhận thức nghề nghiệp, trao đổi kinh nghiệm và rèn luyện phần đầu.

- Giữ mối quan hệ thường xuyên với những đoàn viên học sinh của trường đã tốt nghiệp, hiện nay đang công tác trong những ngành nghề khác nhau để lôi cuốn họ vào việc tuyên truyền nghề nghiệp, tổng kết những kinh nghiệm về quá trình trưởng thành phần đầu của họ nhằm giáo dục học sinh trong trường có nhận thức và tình cảm đúng đối với nghề nghiệp trong xã hội.

- Động viên đoàn viên thanh niên giáo viên và học sinh tích cực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động hướng nghiệp (xây dựng vườn trường, xưởng trường, phòng hướng nghiệp...), hăng hái sôi nổi trong các hoạt động hướng nghiệp (hội thảo, triển lãm, câu lạc bộ, báo tường, hội diễn, tham quan...).

- Xây dựng các phong trào học tập có nếp sống của con người lao động mới xã hội chủ nghĩa trong thanh niên. Hình thành những nét truyền thống tốt đẹp về tình cảm, hành vi của con người lao động có văn hoá, có kỹ thuật, có lòng say mê và sáng tạo.

4.1.6. Nhiệm vụ hướng nghiệp của Hội cha mẹ học sinh

Hội cha mẹ học sinh là bộ phận hỗ trợ đắc lực cho hoạt động hướng nghiệp. Với lực lượng đông đảo (ít nhất là tương đương với số học sinh hiện có của trường), giàu kinh nghiệm sống, hoạt động trong các lĩnh vực đa dạng của xã hội, lại có điều kiện trực tiếp hàng ngày, hàng giờ tiếp xúc với con em mình, rõ ràng đây là một thành phần có sức mạnh xã hội lớn trong hệ thống cấu trúc của công tác hướng nghiệp. Sự tham gia của Hội với công tác này có thể bao gồm những nhiệm vụ chính sau đây :

- Phổ biến nhiệm vụ, chủ trương, vị trí và yêu cầu của công tác hướng nghiệp cho các bậc cha mẹ thông hiểu, giúp họ thấy rõ trọng trách của họ đối với tương lai của thế hệ trẻ nói chung và của con em họ nói riêng.

- Cùng phối hợp với nhà trường, giúp đỡ về nhân lực, tư liệu để giải quyết những khó khăn về mặt kiến thức thực tế nghề nghiệp, tay nghề, tạo ra niềm tin cho học sinh và sức thuyết phục đối với các em.

- Tạo điều kiện thuận lợi để con em mình tham gia vào các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường và các tổ chức xã hội đảm nhận. Mặt khác cần động viên các gia đình khuyến khích con em mình theo đúng những nhu cầu cần thiết của xã hội phù hợp với năng lực, sở trường của các em.

4.1.7. Nhiệm vụ hướng nghiệp của các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề có quan hệ với trường học (kết nghĩa, đỡ đầu)

Trong hoạt động hướng nghiệp của trường phổ thông, các cơ quan đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề (bao gồm các trường lớp đại học và trung cấp chuyên nghiệp, các lớp dạy nghề đào tạo công nhân...) xung quanh trường có một vị trí đặc biệt tác động tới sự hình thành xu hướng nghề nghiệp của học sinh bởi những lý do cơ bản sau đây :

- Hoạt động của học sinh trong trường nghề mặc dù mang nặng tính chất nghề nghiệp, song hoạt động học tập vẫn nổi bật hơn cả, vì thế nó gần gũi với hoạt động học tập của trường phổ thông. Sự gần gũi này là sợi dây liên kết, cộng tác giữa các bộ phận và giữa tuổi trẻ của các trường.

- Ngoài tính chất học tập nói chung, trường nghề mang đậm sắc thái nghề nghiệp, lại do điều kiện địa lý gần gũi, do quan hệ giao tiếp hàng ngày giữa học sinh phổ thông và học sinh chuyên nghiệp, vì thế học sinh phổ thông có thể thấy trước được đặc điểm mỗi trường và tính chất học tập của trường nghề mà các em tiếp xúc. Đây chính là điều kiện tốt để giúp cho lượng thông tin nghề nghiệp đến với các em nhiều hơn, đúng đắn và cặn kẽ hơn.

- Các trường nghề có khả năng giúp trường phổ thông về đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, thông tin và giới thiệu nghề, tạo điều kiện để có sự gặp gỡ trao đổi giữa học sinh phổ thông và học sinh học nghề về lựa chọn nghề, quá trình phân đấu hình thành lý tưởng nghề nghiệp.

- Trong điều kiện chỉ tiêu Nhà nước và kế hoạch địa phương cho phép, các trường nghề cần dành một tỷ lệ thích đáng cho học sinh địa phương được học tập theo những ngành nghề của mình đào tạo (tập trung hoặc bổ túc, chính quy hoặc hàm thụ).

+ Trường nghề có thể giúp đỡ nhà trường phổ thông về cơ sở vật chất, thiết bị theo nghề đào tạo khi cần thiết.

4.1.8. Nhiệm vụ hướng nghiệp của các cơ sở sản xuất và các tổ chức xã có quan hệ với trường phổ thông

Nhiệm vụ của hoạt động hướng nghiệp không chỉ là quá trình trang bị về mặt nhận thức nghề nghiệp cho học sinh mà còn là sự chuẩn bị bước đầu cho các em về tay nghề trong một số lĩnh vực sản xuất của địa phương, vì vậy không thể bỏ qua vị trí trọng yếu của các cơ sở sản xuất công, nông nghiệp và lao động dịch vụ. Những cơ sở này là địa bàn thử sức của học sinh trước khi các em xác định cho mình hướng đi có ý nghĩa nhất. Sự tham gia của học sinh vào thực tế tại các cơ sở là thước đo tương đối toàn diện năng lực hiện có của các em về trí lực, đạo đức nghề nghiệp, về thái độ lao động và những phẩm chất khác của người lao động mới. Mặt khác, những cơ sở sản xuất của địa phương thường đại diện cho những lĩnh vực nghề nghiệp cần thiết có quan hệ với sự sống còn của kinh tế trong khu vực vì thế sự có mặt của học sinh tại những cơ sở sản xuất này có sự giúp đỡ, cộng tác của các cơ sở sản xuất đối với nhà trường trong công tác hướng nghiệp chính là quá trình chuẩn bị một lực lượng lao động dự trữ đáp ứng đòi hỏi về phát triển kinh tế - xã hội, về sự phân công lao động ở địa phương.

Ngoài các cơ sở sản xuất, nhà trường phổ thông khi tiến hành hoạt động hướng nghiệp không thể thiếu sự giúp đỡ của những tổ chức xã hội khác : Các cơ quan dân chính Đảng, các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, các Liên hiệp hội...) sẽ tạo nên những điều kiện hữu hiệu về lực lượng hỗ trợ, giải quyết về mặt pháp lý, hành chính mà trong rất nhiều trường hợp hoạt động hướng nghiệp không thể bỏ qua được. Với tất cả tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao của các tổ chức này trong hoạt động hướng nghiệp, chúng ta có thể đề cập tới một số nhiệm vụ chính của những tổ chức đó như sau :

- Tạo điều kiện cho trường phổ thông về cơ sở thực hành, đội ngũ cán bộ hướng dẫn sản xuất, thông tin nghề nghiệp, trang thiết bị kỹ thuật và hạch toán kinh tế.

- Giúp trường phổ thông xây dựng thiết bị vườn trường, xưởng trường, phòng hướng nghiệp, chỉ đạo về mặt kỹ thuật và công nghệ sản xuất, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch hợp đồng ký kết.

- Là cơ sở dạy nghề cho học sinh, đồng thời cũng là nơi sẽ thu nhận học sinh sau khi tốt nghiệp theo chỉ tiêu và kế hoạch cho phép.

- Các tổ chức chính quyền có nhiệm vụ tạo ra những điều kiện cần thiết, giúp đỡ về mặt chủ trương, phương tiện hoạt động hướng nghiệp cho nhà trường : Cấp đất, vật tư, giải quyết các thủ tục hành chính, hỗ trợ về mặt nhân lực và cổ động phong trào.

- Các tổ chức đoàn thể có nhiệm vụ vận động quần chúng hợp lực tham gia công tác hướng nghiệp tùy thuộc vào chức năng của tổ chức mình hoặc tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và nhân lực giúp cho hoạt động hướng nghiệp tiến hành được thuận lợi.

4.1.9. Nhiệm vụ hướng nghiệp của thư viện trong trường phổ thông

Trong các trường phổ thông hiện nay, theo quy chế nhà trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đều có bộ phận thư viện làm nhiệm vụ bảo quản, phân phát tài

liệu giáo khoa, sách báo phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục cho giáo viên, học sinh. Ngoài những phần việc trên, để tạo nên sức mạnh cho hoạt động hướng nghiệp của nhà trường, bộ phận thư viện cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau :

- Lựa chọn và giới thiệu danh mục các sách báo, tạp chí có liên quan tới việc lựa chọn nghề của học sinh (theo năm học).

- Sau mỗi học kỳ hay sau mỗi năm học, tổ chức triển lãm các sách báo nói về nghề nghiệp và sự lựa chọn nghề (theo số sách hiện có của nhà trường và sách báo mượn lại của các cơ quan chuyên nghiệp) ; tổ chức các hội nghị đọc giả nhằm cuốn hút sự chú ý của học sinh vào việc trên đọc các sách báo nói về nghề nghiệp.

- Thông qua danh sách mượn đọc của học sinh, kết hợp với ban hướng nghiệp để lập kế hoạch tìm hiểu hứng thú đọc sách của học sinh để trên cơ sở đó giúp Ban hướng nghiệp có tư liệu trong công tác điều tra cơ bản, đồng thời trên cơ sở này có phương hướng giới thiệu cho học sinh đặt mua các tạp chí, sách báo có liên quan tới sự lựa chọn nghề của các em.

4.1.10. Nhiệm vụ hướng nghiệp của bộ phận y tế

Hiện nay, cơ sở y tế trong các trường phổ thông còn rất mỏng manh, mặc dù ở một số trường phổ thông lớn hoặc các trường nội trú có điều kiện bắt đầu hình thành bộ phận y tế đảm bảo sức khỏe cho thầy và trò (trên thực tế, số lượng các trường này trong hệ thống giáo dục phổ thông của chúng ta là không đáng kể). Tuy nhiên, nếu nói tới hoạt động hướng nghiệp thiếu sự tham gia của y tế là điều phi lý bởi bản thân sự lựa chọn nghề của học sinh không chỉ phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của cá nhân họ hay yêu cầu của xã hội mà còn tùy thuộc khá lớn vào sự phát triển thể lực của học sinh. Để nắm vững sự phát triển sinh học, tạo ra những cơ sở khoa học cho lựa chọn nghề của mỗi cá nhân, sự tiếp nhận của các cơ quan chức năng tuyển chọn, cần thiết phải có sự tham gia của các cơ sở y tế trong và ngoài trường học. Mạng lưới y tế hiện nay có ở khắp mọi nơi, đó là điều kiện thuận lợi lớn cho nhà trường phổ thông. Tiến hành giám định y học cho học sinh trong hoạt động hướng nghiệp nếu chỉ trông chờ vào cơ sở y tế mỏng manh của trường học hoặc trông vào sự giúp đỡ của cấp trên thì chúng ta khó có thể thực hiện được hoạt động này. Vì thế, vấn đề đặt ra là phải tận dụng triệt để sức mạnh của các cơ sở y tế sở tại, kết hợp với lực lượng y tế (nếu có) của nhà trường để thực hiện công tác hướng nghiệp. Kinh nghiệm trước đây của nhiều trường phổ thông ở Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh đã làm tốt công tác giám định y học cho học sinh nhờ tận dụng sức mạnh của các bệnh viện, trạm xá, các cơ sở đào tạo y khoa là những hiện thực sinh động giúp chúng ta có cơ sở thực tiễn xác lập những nhiệm vụ chính của bộ phận y tế trong hoạt động hướng nghiệp đó là :

- Tiến hành trao đổi với tập thể (trường hoặc lớp) về những vấn đề y học có liên quan tới sự lựa chọn nghề nói chung và với một số nghề phổ biến nói riêng.

- Kiểm tra tình trạng sức khỏe của từng học sinh để đưa ra được những kết luận y học có quan hệ tới việc lựa chọn nghề của mình.

- Giúp Ban tư vấn nghề trao đổi với mỗi cá nhân hoặc gia đình học sinh những cơ sở khoa học về sự phù hợp hay không phù hợp giữa các tiêu chuẩn của nghề mà họ đã chọn với thực trạng sức khỏe của bản thân chủ thể lựa chọn.

- Cung cấp những tư liệu, tài liệu cho phòng hướng nghiệp trong việc thông tin nghề, đồng thời cuốn hút học sinh vào những nghề có đòi hỏi sự phát triển thể lực của họ.

- Cung cấp tư liệu, số liệu cần thiết về tình trạng sức khỏe học sinh cho công tác tuyển chọn nghề nghiệp.

4.1.11. Nhiệm vụ hướng nghiệp của trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp - dạy nghề

Điều 2 và 3 quy chế về tổ chức và hoạt động của trung tâm KTTH-HN-DN có ghi "Trung tâm KTTH-HN-DN là đơn vị giáo dục thuộc bậc phổ thông trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của các Sở Giáo dục và Đào tạo"

Trung tâm KTTH HN DN thực hiện chức năng : giáo dục kỹ thuật, tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề và lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất. Trung tâm KHTH-HN-DN có các nhiệm vụ :

a) "Tổ chức cho học sinh các trường phổ thông gần địa bàn Trung tâm đến học lao động kỹ thuật tổng hợp, tư vấn nghề nghiệp và học nghề theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo".

b) Lao động sản xuất và dịch vụ kỹ thuật phục vụ yêu cầu đào tạo tạo thêm của cải vật chất, đỡ dùng dạy học.

c) Bồi dưỡng và giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề cho giáo viên kỹ thuật trường phổ thông ở địa phương.

d) Nghiên cứu ứng dụng các đề tài khoa học về giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phổ thông, thử nghiệm và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

e) Dạy nghề cho thanh, thiếu niên có nhu cầu học nghề ở địa phương. (Theo quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm KTTH-HN DN, Trung tâm KTTH-HN-DN là cơ sở hướng nghiệp-dạy nghề cho học sinh của nhiều trường phổ thông cùng khu vực có nhiệm vụ chính là tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) cho học sinh phổ thông bậc trung học nhằm cung cấp tri thức, hình thành kỹ năng lao động nghề nghiệp rất cần thiết và phát triển tư duy kinh tế thích hợp với trình độ học vấn phổ thông tương ứng, đồng thời phù hợp với nhu cầu và khả năng kinh tế xã hội từng địa phương.

Trên cơ sở các chức năng và nhiệm vụ nêu trên, chúng ta thấy trung tâm KTTH-HN-DN có nhiều ưu thế trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình bởi chính những đặc điểm cơ bản sau đây :

Một là, do được đầu tư tập trung, cho nên trung tâm KTTH-HN-DN có điều kiện xây dựng được một cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với sự thay đổi quy trình công nghệ, mặt khác trung tâm này lại tạo ra khả năng tận dụng được diện tích mặt bằng cũng như công suất máy móc, thiết bị một cách hợp lý và có hiệu quả.

Hai là, Trung tâm KTTH-HN-DN có khả năng thu hút một số lượng lớn học sinh phổ thông ở nhiều trường trong khu vực. Như vậy có thể thực hiện được một cách thống nhất việc tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) đối với học sinh phổ thông trên một địa bàn tương đối rộng (quận, huyện). Trung tâm còn là nơi tạo ra điều kiện thuận lợi để tổ chức "Hội thi kỹ thuật" giữa học sinh và các trường khác nhau.

Ba là, tại các Trung tâm KTTH-HN-DN, học sinh có nhiều khả năng làm quen với kỹ thuật và sản xuất tương đối hiện đại, với quản lý và tổ chức lao động mang tính khoa học. Đây chính là nơi các em được chuẩn bị để đi vào lao động nghề nghiệp. Với ý nghĩa đó, trung tâm KTTH-HN-DN là những nhịp cầu dẫn dắt học sinh đi từ nhà trường phổ thông hội nhập vào các cơ sở sản xuất, dịch vụ của địa phương.

Bốn là, trung tâm KTTH-HN-DN có điều kiện tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) với nhiều nghề trong danh mục nghề cho học sinh phổ thông bậc trung học. Hơn thế nữa, trung tâm KTTH-HN-DN có thể thiết lập những mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, dịch vụ quốc doanh hoặc tư nhân ở địa phương. Đó là những yếu tố có tác dụng to lớn đối với việc tạo cơ hội cho học sinh làm quen với các tổ chức kinh tế và đi vào những ngành nghề khác nhau. Điều đó góp phần rất quan trọng vào công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

Năm là, dựa vào cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối hiện đại, các trung tâm KTTH-HN-DN có khả năng đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của việc tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng trong điều kiện đông đảo học sinh thuộc những địa bàn khác nhau, thuộc nhiều trường phổ thông. Đây là chính là những điều kiện thuận lợi để trung tâm KTTH-HN-DN có thể tổ chức một số lớp học nghề phổ thông hoặc kỹ thuật ứng dụng phù hợp với nguyện vọng và năng lực của học sinh THPT đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn [6].

4.2. Hướng nghiệp cho học sinh THPT thông qua nội dung hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Từ năm 1982, Bộ Giáo dục đã ban hành chương trình hướng nghiệp đối với các lớp cuối cấp THCS và các trường THPT, năm học 2003- 2004, các trường THPT bắt đầu thực hiện chương trình thí điểm THPT về hoạt động giáo dục hướng nghiệp đối với các lớp 10-11-12. Những vấn đề cơ bản có liên quan tới việc thực hiện chương trình thí điểm này sẽ được trình bày dưới đây.

➤ Mục tiêu chung của chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Trong chương trình (thí điểm) Trung học phổ thông, hoạt động giáo dục hướng nghiệp được học ở 3 lớp : 10, 11, 12. Mục tiêu chung của chương trình là phát hiện và

bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nghiệp cho học sinh, giúp các em hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề. Thông qua hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo viên giúp học sinh điều chỉnh động cơ chọn nghề, trên cơ sở đó các em định hướng đi vào lĩnh vực sản xuất mà xã hội đang có nhu cầu nhân lực.

4.2.1. Giáo dục hướng nghiệp lớp 10

➤ Mục tiêu của hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở lớp 10

Để thực hiện được mục tiêu chung của chương trình giáo dục hướng nghiệp ở cấp THPT "Hoạt động giáo dục hướng nghiệp 10" có những mục tiêu cụ thể sau :

- Về kiến thức : Học sinh hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai ; nắm được thông tin cơ bản về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và địa phương nói riêng ; có được một số thông tin về thế giới nghề nghiệp, về thị trường lao động, về hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tự đánh giá năng lực bản thân và điều kiện gia đình để bước đầu có hướng lập thân, lập nghiệp.

- Về kỹ năng : Bước đầu học sinh biết tự đánh giá được năng lực của bản thân và điều kiện gia đình, phân tích được hướng đi của bản thân và sau này quyết định việc chọn nghề trên cơ sở lý giải hợp lý.

- Về thái độ : Có ý thức tích cực tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, coi lao động nghề nghiệp là lẽ sống của mình.

➤ Phân bố chương trình và nội dung hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10

Chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp 10" gồm 27 tiết học với 9 bài. Mỗi bài được tiến hành trong 3 tiết liền nhau (trong 1 buổi). Do vậy, toàn bộ chương trình được dạy trong 9 buổi và rải đều ở 9 tháng học.

9 bài học về hoạt động giáo dục hướng nghiệp lo gồm 3 nội dung chính :

- Những vấn đề chung mà học sinh phải nắm chắc để làm cơ sở cho việc chọn nghề sau này (bài số 1, 2, 4, 9).

- Những hiểu biết cần thiết về một số lĩnh vực lao động nghề nghiệp cụ thể (bài số 3, 5, 6, 8).

- Tiếp xúc trực tiếp với con người và hoạt động lao động nghề nghiệp của họ để có ấn tượng rõ nét hơn về nghề nghiệp tương lai, đồng thời có thái độ tôn trọng, yêu quý lao động sản xuất (bài số 7).

Các bài học này được phân bố theo trình tự sau (xem bảng 2)

**Bảng 2: Phân bố chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp
đối với học sinh lớp 10**

Bài	Tên bài	Số tiết giảng dạy
1	Em thích nghề gì	3
2	Năng lực bản thân và truyền thống gia đình	3
3	Nghề dạy học	3
4	Vấn đề giới trong chọn nghề	3
5	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	3
6	Tìm hiểu một số nghề trong lĩnh vực y và dược	3
7	Tham quan một số cơ sở sản xuất CN hoặc nông nghiệp	3
8	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành xây dựng	3
9	Nghề tương lai của tôi	3

4.2.2. Giáo dục hướng nghiệp lớp 11

➤ *Mục tiêu của hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở lớp 11*

Từ mục tiêu chung của chương trình giáo dục hướng nghiệp ở cấp THPT, hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở lớp 11 có những mục tiêu cụ thể sau :

- Về kiến thức : Học sinh hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của một số nghề đang trên đường hiện đại hoá, có nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, nắm được thông tin về thị trường lao động và về những điều kiện trở thành những lao động vững vàng về tay nghề, đóng góp được nhiều cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Ngoài ra, chương trình sẽ giúp các em làm quen với một số cơ sở đào tạo để chuẩn bị cho việc chọn trường sau THPT.

- Về kỹ năng : Học sinh biết được cách thức tìm hiểu một số nghề, đặc biệt là một số trường mà các em sẽ thi vào sau khi tốt nghiệp THPT. Mặt khác, học sinh cũng sẽ nắm lại những nguyên tắc chọn nghề để thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình một cách khoa học.

- Về thái độ : Học sinh hiểu được những nghề có trong chương trình, từ đó có ý thức hoàn thiện năng lực và phẩm chất đạo đức để chọn những nghề đó nếu có hứng thú với chúng.

➤ *Phân bố chương trình và nội dung hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 11*

* Chương trình "Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 11" có 27 tiết học, phân bố thành 8 bài học. Từ bài 1 đến bài 7, mỗi bài được thực hiện trong 3 tiết (1 buổi), riêng bài 8 được thực hiện trong 6 tiết học (2 buổi). Nội dung cụ thể của 8 bài học như

sau :

4 bài đầu (từ bài 1 đến bài 4) đi vào những nhóm nghề khác nhau :

- Một số nghề thuộc ngành Giao thông và Địa chất (bài 1).

- Một số nghề thuộc ngành Kinh doanh và Dịch vụ (bài 2).

- Một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bưu chính viễn thông, Công nghệ thông tin (bài 3).

- Một số nghề thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng (bài 4).

4 bài sau (từ bài 5 đến bài 8) đi sâu tìm hiểu những điều kiện chọn nghề :

- Giao lưu với những điển hình về sản xuất, kinh doanh giỏi, những gương vượt khó (bài 5). Thực chất của hoạt động giao lưu này là tìm hiểu điều kiện nào để người ta thành đạt trong nghề.

- Nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động (bài 6). Qua bài này, học sinh hiểu được những điều kiện phải có khi chọn nghề để đáp ứng nhu cầu lao động trong nước.

- " Tôi muốn đạt ước mơ" (bài 7). Chủ đề này giúp học sinh hiểu rõ phải có những điều kiện nào thì ước mơ nghề nghiệp sẽ trở thành hiện thực.

- Tham quan một số trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo công nhân) (bài 8). Qua tham quan học sinh hiểu rõ điều kiện tuyển chọn vào trường, điều kiện học hành trong trường và điều kiện lao động nghề nghiệp trong tương lai nếu học ở trường đó.

Phân bố cụ thể các bài học trên được phản ánh trên bảng 3.

Bảng 3 : Phân phối chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh lớp 11

Bài	Tên bài	Số tiết giảng dạy
1	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành GTVT, Địa chất	3
2	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực KD- Dịch vụ	3
3	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bưu chính viễn thông, Công nghệ thông tin.	3
4	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực An ninh. Quốc phòng.	3
5	Giao lưu với những điển hình về sản xuất, kinh doanh giỏi, những gương vượt khó (chủ đề : Làm gì sau khi tốt nghiệp THPT ?)	3
6	Nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động	3
7	Tôi muốn đạt ước mơ	3
8	Tham quan Trường Đại học (hoặc Cao đẳng), TCCN, dạy nghề tại địa phương.	6

Toàn bộ chương trình được phân bố theo những nội dung chính như sau :

1. Các bài mở đầu đề cập tới vị trí, tầm quan trọng và cách thức lựa chọn nghề.
2. Các loại nghề phổ biến trong một số lĩnh vực kinh tế của trung ương và địa phương, một số nghề khác trong đời sống xã hội.
3. Các bài với nội dung trao đổi, tọa đàm giữa học sinh với các tổ chức xã hội, diễn đàn tranh luận trong nội bộ học sinh.
4. Các bài giới thiệu hệ thống các trường lớp, cơ quan đào tạo nghề nghiệp.
5. Các bài giới thiệu thủ tục tuyển chọn, thi cử, nghi thức bàn giao học sinh ra trường.

Nội dung các bài trên được thực hiện thông qua các phương pháp chủ yếu :

- Thuyết trình (đối với bài loại 1, 4, 5.)
- Thuyết trình kết hợp với trao đổi, thảo luận (đối với các loại bài còn lại).

Trong quá trình thực hiện nội dung các loại bài nêu trên, chúng ta đều có thể kết hợp việc sử dụng ngôn ngữ nói với các tranh ảnh, mẫu vật, mô hình hoặc giảng dạy trực tiếp tại cơ sở sản xuất hay đào tạo nghề nghiệp.

Tuỳ thuộc vào tiềm năng chuyên môn và đặc điểm của đội ngũ cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất, mối quan hệ giữa trường với các cơ sở bạn..., khi thực hiện chương trình trên, chúng ta có thể sử dụng các hình thức phổ biến sau :

- Làm việc với tập thể học sinh trên lớp học.
- Làm việc với tập thể học sinh trong quá trình tham quan tại cơ sở sản xuất, tại phòng hướng nghiệp, tại các trung tâm khoa học, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và dạy nghề của địa phương.
- Tập thể học sinh làm việc độc lập với sự chỉ đạo của các tổ chức đoàn thể.

Như vậy, giáo dục hướng nghiệp theo chương trình của Bộ được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức tập thể, dưới dạng lớp - bài. Với quy định về nội dung, tính chất làm việc của chương trình, rõ ràng nó cần được bổ sung những nội dung và hình thức tổ chức sinh hoạt hướng nghiệp khác, với sự cộng đồng trách nhiệm của nhiều lực lượng xã hội cùng tham gia, dưới nhiều hình thức nội khoá và ngoại khoá, sinh hoạt có tính tập thể và cá nhân nhằm phát huy hết sở trường, hứng thú, năng lực của từng học sinh trong công tác hướng nghiệp.

4.2.3. Giáo dục hướng nghiệp lớp 12

➤ Mục tiêu của hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12 có những mục tiêu chính sau đây :

- Về kiến thức : học sinh hiểu được một cách khái quát những định hướng chủ yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của địa phương em đang sinh sống, học tập nói riêng, giúp cho học sinh và cha mẹ các em nắm được những thông tin về hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề cũng như yêu cầu tuyển sinh do các cơ quan chức năng thông báo. Từ những hiểu biết nói trên, các em học sinh sẽ làm hồ sơ tuyển sinh với sự tư vấn của thầy, cô

giáo, của cán bộ tại các trung tâm hướng nghiệp hoặc tư vấn nghề nghiệp, của các chuyên gia các lĩnh vực y tế, lao động, kinh tế, giáo dục...

- Về kĩ năng : học sinh biết vận dụng nguyên tắc chọn nghề vào việc viết đơn xin đi học tiếp sau trung học phổ thông, xin vào làm việc ở một cơ quan hành chính hay sự nghiệp hoặc ở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Giáo viên còn phải giúp học sinh biết cách thu thập các nguồn thông tin cần thiết cho việc chọn nghề của các em.

- Về thái độ : học sinh có ý thức trách nhiệm trong việc chọn nghề tương lai cho bản thân qua đơn xin đi học hoặc đi làm sau khi tốt nghiệp bậc trung học, tích cực chuẩn bị về mọi mặt, nhất là về mặt tâm lí đối với lao động nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn 12 năm ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

➤ *Phân bố chương trình và nội dung hoạt động hướng nghiệp lớp 12*

Chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12 có 27 tiết học trong 8 bài. Mỗi bài được thể hiện trong 3 tiết liền nhau (1 buổi), riêng bài thứ 8 (tham quan hoặc tổ chức hoạt động văn hoá theo chủ đề hướng nghiệp) thì được tiến hành trong 6 tiết học liền nhau (cả ngày). Do vậy chương trình được dạy trong 8 tháng học, mỗi tháng 1 bài.

Tám bài học về giáo dục hướng nghiệp 12 gồm các nội dung chính sau đây :

- Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. do tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Những con đường đi vào nghề nghiệp tương lai cũng những yêu cầu cụ thể đặt ra mà mỗi học sinh phải tự quyết định lựa chọn ngay trước khi tốt nghiệp THPT.

Phân bố cụ thể các nội dung nêu trên được phản ánh trên bảng 4

Bảng 4. Phân phối chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh lớp 12 trường THPT

Bài	Tên bài	Số tiết giảng dạy
1	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương	3
2	Những điều kiện để thành đạt trong nghề	3
3	Tìm hiểu hệ thống trường trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề của trung ương và địa phương	3
4	Tìm hiểu hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng	3
5	Thanh niên lập thân lập nghiệp	3
6	Tư vấn chọn nghề trong quá trình hướng nghiệp	3
7	Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh	3
8	Tổ chức tham quan hoặc hoạt động văn hoá theo chủ đề hướng nghiệp	6

Tất cả các bài nằm trong chương trình nêu trên đối với lớp 10 và lớp 11 có cấu trúc thống nhất bao gồm các phần cơ bản :

- Mục tiêu bài học.
- Nội dung cơ bản của bài học.
- Trọng tâm của bài học.
- Công việc chuẩn bị của giáo viên.
- Gợi ý tổ chức bài học.
- Đánh giá bài học.
- Tài liệu tham khảo.

Ứng với mục đích của từng loại bài, cấu trúc chi tiết có sự thay đổi. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu cấu trúc chi tiết của các loại bài này.

➤ *Cấu trúc của loại bài giới thiệu một số lĩnh vực nghề cụ thể*

* Mục tiêu bài học :

- Về nhận thức : Cung cấp cho học sinh kiến thức có liên quan tới đặc điểm và những yêu cầu chính của một số nghề.

- Về kỹ năng : Hình thành cho học sinh kiến thức có liên quan tới đặc điểm và những yêu cầu chính của một số nghề mà mình có dự định lựa chọn.

- Về thái độ : Giúp học sinh có được cách nhìn nhận đúng về sự tương hợp năng lực, hứng thú nghề của bản thân với nhu cầu của thị trường lao động xã hội.

* Nội dung cơ bản của bài học:

- Sơ lược lịch sử phát triển của lĩnh vực nghề.
- Sự phát triển của lĩnh vực nghề trong giai đoạn hiện nay.
- Hướng phát triển của lĩnh vực nghề trong thời gian tới.
- Đặc điểm yêu cầu của lĩnh vực nghề tương ứng.

+ Đối tượng lao động

+ Mục đích lao động

+ Nội dung lao động

+ Điều kiện lao động

+ Công cụ lao động

- Chồng chỉ định y học.

- Giới thiệu một số cơ sở đào tạo.

+ Các trường dạy nghề đào tạo công nhân

+ Các trường TCCN

* *Trọng tâm bài học:*

* *Công việc chuẩn bị của giáo viên:*

- Thu thập thông tin về lĩnh vực nghề trong khu vực, trên đất nước và trên thế giới.

- Thu thập thông tin về các cơ sở đào tạo nghề, trong đó cần nêu rõ :

+ Tên trường, địa chỉ của trường, điện thoại liên hệ

+ Các nghề được đào tạo trong trường, các khoa thuộc trường

+ Số lượng tuyển sinh hàng năm (chủ yếu là các năm gần đây) các môn phải thi tuyển, thời gian đào tạo

- Xây dựng hoạ đồ nghề, bao gồm các nội dung :

+ Tên nghề

+ Đặc điểm hoạt động của nghề (đối tượng lao động, mục đích lao động, nội dung lao động, công cụ lao động, điều kiện lao động)

+ Các yêu cầu đối với nghề (về sức khoẻ, về tính cách, về năng lực)

+ Chồng chỉ định y học

+ Nơi đào tạo nghề

+ Nơi hành nghề

Mẫu dàn bài trên phục vụ cho những giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình cho tập thể lớp. Còn nếu cũng với mục đích giới thiệu một chuyên đề nghề nghiệp nào đó mà giáo viên tổ chức dưới hình thức trao đổi thảo luận trong tập thể thì chúng ta có thể tiến hành theo mẫu minh hoạ sau :

* *Công tác chuẩn bị :*

Ngoài thuyết trình của giáo viên cần có sự tham gia của những tổ chức khác. Trong hình thức tổ chức này, có sự tham gia tích cực của học sinh về nội dung những vấn đề sẽ thảo luận (trang trí cho buổi trao đổi, lựa chọn các tài liệu phục vụ cho nội dung của buổi sinh hoạt...).

Tương ứng với mục đích và nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp, phạm vi vấn đề trao đổi có thể được xác định như sau :

* *Nội dung tiến hành :*

- Những kiến thức chung về nghề :

+ Đặc trưng cơ bản (ngắn gọn) của lĩnh vực kinh tế nhóm các nghề (bao gồm cả nghề sẽ bàn tới). Ý nghĩa của nghề trong nền kinh tế quốc dân và địa phương, nhu cầu về đội ngũ cán bộ.

+ Lịch sử sơ giản và tự phát triển của nghề, xu hướng phát triển của nó trong tương lai.

+ Những chuyên ngành cơ bản có trong nghề, lĩnh vực ứng dụng của chúng, những ngành đại diện tiêu biểu trong nghề.

- Nội dung sản xuất của nghề :

+ Quy trình công nghệ sản xuất đặc trưng có trong nghề.

+ Đối tượng, phương tiện và sản phẩm (kết quả) của lao động.

+ Nội dung và tính chất của hoạt động (những chức năng cơ bản tạo thành quá trình hoạt động nghề nghiệp, mối quan hệ giữa chúng); Người lao động trong nghề cần phải có những hiểu biết gì (chỉ ra những kỹ năng và kiến thức chuyên ngành cơ bản). Mối quan hệ của nghề nghiệp với những nghề khác (hoặc chuyên ngành khác trong quá trình lao động).

+ Ảnh hưởng của cơ giới hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, tự động hoá tin học hoá đến nội dung và đặc trưng của lao động trong nghề nghiệp đó.

Những điều kiện làm việc và yêu cầu của nghề đối với người lao động.

+ Điều kiện vệ sinh lao động : Khoảng không gian làm việc, tư thế, tiếng ồn, nhiệt độ... yêu cầu về tình trạng sức khoẻ, các chống chỉ định nghề.

+ Đặc trưng tâm lý của lao động : Mặt hấp dẫn hay không hấp dẫn của công việc, các thành phần sáng tạo, tính chất khó khăn, mức độ trách nhiệm ; những yêu cầu đặc biệt về thể lực và đặc điểm tâm lý của con người ; chất lượng sản phẩm của thợ lành nghề.

+ Điều kiện xã hội : ảnh hưởng của nghề nghiệp đến cuộc sống, hình ảnh về đời sống của người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó.

+ Điều kiện kinh tế Tổ chức lao động, hệ thống tiền lương, thu nhập (năng suất, phụ cấp nghề...)

+ Một số kiến thức về luật lao động : Sắp xếp công ăn việc làm, tiền lương, thời gian làm việc trong ngành, chế độ nghỉ ngơi, điều trị bệnh tật khi ốm đau...

- Hệ thống đào tạo :

+ Các cơ sở đào tạo nghề : Đại học, TCCN, các trường lớp dạy nghề, tập trung hay tự học...

+ Việc gắn liền giữa đào tạo nghề nghiệp với hoạt động lao động và học tập trung nhà trường phổ thông.

+ Mức độ và khối lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cần thiết để trở thành thợ lành nghề trong nghề nghiệp đó.

+ xu hướng phát triển của nghề.

+ Có thể hiểu biết thêm về nghề đó đang có ở nơi nào trong khu vực và trên đất nước.

+ Cần đọc thêm những gì để hiểu biết rõ hơn nghề nghiệp.

Khi tiến hành trao đổi, việc lựa chọn các vấn đề như chúng tôi đã nêu phụ thuộc vào sự giao tiếp của những đại diện trong nghề với học sinh. Các cuộc mạn đàm trao đổi thường đạt được hiệu quả cao khi nó được tiến hành dưới sự chỉ đạo của những chuyên gia giỏi, thợ lành nghề trong các nghề định đề cập tới, đồng thời còn phụ thuộc vào trình độ chuyên tải hiểu biết tới học sinh. Trong trao đổi, không nên chỉ đề cập tới mặt thuận lợi, tốt đẹp của nghề mà điều không kém phần quan trọng là phải chỉ rõ cho

học sinh thấy những khó khăn và khả năng sáng tạo trong nghề để các em thấy được nghề nghiệp một cách toàn diện.

Trong khi trình bày về hoạt động nghề, diễn giả có thể sử dụng những đặc điểm lịch sử của bản thân mình hoặc của những người lao động khác để làm sáng tỏ những nguyên nhân dẫn tới kết quả, thành tích trên con đường nắm vững nghề nghiệp.

Nội dung sản xuất trong nghề được đề cập tới trong cuộc trao đổi thường ngắn hơn so với việc truyền thụ nội dung đó khi tham quan ở xí nghiệp, hợp tác xã, bởi tại những nơi này học sinh có điều kiện trực tiếp quen biết với công cụ, đối tượng lao động, quan sát các thao tác, thủ thuật làm việc...

Việc trao đổi không cần phải diễn ra quá trang trọng mà điều cần thiết hơn là mỗi vấn đề nêu ra phải có những sự kiện minh họa. Cần không nên biến việc trao đổi trở thành một cuộc cổ động. Phải làm sao cho học sinh thông qua cuộc mạn đàm cảm thấy được sự tự do đầy đủ trong lựa chọn nghề.

Nội dung và hình thức tiến hành trao đổi phải phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh. Ví dụ ở các lớp đầu cấp THPT, học sinh chưa có ý niệm rõ rệt về nghề nghiệp, chưa có hứng thú ổn định trong việc lựa chọn nghề, do đó việc hướng nghiệp cho học sinh các lớp này chỉ nên tiến hành một cách hợp lý và có hệ thống thông qua giáo dục lao động để các em có thể có điều kiện quen biết với hoạt động nghề nghiệp và lao động của người lớn, tự mình biết lĩnh hội được một số những kỹ năng lao động ban đầu. Ở các lớp này, việc trao đổi nghề nghiệp nhằm mục đích hướng nghiệp cho học sinh có thể thực hiện thông qua tranh ảnh, trong đó có mô tả các dạng hoạt động khác nhau để giúp các em thấy rõ tính đa dạng và phong phú của lao động. Nội dung trao đổi cũng có thể đề cập tới những công việc của cha mẹ các em đang làm (ở đâu và làm gì), qua đó học sinh bước đầu làm quen với nghề nghiệp và hoạt động của người lớn cũng như lợi ích lao động do chính cha mẹ các em mang lại cho địa phương và đất nước.

Để học sinh quen biết với nghề nghiệp, sau khi trao đổi với các em, nếu có điều kiện có thể tiến hành tổ chức tham quan những cơ sở sản xuất xung quanh trường, điều đó cho phép hình thành những kiến thức sâu sắc về lao động sáng tạo của quần chúng lao động cho các em.

- Tất cả những hình thức mạn đàm, trao đổi như vậy với học sinh ở những bước đi ban đầu sẽ hình thành cho các em một số khái niệm chung nhất về nghề này hay nghề khác, dần dần các em sẽ bắt đầu chọn một nghề nào đó trong tổng số các nghề đã biết. Chính lúc đó là lúc khái niệm về nghề của các em đã được hình thành. Khái niệm này sẽ được thể hiện thông qua các hoạt động nghề, trong đó các em cố gắng bắt chước những kỹ năng lao động khác nhau và sau đó bắt đầu có sự thích ứng với một dạng nghề nhất định. Dần dần, sự thích ứng này chuyển hoá thành một khuynh hướng, sở thích đối với một nghề nghiệp cùng với sự lớn lên về nhận thức và kinh nghiệm sống.

➤ *Cấu trúc của loại bài chuyên đề diễn ra dưới dạng diễn đàn (hội thảo)*

** Mục đích của việc tổ chức diễn đàn :*

- Giúp cho mỗi học sinh có những suy nghĩ đúng đắn về nghề nghiệp, cách thức tìm hiểu sâu về một nghề để có được những phát biểu cụ thể của mình trên diễn đàn.

- Tạo điều kiện để mỗi học sinh được trình bày suy nghĩ, quan điểm của mình đối với một nghề nào đó.

- Qua trao đổi công khai, giáo viên có khả năng hiểu biết hơn về tâm tư, nguyện vọng của học sinh, nhờ đó mà có biện pháp uốn nắn những quan điểm lệch lạc, phát huy, bồi dưỡng những suy nghĩ đúng đắn của các em.

- Tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau giữa học sinh (theo chiều sâu), tạo ra sự đoàn kết nhất trí, không khí tập thể trong hoạt động của lớp học.

** Tổ chức diễn đàn:*

- Mọi học sinh trong lớp đều có quyền và trách nhiệm tham gia góp ý kiến của mình trước tập thể.

- Phải đảm bảo tự do tư tưởng, tránh gò ép, bó buộc.

- Diễn đàn phải đảm bảo không khí vui vẻ, phấn khởi, hình thức phải có sự góp ý của giáo viên hướng dẫn.

** Các bước tiến hành :*

- Chủ tọa diễn đàn nêu vấn đề, nói rõ ý nghĩa và yêu cầu việc tổ chức buổi diễn đàn đó, kích lệ tâm thế của mỗi học sinh vào việc tham gia đóng góp ý kiến cho diễn đàn.

- Phát biểu ý kiến cá nhân. Người điều khiển mời những người có ý kiến phát biểu.

- Giáo viên chủ nhiệm được mời phát biểu với nội dung tổng kết diễn đàn nêu ra những quan điểm chỉ đạo nhằm hướng dẫn cho học sinh có quan điểm đúng trong lựa chọn nghề.

➤ *Cấu trúc của bài giảng tổ chức cho học sinh tham quan tại các cơ sở sản xuất*

** Mục tiêu của bài học:*

+ Giúp học sinh thấy rõ những điều kiện, đặc điểm, môi trường hoạt động sản xuất trong một nghề cụ thể.

+ Cung cấp cho học sinh họa đồ nghề một cách sống động, để từ đó giúp em nhận biết được những yêu cầu của nghề đó đối với người lao động.

+ Hình thành thái độ tích cực đối với người lao động và sản phẩm lao động.

** Nội dung cơ bản của bài học :*

+ Xác định cơ sở sản xuất cần tham quan.

+ Xác định nội dung tham quan.

Căn cứ vào mục đích và lịch trình tham quan, dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại

cơ sở sản xuất, học sinh trong thời gian tham quan cần hoàn thành việc thu thập các nội dung sau :

+ Tên của cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất của cơ sở, tên của giám đốc hoặc người điều hành cơ sở, số điện thoại liên hệ.

+ Sơ lược về tổ chức quản lý của cơ sở sản xuất.

+ Các loại nhân lực trong cơ sở (quản lý, trực tiếp sản xuất, dịch vụ).

+ Các loại sản phẩm của cơ sở sản xuất, nơi tiêu thụ sản phẩm, năng suất lao động, giá thành sản phẩm và giá kinh doanh trên thị trường, lợi nhuận.

+ Trình độ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, các khu vực lao động giản đơn và lao động bằng máy, việc ứng dụng công nghệ sản xuất.

+ Điều kiện lao động (vệ sinh lao động, an toàn lao động).

+ Lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm.

+ Nơi đào tạo, nguồn nhân lực cung cấp cho cơ sở, trình độ học vấn cần có để chuyển tải vào cơ sở, triển vọng phát triển của những người làm việc tại cơ sở (về vật chất và vị thế xã hội).

* *Công việc chuẩn bị của giáo viên :*

- Đến cơ sở sản xuất để đăng ký tham quan với các công việc sau :

+ Xin phép và thống nhất với cơ sở sản xuất về kế hoạch và lịch trình tham quan: ngày, giờ, khu vực tham quan, nguồn nhân lực tại cơ sở hỗ trợ cho hoạt động tham quan khi bắt đầu, trong quá trình và khi kết thúc buổi tham quan.

- Xác định cho học sinh : Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, của buổi tham quan.

- Địa điểm, thời gian, cách thức tổ chức tham quan.

- Tổ chức nhân sự phù hợp với mục đích kế hoạch tham quan.

+ Thông báo cho học sinh các yêu cầu cần thực hiện do cơ sở sản xuất quy định.

+ Những yêu cầu về kiến thức phải có được sau buổi tham quan (tên cơ sở sản xuất ; địa chỉ của cơ sở sản xuất ; người lãnh đạo cơ sở sản xuất, đối tượng sản xuất, công cụ sản xuất, điều kiện sản xuất, sản phẩm của quá trình sản xuất, năng suất lao động, lương và phụ cấp, tiền thưởng, chống chỉ định y học).

* *Tổ chức tiến hành buổi tham quan :*

- Hoạt động 1 : Tổ chức lớp đi đến địa điểm tham quan.

- Hoạt động 2 : Học sinh nghe cán bộ cơ sở tại giới thiệu chung về tình hình lao động sản xuất của cơ sở.

Tham quan sản xuất (học sinh được chia thành các nhóm, để tới các phân xưởng, các bộ phận sản xuất, xem xét và ghi nhận những thông tin thu nhập được).

- Hoạt động 3 : kết thúc buổi tham quan.

+ Học sinh tập hợp tại một địa điểm, hoàn chỉnh các thông tin đã thu thập được trong buổi tham quan.

+ Giáo viên và cán bộ hướng dẫn tham quan nêu nhận xét ưu, nhược điểm của buổi tham quan, dặn dò, bổ sung kiến thức.

+ Giáo viên và học sinh cảm ơn cơ sở sản xuất.

➤ *Cấu trúc của loại bài "phương hướng phát triển kinh tế, các ngành nghề của địa phương trong thời gian tới"*

* *Mục đích yêu cầu :*

- Làm cho học sinh nắm được yêu cầu phát triển kinh tế và thị trường lao động nghề nghiệp của địa phương trong thời gian tới để từ đó xác định vị trí và trách nhiệm của mình góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh.

- Tăng thêm lòng tin tưởng, tình cảm gắn bó với quê hương cho mỗi học sinh.

* *Phương pháp tiến hành :*

- Lãnh đạo nhà trường (Ban hướng nghiệp) liên hệ với những bộ phận có liên quan tới nội dung chuyên đề ở địa phương để sưu tập tư liệu soạn giảng.

- Có thể mời chính những cán bộ địa phương am hiểu tình hình về trường để giảng cho học sinh.

* *Kế hoạch soạn giảng :* Bài giảng gồm các phần :

- Vài nét về đặc điểm tình hình của địa phương.

+ Đặc điểm về tự nhiên, tài nguyên, đất đai, động thực vật...

+ Đặc điểm xã hội (dân số, mật độ phân bố, tỷ lệ sinh đẻ, số lao động chính và phụ, mức phát triển về tổ chức sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, cơ sở văn hoá, giáo dục, y tế...).

+ Tình hình sản xuất trước đây và hiện nay (các chỉ tiêu kinh tế đã đạt được quy mô và tốc độ phát triển các ngành nghề chủ yếu, các nguyên nhân dẫn tới thành tích và hạn chế trong phát triển kinh tế). Phương hướng phát triển kinh tế trong thời gian tới (kế hoạch 5 năm).

+ Các chỉ tiêu chính về nông nghiệp (diện tích, sản lượng về lúa, rau màu, cây công nghiệp, lâm nghiệp..., số đàn gia súc, gia cầm).

+ Các chỉ tiêu về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (những ngành chủ yếu ở địa phương trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp : tên nghề, số lao động, giá trị sản phẩm, yêu cầu đòi hỏi hiện nay...).

+ Phương hướng tổ chức mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân địa phương.

- Kế hoạch phân bố lại lao động và quy mô đào tạo nghề nghiệp ở địa phương.

+ Chỉ tiêu cân đối về lao động (tổng số lao động hiện có, số lao động cần có để phát triển kinh tế, các ngành nghề ở địa phương, số lao động thừa, thiếu trong các lĩnh vực kinh tế và dịch vụ).

+ Các biện pháp phân bố lại lao động và đào tạo nghề (điều phối nội bộ giữa các

lĩnh vực kinh tế trong từng địa bàn).

+ Số lượng chuyển vùng kinh tế và đào tạo ngành nghề hàng năm.

4.3. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong quá trình giảng dạy các bộ môn khoa học

Quá trình lĩnh hội kiến thức nằm trong các bộ môn khoa học cơ bản là một trong những con đường hình thành, phát triển khuynh hướng, sở trường của học sinh. Vì thế, nội dung tài liệu học tập các môn học có thể và cần phải được sử dụng vào công tác hướng nghiệp. Người giáo viên trong khi truyền thụ cho học sinh hệ thống các kiến thức phổ thông còn có nhiệm vụ chỉ rõ ý nghĩa của những kiến thức này đối với việc nắm vững các nghề nghiệp phổ biến và quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong các giờ sinh học, hóa học, vật lý, toán học, chính trị đạo đức..., học sinh không chỉ có điều kiện quen biết với con người lao động nói chung mà còn là dịp tốt để hiểu biết hơn về phương tiện, quy trình, hiệu quả của quá trình lao động. Sự hiểu biết này có ý nghĩa to lớn đối với việc hình thành thái độ đúng đắn đối với công việc lao động và con người lao động. Tất nhiên, mỗi môn học giải quyết một góc độ của vấn đề thông qua đặc trưng vốn có về nội dung, chương trình về cấu trúc môn học và về mối quan hệ có tính hệ thống, lôgic giữa các bộ môn.

Hướng nghiệp trong quá trình dạy các bộ môn khoa học ở trường phổ thông là một việc hết sức khó khăn nhưng hiện lại thiếu một sự chỉ dẫn cụ thể về phương pháp tiến hành, biện pháp thực hiện. Nhìn chung đây là vấn đề ít được quan tâm trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Đặc biệt ở nước ta, khi hoạt động hướng nghiệp còn đang là công việc hết sức mới mẻ, kinh nghiệm đúc kết chưa nhiều, vì thế chúng ta chưa thể nói tới một cách toàn diện, đầy đủ việc hướng nghiệp cho học sinh thông qua quá trình giảng dạy các môn học. Tuy nhiên với quan điểm cho rằng dạy học là phương tiện cơ bản của công tác giáo dục và giáo dưỡng trong nhà trường phổ thông, chúng ta có thể nhận thấy một số điểm cần lưu ý khi triển khai các nhiệm vụ hướng nghiệp thông qua các môn học :

- Bản thân những kiến thức trong các môn học mà học sinh lĩnh hội sẽ tạo thành nền móng cho sự tiếp thu kiến thức nghề nghiệp bởi lẽ đó là hệ thống tri thức cơ bản, chung nhất, được tất cả các ngành nghề lấy đó làm điểm tựa để bồi đắp dần tri thức chuyên ngành cho giai đoạn tiếp theo.

Nội dung kiến thức phổ thông đã bao gồm trong đó một lượng thông tin khá phong phú về nghề nghiệp : công cụ và phương tiện lao động (vật lý) ; công cụ và phương tiện tư duy trong quá trình lao động (toán học) ; biến đổi nguyên vật liệu (hóa học, vật lý) ; biến đổi vật chất hữu cơ (sinh học, hóa học) ; quan hệ giữa con người với tự nhiên trong lao động (văn học) ; điều kiện tự nhiên xã hội của quá trình lao động (địa lý, lịch sử); lịch sử biến đổi tự nhiên và xã hội (lịch sử)...

Phạm vi nghề nghiệp được đưa vào trong tiến trình bài giảng được qui định bởi chính những khả năng và đặc điểm của từng môn học (vì thế không phải càng đưa

được nhiều kiến thức có liên quan tới nghề nghiệp vào bài giảng là làm tốt giáo dục hướng nghiệp). Vấn đề chủ yếu ở đây là phải lựa chọn lượng thông tin nào trong mỗi môn học để phục vụ cho hoạt động hướng nghiệp ; đưa lượng thông tin này tới học sinh bằng con đường nào để vừa phù hợp với đặc thù của từng môn học, vừa ăn nhập với kinh nghiệm hiểu biết và năng lực của học sinh.

Lượng thông tin nghề nghiệp nằm trong nội dung các bộ môn văn hóa chưa hẳn là nội dung có tính nghề nghiệp. Lượng thông tin này chỉ đưa lại cho học sinh sự hiểu biết về ý nghĩa và công dụng của tri thức đã học đối với các nghề trong xã hội (các nguyên lý chỉ đạo cơ sở khoa học của sản xuất...) còn hầu như tất cả những gì có quan hệ tới tính chất cụ thể của mỗi nghề (quy trình công nghệ, kỹ năng, kỹ xảo, thủ thuật tiến hành, thao tác, tư thế lao động...) sẽ được đề cập tới trong các phân môn công nghệ (công nghệ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...). Các môn văn hóa cơ bản trong trường hợp này chỉ biểu hiện về mặt hướng nghiệp của mình tới học sinh như là những phương tiện hỗ trợ cho giảng dạy lao động. Vì thế có thể coi hệ thống tri thức văn hóa cơ bản vừa là hệ thống cơ sở vừa là hệ thống tri thức công cụ để tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh trong hoạt động hướng nghiệp.

Dưới đây, chúng ta sẽ sơ bộ xem xét một số khả năng giải quyết mặt hướng nghiệp trong khi dạy các môn khoa học. Tất nhiên việc xem xét này chỉ được coi như là những ví dụ minh họa, chưa được lý giải một cách chặt chẽ. Thời gian và thực tế trong những bước tiếp theo của tiến trình triển khai hoạt động hướng nghiệp sẽ giúp chúng ta có được những kinh nghiệm đầy đủ và khoa học hơn.

4.3.1. Hướng nghiệp thông qua các môn chính trị, đạo đức (Giáo dục công dân)

Kiến thức nằm trong các môn học chính trị, đạo đức là một trong những phương tiện giáo dục cộng sản chủ nghĩa, giúp cho học sinh nhận thức rõ rệt hơn những quy luật cơ bản đối với sự phát triển của tự nhiên và xã hội cũng như những vấn đề chủ yếu trong đời sống của đất nước. Thông qua các kiến thức chính trị, xã hội, học sinh sẽ có điều kiện hiểu biết những hiện tượng của đời sống kinh tế văn hóa, chính trị trên đất nước. Người giáo viên trong khi trình bày những vấn đề có liên quan tới lao động xã hội, về nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân, cần làm sáng tỏ trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội, về vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước. Giáo viên cần đưa những dẫn liệu về chế độ lao động, tiền lương, lợi nhuận, giá cả trong hạch toán kinh tế, sự khác biệt giữa lao động tự giác trong chế độ xã hội chủ nghĩa và lao động khổ sai trong chế độ bóc lột. Khi giảng về năng suất lao động, tiết kiệm và giá thành sản phẩm, giáo viên cần đề cập tới những nhiệm vụ mà các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công cần phải hoàn thành trong kế hoạch 5 năm, vai trò và ý nghĩa của thi đua XHCN. Với nội dung kiến thức về cơ cấu và tổ chức xã hội, giáo viên cần làm sáng tỏ vai trò lãnh đạo của các tổ chức, vị trí và sự đóng góp vào lợi ích chung của những tổ chức này, đặc biệt cần nhấn mạnh sự tham gia của tổ chức Đoàn thanh niên đối với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế trong xã

hội, trên cơ sở đó xác định ý thức tiên phong, gương mẫu của lực lượng trẻ đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Đối với các kiến thức có liên quan tới nội dung giáo dục đạo đức, giáo viên chính trị có thể gắn những phạm trù đạo đức của con người mới với yêu cầu đòi hỏi về đạo đức, tính cách nghề nghiệp : tính tổ chức, kỷ luật, ngăn nắp, sáng tạo... đặc biệt là sự hình thành những phẩm chất của con người trong lao động tập thể : ý thức trách nhiệm, lòng tận tâm, tinh thần tương trợ, làm việc quên mình vì thành tích chung của tập thể.

4.3.2. Hướng nghiệp trong giảng dạy sinh học

Sinh vật học được dạy từ lớp 5. Nội dung của sách giáo khoa sinh học có liên quan tới hàng loạt nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp (đặc biệt là nông nghiệp) : trồng trọt cây lương thực : lúa, ngô, khoai, sắn ; cây công nghiệp : lạc, đậu, chè ; chăn nuôi gia súc : trâu, bò, lợn, gà ; nuôi ong, nuôi cá ; công nghiệp chế biến phân bón, thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu ; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm...).

Khi truyền thụ nội dung kiến thức này, giáo viên phải có sự liên hệ ứng dụng của những kiến thức đó trong canh tác nông nghiệp, chỉ rõ khoa sinh học đã tạo cho nông nghiệp cơ sở khoa học để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi thông qua việc hợp lý hóa các qui trình và kế hoạch sản xuất, chuyên môn hóa phân công lao động... Cũng thông qua việc dạy những bài học này, giáo viên có điều kiện giúp học sinh quen biết công việc của những người chọn giống, làm đất phòng dịch, thợ máy nông nghiệp... đồng thời còn gợi ra cho học sinh thấy rõ khả năng lao động sáng tạo của những con người làm việc trong các nghề nghiệp này. Chính nhờ sự chuyên cần và sáng tạo đó đã tạo nên ngày một nhiều khối lượng lương thực, thực phẩm cho toàn bộ hoạt động xã hội.

Nội dung các kiến thức sinh học có liên quan nhiều tới môi trường sinh học và điều kiện tự nhiên : khí tượng, thủy văn, chống xói mòn, trồng cây gây rừng và hàng loạt những nghề nghiệp khác. Trên cơ sở những kiến thức này, giáo viên cần lưu ý học sinh có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái và hiểu biết sự xuất hiện của nhiều chuyên ngành mới nghiên cứu về tự nhiên : vật lý sinh học, sinh hóa học, kể cả những nghề gắn liền với sinh học vũ trụ trong tương lai.

4.3.3. Hướng nghiệp trong giảng dạy văn học

Văn học đóng góp một lượng thông tin đáng kể vào công tác hướng nghiệp và trên thực tế, bằng sức mạnh của nội dung nghệ thuật sâu sắc, văn học đã lôi cuốn không ít tâm hồn trẻ vào những lĩnh vực kinh tế đầy gian khổ nhưng mang trong nó tính lãng mạn cao đẹp : khai phá những miền đất hoang vu, đi sâu vào lòng đất tiên tài nguyên cho Tổ quốc, đánh cá giữa biển khơi lộng gió... Tất nhiên với đặc điểm có tính xã hội trong nội dung của mình, văn học tiến hành công tác hướng nghiệp gặp không ít khó khăn.

Song, dựa trên đặc thù môn học và kinh nghiệm thực tiễn mà một số giáo viên dạy văn ở các trường phổ thông dưới những góc độ khác nhau đã thực hiện, có thể đề cập tới một số vấn đề mà trong dạy văn học có lợi thế khi triển khai giáo dục hướng nghiệp.

- *Trong giảng văn :*

+ Qua các tác phẩm văn học, cần cho học sinh thấy rõ giá trị của lao động, của con người lao động đã tạo nên kho tàng quý báu về vật chất và tinh thần cho mỗi dân tộc như thế nào.

+ Mọi quan hệ tốt đẹp giữa con người lao động và các tập thể lao động đã có tác động tới sự phát triển của cá nhân và xã hội như thế nào.

+ Những đặc điểm về phẩm chất đạo đức, năng lực, tay nghề của người lao động trong lĩnh vực hoạt động mà tác phẩm đề cập tới cũng như sự hoạt động, ảnh hưởng của lĩnh vực hoạt động ấy tới con người và hoàn cảnh xã hội.

- *Trong lịch sử văn học :*

+ Phải nêu bật giá trị sáng tạo của các nhà văn bằng tác phẩm của họ đối với thời đại và lịch sử.

+ Những đặc trưng nổi bật trong hoạt động văn học (cuộc sống, phong thái, quan hệ xã hội...) và tính cách cần có của một người làm công tác văn học.

+ Sự hiểu biết rộng rãi của nhà văn đối với hoạt động xã hội để tạo nên giá trị tinh thần cho tác phẩm...

- *Trong ngữ pháp :*

+ Vận dụng câu ca dao, tục ngữ nói về lao động và con người lao động để phân tích ngữ pháp.

+ Vận dụng các câu nói hay của các vị lãnh tụ, các áng văn thơ có giá trị của các nhà thơ, nhà văn nói tới lao động, con người và nghề nghiệp để làm mẫu câu, mẫu từ phân tích.

+ Cho học sinh thấy rõ qui luật hình thành ngôn ngữ bị chi phối và quyết định bởi quan hệ xã hội, nảy sinh và mang đậm những sắc thái của hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt là lao động sản xuất

- *Trong các hoạt động ngoại khóa văn học :*

+ Tổ chức các hội bình thơ văn, phê bình, phân tích tác phẩm... để phát triển nhận thức văn học.

+ Phát động các phong trào viết báo tường, sáng tác văn thơ đề cập tới người lao động trong các lĩnh vực nghề nghiệp: Đây cũng là những hoạt động nâng cao nhận thức, bồi dưỡng và phát triển hứng thú nghề nghiệp.

+ Nghe các nhà văn, nhà thơ nói chuyện về văn học, hướng dẫn chuyên môn để bồi dưỡng năng lực văn học...

+ Tham quan thực tế các nghề nghiệp có liên quan : phát thanh viên, thư viện, xuất bản báo chí... cũng như các cơ sở sản xuất để hiểu rõ hơn tính chất và đặc trưng nghề nghiệp, nâng cao tính khoa học trong lựa chọn nghề và bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm đối với công việc học tập của bản thân nhằm chuẩn bị tốt cho bước đi tương lai.

4.3.4. Hướng nghiệp trong giảng dạy toán học

Nói tới toán học làm công tác hướng nghiệp, nhiều giáo viên cho rằng đó là một suy nghĩ phi thực tế, vì toán học là quy luật vận động của số và hình, không có gì liên quan tới nghề nghiệp. Rõ ràng ở đây chúng ta chưa đánh giá hết khả năng của toán học khi đặt nó trong việc giải quyết những nhiệm vụ hướng nghiệp của trường phổ thông. Trong chúng ta ai cũng hiểu rằng với sự phát triển hiện nay của xã hội, toán học ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong hàng loạt lĩnh vực khoa học và sản xuất. Có thể nói rằng không một hoạt động nghề nghiệp nào của đời sống hiện nay không sử dụng công cụ toán học, chúng chỉ khác nhau ở mức độ và qui mô sử dụng. Do đó, khi giảng dạy mỗi phân môn toán, cần giúp cho học sinh hiểu rõ giá trị của những kiến thức này trong hoạt động thực tiễn : tính toán số lượng, phương tiện và nguyên liệu sử dụng, thời gian tiêu tốn vào công việc, nhân công, năng suất, tiền lương, giá cả, kế hoạch hóa thông qua mô hình, biểu mẫu, angôrit hóa quá trình phát minh sáng chế...

Với những kiến thức về tọa độ và đồ thị giản đơn, cũng đã được sử dụng để tính toán trong các ngành hàng hải, thăm dò địa chất, du hành vũ trụ...

Kết quả của việc truyền thụ thông tin toán học nhằm mục đích hướng nghiệp cho học sinh chính là quá trình gắn lượng thông tin này với thực tiễn, kích thích, khơi dậy ở các em sự suy nghĩ, nắm vững những kiến thức này và vận dụng chúng trong hoạt động đi vào nghề nghiệp.

Ở góc độ này hay góc độ khác, chúng ta cũng có thể nói tới những ứng dụng của toán học thông qua các kiến thức về đường thẳng, đoạn thẳng, góc phẳng, dựng đường vuông góc... trong một số lĩnh vực nghề nghiệp phổ thông rộng lớn : thợ mộc, thợ nề, thợ nguội và đặc biệt là sử dụng những kiến thức này trong khi tiến hành các thao tác (đánh dấu, đo đạc, phân chia...).

Ở các lớp cuối của trường THPT, học sinh được tiếp thu các kiến thức về đạo hàm, một số kiến thức mở đầu về vi phân, tích phân. Đó chính là những công cụ của các thuật toán viên, người lập chương trình hóa, thợ cơ khí sửa chữa các máy tính thông thường và điện tử...

Như chúng ta biết, thế hệ trẻ hiện nay đang tiếp xúc nhiều với các phương tiện hiện đại, một trong số đó là máy tính điện tử. Những công việc của máy tính đối với quá trình xử lý thông tin theo chương trình hóa là biểu hiện thành tựu rực rỡ của việc ứng dụng toán học vào sản xuất. Do đó, khi học đại số - cơ sở của quá trình thiết lập chương trình hóa, giáo viên có khả năng giúp học sinh hiểu biết tính diệu kỳ của nó, đồng thời vạch rõ tính chất lao động và năng lực sáng tạo của những con người làm việc bên máy tính.

Mặc dù khả năng hướng nghiệp của các phân môn toán trong trường phổ thông là khá phong phú, song không phải giáo viên dạy toán nào cũng lợi dụng được ưu thế đó. Có thể liệt kê ra một số nguyên nhân chủ yếu : do thời gian có hạn của một giờ học, do lượng kinh nghiệm thực tiễn của giáo viên chưa nhiều, do sự tham lam quá đáng của giáo viên khi nói tới các chuyên ngành nghề nghiệp, do tính trừu tượng cao của bản thân kiến thức toán học... Với tất cả những nguyên nhân kể trên, người giáo viên dạy toán muốn làm tốt công tác hướng nghiệp phải có sự lưu ý thích đáng tới hoạt động thực tiễn có quan hệ nhiều tới toán học, biết rút ra từ tính trừu tượng của kiến thức toán cái thực, cái cụ thể ứng dụng trong nghề nghiệp...

4.3.5. Hướng nghiệp trong giảng dạy địa lý

Địa lý là môn khoa học tự nhiên đề cập tới nhiều khía cạnh quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân : kiến tạo địa hình, phân chia khu vực lãnh thổ, thổ nhưỡng, khí hậu, tài nguyên... Với đặc thù của bộ môn, Địa lý còn chứa đựng hệ thống kiến thức có tính hệ thống, khái quát về xu hướng phát triển của nền kinh tế quốc dân trên những lĩnh vực cụ thể : công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải... Do đó có thể khẳng định rằng công tác hướng nghiệp tiến hành trong giảng dạy địa lý có nhiều thuận lợi và ưu thế hơn so với một số bộ môn khác xét về khối lượng thông tin nghề có trong mỗi bài, mỗi chương của nội dung truyền đạt. Kiến thức địa lý có liên quan trực tiếp tới những cơ sở chung của nghề nghiệp : nguyên liệu, nhân lực, giao thông, nhiên liệu, môi trường sản xuất và kinh doanh... Vì vậy, kiến thức địa lý sẽ giúp cho học sinh thấy rõ được tình hình thực tế của đất nước ta, củng cố được niềm tin vào tiền đồ và triển vọng to lớn của sự phát triển kinh tế xã hội.

Nội dung các bài giảng địa lý cũng đem lại những khả năng liên hệ tới nhiều lĩnh vực nghề nghiệp. Chẳng hạn trong phần Địa lý kinh tế giáo viên giúp học sinh có những hiểu biết về các nghề thợ trong lĩnh vực công nghiệp nặng, thợ luyện gang thép, thợ cán thép, thợ luyện kim màu, thợ mỏ, thợ chuyển tải băng truyền, thợ khoan, thợ cơ khí ; trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ (thợ dệt, thợ lắp ráp radiô, vô tuyến, thợ đóng bao...) ; trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp (thợ lái máy kéo, thợ đốn gỗ, thợ xẻ, thợ đánh cá biển, thợ ướp cá đông lạnh...). Tương tự, ta có thể đề cập tới hàng loạt nghề trong những lĩnh vực sản xuất khác như giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... Những kiến thức trong phần địa lý tự nhiên giúp ích khá nhiều cho giáo viên trong công tác giáo dục học sinh về ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với kinh tế địa phương và khu vực : tìm kiếm tài nguyên, khai phá đất đai, cải tạo đồng ruộng và địa hình cư trú bảo vệ sinh thái môi trường, sẵn sàng đi tu những nơi hoang vu, hải đảo xa xôi để xây dựng kinh tế.

Kết hợp với truyền thụ kiến thức trên lớp học, những bài giảng địa lý có nhiều điều kiện trong việc tổ chức tham quan ở các vùng và các cơ sở kinh tế để làm cho học sinh thấy rõ đặc điểm yêu cầu kinh tế của vùng cũng như khả năng phát triển các ngành nghề hiện có của khu vực.

4.3.6. Hướng nghiệp trong giảng dạy vật lý

Vật lý là môn học có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác hướng nghiệp bởi vì nội dung các kiến thức vật lý phản ánh tương đối đầy đủ các dạng vận động và biến đổi của vật chất : cơ học, nhiệt học, ánh sáng, điện học, nguyên tử, chất lỏng, chất rắn, chất khí. Lượng thông tin nghề nghiệp của nội dung kiến thức vật lý gắn với các lĩnh vực kinh tế rất rõ nét và gần gũi đối với học sinh, thậm chí tồn tại ngay trong cuộc sống hàng ngày của các em, vì thế nó có sức thuyết phục lớn và lôi cuốn được lòng ham hiểu biết, có tác dụng như một chất men nuôi dưỡng nhiều kỳ vọng của học sinh về một nghề nghiệp tương lai.

Với những lợi thế như vậy, trong quá trình giảng dạy vật lý, từ bài lý thuyết, thí nghiệm, thực hành tới các giờ học ngoại khóa, giờ học tự chọn (nếu có) và các buổi tham quan, giáo viên vật lý cần tạo ra những điều kiện thuận lợi để học sinh quen biết với những quy luật phổ biến của vận động vật chất được sử dụng trong sản xuất (chuyển động và truyền chuyển động trong các máy cơ học ; nguyên lý bảo toàn công và năng lượng trong biến đổi năng lượng...), cấu tạo công dụng, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc. Sự quen biết này làm cho những kiến thức kỹ thuật đại cương mang tính phổ thông mà học sinh lĩnh hội trong các giờ học gắn với kiến thức nghề nghiệp của sản xuất. Chính những hiểu biết này như là bước đi ban đầu, giảm bớt tính ngẫu nhiên. trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

Hầu như trong mỗi giờ vật lý, giáo viên đều có thể giúp học sinh quen biết với một điều mới mẻ nào đó trong thế giới nghề nghiệp, tìm được sự ứng dụng những kiến thức vật lý đã học trong sản xuất xã hội (người ta đã tính rằng, nếu mỗi giờ vật lý, giáo viên chỉ cần dành ra từ 2-3 phút giới thiệu cho học sinh về một nghề nào đó, thì từ lớp 7 đến lớp 12 các em có thể biết thêm từ 30-40 nghề). Chúng tôi sẽ giới thiệu dưới đây bảng danh mục một số nghề gắn với các đề mục có trong chương trình vật lý phổ thông (xem bảng 5). Sau nữa, chúng tôi đưa ra một cách làm bổ ích trong công tác hướng nghiệp khi tiến hành các giờ dạy vật lý, đó là việc sử dụng phiếu nghề nghiệp.

Bảng 5. Danh mục nghề gắn với nội dung một số bài học Vật lý

TT	Tên đề mục trong môn học	Các dạng nghề và quá trình sản xuất	Các hình thức hướng nghiệp	Nhiệm vụ của học sinh
1	Áp suất	Thợ rập khuôn, thợ điều chỉnh, thợ nguội	Tham gia phân xưởng đột dập của nhà máy cơ khí tại địa phương hoặc trạm bơm	Viết những suy nghĩ của bản thân sau khi tham quan
2	Cân bằng công	Thợ lái cần cẩu	Giới thiệu tranh ảnh về các loại cần cẩu	Tìm hiểu thêm các dạng cân bằng trong việc sử dụng các loại máy khác

TT	Tên đề mục trong môn học	Các dạng nghề và quá trình sản xuất	Các hình thức hướng nghiệp	Nhiệm vụ của học sinh
3	Chất lỏng : sự nóng chảy và đông đặc	Thợ đúc, thợ làm thủy tinh, thợ làm đồ nhựa	Giới thiệu về quy định, chế tạo các sản phẩm trong quá trình tham quan lò thủy tinh hoặc xưởng cán thép	Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về nghề đúc
4	Hiện tượng điện từ	Thợ lắp ráp radiô, điện tín viên, thợ sửa chữa các thiết bị điện từ	Mời cán bộ kỹ thuật sửa chữa thiết bị điện từ tới nói chuyện	Hoạt động kỹ thuật theo nhóm, chế tạo chuông điện, hoặc các dụng cụ có role điện từ
5	Công và công suất	Thợ kiểm tra điện	Tham quan trạm phân phối điện	Tìm hiểu nguyên tắc làm việc của công tơ điện, tính toán trên thực tế
6	Sự cân bằng vật thể, trọng tâm, sức bền vật thể	Nghề xây dựng	Gặp gỡ trao đổi với cán bộ công nhân xây dựng, tham quan công trình xây dựng	Trao đổi trong lớp về nội dung nghề xây dựng
7	Hiện tượng nhiệt, động cơ nhiệt	Thợ máy nổ, thợ cơ khí, thợ rèn	Tìm hiểu cấu tạo và nguyên tắc hoạt động (vận hành) của động cơ nhiệt	Chuẩn bị báo cáo theo những nhóm tiêu đề về động cơ nhiệt
8	Dòng điện trong chân không	Thợ làm bóng đèn điện	Giới thiệu các cung đoạn sản xuất bóng đèn nói chung và các bóng điện tử nói riêng	Tự viết bài với các nội dung : có những loại bóng điện thông dụng nào ? Nguyên nhân nào dẫn tới những hư hỏng khi dùng bóng điện. để có bóng điện tốt cần lưu ý những điểm gì
9	Dao động và sóng	Thợ lắp ráp và sửa chữa đồng hồ	Tham quan cửa hàng sửa chữa đồng hồ	Ghi lại suy nghĩ của mình sau buổi tham quan
10	Động cơ điện	Thợ chế tạo động cơ điện, thợ vận hành động cơ điện	Tham quan nhà máy điện ở địa phương	Có những loại máy phát điện nào được sử dụng trong sản xuất ? công dụng của các máy phát điện ? HS sưu tầm tranh ảnh và tư liệu

Mục đích của các phiếu nghề nghiệp là cung cấp trước thông tin nghề nghiệp có liên quan tới nội dung bài giảng, đặt trước học sinh những suy nghĩ tiên lượng về nghề nghiệp sâu sắc hơn điều mà bản thân các em đã biết.

Nội dung các phiếu nghề nghiệp có thể được phân chia thành 3 phần cơ bản :

Phần 1 : bao gồm công cụ thiết bị và phương tiện sản xuất được sử dụng trong một nghề nào đó có liên quan tới nội dung bài học (liệt kê và phân loại).

Phần 2 : bao gồm ứng dụng vào những phương tiện kỹ thuật trong bảng phân loại vào thực tiễn sản xuất.

Phần 3 : phương hướng phát triển sản xuất của đất nước, địa phương trong những năm tới, đòi hỏi về nhân lực điều khiển, vận hành lắp ráp và sửa chữa phương tiện kỹ thuật đã nói trên.

Ví dụ phiếu nghề nghiệp đối với bài máy bơm nước

Phần 1 : Các loại máy bơm nước

- Máy bơm nước thông dụng dùng trong các công trình thủy lợi máy bơm công suất lớn dùng nạo vét lòng sông và hồ chứa nước, trong các hệ thống cống rãnh và các kênh đào, cung cấp nước cho các thành phố.

Phần 2 : Các nghề thợ có liên quan tới máy bơm nước Thợ lắp ráp máy bơm.

Thợ cơ khí máy nổ trạm bơm (thợ vận hành).

Thợ sửa chữa máy bơm.

Thợ đường ống máy bơm.

Phần 3 : Phương hướng phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống

Nhu cầu về tăng năng suất lúa và hoa màu.

Nhu cầu về khai hoang phục hoá.

Nhu cầu mở rộng các thành phố và các khu dân cư.

Đòi hỏi về tưới tiêu, nước cho sinh hoạt.

- Sự cần thiết phải có nhiều loại thợ phục vụ cho những đòi hỏi trên.

Việc sử dụng phiếu nếu được tiến hành theo những thủ thuật sư phạm khéo léo, dẫn dắt học sinh thấy sự cần thiết của nội dung các phiếu sẽ tăng cường tính tích cực trong quá trình lĩnh hội kiến thức, phát triển hứng thú học tập của học sinh.

Ngoài ra, trong giảng dạy vật lý, các giờ học ngoại khoá có khả năng phong phú trong thực hiện công tác hướng nghiệp. Thông qua những giờ học này giáo viên có thể giới thiệu cho học sinh quen biết với những nghề : trắc đạc, thợ máy chiếu phim, thợ chụp ảnh, thợ quay phim, thợ vô tuyến... Công việc này đòi hỏi sự gia công lớn của giáo viên vật lý trong việc sưu tầm tư liệu gắn liền với nội dung nghề nghiệp định giới thiệu, đồng thời có kế hoạch xây dựng các nhóm học sinh có nguyện vọng và hứng thú kỹ thuật.

4.3.7. Hướng nghiệp trong giảng dạy hoá học

Hoá học là môn học thực nghiệm, các kiến thức trong môn học đều được bắt nguồn từ thực tế, được tổng quát hoá nâng lên thành mức độ trừu tượng (học thuyết, định luật, khái niệm...), vì thế tất cả những nội dung này đều phản ánh thực tiễn hoạt động sản xuất. Chúng ta có thể thấy sự xuất hiện kiến thức hoá học trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp : sản xuất đá vôi, muối ăn, xà phòng, sản xuất giấy, cao su nhân tạo, vải tổng hợp, thuốc nổ, khí đất... Do đó cũng như vật lý hoá học cũng là một trong những môn học có ưu thế tiến hành hoạt động hướng nghiệp trong quá trình giảng dạy ở trường phổ thông.

Mặc dù các lĩnh vực sản xuất được nhắc tới trong giờ hoá học chỉ được coi như là những ví dụ minh hoạ cho phần lý thuyết, song ở một số bài, chúng ta cũng thấy xuất hiện các kiến thức có liên quan tới quy trình chế tạo sản phẩm : sản xuất vôi, phân bón, thuốc trừ sâu, điều chế Axêtylen, sản xuất gang thép, chế tạo một số hợp chất cao phân tử, sản xuất muối ăn... Chính những kiến thức này là khâu nối liền giữa giảng dạy hoá học với tuyên truyền nghề, thông tin nghề và hơn thế nữa, nó còn cung cấp ở mức độ ban đầu những hiểu biết chuyên ngành cụ thể mà trong tương lai có không ít học sinh theo học. Do đó, nhiệm vụ của giáo viên hoá học là phải biết lựa chọn những kiến thức có liên quan tới sản xuất dựa trên kinh nghiệm vốn có của học sinh, nêu rõ tầm quan trọng của sự hiểu biết kiến thức khoa học đối với những ngành sản xuất có liên quan, đồng thời tăng cường trữ lượng thông tin nghề cho học sinh cả về bề rộng (số lượng các nghề) lẫn chiều sâu của nghề nghiệp (cơ sở khoa học, tác dụng của nghề trong đời sống xã hội, nội dung lao động nghề nghiệp...).

Tương tự như công tác hướng nghiệp trong giảng dạy vật lý, chúng ta cũng có thể vận dụng các phiếu nghề nghiệp, tăng cường công tác ngoại khoá, tham quan để hỗ trợ cho nội dung hướng nghiệp của bài giảng hoá học.

Tất cả những vấn đề được giới thiệu ở trên về việc gắn nội dung giảng dạy một số bộ môn khoa học cơ bản với hoạt động hướng nghiệp, nhằm mục đích gợi ra một số nét cụ thể về khả năng đa dạng của các môn học đối với quá trình tiến hành các nhiệm vụ hướng nghiệp, tất nhiên đây không phải là sự tham gia duy nhất của giảng dạy bộ môn như ta thấy, mà đó chỉ là một trong những nhiệm vụ giáo dục và giáo dưỡng ở nhà trường phổ thông. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng, tất cả các bộ môn trong nhà trường đều có thể tham gia công tác ở mức độ này hay mức độ khác theo đặc trưng riêng của mình. Do vậy ngoài 7 bộ môn chúng tôi đã nêu ra đây, chúng ta cần phải kể tới sự cộng đồng trách nhiệm của nhiều bộ môn khác : lịch sử, nhạc hoạ, thể dục... Riêng đối với bộ môn "Lao động kỹ thuật phổ thông" mà nay được thay bằng các môn "Công nghệ" chúng tôi sẽ bàn tới một cách chặt chẽ hơn ở những phần tiếp theo.

4.3.8. Hướng nghiệp trong giảng dạy các mô công nghệ (kỹ thuật phổ thông) và lao động

➤ *Đặc điểm tạo động của học sinh trong nhà trường phổ thông*

Học sinh trong trường phổ thông ngoài học tập là công việc chủ yếu và quan

trọng nhất, trong phần trình bày dưới đây, chúng tôi muốn đề cập tới những dạng lao động quan trọng khác góp phần to lớn vào sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ bao gồm lao động sản xuất, lao động công ích xã hội và học lao động phổ thông qua bộ môn kỹ thuật phổ thông (lao động công nghiệp, lao động nông nghiệp, lao động dịch vụ). Hiện nay môn học này được gọi chung là môn Công nghệ.

Trước hết, chúng ta cần phân biệt một số khái niệm về các dạng lao động của học sinh.

Lao động sản xuất : là sự tham gia trực tiếp của học sinh vào các dạng lao động gắn liền với lĩnh vực nghề nghiệp nào đó, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, bằng những sản phẩm cụ thể cho nhà trường (là chủ yếu) hoặc cho xã hội. Trong quá trình lao động sản xuất, học sinh được hình thành một hệ thống tri thức công nghệ, đặc biệt là kỹ năng, kỹ xảo, nghề nghiệp ở mức độ ban đầu trong việc nắm vững các thao tác vận hành, điều khiển phương tiện lao động, tổ chức và kiểm tra quá trình lao động, phân phối và sử dụng sản phẩm. Ví dụ : Học sinh khi lao động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp như trồng lúa, cần thiết phải tham gia trực tiếp vào các khâu của quy trình canh tác : làm đất, làm mạ, cấy lúa, bón phân, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh, điều tiết tưới tiêu, thu hoạch và bảo quản sản phẩm. Toàn bộ sự tham gia của học sinh vào các khâu của quy định sản xuất này sẽ giúp các em hình thành được các thao tác, kỹ năng, kỹ xảo, cày, bừa, gặt hái, làm cỏ và những kiến thức nông nghiệp như thời tiết và thời vụ, chất đất, cách bón phân và các loại phân, phòng trừ sâu bệnh... đồng thời cũng thông qua quá trình sản xuất này, học sinh được quen biết với cách thức tổ chức lao động nông nghiệp, hạch toán kinh tế và phân phối sản phẩm thu hoạch.

Lao động sản xuất của học sinh trong nhà trường phổ thông, mặc dù không phải là dạng lao động duy nhất, nhưng do tính chất, nội dung của bản thân các nhiệm vụ sản xuất, nó được coi là dạng lao động có ý nghĩa to lớn đối với học sinh, đó là quá trình tổng hợp có sự tham gia tích cực của lao động trí óc (vận dụng tri thức khoa học) năng lực và kinh nghiệm thực tiễn (kỹ năng, kỹ xảo). Bằng lao động sản xuất, học sinh đóng góp sức mình tạo ra của cải vật chất cho xã hội, đồng thời còn tự hình thành bản chất cao đẹp của người lao động (phẩm chất đạo đức). Lao động sản xuất là điều kiện giúp học sinh thử sức mình vào những nghề nghiệp nhất định, thấy rõ năng lực vốn có của mình, vì thế nó là dạng hoạt động có tính hướng nghiệp rõ nét, trực tiếp và cụ thể.

Tất nhiên sự tham gia vào lao động sản xuất của học sinh, cần thiết phải được giới hạn trong những lĩnh vực và nghề nghiệp nhất định phù hợp với sự phát triển thể lực và phục vụ nhiều nhất cho nội dung học tập. Lao động sản xuất cho học sinh thường được tiến hành tại cơ sở sản xuất hoặc trong xưởng trường, vườn trường.

Lao động công ích xã hội

Xét theo nghĩa rộng của nó, lao động công ích xã hội bao gồm trong nó cả công tác xã hội cũng như lao động sản xuất của học sinh. Lao động công ích xã hội phục vụ cho mục đích của các tổ chức trong tập thể : tổ, nhóm, lớp học, đội thiếu niên, đoàn

thanh niên để giáo dục tư tưởng chính trị và phục vụ cho phong trào, hoạt động văn hoá quần chúng của nhân dân địa phương, còn lao động sản xuất được hiểu trong phạm vi của lao động công ích xã hội cũng bao hàm đầy đủ những nội dung và ý nghĩa như chúng tôi vừa trình bày.

Việc đưa học sinh vào các dạng lao động công ích xã hội có ý nghĩa lớn khi nó được kết hợp chặt chẽ với quá trình học tập của các em, bởi vì nó cung cấp cho học sinh một phạm vi rộng những kiến thức và kỹ năng tổng hợp, là một trong các phương tiện giáo dục ngoài lớp phát triển toàn diện con người.

Trong những năm gần đây, các hình thức lao động công ích của học sinh ngày càng trở nên phong phú, ngoài các hình thức quen thuộc như các hoạt động cổ động phong trào bằng văn nghệ, thể dục, học sinh còn được tổ chức tham gia chế tạo đồ dùng dạy học, tu sửa trường lớp, lao động cộng sản, giúp các cơ sở sản xuất những công việc đột xuất, giúp các nhà trẻ mẫu giáo, tu sửa thư viện, phòng hướng nghiệp, vệ sinh đường làng, đường phố, trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường sinh thái...

Các dạng lao động công ích thường là lao động không có thù lao, lao động vì ý nghĩa tập thể, do vậy nó rất có lợi thế trong việc hình thành tình cảm nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, chủ nghĩa yêu nước, tinh đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau trong tập thể. Cũng trong quá trình tham gia này, đặc biệt là tham gia vào lao động sản xuất vì lợi ích chung sẽ dần hình thành cho học sinh tình yêu đối với lao động, nhu cầu tâm lý đối với nó, thái độ sáng tạo và ý nghĩa với bất cứ loại công việc nào.

Môn học công nghệ (kỹ thuật phổ thông)

Khi lĩnh hội các kiến thức trong hệ thống: các bộ môn khoa học cơ bản tương ứng với lôgic nội tại của mỗi môn học sẽ giúp cho học sinh có cơ sở vận dụng những kiến thức này vào quá trình lao động. Song, sự chuẩn bị này cho học sinh chưa phải là hoàn toàn đầy đủ.

Nhìn chung, nó mới chỉ tạo nên những điều kiện hữu hiệu về mặt ý thức đối với nhiệm vụ lao động được giao, tất nhiên là không phải lúc nào học sinh cũng sử dụng những kiến thức này vào điều kiện thực tế. Trong quá trình làm việc, học sinh thường không chú ý tới tác dụng của những kiến thức đã học, không vận dụng chúng vào quá trình giải quyết những nhiệm vụ lao động cụ thể. Quá trình lao động trong những trường hợp như vậy mang nặng tính chất thủ công, máy móc, nó không kèm theo tính tích cực của tư duy. Tất cả những điều đó làm giảm sút ý nghĩa giáo dục và giáo dưỡng của lao động. Vì thế vấn đề đặt ra là cần thiết phải có một hệ thống điều khiển sự phạm quá trình lao động của học sinh để các em có thể học được cách ứng dụng những kiến thức khoa học vào công tác lao động một cách có ý thức. Nhóm quan trọng hơn cả trong hệ thống này là việc dạy môn học Kỹ thuật phổ thông (KTPT), nhưng mục đích của môn học KTPT không chỉ giới hạn trong việc giúp học sinh sử dụng các kiến thức khoa học cơ bản của quá trình lao động ở xưởng trường, vườn trường, và điều đó càng không thể đầy đủ trong lĩnh vực sản xuất thực tiễn. Chính bởi thế, trong

giảng dạy KTPT, song song với việc sử dụng những kiến thức kỹ thuật tổng hợp từ các bộ môn khoa học cơ bản, cần thiết phải vũ trang cho học sinh những kiến thức kỹ thuật tổng hợp về kỹ thuật, công nghệ và tổ chức lao động của sản xuất. Để đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa các kiến thức khoa học với những dạng lao động quan trọng, chúng ta có thể sử dụng cơ sở vật chất hiện có của nhà trường hoặc trong các cơ sở sản xuất ngoài xã hội.

Những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật tổng hợp mà học sinh tiếp thu được thông qua bộ môn KTPT là phần hợp thành quan trọng trong việc chuẩn bị kỹ thuật tổng hợp cho các em. Cùng với những kiến thức tiếp thu trong quá trình học tập các cơ sở khoa học, hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, kỹ thuật tổng hợp nói trên sẽ tạo thành sự toàn vẹn cho hệ thống giảng dạy KTPT. Có thể rút ra một kết luận đúng đắn, có cơ sở rằng các môn công nghệ (KTPT) được coi là một phương tiện quan trọng nhất trong việc chuẩn bị kỹ năng, kỹ xảo nghề cho học sinh, là môi trường tạo ra sự thích ứng cần thiết trong việc tiếp cận với hoạt động nghề nghiệp của học sinh.

Từ toàn bộ quá trình xem xét các dạng lao động chủ yếu trong nhà trường phổ thông, chúng ta có thể đưa ra những đặc trưng cơ bản chung nhất của các dạng lao động đó như sau :

- Mục đích lao động trong bất kỳ dạng lao động nào (kể cả lao động sản xuất trong hoạt động thực tiễn) đều mang tính chất học tập nhằm chuẩn bị cho học sinh tham gia vào lao động xã hội.

- Tính chất của nội dung, phương pháp học tập lao động đều thấm sâu tư tưởng lao động kỹ thuật tổng hợp.

- Nhiệm vụ chủ yếu của việc chuẩn bị lao động cho học sinh thông qua các dạng lao động học tập là :

- + Giáo dục thái độ lao động của người lao động mới XHCN.

- + Hình thành những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật, văn hoá lao động cơ bản, phổ biến cả trong sản xuất vật chất và hoạt động hàng ngày, bước đầu học sinh tạo ra sản phẩm cho xã hội.

- + Giải quyết một phần quan trọng nội dung giáo dục kỹ thuật tổng hợp.

- + Góp phần giải quyết những nhiệm vụ cụ thể của công tác hướng nghiệp : tuyên truyền, thông tin nghề ; phát triển năng lực và hứng thú nghề ; có kỹ năng tay nghề ở mức độ chung nhất.

- Nội dung của các dạng lao động được sắp xếp theo một trình tự liên tục, có hệ thống, bảo đảm mối quan hệ với công tác giáo dục và giáo dưỡng, có phân hoá.

- Phương thức thực hiện : có sự hướng dẫn của lý luận sư phạm và đội ngũ giáo viên ; có sự kết hợp giữa việc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường và xã hội.

Những đặc trưng nêu trên hoàn toàn đáp ứng những nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp, cho nên có thể thừa nhận quan điểm cho rằng tổ chức lao động cho học

sinh là bộ phận xung kích, đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác hướng nghiệp, tác dụng của nó là trực tiếp và cụ thể. Vì thế mặc dù lao động và hướng nghiệp là hai bộ phận có cấu trúc chương trình, nội dung và phương pháp tổ chức tiến hành khác nhau, song đó là hai bộ phận gắn gũi nhau hơn cả, có quan hệ xen kẽ và kế thừa lẫn nhau. Tuy nhiên cần tránh hai quan niệm phổ biến hiện nay trong đội ngũ giáo viên : một là đồng nhất giữa lao động và hướng nghiệp, nhằm lẫn giữa phương tiện và mục đích, giữa phương thức đào tạo và hiệu quả của nó ; hai là coi hiệu quả hướng nghiệp chỉ do một bộ phận duy nhất tạo thành là lao động. Cả hai quan niệm trên đều dẫn tới những hạn chế trong khi thực hiện công tác hướng nghiệp : hạn chế về lực lượng tham gia, hạn chế về phương hướng và biện pháp khai triển công tác này...

➤ *Những điều kiện cần có của giảng dạy và giáo dục lao động để đảm bảo hiệu quả cho sự hình thành khả năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT*

Khi chúng ta khẳng định rằng lao động coi như yếu tố quyết định trong quá trình hướng nghiệp thì suy nghĩ trước tiên của chúng ta phải nhằm đảm bảo mức độ cần thiết cho việc thực hiện nội dung, chương trình của các phân môn lao động ở xưởng trường, vườn trường, trong lao động nội khoá và ngoại khoá. Những vấn đề gì có liên quan tới những điều kiện này ? Trả lời câu hỏi đó, ta có thể đề cập tới một số những vấn đề then chốt : xây dựng nội dung chương trình, cơ sở vật chất thiết bị giảng dạy, đội ngũ hướng dẫn lao động và sự giúp đỡ vô tư của các đơn vị bạn, trong đó nổi lên hàng đầu là việc xây dựng cơ sở vật chất. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày một số những yêu cầu chung giúp cho công tác của người giáo viên được đảm bảo bởi những điều kiện cần thiết về mặt nội dung hình thức tổ chức, các phương tiện và phương pháp tiến hành để có thể thu được hiệu quả cao hơn khi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của công tác hướng nghiệp.

➤ *Việc lựa chọn nội dung bài giảng về lao động*

Lao động kỹ thuật và lao động công ích xã hội phải nhằm giúp cho học sinh quen biết với một phạm vi rộng các dạng lao động xã hội. Sự quen biết này là nền móng cho việc đi sâu tìm hiểu nội dung những chuyên ngành và nghề nghiệp tiếp theo.

* Các bài giảng lao động cần hướng chủ yếu vào việc hình thành thái độ đối với lao động, thói quen và một số kỹ năng lao động cơ bản trong một số lĩnh vực lao động nghề nghiệp phổ biến hiện nay. Đối với các lớp cuối cấp THPT mức độ và lượng thông tin nghề trong các dạng lao động cần hướng học sinh vào việc tìm hiểu một số ngành nghề chủ yếu ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội và quy trình công nghệ.

* Xây dựng các xưởng trường và vườn trường, đồng thời trang bị cho những cơ sở này những thiết bị và phương tiện thiết yếu nhất phục vụ các bài giảng có trong chương trình môn học (lớp học lý thuyết và xưởng thực hành, chuồng trại chăn nuôi, đồ nghề, dụng cụ sản xuất, sức kéo, cơ sở y tế và bảo hộ lao động).

Những cơ sở vật chất, thiết bị này phải phù hợp với trình độ quản lý kinh tế và

hoàn cảnh nhà trường, phục vụ thiết thực cho giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, phục vụ cho việc cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và yêu cầu phát triển kinh tế địa phương.

Trong điều kiện hiện nay, không thể ngay một lúc thực hiện được trang thiết bị và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lao động. Vì thế đây là quá trình lâu dài, quyết tâm, mạnh dạn, chắc chắn, cố gắng làm sao để hiệu quả của cơ sở sản xuất ban đầu là vốn cho xác định cơ sở sản xuất tiếp theo, tận dụng nguyên vật liệu và phương tiện kỹ thuật cho việc giảng dạy lao động. Tất nhiên, mỗi trường tùy theo điều kiện cho phép có thể hoặc là trang bị lấy, hoặc là dựa vào sự giúp đỡ của các cơ sở bạn về vốn liếng, vật tư kỹ thuật, đất đai, cây, con giống... Nhìn chung chúng ta không thể nói tới giáo dục kỹ thuật tổng hợp, nói tới công tác hướng nghiệp nếu thiếu những cơ sở vật chất tối thiểu, bởi đó chính là những phương tiện giúp học sinh hiểu biết các quá trình công nghệ của sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cũng như những tri thức kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo trong một số nghề phổ biến nhất của địa phương và xã hội.

* Phải có sự phân hoá trong giảng dạy và tổ chức lao động giữa nam và nữ, giữa các vùng, khu vực kinh tế văn hoá xã hội địa phương. Có như vậy lao động mới bám sát đối tượng, mới tận dụng được vốn kinh nghiệm sản xuất của học sinh, mới có sức cuốn hút đối với các em đi vào những lĩnh vực nghề nghiệp mà địa phương đang đòi hỏi.

Bấy lâu nay, do sự hạn chế về cơ sở vật chất, mặc dù trong chương trình lao động kỹ thuật đã lưu ý tới tính chất phân hoá này, song ở nhiều trường, nhiều địa phương vẫn tiến hành nhất loạt theo một chương trình, một loại hình lao động cho mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh, tạo ra sự mất cân đối nghiêm trọng về quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng và kỹ xảo nghề nghiệp. (Học sinh nữ không có phòng học nữ công, trường nông thôn không có vườn trường, trường thành phố không có xưởng trường).

* Lao động, đặc biệt là lao động sản xuất, thực hành thí nghiệm của học sinh các lớp cuối cấp THPT phải được tiến hành chủ yếu trong các cơ sở sản xuất của địa phương (công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp). Muốn vậy các trường THPT cần dựa hẳn vào các cơ sở sản xuất này mà tổ chức lao động sản xuất cho học sinh nhằm mục đích tận dụng tiềm năng sẵn có về phương tiện, thiết bị sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, thậm chí cả về vốn liếng, vật tư và hạch toán kinh tế. Công việc kết hợp này cần thiết phải có kế hoạch rõ ràng, chu đáo giữa hai bên, phải có sự chỉ đạo sự phạm cần thiết của nhà trường đối với cơ sở sản xuất để đạt mục đích giáo dục, tránh tình trạng khoán trắng cho cơ sở như một số trường đã mắc phải. Đồng thời nhà trường cũng lưu ý thường xuyên tới chỉ tiêu kinh tế và năng suất lao động, tổ chức nhân sự của cơ sở sản xuất.

Việc đưa học sinh vào lao động tại các cơ sở sản xuất cho tới nay theo kinh nghiệm của các nước XHCN trước đây và nhiều trường phổ thông tiên tiến ở nước ta đều chứng tỏ rằng, đó là một việc làm có hiệu quả lớn trong công tác hướng nghiệp, nó

chẳng những giúp học sinh có dịp tiếp xúc trực tiếp với điều kiện sản xuất (môi trường, con người, phương tiện, sản phẩm, các mối quan hệ giữa con người với môi trường và phương tiện sản xuất), mà còn là dịp học sinh thử sức mình trong hoàn cảnh môi trường nghề nghiệp cụ thể. Trên cơ sở của sự quen biết này, học sinh góp phần vào quá trình tạo ra sản xuất cho xã hội, tăng thêm nhận thức đúng đắn vào ý định lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

* Tổ chức cho học sinh tham quan các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp theo kế hoạch và nội dung của chương trình lao động phù hợp với phân bố nội dung hướng nghiệp. Để cho việc tham quan đạt được hiệu quả cao, cần thiết phải có sự chuẩn bị chi tiết về kế hoạch (mục đích, nội dung, nhiệm vụ của cơ sở tham quan, người hướng dẫn, phương tiện đi lại, ăn ở và thu hoạch tri thức kỹ thuật).

* Xác định đúng đắn phương hướng chuẩn bị lao động cho học sinh phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương. Quy hoạch kinh tế của đất nước ta hiện nay lấy địa bàn huyện làm đơn vị cơ sở và mỗi tỉnh là một đơn vị phát triển cân đối, toàn diện kinh tế địa phương. Căn cứ trên qui hoạch phát triển kinh tế này, nhà trường cần có kế hoạch xác định hướng đi đúng đắn cho hoạt động lao động của học sinh, có như vậy mới chuẩn bị cho các em một cách thiết thực về tiềm năng lao động tại chỗ, giải quyết sự phân bố lại lao động theo qui hoạch phát triển kinh tế phân vùng của Nhà nước.

Ví dụ : Nếu trường phổ thông đóng ở địa bàn nông nghiệp lấy cây lúa làm chính thì phương hướng lao động của nhà trường phải đi vào giải quyết nhiệm vụ cung cấp tri thức kỹ thuật, kỹ năng canh tác nông nghiệp làm chính yếu, vườn trường phải được coi là cơ sở thực hành và thực nghiệm cơ bản, phải được chú ý xây dựng đầu tiên, còn xưởng trường (nếu có) chỉ là cơ sở phục vụ cho lao động của học sinh trong vườn và trên đồng ruộng.

Nước ta là một nước nông nghiệp trong một thời gian dài về sau, mặt trận nông nghiệp vẫn thu hút tuyệt đại bộ phận thanh niên học sinh, sau khi tốt nghiệp THCS và THPT. Hơn nữa, còn lâu chúng ta mới có khả năng cơ giới hoá toàn bộ kinh tế nông nghiệp. Do đó trong khi chuẩn bị lao động cho học sinh, nhằm đáp ứng những đòi hỏi trước mắt, đa số các trường phổ thông đóng trên địa bàn nông nghiệp, kể cả những vùng gần thành phố, cần thiết phải tập trung vào giải quyết việc hình thành những người lao động trong lĩnh vực kinh tế này. Sự xác định đúng đắn phương hướng lao động cho hoạt động trong giai đoạn trước mắt sẽ giúp nhà trường có nhiều sáng tạo trong thực hiện nội dung chương trình, xây dựng cơ sở vật chất thiết yếu và tổ chức đội ngũ hướng dẫn lao động. Tuy nhiên, trong quy hoạch phát triển lâu dài của đất nước, vẫn cần có một đội ngũ ngày càng đông phục vụ trong các lĩnh vực, ngành nghề công nghiệp dịch vụ, vì thế đối với những trường học đóng tại các khu vực đô thị, các trung tâm và vùng công nghiệp lớn cũng phải chăm lo bồi dưỡng cho học sinh trở thành những người thợ có tay nghề ngày một tinh thông.

* Đội ngũ những giáo viên làm công tác hướng dẫn lao động ở trường phổ thông phải được bồi dưỡng về chất lượng kiến thức và tay nghề, bổ sung về số lượng và đặc biệt phải có sự hỗ trợ đắc lực của cán bộ kỹ thuật, công nhân và nông dân lành nghề của các doanh nhân tại các cơ sở sản xuất.

Đây là một điều kiện xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác đào tạo ở phổ thông. Thực tế cho ta thấy muốn có những người lao động giỏi cho địa phương cần phải có những người hướng dẫn giỏi. Chúng ta không thể đào tạo được một lớp người có tri thức lao động, có kỹ năng và kỹ xảo nghề nghiệp thông qua lao động nên còn giữ nguyên tình trạng đội ngũ giảng dạy và hướng dẫn lao động hiện nay - khi họ chỉ được đào tạo chủ yếu về mặt lý thuyết đại cương (công nghiệp đối với giáo viên vật lý, nông nghiệp đối với giáo viên sinh vật...), mà không có tay nghề, hay chuyên sâu vào phần việc gánh vác. Trong khi đó chúng ta lại bỏ phí một lực lượng đáng kể những cán bộ kỹ thuật và những người trực tiếp sản xuất tại những cơ sở kinh tế địa phương. Những cán bộ này có sự tác động về mặt sư phạm tới một trình độ nào đó sẽ là những giáo viên và người hướng dẫn lao động có hiệu quả nếu xét về phương diện kinh tế và nghề nghiệp.

Từ toàn bộ sự phân tích trên về những điều kiện đảm bảo cho quá trình tổ chức hướng dẫn và giảng dạy lao động đạt được những hiệu quả trong công tác hướng nghiệp giúp chúng ta nhìn nhận đúng những vấn đề cơ bản :

- Phương hướng lao động của nhà trường gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương.
- Xây dựng nội dung và cấu trúc chương trình lao động theo các phân môn.
- Xây dựng cơ sở vật chất cho giảng dạy và tổ chức lao động.
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn và giảng dạy lao động.

Đề xuất các biện pháp tổ chức và tiến hành cơ bản đối với hoạt động lao động của học sinh trong trường.

Như chúng ta thấy, việc tiến hành có hiệu quả công tác hướng nghiệp trong quá trình giảng dạy bộ môn KTPT nhằm đáp ứng những yêu cầu chung nhất như vừa trình bày ở trên phụ thuộc rất nhiều vào bản thân sự ý thức đối với công tác này trong chuẩn bị của người thầy giáo. Sự chuẩn bị ấy phải đảm bảo những yêu cầu sau :

- Biết cách đưa vào trong chương trình những phạm vi nghề nghiệp phổ biến ở mức độ hợp lý.
- Tìm cách phân định đặc trưng của mỗi nghề trong những yếu tố tạo thành các khái niệm cơ bản, rõ nét về nghề nghiệp phù hợp với trình độ hiểu biết của lứa tuổi và cấp học của học sinh.
- Hiểu được đặc trưng phát triển kinh tế của địa phương, những ngành nghề tiêu biểu hiện có và xu thế phát triển của những ngành nghề đó.

4.4. Sự tham gia của các tổ chức và lực lượng xã hội vào hoạt động hướng nghiệp của trường THPT

4.4.1. Vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đối với hoạt động hướng nghiệp của nhà trường THPT

Nhiệm vụ chính của tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM) trong trường phổ thông với tư cách là một thành phần của hệ thống hướng nghiệp, là hình thành cơ sở đạo đức của lý tưởng và hứng thú nghề nghiệp cho học sinh, là sự tham gia tích cực trước tiên vào quá trình giải quyết những vấn đề hướng nghiệp. Những nhiệm vụ này được cụ thể hoá như : một là hình thành cho học sinh những động cơ lựa chọn nghề mang tính xã hội, có nguyện vọng được góp sức mình vào những thành quả chung của đất nước ; hai là giáo dục cho học sinh nhu cầu lựa chọn nghề đúng đắn, có ý nghĩa và lựa chọn một cách tự tin, chủ động, tự do, có ý thức vừa đáp ứng yêu cầu của xã hội, vừa phù hợp với hứng thú cá nhân ; ba là giáo dục cho học sinh có hứng thú bền vững với một số nghề mà xã hội đòi hỏi sự phân bố lao động nhiều nhưng vẫn đầy gian nan thử thách như nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản, vv... trong giai đoạn hiện nay.

Những phương pháp và hình thức cơ bản về công tác hướng nghiệp của Ban chấp hành đoàn trường có thể là : thuyết trình, mạn đàm, trao đổi, hội nghị, thông tin ; gặp gỡ ; dạ hội, báo chí ; giới thiệu các thủ tục đi học chuyên ngành, ra các tập thông tin nghề ngắn gọn ; đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền cho những dạng lao động mà hiện nay xã hội đang đòi hỏi ; lôi cuốn học sinh vào lao động công ích xã hội (đặc biệt là lao động sản xuất).

Các Ban chấp hành đoàn của nhà trường phổ thông phải có mối quan hệ thường xuyên với các Ban chấp hành đoàn của các cơ sở sản xuất các trường TCCN, dạy nghề để có thể tận dụng sự giúp đỡ của các cơ sở này trong công tác ngoại khoá như thành lập các câu lạc bộ kỹ thuật, câu lạc bộ giáo viên, các đội sản xuất của thanh niên học sinh...

Các Ban chấp hành đoàn trường phổ thông cần phổ biến những kiến thức su phạm tới những cơ sở đoàn của các cơ quan bạn để sự giúp đỡ của họ đối với công tác của nhà trường đi đúng hướng.

Dưới đây chúng tôi trình bày một vài nội dung cụ thể hoá các nhiệm vụ nêu trên.

Xác lập một chỉ tiêu trong các cuộc hội họp, mạn đàm trao đổi của chi đoàn với mục đích định hướng nghiệp.

- Đồng chí hiểu như thế nào là lựa chọn nghề đúng đắn ?
- Con đường chúng ta sẽ chọn?
- Cá nhân và xã hội trong lựa chọn nghề?
- Nghề tương lai của bạn - nghề đó sẽ là như thế nào ?
- Sở thích và nghĩa vụ khi lựa chọn nghề?

- Đồng chí đã làm gì để chuẩn bị nghề tương lai ?
- Nếu như Tổ quốc kêu gọi?
- Hôm nay và ngày mai của nghề nghiệp mà đồng chí lựa chọn là như thế nào ?
- Tài năng và nghề nghiệp (đạo đức và nghề nghiệp)?
- Trường phổ thông chuẩn bị cho đồng chí những gì để đồng chí đi vào cuộc sống?
- Quan hệ giữa giá trị con người và lao động ?
- Đồng chí hiểu như thế nào về công việc thích thú và công việc không thích thú?
- Ý nghĩa của cuộc sống bao gồm những gì, theo đồng chí ?
- Tương lai của đồng chí phụ thuộc vào những điều gì ?
- Kế hoạch 5 năm lần thứ (...) đang mở ra trước mắt đồng chí những triển vọng gì?

Ban chấp hành đoàn các xí nghiệp, hợp tác xã và cơ quan dạy nghề xung quanh nhà trường có thể tổ chức những ngày tiếp đón học sinh vào cơ sở mình, triển lãm lưu động tại các trường phổ thông trong huyện, xuất bản các tập sách ngắn nói về cơ sở sản xuất của mình, chiếu phim, gặp gỡ, trao đổi, tổ chức hội thảo... Tất cả những hoạt động này nhằm giúp cho học sinh quen biết với các dạng lao động về nghề nghiệp của địa phương.

Ban chấp hành đoàn trường phổ thông (ngoài việc trực tiếp tham gia cùng với Ban chấp hành đoàn cơ quan xí nghiệp), có thể tiến hành tổ chức các buổi dạ hội gặp gỡ những học sinh đã tốt nghiệp ra trường ; dạ hội có nội dung về một nghề nào đó ; các trò chơi thi đấu ; hội thi tay nghề ; đọc và thảo luận nội dung những sách nói tới nghề nghiệp ; xem các chương trình phim, vô tuyến ; mở các cuộc thi viết văn thơ về nghề nghiệp : tổ chức tham quan, du lịch, câu lạc bộ ; v.v...

Tìm hiểu những khuynh hướng và sở thích nghề nghiệp của học sinh để vạch ra năng lực nghề của học sinh là nhiệm vụ chính và phức tạp của công tác hướng nghiệp, song chỉ với những công việc này cũng đủ gây ra hàng loạt khó khăn cho các cán bộ đoàn, bởi vì họ chưa được trang bị một cách đầy đủ những kiến thức giáo dục và tâm lý, thiếu những kỹ năng và kỹ xảo công tác cần thiết. Do đó, vai trò của Ban chấp hành đoàn trong công tác hướng nghiệp ở trường phổ thông được coi như là bộ phận giúp đỡ nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, những người chỉ đạo các nhóm kỹ thuật, ngoại khoá trong việc nghiên cứu khuynh hướng, sở thích của học sinh, chỉ rõ năng lực của các em bằng hai con đường cơ bản, đó là :

- Lôi cuốn học sinh vào các công việc mà các em thích thu những hoạt động hoặc phụ trách các câu lạc bộ, dạ hội, đội sản xuất, nhóm ngoại khoá...

- Thông qua việc giao các nhiệm vụ cụ thể thường xuyên hay nhất thời cho học sinh (phụ trách sao nhi đồng, đội thiếu niên, biên tập báo tường, điều khiển các câu lạc bộ thiếu niên...).

Chúng ta cũng có thể nói tới một sự giới hạn tương tự trong công tác tư vấn nghề nghiệp của cán bộ đoàn thanh niên, điều này dễ hiểu hơn bởi vì công tác tư vấn nghề đòi hỏi những người có trình độ chuyên sâu và những tài liệu chuyên ngành đặc biệt. Do vậy Ban chấp hành đoàn có nhiệm vụ thu nhập những tư liệu về các nội dung có liên quan tới tư vấn nghề, chẳng hạn nhu cầu phân bổ đội ngũ cán bộ ở địa phương ; các ngành nghề của địa phương ; mời những cán bộ, công nhân đến để nói rõ nội dung các ngành nghề có trong các cơ sở sản xuất của địa phương, giúp cho việc hiểu biết nghề nghiệp của học sinh sâu sắc hơn ; cùng với Ban chấp hành đoàn cơ sở sản xuất Ban chấp hành đoàn trường phổ thông có thể tổ chức các cuộc họp liên tịch với Ban lãnh đạo chính quyền, Công đoàn tại các cơ sở đó để đi tới việc tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, các cuộc dạ hội lao động theo các chủ đề (như : vai trò của đoàn thanh niên trong lao động và cuộc sống : người thợ là đoàn viên thanh niên cần phải làm như thế nào ? Lao động - đó là danh dự, lòng dũng cảm và anh hùng cách mạng ; hiểu như thế nào về làm chủ bản thân trong lựa chọn nghề và lao động nghề nghiệp...) ; tiến hành các ngày thứ bảy và chủ nhật lao động cộng sản, tổ chức gặp gỡ giữa những người sản xuất tiên tiến với học sinh ; triển lãm tranh ảnh, lịch sử cơ sở sản xuất...

Để có thể làm tốt công tác hướng nghiệp : Ban chấp hành đoàn trường cần phải mở những lớp học tập ngắn hạn cho các đoàn viên thanh niên tích cực với sự tham gia hướng dẫn của những cán bộ có trình độ chuyên môn tại các cơ sở sản xuất, cơ quan dạy nghề, trường lớp đại học và TCCN. Việc học tập này nhằm cung cấp cho các học sinh những hiểu biết cần thiết về vấn đề sử dụng tài nguyên, phân bố lao động, tiềm năng và phương hướng phát triển kinh tế của địa phương.

- Công tác hướng nghiệp đặt trước các Ban chấp hành đoàn trường phổ thông không chỉ những nhiệm vụ có liên quan tới việc tìm ra các hình thức và phương pháp, mà điều quan trọng hơn là tổ chức một cách có hiệu quả các hình thức hoạt động thực tiễn của đoàn viên như đã được đề cập tới ở trên, làm cho mỗi hoạt động này gắn liền với quá trình nâng cao nhận thức tư tưởng, đạo đức, đồng thời mở ra trước mắt học sinh những nội dung lao động nghề nghiệp cụ thể, tạo cho họ những cơ sở thực tiễn trong việc xác định bước đi trong tương lai của chính họ.

Tất cả những công việc kể trên phải được thiết lập có hệ thống theo một kế hoạch xác định đối với mỗi khối lớn, từng thời gian, định rõ trách nhiệm cho cá nhân hoặc tập thể, có kiểm tra, đôn đốc.

Trong khi thiết lập kế hoạch, Ban chấp hành đoàn trường cần đặc biệt lưu ý tới kế hoạch triển khai đối với học sinh các lớp cuối cấp. Cán bộ đoàn trên hiểu một cách sâu sắc các vấn đề cụ thể như :

- Học sinh cuối cấp phổ thông cơ sở và PTTH sẽ tiếp tục làm việc và học tập ở đâu, trong những lĩnh vực nghề nghiệp nào ?
- Sở thích của học sinh lớp 11 và lớp 12 hiện nay là gì ?
- Danh mục nghề nghiệp và chỉ tiêu tuyển chọn, tiêu chuẩn tuyển chọn của cấp

trên đối với học sinh cuối cấp PTTH trong năm như thế nào ?

- Làm thế nào để học sinh cuối cấp có thể có điều kiện quen biết với những nghề nghiệp khác nhau trong các cơ sở sản xuất ?

- Phải tổ chức những hoạt động ngoại khoá nào phù hợp với tình hình thực tiễn về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ và sở thích của học sinh cuối cấp.

- Làm thế nào để giáo dục học sinh cuối cấp hứng thú với những nghề nghiệp và lĩnh vực lao động mà địa phương đòi hỏi ?

- Xây dựng, bổ sung các phòng, góc hướng nghiệp, hình thành ban tư vấn nghề...

Sự phân tích toàn diện như vậy trong công tác hướng nghiệp của Ban chấp hành đoàn trường và các lớp chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở của sự phối hợp chặt chẽ với tập thể sư phạm, với các giáo viên chủ nhiệm lớp, với Ban chấp hành đoàn các cơ sở sản xuất và cơ quan bạn có liên quan.

Tuỳ thuộc vào trách nhiệm của từng bộ phận, từng cán bộ trong Ban chấp hành đoàn, những phần việc nằm trong nội dung hướng nghiệp sẽ được trao cho phù hợp để tiện cho việc theo dõi và triển khai công tác này.

4.4.2. Việc phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh trong hoạt động hướng nghiệp

Trong hệ thống hướng nghiệp của nhà trường phổ thông, sự phối hợp công tác giữa giáo viên chủ nhiệm lớp, giữa tập thể sư phạm nhà trường với cha mẹ học sinh có một ý nghĩa rất trọng yếu:

Mặc dù công tác hướng nghiệp mới chỉ triển khai trong một thời gian ngắn, song nhiều trường phổ thông đã tận dụng được sức mạnh của cha mẹ học sinh trong việc tuyên truyền nghề nghiệp, giáo dục lao động trong gia đình, đóng góp công sức vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, giúp con em mình lựa chọn nghề nghiệp... Công tác điều tra của chúng tôi đã chứng tỏ rằng quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh chịu sự chi phối của gia đình tới 96,7% đối với học sinh thành phố, 72,5% đối với học sinh các trường vùng cao. Đặc biệt học sinh là con em các gia đình cán bộ công nhân viên chức Nhà nước, tỷ số này dao động từ 85-90%. Tuy nhiên chúng ta cần phải thấy rằng sự định hướng này của gia đình đối với quá trình lựa chọn nghề nghiệp của học sinh mang nhiều tính chất tự phát, thường chạy theo xu thế của thời cuộc (xu thế hiện nay có một khoảng cách xa so với nhu cầu phân phối lao động xã hội), hoặc là chạy theo lợi ích gia đình, thiếu một sự chỉ đạo thống nhất về mặt sư phạm nhằm đáp ứng những đòi hỏi khoa học của công tác hướng nghiệp. Chính vì thế, cần thiết phải có sự giúp đỡ của nhà trường đối với cha mẹ học sinh, để giúp họ hiểu biết những cơ sở tâm lý, giáo dục, xã hội, kinh tế của công tác hướng nghiệp. Sự giúp đỡ này của trường học tạo nên cơ sở ban đầu cho nhận thức của các bậc cha mẹ, là chỗ dựa cho mỗi giao lưu giữa họ với giáo viên nhà trường trong công tác hướng nghiệp.

Tiềm năng hướng nghiệp của cha mẹ học sinh là rất lớn, vì họ thuộc nhiều tầng lớp xã hội, có những nghề nghiệp riêng, rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày của học

sinh, cha mẹ học sinh là người nhạy cảm hơn ai hết về tính chất nghề nghiệp cũng như xu thế phát triển của nó. Đây chính là điều mà học sinh trong khi chọn nghề lại chưa thấu hiểu được.

Với một số lý do như vậy, chúng ta thấy rõ hơn sự cần thiết phải liên hợp chặt chẽ với các bậc cha mẹ học sinh, giúp đỡ họ về mặt tư phạm, phát huy và tận dụng sức mạnh của họ vào việc giúp đỡ chính con em họ lựa chọn nghề một cách đúng đắn và khoa học.

Công tác với cha mẹ học sinh được tiến hành theo những phương hướng sau :

- Thu hút rộng rãi cha mẹ học sinh vào việc tuyên truyền cho công tác hướng nghiệp, thông qua các cuộc hội họp, hội thảo, gặp gỡ trao đổi, vận động phong trào và những hình thức khác.

- Lôi cuốn tới mức tối đa sự giúp đỡ của các bậc cha mẹ đối với nhà trường về tất cả các phương diện trong công tác hướng nghiệp. Các phương hướng trên được thực hiện thông qua những nội dung cơ bản nằm trong kế hoạch triển khai công tác hướng nghiệp chung của nhà trường.

- Thiết lập tiểu ban hướng nghiệp của hội cha mẹ học sinh nhà trường. Thành phần của tiểu ban thường được chọn từ hội cha mẹ học sinh của các lớp (mỗi lớp cử đại diện từ 2-3 người). Tiểu ban hướng nghiệp này có trách nhiệm vạch ra kế hoạch hoạt động hướng nghiệp của hội cha mẹ trong năm học, đưa ra bàn bạc trao đổi tại hội nghị toàn thể các bậc cha mẹ, chỉ rõ những công việc nào, thời gian tiến hành và người chịu trách nhiệm theo các phần việc cụ thể với vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Để sự phối hợp với cha mẹ học sinh đạt hiệu quả cao, nhà trường cần có được kế hoạch hoạt động hợp lý về tổ chức, nội dung, biện pháp thực hiện. Dưới đây chúng tôi trình bày một ví dụ về nội dung kế hoạch về sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

- Tiến hành trao đổi với cha mẹ học sinh theo các lớp (hoặc khối lớp) về hoạt động hướng nghiệp của nhà trường theo thời gian, khối lớp và phần việc cụ thể.

- Tiến hành trao đổi những kiến thức tư phạm có liên quan tới công tác hướng nghiệp của trường phổ thông.

- Tiến hành điều tra (theo phiếu) các bậc cha mẹ nhằm mục đích thấy rõ thái độ của họ đối với sự lựa chọn nghề của con em họ.

- Lôi cuốn cha mẹ học sinh vào việc xây dựng góc hướng nghiệp và phòng hướng nghiệp, xưởng trường, vườn trường...

- Chuẩn bị và tiến hành gặp mặt giữa học sinh với những bậc cha mẹ có thành tích xuất sắc trong Hội cha mẹ học sinh về các lĩnh vực lao động xã hội.

- Tiến hành các chuyên đề tư phạm cho các bậc cha mẹ (với tư phạm gia của chính cha mẹ học sinh) có liên quan tới những vấn đề hướng nghiệp đối với con em họ vào những nghề mà xã hội hiện nay đang đòi hỏi.

- Chuẩn bị và tiến hành hội nghị độc giả cho các bậc cha mẹ về nội dung tóm tắt các sách báo nói về nghề phổ biến.

- Lôi cuốn các bậc cha mẹ vào các buổi nói chuyện với học sinh trong trường về nghề nghiệp.

Kế hoạch công tác với cha mẹ học sinh được thiết lập tùy thuộc vào khả năng của nhà trường, vào điều kiện và hoàn cảnh môi trường sản xuất của địa phương nơi trường đóng, vào thành phần xã hội trong các bậc cha mẹ.

Kế hoạch được trao đổi, thảo luận trong hội nghị cha mẹ học sinh toàn trường do Hiệu trưởng nhà trường phê chuẩn.

Hình thức và phương pháp làm việc với cha mẹ học sinh là rất đa dạng. Trước khi bàn kế hoạch công tác của mình với cha mẹ học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp phải có những hiểu biết tối thiểu về họ (tên, tuổi, nghề nghiệp, học vấn, điều kiện kinh tế, chính trị...), đồng thời thông qua học sinh của mình giáo viên chủ nhiệm có thể hiểu thêm về khuynh hướng, sở thích, thói quen của các bậc cha mẹ, mặt mạnh, mặt yếu trong tính cách của họ, kiến thức sư phạm và những vấn đề khác. Tất cả sự tìm hiểu này được dần dần cụ thể hoá trong quá trình làm việc có hệ thống của giáo viên chủ nhiệm lớp và được sử dụng vào công tác giáo dục nói chung cũng như công tác hướng nghiệp nói riêng.

Hình thức làm việc phổ biến hơn cả với cha mẹ học sinh là trao đổi riêng hoặc theo nhóm, mở các cuộc họp toàn bộ hoặc chi hội cha mẹ học sinh của mỗi lớp...

Việc lựa chọn các hình thức và phương pháp làm việc nhằm giúp cho các bậc cha mẹ hiểu rõ bản chất của công tác hướng nghiệp phụ thuộc vào môi trường sản xuất địa phương, từ điều kiện của mỗi gia đình. Chúng ta có thể phân tích thêm một vài hình thức và phương pháp làm việc kể trên :

Hình thức làm việc cá nhân với các bậc cha mẹ về công tác hướng nghiệp là hợp lý hơn cả. Thông thường hình thức này diễn ra dưới dạng trao đổi theo những vấn đề sau :

- Nghề nào họ muốn chọn cho con em họ theo học.

- Bản thân con em họ thích nghề gì ? Thái độ của con em họ đối với công việc đồng áng hoặc nghề thợ.

- Ước muốn của họ có trùng hợp với nguyện vọng và sở thích nghề nghiệp của con em họ hay không ?

- Con em họ có sở thích với công việc lựa chọn đã lâu chưa ? Những việc làm nào của các em chứng tỏ điều đó ?

- Họ đã làm gì để ngăn cản hoặc củng cố định hướng nghề nghiệp của con em họ.

Trong quá trình trao đổi, giáo viên có thể thấy rõ ý hướng nghề nghiệp của học sinh và hiểu thêm về sự trùng hợp hay không giữa ý hướng ấy với nguyện vọng của cha mẹ các em, đồng thời giáo viên còn biết được những điều kiện giáo dục trong gia

đình đối với mỗi học sinh do mình phụ trách, biết được ý hướng của cha mẹ các em đối với số phận của con cái mình, sáng tỏ thêm những khó khăn cơ bản nào gắn liền với quá trình lựa chọn nghề của học sinh. Tất cả sự hiểu biết này có thể giúp giáo viên bổ sung và cụ thể hoá nội dung làm việc với các bậc cha mẹ, làm thay đổi nhận thức không đúng đắn về lao động nghề nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất phổ biến (nông, lâm, ngư nghiệp và các nghề thợ). Tập hợp toàn bộ những tư liệu qua việc trao đổi có hệ thống với các bậc cha mẹ, giáo viên chủ nhiệm lớp có thể phân loại các bậc cha mẹ thành các nhóm có tác động tích cực hoặc ngược lại đối với quá trình định hướng nghề nghiệp cho con cái họ. Sự phân loại này giúp giáo viên dễ dàng hơn trong khi tìm kiếm những giải pháp thích hợp để làm việc với các nhóm cha mẹ.

Tuy nhiên, trong thực tế, việc gặp gỡ tất cả các bậc cha mẹ học sinh lớp mình thường xuyên là khó có thể thực hiện được do giới hạn về thời gian và điều kiện công tác của giáo viên. Vì thế giáo viên chủ nhiệm cần chọn thời điểm để tiến hành các cuộc trao đổi, nhằm làm cho nội dung các buổi gặp gỡ đạt được mục đích đã định. Đặc biệt khi đã phân nhóm các bậc cha mẹ, thì tốt hơn hết nên thực hiện việc trao đổi theo từng nhóm. Kế hoạch trao đổi có thể biểu hiện dưới dạng sau :

- Làm thế nào để giúp cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp được đúng đắn, cha mẹ sẽ thực hiện công việc này cho con em mình như thế nào ?

- Cha mẹ học sinh phải có những hiểu biết gì đối với định hướng nghề cho thế hệ trẻ, nhà trường sẽ giúp cho cha mẹ học sinh những vấn đề gì trong công tác hướng nghiệp.

- Trong tất cả những yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn nghề của học sinh, ảnh hưởng của cha mẹ trong gia đình to lớn tư thế nào ? ảnh hưởng của những yếu tố còn lại như sức khoẻ, năng lực cá nhân, nhu cầu xã hội đóng vai trò như thế nào trong lựa chọn nghề của các em ?

- Dấu hiệu bên ngoài nào của các dạng hoạt động có sức lôi cuốn hấp dẫn hơn cả đối với tuổi trẻ ? Vì sao việc lựa chọn nghề có tính ngẫu nhiên lại thường dẫn tới những hậu quả xấu trong hoạt động nghề nghiệp của thanh niên sau này ?

- Để giúp đỡ học sinh lựa chọn nghề đúng đắn đòi hỏi các bậc cha mẹ phải làm gì (đối với học sinh nói chung và các con em mình nói riêng) để hiểu biết hứng thú, sở trường của các em ngay từ nhỏ, phát huy có hệ thống những đặc điểm này ở trẻ ?

- Giúp cho các bậc cha mẹ có cách nhìn nhận và đánh giá đúng năng lực của con em mình, để có sự cộng tác chặt chẽ, thường xuyên với nhà trường trong công tác hướng nghiệp.

- Vì sao cha mẹ học sinh cần hướng con em mình đi vào các lĩnh vực kinh tế mà đất nước và địa phương đang đòi hỏi nhiều nhất? Những công việc trên nếu tiến hành tốt, giáo viên sẽ giúp cho các bậc cha mẹ hiểu rõ con em mình hơn, tác động tới các em có hiệu quả theo đúng mục đích của công tác hướng nghiệp.

Ngoài ra, trong điều kiện cho phép, nhà trường cũng nên tiến hành tổ chức các

hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa các bậc cha mẹ ở một số trường phổ thông trong khu vực để phổ biến kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau dưới sự chỉ đạo về mặt sư phạm của liên trường. Các hội nghị này cần được tổ chức gọn nhẹ, nội dung phong phú. Chẳng hạn có thể bao gồm những phần việc sau : Hiệu trưởng nhà trường đọc lời khai mạc về mục đích và nhiệm vụ của các cuộc hội nghị ; tiếp theo là các bài phát biểu của các bậc cha mẹ theo các vấn đề : Hướng nghiệp trong gia đình và nhà trường ; các nghề đều quan trọng ; năng lực của trẻ em là gì ? Làm thế nào để hình thành sở thích nghề nghiệp cho các em ? giáo dục tinh thần trách nhiệm và tự giác trong quá trình lao động như thế nào ? nghĩa vụ lao động của trẻ em trong gia đình...

4.5. Dạy nghề trong các Trung tâm KTTH - HN-DN

Trung tâm KTTH-HN-DN là một đơn vị giáo dục thuộc bậc trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất. Trung tâm KTTH-HN-DN là cơ sở hướng nghiệp - dạy nghề cho học sinh của nhiều trường phổ thông cùng khu vực có nhiệm vụ chính là tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) cho học sinh phổ thông bậc trung học nhằm cung cấp tri thức, hình thành kỹ năng lao động nghề nghiệp rất cần thiết và phát triển tư duy kỹ thuật thích hợp với trình độ học vấn phổ thông tương ứng, đồng thời phù hợp với nhu cầu và khả năng kinh tế - xã hội từng địa phương.

Nghề phổ thông là những nghề phổ biến, thông dụng, đang cần phát triển ở địa phương. Những nghề ấy có kỹ thuật tương đối đơn giản, quá trình dạy nghề không đòi hỏi phải có trang thiết bị phức tạp, nguyên liệu dùng cho việc dạy nghề dễ kiếm, phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đầu tư của địa phương, thời gian học nghề ngắn.

Đây là khái niệm được đưa ra từ năm 1991, đến nay do sự phát triển của khoa học công nghệ và yêu cầu đào tạo nhân lực phục vụ cho CNH - HĐH, việc dạy nghề phổ thông không chỉ dừng lại ở những "kỹ thuật tương đối đơn giản, quá trình dạy nghề không đòi hỏi phải có trang thiết bị phức tạp" mà phải từng bước giúp học sinh tiếp cận với kỹ thuật cao và trang thiết bị khoa học hiện đại.

+ Cần phân biệt dạy nghề phổ thông với dạy nghề trong các cơ sở dạy nghề của xã hội (trường, trung tâm...) :

- Dạy nghề là quá trình truyền thụ những tri thức chuyên môn nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo lao động của một nghề nhất định. Mục đích cuối cùng của dạy nghề là hình thành tay nghề và những phẩm chất đạo đức phù hợp với nghề. Người học nghề xong phải có lý thuyết chuyên sâu và trình độ tay nghề đạt đến bậc nhất định (bậc 2, bậc 3).

- Mục đích dạy nghề phổ thông là nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo hoạt động cần thiết và làm quen với hoạt động nghề nghiệp. Qua đó chuẩn bị tích cực cho học sinh bước vào cuộc sống sau này.

Với mục đích trên, dạy nghề phổ thông góp phần quan trọng vào việc khắc phục tình trạng của các kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, tạo điều kiện cho học sinh vận

dụng tri thức vào hoạt động nghề cụ thể và bước đầu làm quen với việc sử dụng những máy móc, phương tiện kỹ thuật hoạt động. Nhờ đó, làm cho học sinh hiểu sâu hơn những nguyên lý khoa học kỹ thuật, góp phần phát triển con người. Bên cạnh đó, qua học nghề phổ thông, học sinh có điều kiện tiếp cận, làm quen với một số ngành nghề chủ yếu của địa phương, đất nước, kích thích học sinh tuân thủ hiệu quả, hiểu rõ tầm quan trọng của nghề trong phương hướng phát triển và yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong các ngành nghề đó, đồng thời thấy được những đòi hỏi của nghề đối với người lao động về phẩm chất và năng lực, từ đó có sự chọn nghề và hướng học tập phù hợp. Vì vậy dạy nghề phổ thông chính là một con đường để hướng nghiệp cho học sinh.

Là một trong những nhân tố cơ bản góp phần tạo nên hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp, công tác dạy nghề cho học sinh cuối cấp ở trường THCS và THPT cần phải được duy trì, hoàn thiện và đổi mới theo xu thế phát triển của sản xuất xã hội. Đảng và Nhà nước đã từ rất sớm đưa ra cho ngành giáo dục những định hướng cơ bản để giải quyết vấn đề này : Quyết định số 23 của hội đồng Bộ trưởng ngày 29/03/1989 đã chỉ rõ : "Phải đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, phát triển hệ thống dạy nghề ở bậc THPT". Định hướng này được Bộ Giáo dục và Đào tạo thể chế hoá trong thông tư số 18 ngày 11/08/1990 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 1990 - 1991 : "Tích cực tạo mọi điều kiện để dạy nghề cho học sinh phổ thông. Tận dụng các loại trường lớp dạy nghề, các trung tâm KTTT-HN, trung tâm dạy nghề, các khả năng, kể cả gia đình, thực hiện mạnh mẽ dạy nghề cho học sinh phổ thông". Nội dung này của thông tư trên thực tế chỉ là sự nhân mạnh và nhắc nhở các cấp quản lý giáo dục cần coi trọng hoạt động hướng nghiệp - dạy nghề mà một thập kỷ trước, vào những năm 80 nó đã được nhận thức và triển khai trong thực tế. Ngay từ những năm 1984, Bộ giáo dục đã đề cập tới vấn đề : tiếp theo hướng nghiệp phải dạy nghề cho học sinh phổ thông để nếu không tiếp tục học lên, học sinh ra đời dễ tạo công ăn việc làm, sẵn sàng tham gia lao động sản xuất ở địa phương. Chỉ thị năm học 1988 - 1989, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định "Tất cả các trường học, nhất là những nơi có nhu cầu và điều kiện cố gắng tổ chức cho học sinh, đặc biệt là học sinh cuối cấp 2 và cấp 3 học nghề phổ thông".

Thực hiện những định hướng và chỉ thị nêu trên của Đảng và Nhà nước, từ năm 1991 chủ trương mở rộng việc dạy nghề cho học sinh phổ thông đã được triển khai trên thực tế trong hệ thống giáo dục phổ thông với những vấn đề cơ bản sau :

1. Những nghề được dạy ở các trường phổ thông phải đảm bảo các tiêu chí :

- Đó là những nghề thông dụng, phổ biến, đang có nhu cầu phát triển ở địa phương hoặc trong xã hội. Học được những nghề này, học sinh có thể tự tạo việc làm để được sử dụng trong các thành phần kinh tế tại chỗ.

- Là những nghề có kỹ thuật tương đối đơn giản, quá trình dạy nghề không đòi hỏi phải có những trang thiết bị phức tạp.

- Cơ sở vật chất dùng cho việc dạy nghề phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đầu tư của địa phương.

- Thời gian học nghề tương đối ngắn (khoảng 200 tiết), kế hoạch dạy học ở cấp PTCS và PTTH có thể giải quyết được số tiết lý thuyết và thực hành để nắm được trình độ tối thiểu của nghề.

Ở những địa phương có điều kiện về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, kỹ thuật có thể dạy một số nghề phức tạp trong khuôn khổ kế hoạch dạy học cho phép.

2. Chương trình dạy nghề phải đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ với chương trình dạy kỹ thuật, công nghệ. Nội dung của những môn học kỹ thuật, công nghệ phải được coi là một phần của chương trình dạy nghề nhằm cung cấp cho học sinh những tri thức cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành kỹ năng nghề cụ thể.

- Việc dạy nghề cho học sinh cần tập trung vào một số tri thức, kỹ năng chủ yếu của một số công việc của một nghề, coi trọng việc hình thành kỹ năng nghề, phần lý thuyết là cơ sở đảm bảo cho việc rèn luyện kỹ năng.

3. Thông qua quá trình dạy nghề, cần hình thành cho học sinh nhân cách nghề tương ứng với những phẩm chất, thái độ và hành vi của người lao động chân chính nói chung cũng như trong lĩnh vực nghề nghiệp đó nói riêng.

4. Cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ sở dạy nghề cho học sinh ở các trung tâm KTTH-HN với các trường dạy nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, các trung tâm dạy nghề... trên địa bàn để tận dụng đội ngũ cán bộ kỹ thuật cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.

* Hiện nay, hiệu quả của công tác dạy nghề cho học sinh tại các Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp (TTGDKTTH-HN) còn thấp, học sinh chưa hứng thú với việc học nghề. Cha mẹ các em không mấy mặn mà khi cho con em mình đi học nghề tại các trung tâm. Nguyên nhân của tình trạng trên là khá nhiều, song có thể kể tới những tồn tại chính sau đây :

1. Nội dung dạy nghề chưa thiết thực, chậm đổi mới, chưa đáp ứng xu thế phát triển sản xuất và dịch vụ hiện đại của công cuộc đổi mới.

2. Đội ngũ giáo viên và cán bộ hướng dẫn tại các trung tâm thiếu về số lượng, chưa được đào tạo theo chương trình chuẩn đáp ứng hoạt động dạy nghề và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

3. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy nghề - hướng nghiệp tại các trung tâm còn lạc hậu, thiếu thốn, chưa được đầu tư thoả đáng tương ứng với những nhiệm vụ mà các trung tâm phải gánh vác.

4. Số lượng các trung tâm chưa đủ tương xứng với sự phát triển và mở rộng quy mô đào tạo hiện nay của các trường phổ thông đã dẫn tới tình trạng quá tải (theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cả nước chỉ có 300 TTGDKTTH - HN. Số lượng trung tâm này chỉ đủ dạy nghề cho 80 vạn học sinh. Thực tế năm học 2002 - 2003 đã phải đảm nhiệm dạy nghề cho 1,6 triệu học sinh - chiếm 60% tổng số học sinh cần được học nghề). Ngoài ra cũng cần phải đề cập tới tâm lý xã hội hiện nay khi mà xu thế thi cử, bằng cấp còn ngự trị khá phổ biến trong một bộ phận lớn các bậc cha mẹ và ngay

cả trong tuổi trẻ đã dẫn tới tình trạng coi nhẹ việc học nghề của học sinh, coi đó chỉ như một thủ tục để được cộng điểm khi xét tốt nghiệp chứ không phải với mục đích giáo dục như nhà trường mong muốn.

4.6. Phòng hướng nghiệp với hoạt động hướng nghiệp trong trường THPT

Để tiến hành tuyên truyền nghề cho học sinh, kinh nghiệm của nhiều trường phổ thông các nước và ở nước ta cho thấy cần thiết phải thành lập các phòng hoặc góc hướng nghiệp trong trường học cũng như tại các cơ sở sản xuất có liên quan. Hiệu quả đạt được của hình thức tuyên truyền nghề nghiệp này phụ thuộc vào cách thức tổ chức xây dựng nội dung và hình thức của phòng hướng nghiệp. Phòng hướng nghiệp muốn phát huy tác dụng của mình đối với học sinh, trước hết phải bao gồm những nội dung bổ ích, phong phú về nghề hoặc những dạng lao động mà công tác hướng nghiệp cần định hướng cho các em vào những nghề hoặc dạng lao động đó. Chẳng hạn, đơn giản nhất, nội dung mỗi nghề được giới thiệu phải bao gồm các tư liệu có liên quan tới các vấn đề như : hệ thống mô tả nghề ; các tài liệu tham khảo về cơ quan dạy nghề ; những quy định về thủ tục thi cử và nhập học...

Trong các phòng và góc hướng nghiệp cần có những tài liệu đề cập tới xu hướng phát triển kinh tế địa phương gắn liền với nhu cầu về đội ngũ cán bộ đáp ứng sự phát triển đó. Một điều không thể thiếu được về nội dung phòng hướng nghiệp là việc mô tả các điều kiện lao động và cuộc sống trong các nghề nghiệp, giới thiệu quyền lợi và trách nhiệm của người lao động trong nghề...

Tuy nhiên, trong thực tiễn của việc triển khai công tác hướng nghiệp, mặc dù có không ít trường đã xây dựng được phòng và góc hướng nghiệp, song chưa đáp ứng được những yêu cầu hướng nghiệp như mục đích của công tác này đã đặt ra. Một trong những nguyên nhân là trong phòng hướng nghiệp, những tài liệu chưa được sử dụng vào mục đích giáo dục mà chỉ được coi như là phần trang trí cho nhà trường. Những tài liệu trong phòng hướng nghiệp chân phản ánh đời sống sản xuất, mà chỉ giới hạn ở những tên gọi hoặc là một số tranh ảnh về các cơ sở sản xuất. Ở những trường hợp khác, tài liệu được giới thiệu trong phòng hướng nghiệp lại đề cập tới những nghề không có khả năng đáp ứng nguyện vọng của học sinh. Đặc biệt, học sinh ít thích thú với những giới thiệu nghề nghiệp có tính chất hời hợt mà không đi vào những dấu hiệu bản chất của nghề đó như nội dung của nghề, các chuyên ngành trong nghề, xu thế phát triển, yêu cầu của nghề đối với việc tuyển chọn...

Và cuối cùng, nguyên nhân quan trọng hơn cả là sự kéo dài hàng năm về một loại thông tin nghề, gây nên tâm lý chán chường, thiếu tính hấp dẫn của sự mới mẻ đối với tuổi trẻ. Những góc và phòng hướng nghiệp như vậy tất sẽ hướng tới hiệu quả thấp kém về mặt ảnh hưởng giáo dục của mình cho học sinh.

Từ một số nhận định trên, chúng ta thấy sự cần thiết phải xác định mục đích và nhiệm vụ cho việc xây dựng các phòng mà góc hướng nghiệp, những yêu cầu sự phạm xét về mặt thủ tục trình bày, nội dung và các hình thức làm việc của nó.

Góc hay phòng hướng nghiệp ở nhà trường là nơi trình bày các phương tiện tuyên truyền và giới thiệu trực quan giúp cho học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Vì thế góc phòng hướng nghiệp phải trở thành người bạn đáng tin cậy, người chỉ dẫn cho học sinh trong việc chuẩn bị đi vào cuộc sống, lao động, lựa chọn nghề nghiệp một cách có ý thức, phải là nơi xác định mục đích và chỉ ra con đường và phương tiện hiện thực để học sinh có thể đi tới nghề nghiệp dễ dàng nhất ; đó còn là nơi tạo nên sự hiểu biết cho học sinh đối với những yêu cầu cần thiết về nhu cầu của xã hội, về mối quan hệ của các nhu cầu này với năng lực và sở thích cá nhân trong lựa chọn nghề hiện nay : đó cũng là nơi mở rộng nhãn quan kỹ thuật tổng hợp vô cùng quan trọng cho sự tự do lựa chọn nghề của tuổi trẻ.

Về yêu cầu sơ phạm đối với góc và phòng hướng nghiệp, chúng ta có thể xét tới trên những mặt cơ bản sau đây :

- Phải có sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Góc hướng nghiệp phải đặt ở nơi dễ thấy, trang nhã và súc tích về nội dung, đáp ứng tất cả những vấn đề mà học sinh đòi hỏi trong khi lựa chọn nghề, lôi cuốn được sự chú ý của các em.

- Ngôn ngữ dùng trong việc trình bày nội dung các tài liệu của góc hướng nghiệp cần phải đơn giản và hàm súc ; các lời thuyết minh phải dễ hiểu, ngắn gọn.

- Các tranh ảnh trưng bày phải có tính hệ thống, chứ không được đơn chiếc (chẳng hạn ảnh chụp về lĩnh vực trồng lúa cần trưng bày hệ thống ảnh trong tình trạng sản xuất bao gồm các khâu chủ yếu ; làm đất, chọn giống, gieo trồng, chăm bón, thu hoạch, bảo quản sản phẩm, phòng trừ sâu bệnh).

- Ảnh chụp những lao động điển hình tiên tiến cần kèm theo lời kể của chính bản thân người đó về nghề nghiệp của mình. Sự trình bày như vậy sẽ chiếm được lòng tin của học sinh, lôi cuốn được sự chú ý của các em, kêu gọi được hứng thú nghề, tình yêu và lòng kính trọng đối với con người lao động.

- Góc hướng nghiệp phải được sắp xếp theo một kế hoạch thống nhất không quá nhiều lời, trang trí loè loẹt, giả tạo, đơn điệu. Theo định kỳ (chẳng hạn 2 tuần một lần) phải đổi mới tài liệu của góc hướng nghiệp. Việc làm này sẽ mở rộng ý nghĩa nhận thức của nó, nâng cao hứng thú của học sinh đối với góc hướng nghiệp.

- Góc hướng nghiệp phải có tên gọi gợi cảm và ngắn gọn. Chẳng hạn "100 con đường - của bạn chỉ có 1" : "Hướng đi của bạn sau khi tốt nghiệp phổ thông"...

Góc hướng nghiệp thường được kết hợp trình bày ở các bảng biểu treo tường và các bàn, tủ kính. Trong góc hướng nghiệp nên có loa phóng thanh hoặc hệ thống phim video (nếu có thể được).

Nội dung trình bày trên tường có thể bao gồm :

Tên góc hướng nghiệp.

- Chân dung các lãnh tụ : Mác, Lênin, Hồ Chủ tịch cùng với những lời căn dặn của lãnh tụ có liên quan tới lựa chọn nghề. Chẳng hạn : "Chỉ có trong lao động cùng

với công nhân và nông dân mới có thể trở thành những người cộng sản chân chính" (V.I. Lênin).

- Những câu hỏi tạo ra sự chú ý và suy nghĩ cho học sinh. Ví dụ : "Các bạn học sinh chú ý! Bạn muốn trở thành một con người như thế nào trong tương lai ? Sẽ chọn cho mình nghề gì ? Và bạn đã suy nghĩ về điều đó chưa...

- Hình vẽ một nhóm học sinh tốt nghiệp tay cầm văn bằng đang đứng ở ngưỡng cửa trường học dường như đang suy nghĩ trước những vấn đề : sẽ tiếp tục làm gì ? Tiếp tục học nhưng ở đâu, và nghề gì ? đi làm việc ngay ? nhưng làm ở đâu và làm việc gì ? Tất cả những câu hỏi này chúng ta có thể tìm thấy trong những đoạn văn thơ những bài nói chuyện của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

- Những lời khuyên nhủ học sinh của các nhà sư phạm về lựa chọn nghề.

Toàn bộ nội dung trình bày trong góc hướng nghiệp có thể chia làm mấy phần.

- Phần thứ nhất với tiêu đề : "Sẽ công tác ở đâu ? Bao gồm việc mô tả cơ cấu sản xuất của địa phương, ngày làm việc bình thường tại một cơ sở sản xuất có trong cơ cấu đó, nhu cầu về đội ngũ cán bộ ; bảng danh mục các nghề của địa phương".

Trong phần này cũng cần trưng bày trích đoạn các điều khoản về nghĩa vụ và quyền lợi lao động của công dân trong Hiến pháp ; một số tranh, ảnh nói về những học sinh của trường đã tốt nghiệp hiện đang công tác trên những lĩnh vực khác nhau.

Mục đích của phần này là nhằm hình thành và nâng cao tình yêu đối với lao động, với sản xuất, chỉ cho các em thấy sứ mệnh cao cả của người lao động, những bí quyết về tay nghề và thành công của họ trong sản xuất, những khả năng trưởng thành về nghề nghiệp, mở rộng sự hiểu biết kỹ thuật tổng hợp thông qua việc làm quen với phạm vi rộng rãi các nghề, nội dung và chuyên ngành của nghề nghiệp đó.

- Phần tranh ảnh với tiêu đề : "Sẽ tiếp tục học ở đâu ? gồm tài liệu mô tả các cơ sở học tập đại học và trung cấp chuyên nghiệp, điều kiện tiếp nhận và thời gian học tập. Nội dung của phần này nên phân định theo từng thời gian và thực tế phát triển sản xuất của địa phương, các cơ sở học đường hiện có mà lần lượt theo thứ tự ưu tiên, địa phương, trung ương, cũng có thể giới thiệu những sách, báo nói về một số nghề mà trong điều kiện cho phép của góc hướng nghiệp chưa thể trình bày hết (tên sách, tên tác giả, năm xuất bản, mượn ở đâu bán ở cửa hàng nào, cần có những lưu ý khi đọc sách...)"

- Phần danh mục các tạp chí, sách, báo tham khảo với tiêu đề "Sách là người bạn giúp ta hiểu hơn về nghề nghiệp tương lai". Nội dung bao gồm danh mục các sách báo có liên quan tới sự lựa chọn nghề của học sinh, tóm tắt nội dung sách, chỉ dẫn cách sử dụng và lợi ích của sách đó.

Tất cả các phần nội dung trình bày trên tường nên được sắp xếp bố trí trên các giấy khổ to, các pa nô để treo, dán lên tường, điều đó giúp cho việc thay đổi được dễ dàng, nhanh chóng.

Ngoài phần trưng bày trên tường còn có phần trình bày trên bàn, tủ đựng, giá đỡ... bao gồm : các bài báo cắt dán ; các sơ đồ, bảng biểu mô tả thành tựu kinh tế, khoa học kỹ thuật ; các thư từ của học sinh cũ, an-bum mô tả lịch sử nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã ; những bài viết của học sinh, báo tường, tập san...

Ví dụ : Những tư liệu này sẽ được sắp xếp theo các phần như sau : Những thành tựu khoa học và kỹ thuật.

- Hợp tác xã (nhà máy) của chúng tôi trước đây và hiện nay.
- Tin tức từ hợp tác xã (nhà máy, công trường...) địa phương.
- Năm, tháng, con người và công việc của họ.
- Ngôn luận của học sinh (về nghề nghiệp).
- Chúng tôi trả lời các bạn.
- Thông báo.

Những phần này, tùy thuộc vào điều kiện và khả năng của nhà trường có thể thay bằng những tiêu đề khác nhau phù hợp với hứng thú của học sinh. Tuy nhiên thực chất phải đạt được là : Thông tin kịp thời thành tựu trong kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng..., khơi dậy ở họ sự suy nghĩ về trách nhiệm của cá nhân và tập thể mình đối với cuộc sống đang hàng ngày hàng giờ diễn ra với nhịp điệu sôi nổi và mau chóng. Sự suy nghĩ này là cơ sở tốt để học sinh hình thành sở thích nghề nghiệp, định hướng nghề.

Trong góc hướng nghiệp cần có một hòm nhỏ để học sinh viết thư trao đổi, hỏi han về những vấn đề có liên quan tới đường đời của các em.

Đối với các lớp đầu cấp THPT, vào mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm cần trao đổi trước với các em ý nghĩa và nội dung của góc hướng nghiệp khi dẫn các em đi thăm cơ sở này. Mục đích chủ yếu của việc trao đổi là đưa các em vào "thế giới" của nghề nghiệp, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định hướng nghề.

Cần hết sức lưu ý tới sự đổi mới thường xuyên, bổ sung những tài liệu cho góc hướng nghiệp theo định kỳ. Việc làm này nên trao trách nhiệm cho các tập thể học sinh, tổ chức đoàn TNCS HCM và đội TNTP để có được những tư liệu phong phú và xác thực. Phải tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ sở sản xuất, các cá nhân nhiệt tình, các cơ quan văn hoá đại chúng và các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp.

Chỉ đạo chung đối với góc và phòng hướng nghiệp trong nhà trường là Ban hướng nghiệp, từng nội dung của góc hướng nghiệp do các phân ban phụ trách nhằm phát huy sáng kiến của các tập thể sư phạm, tổ chức đoàn thể sư phạm, tổ chức đoàn thể trong và ngoài trường.

Trên đây chỉ là những ví dụ minh họa cho các tổ chức xây dựng góc hướng nghiệp. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của môi trường trong quá trình thực hiện có thể có những mẫu dạng hoàn thiện và sáng tạo hơn.

Phần thứ ba

GIẢNG DẠY KỸ THUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Với vai trò là bộ môn chủ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ hướng nghiệp, lao động kỹ thuật trong nhà trường với các thành phần của nó như các môn kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật nông nghiệp, dịch vụ và phục vụ, lao động công ích sẽ tạo ra môi trường và điều kiện thuận lợi để mở rộng hiểu biết về thế giới nghề nghiệp cho học sinh, tham gia vào việc hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật ban đầu, hình thành thái độ đúng đắn đối với lao động nghề nghiệp xã hội cho các em. Vì thế việc xem xét một cách có hệ thống hoạt động giảng dạy kỹ thuật trong nhà trường phổ thông với quan điểm giáo dục kỹ thuật tổng hợp là hoàn toàn cần thiết nhằm góp phần đạt tới mục đích hướng nghiệp. Dưới đây chúng ta sẽ tiếp cận với hệ thống tri thức đó.

1. GIẢNG DẠY KỸ THUẬT THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP

1.1. Sản xuất hiện đại dựa trên những nguyên tắc đồng bộ, thống nhất về lãnh đạo; tổ chức và quản lý kinh tế. Do đó, trong một phạm vi xác định chúng có những đặc điểm chung về kỹ thuật và quá trình công nghiệp.

Theo quan điểm của C. Mác, mỗi quá trình công nghệ thường diễn ra theo một trong bốn phương thức gia công nguyên liệu và chế tạo sản phẩm sau : cơ khí ; hoá học ; năng lượng ; sinh học. Cho nên, dù có sự khác biệt về các phương tiện lao động và các quá trình công nghệ trong việc tạo ra sản phẩm hữu ích, chúng ta vẫn tìm thấy giữa chúng tồn tại nhiều đặc điểm chung. Chẳng hạn quá trình cơ khí của sự cắt, về bản chất diễn ra không phụ thuộc vào việc cắt kim loại vôi, nhựa hay giấy, quá trình dán các nguyên liệu có thể được xét tới như là việc ứng dụng để dán kim loại cũng như các nguyên liệu phi kim loại (gỗ, giấy, vải, thép, nhôm...)

1.2. Nhiều đối tượng kỹ thuật và quá trình công nghệ tại được xây dựng dựa trên cơ sở của những nguyên lý nằm trong khoa học cơ bản. Điều này là hoàn toàn phù hợp với nhận định của C. Mác và Ph. Ăngghen bằng sự phân tích bản chất của sản xuất xã hội đã cho rằng sự phát triển của nền công nghiệp nặng dựa trên cơ sở của việc ứng dụng một cách có ý thức những quy luật của tự nhiên và toán học. Ví dụ trong cơ cấu truyền động các máy tiện, máy phay, máy bào đều ứng dụng nguyên lý biến đổi chuyển động.

1.3. Mỗi dạng lao động cụ thể, mỗi nghề nghiệp riêng sẽ bao gồm những kỹ năng và kỹ xảo chuyên ngành. Những dạng lao động và những nghề nghiệp này nhiều đến mức trong phạm vi cả cuộc đời con người không thể hiểu biết một cách đầy đủ chúng. Bởi vậy trong khuôn khổ của nhà trường phổ thông, việc nắm vững tất cả những kỹ

năng, kỹ xảo của các nghề nghiệp là không thể thực hiện được và thực ra điều đó cũng không cần thiết.

1.4. Các kỹ xảo có tính chất di chuyển, nghĩa là những kỹ xảo tiếp thu trước đây của một hoạt động sẽ làm cho việc nắm vững các kỹ năng nằm trong các hoạt động khác được giảm nhẹ. Tuy nhiên, sự di chuyển này thường chỉ diễn ra trong các dạng hoạt động có sự giống nhau về phương diện tâm lý (ít ra cũng là sự gần gũi về mặt biểu hiện tâm lý), về nội dung cốt lõi và phương thức tiến hành. Sự giống nhau này tồn tại trong hoạt động của con người ở những nghề nghiệp khác nhau (ví dụ : năng lực tổ chức chỗ làm việc, điều chỉnh sai sót trong quá trình làm việc... có trong tuyệt đại bộ phận các lĩnh vực sản xuất).

1.5. Một số các bộ môn khoa học cơ bản, trong đó cần phải kể tới hoá học, vật lý, sinh học, vẽ kỹ thuật đã bước đầu cung cấp cho học sinh một trữ lượng nhất định cơ sở khoa học của một số đối tượng kỹ thuật và quá trình công nghệ. Tuy nhiên phải thấy rằng các môn khoa học tự nhiên có liên quan tới phạm vi kỹ thuật chủ yếu hướng vào việc tìm hiểu các nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của các đối tượng kỹ thuật tiêu biểu ở những lĩnh vực chủ yếu sau : tự động hoá, điện tử, đo đếm, hạt nhân, chân không, đông lạnh, năng lượng, ánh sáng, kỹ thuật luyện kim, kỹ thuật ảnh, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật vũ trụ, hàng không, giao thông, liên lạc. Trong quá trình học bộ môn này, một số các kỹ năng sau cũng được thiết lập như : đo lực - lực kế, áp suất chất lỏng - áp kế, áp suất khí quyển - phong vũ biểu, ứng dụng đòn bẩy và ròng rọc, đo thời gian - đồng hồ, nhiệt độ - nhiệt biểu : sử dụng Ampe kế, vôn kế, công tơ điện, cân đồng bằng cân đòn và cân kỹ thuật, đo bằng com pa và palme ; sử dụng đèn điện tử, điện nung nóng, gin, ắc quy, làm nam châm điện, mô hình động cơ điện một chiều mắc biến trở, biến thể, tụ điện... [20]. Song việc hình thành những kỹ năng kể trên trong các giờ vật lý được thực hiện với một thời gian ít ỏi và chỉ cho phép học sinh quen biết những phương thức điều khiển đối với kỹ thuật, nhưng không hình thành được ở học sinh những kỹ năng thực hành chắc chắn.

Nhìn chung, trong các bài vật lý, hoá học, sinh học, học sinh đã tiếp thu tương đối đầy đủ những khái niệm cơ bản về cả 4 phương thức công nghệ cơ sở ; cơ khí, hoá học, năng lượng, sinh học và tạo nên nền móng vững chắc cho việc giảng dạy lao động theo tinh thần kỹ thuật tổng hợp.

1.6. Bản thân quá trình sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người và hình thành thái độ "mình vì mọi người" ở mỗi chủ thể trong quá trình tham gia và hoạt động xã hội.

Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân vốn có của nền sản xuất hiện đại đối với việc thực hiện nguyên tắc kỹ thuật tổng hợp trong giảng dạy lao động, những đòi hỏi tương ứng xuất hiện và bao gồm một số yêu cầu cơ bản như sau :

- Gắn mật thiết việc truyền thụ lý thuyết và thực hành của học sinh với cơ sở khoa học nằm trong các bộ môn cơ bản, làm cho lao động của học sinh không mang

tính chất thủ công, máy móc.

- Việc nắm vững kiến thức kỹ thuật của học sinh phải được tiến hành trên cơ sở tìm hiểu bản chất của các quá trình xảy ra trong các cơ cấu của đối tượng kỹ thuật, tìm ra đặc tính chung của các quá trình thiết kế tồn tại trong những đối tượng kỹ thuật cụ thể.

- Khi nghiên cứu quá trình công nghiệp, cần hướng dẫn học sinh đi theo hai phương hướng cơ bản là :

+ Những đặc thù riêng lẻ được nêu lên thông qua cái chung, ví dụ : những kiến thức có liên quan tới vật lý chất rắn sẽ thiết lập cơ sở chung để tìm hiểu công nghệ học cắt kim loại, gia công nhiệt luyện chung cũng như các quá trình khác ; nghiên cứu hoá học hữu cơ, học sinh sẽ tiếp thu những khái niệm về công nghệ học sản xuất nguyên liệu tổng hợp.

+ Nghiên cứu các quá trình công nghệ trong các giờ lao động để làm nổi bật những đặc điểm chung nằm trong các quá trình đó.

- Song song với sự tham gia vào lao động sản xuất, học sinh không cần phải nắm vững các kỹ năng và kỹ xảo bắt buộc ở mức độ nghề nghiệp điều luyện mà chỉ ở mức độ ban đầu, chung nhất. Giúp học sinh phát triển khuynh hướng nghề nghiệp dựa trên hứng thú và năng lực sẵn có của mỗi cá nhân. Điều đó làm cho giảng dạy lao động trở thành phương tiện quan trọng định hướng cho cuộc sống tương lai của thế hệ trẻ.

- Việc nghiên cứu của học sinh về kỹ thuật và các quá trình công nghệ phải được gắn liền với sự hiểu biết những cơ sở chung nhất của tổ chức và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những kiến thức này phần nào đã được đề cập tới trong một số các bộ môn khoa học khác như địa lý, lịch sử... do đó, trong nội dung giảng dạy lao động cần phải cụ thể hoá các khái niệm nằm trong các môn khoa học cơ bản.

- Cung cấp cho học sinh một số kỹ năng kỹ thuật tổng hợp như hoạt động kế hoạch hoá, tổ chức chỗ làm việc, công tác tự kiểm tra tiến trình làm việc, tính toán, thiết lập bản vẽ, đo đạc...

Nhìn một cách khái quát những yêu cầu trên cho chúng ta thấy quán triệt những nguyên tắc cơ bản của giáo dục kỹ thuật tổng hợp trong giảng dạy lao động là một đòi hỏi khách quan của sự phát triển xã hội.

Những yêu cầu này được xét tới về hai phương diện cơ bản có quan hệ với nhau là : một mặt hình thành những kiến thức kỹ thuật, công nghệ học nằm trong một số lĩnh vực chủ yếu, phổ biến trong nền kinh tế quốc dân, mặt khác hình thành hệ thống những kỹ năng, kỹ xảo thực hành điều khiển các công cụ lao động được sử dụng phổ biến trong những lĩnh vực đó. Như vậy có nghĩa là điều kiện có tính chất quyết định nhằm thực hiện nguyên tắc kỹ thuật tổng hợp trong giảng dạy lao động là mối liên hệ giữa lý luận với thực tiễn, kết hợp giữa giảng dạy với lao động hữu ích của học sinh.

2. HỆ THỐNG GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất vật chất như ta biết, ngoài yếu tố chủ yếu là sức lực của cơ thể còn có sự tham gia của nhiều yếu tố khác như công cụ lao động (kỹ thuật giản đơn hay phức tạp), đối tượng lao động (nguyên liệu và bán thành phẩm), sản phẩm lao động, các quá trình công nghệ và tổ chức sản xuất. Toàn bộ những thành phần này tác động qua lại, gắn bó chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau, không ngừng thay đổi nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật. Trong điều kiện của đất nước ta, khi lao động sản xuất xã hội, có mặt khá đầy đủ những công cụ và các quá trình công nghiệp từ giản đơn nhất đến phức tạp nhất, trong đó lao động thủ công còn chiếm một tỷ lệ đáng kể, thì yếu tố con người thông qua sức lao động của bản thân đóng một vai trò quyết định. Song, sức lao động đó được nhân lên nhiều hay ít không chỉ phụ thuộc vào sự nỗ lực lớn lao của hoạt động trí lực mà còn phụ thuộc vào quá trình lao động. Chính đòi hỏi khách quan này đưa chúng ta tới việc tìm hiểu một trong những thành phần quan trọng bậc nhất khi xác định nội dung và chương trình giảng dạy sản xuất, đó là hệ thống giảng dạy.

Hệ thống giảng dạy lao động được hiểu như là trình tự phân chia hoặc nhóm họp nội dung giảng dạy theo một cấu trúc nhất định nhằm đạt được một mục đích nào đó. Thông qua cấu trúc này mà mức độ tương ứng giữa quá trình học tập (tức là nắm vững lao động) với bản thân quá trình lao động được biểu hiện.

Trong thực tế giảng dạy lao động ở trường phổ thông và các trường chuyên nghiệp, nhiều hệ thống khác nhau được vận dụng. Trong giới hạn của vấn đề, chúng tôi đề cập tới 3 hệ thống cơ bản thường gặp phải trong giảng dạy lao động ở nước ta và nhiều nước trên thế giới.

2.1. Hệ thống đối tượng (hay còn gọi là hệ thống đồ vật)

Hệ thống này xuất hiện trong giai đoạn sản xuất thủ công, khi quá trình công nghệ chế tạo một sản phẩm nào đó phụ thuộc vào một cá nhân riêng rẽ. Bởi vậy hệ thống này tương ứng với hình thức tư hữu của việc giảng dạy lao động. Các thủ thuật và thao tác sản xuất được học sinh nắm vững trong quá trình chế tạo các đối tượng hữu hình khác nhau. Trong chương trình học, người ta sắp xếp hàng loạt các đối tượng theo một trình tự nhất định để cho tính phức tạp của việc chế tạo dần dần được nâng lên.

Hệ thống này có không ít những ưu điểm và đã được ứng dụng rộng rãi trong các công trường thủ công nhằm đào tạo công nhân chuyên nghiệp cũng như giảng dạy trong xưởng trường. Đặc biệt là trong tình trạng công cụ không đủ trang bị cho toàn thể học sinh mà chỉ đối với một số em nhất định.

Vận dụng hệ thống này, mục đích được đặt ra trước học sinh là hoàn thành toàn bộ một sản phẩm nào đó. Mục đích này khơi dậy hứng thú của học sinh bước vào nhiệm vụ nhằm đạt tới kết quả lao động - đối tượng, trong quá trình làm việc. Đồng thời trong quá trình đó, hình thành một số kỹ năng tổ chức lao động của bản thân. Dạy theo hệ thống này, có tác dụng hướng học sinh bước vào sản xuất trong một số lĩnh vực xác định tương ứng với những đối tượng mà học sinh đã chế tạo.

Tuy nhiên, hệ thống đối tượng có nhiều tồn tại đáng kể làm cho nó dần bị lu mờ

trong số các hệ thống giảng dạy sản xuất. Những tồn tại đó là :

- Các thao tác và kỹ năng sản xuất được thiết lập một cách rời rạc, chắp vá. Những nhiệm vụ đặt ra cho người học nhằm hoàn thiện các thủ thuật và thao tác rất ít chú ý tới đặc điểm nhận thức của cá nhân. Do đó mỗi một kinh nghiệm, mỗi một kỹ năng, kỹ xảo được hình thành là kết quả của mỗi chuỗi những va vấp, sai lầm bị lặp đi lặp lại cho tới lúc bản thân nhận biết sai lầm đó.

- Giảng dạy theo hệ thống này, việc hợp lý hoá các thao tác (gạn đục khơi trong) và tiết kiệm thời gian ít được chú ý tới, do đó quá trình nắm vững kỹ năng và kỹ xảo thường bị kéo dài.

- Do tiến độ phát triển và hình thành các thao tác, thủ thuật, kỹ năng và kỹ xảo diễn ra chậm, dựa trên một số đối tượng cố định, ít ỏi nên việc thay đổi, cải tiến chúng thường bị tính bảo thủ của thói quen kìm hãm.

Ở nước ta, trong thực tế sản xuất, hình thức "truyền nghề" của thợ cả cho thợ học việc thể hiện rất rõ tính chất của hệ thống này. Để trở thành một thợ cả thành thạo về một nghề nào đó (mộc, ngò, nề...) người thợ học việc phải "sách hòm" cho "phó cả" đôi khi nửa đời người mới học lỏm được mảnh khoé nhà nghề của chủ. Tình trạng này ảnh hưởng khá lớn tới việc dạy lao động trong trường phổ thông. Giáo viên thường đi vào quỹ đạo của hệ thống "đối tượng" một cách tự phát. Biểu hiện cụ thể thường là sau khi trao cho học sinh một nhiệm vụ nào đó (làm một chiếc hộp gỗ, một con dao... với một vài chỉ dẫn sơ sài, học sinh phải tự mình mò mẫm để làm ra sản phẩm theo quy định). Do sự khác biệt giữa lao động sản xuất của học sinh và lao động nghề nghiệp thực tế, học sinh ít khi lặp lại quá trình chế tạo một sản phẩm cố định. Chính do tình trạng này, không những sản phẩm làm ra kém giá trị hữu ích xã hội, mà những kinh nghiệm thu thập được trong khi làm việc là không đáng kể. Chúng ta cũng không loại trừ việc học sinh ở một số trường vừa học vừa làm được hướng dẫn đi vào quỹ đạo của hệ thống này một cách có ý thức. Trong mấy năm học ở nhà trường học sinh học được cách làm ra một số sản phẩm nhất định, song khả năng luân chuyển sang một lĩnh vực khác đòi hỏi có những hiểu biết kỹ thuật tổng hợp như năng lực tổ chức, kế hoạch hoá lao động của bản thân, nắm vững cơ sở khoa học của những thao tác, kỹ năng kỹ thuật và kỹ thuật học... lại rất yếu, vì thế đòi hỏi một thời gian nhất định để lấp những lỗ hổng do hậu quả của lối dạy lao động hiện hành để lại.

2.2. Hệ thống thao tác

Hệ thống này xuất hiện và phát triển trong giai đoạn đại công trường thủ công, ứng với những điều kiện của sự phân chia quá trình lao động thành từng bộ phận riêng lẻ. Với hệ thống này, học sinh trong quá trình học tập sẽ nắm một cách liên tục các thao tác và thủ thuật thành phần trong một thời gian dài, rồi sau đó mới bắt tay vào chế tạo sản phẩm.

Trong nền sản xuất đại cơ khí, nhờ có máy móc tinh xảo, hệ thống sản xuất dây chuyền một mặt làm cho năng suất lao động nâng cao, một mặt tạo ra khả năng chế

nhỏ các hoạt động sản xuất của con người ra thành những chức năng riêng lẻ, đơn nhất ứng với các thao tác độc lập tương đối. Chính trong những điều kiện này của sản xuất xã hội làm cho việc giảng dạy sản xuất trong nhà trường có những biến đổi mới, hệ thống "thao tác" đi sâu vào ngõ ngách dạy nghề của các trường chuyên nghiệp và phổ thông. Hệ thống này cho đến nay vẫn còn là một hệ thống phổ biến ở nhiều nước trên thế giới.

Về mặt ưu điểm, hệ thống "thao tác" hình thành một cách liên tục các thao tác cơ bản của quá trình sản xuất trong mỗi nghề xác định. Những thao tác này được luyện tập trong hàng loạt các bài tập hỗ trợ, trong đó mỗi thao tác đã được tiêu chuẩn hoá từ một mức độ cần thiết và được sắp xếp theo một hệ thống, biến đổi từ dễ đến khó từ đơn giản đến phức tạp.

Song hệ thống này cũng không tránh khỏi những nhược điểm nghiêm trọng đó là:

- Việc thành thực các thao tác thành phần chưa đủ đảm bảo nắm vững toàn bộ quá trình sản xuất. Mặt dầu cung cấp cho học sinh những thao tác tách biệt sẽ là điều kiện tốt để hình thành ở các em những kỹ năng và kỹ xảo tương ứng nhưng nó lại không tạo được những khái niệm trọn vẹn về quá trình công nghệ.

- Việc tách rời giữa hai quá trình : nắm vững các thao tác và chế tạo sản phẩm làm cho sự lao động (mặc dầu trong nhà trường còn mang tính chất học tập) cũng thiếu hẳn đặc trưng cơ bản của sản xuất - sản xuất hữu ích. Học sinh do không nhìn thấy các kết quả lao động của mình, cho nên hứng thú đối với công việc bị giảm sút.

- Tình trạng luyện tập các thao tác kéo dài làm cho những kỹ năng thiết lập được ở các giai đoạn đầu dễ bị lu mờ hoặc lãng quên. Do đó, khi chuyển sang giai đoạn kết hợp các thao tác để chế tạo sản phẩm, lại phải mất một khoảng thời gian nhất định ôn tập để có những kỹ năng đó.

Nhìn vào bản chất, hệ thống "thao tác" trong giảng dạy lao động, đúng với tên gọi của nó, các thao tác được đặt ở vị trí hàng đầu chúng được cường điệu hoá đến mức làm cho người học đôi khi lơ đãng về kết quả học tập, rằng các thao tác tiếp thu được sau mỗi buổi học sẽ đem lại cho họ khả năng gì ? Trong giới hạn thời gian của việc giảng dạy lao động ở các trường phổ thông cho phép là ít ỏi hơn nhiều so với giảng dạy trong các trường chuyên nghiệp thì việc ứng dụng hệ thống này là hoàn toàn không thích ứng.

Tuy nhiên, đối với các trường chuyên nghiệp và trong trường phổ thông với các nhóm kỹ thuật ở các lớp cuối cấp nhằm mục đích hướng nghiệp và đáp ứng sở thích lựa chọn nghề nghiệp tương lai, việc ứng dụng hệ thống này vẫn đem lại những kết quả khả quan cho công tác giảng dạy, học sinh nắm rất chắc từng phần trong toàn bộ quá trình công nghệ, tay nghề khá và tinh thông. Cần nhớ rằng chỉ ở những môi trường đủ đảm bảo về thời gian mới có thể vận dụng hệ thống này một cách đầy đủ và tốt đẹp.

2.3. Hệ thống "thao tác - đối tượng"

Những yêu cầu mới trong việc đào tạo thế hệ trẻ trở thành những con người phát

triển toàn diện, cùng với những yêu cầu khách quan, đòi hỏi nhà trường từ chỗ là nơi tiêu thụ sản phẩm xã hội phải trở thành một bộ phận tạo nên giá trị vật chất, làm xuất hiện hệ thống "thao tác - đối tượng" trong dạy sản xuất.

Đặc trưng cơ bản của hệ thống là ở chỗ việc hình thành các thao tác có trong quá trình công nghệ được kết hợp một cách hữu cơ với tiến độ chế tạo các đối tượng.

Khác biệt với hệ thống "thao tác" và hệ thống "đối tượng", ứng dụng hệ thống này trong giảng dạy, thời gian cơ bản không phải dành cho việc rèn luyện các thao tác riêng lẻ mà chủ yếu dành cho việc chế tạo đối tượng có tính chất hữu ích xã hội, còn các thao tác được hình thành, gắn chặt với lao động sản xuất được đặt ở vị trí thứ nhất, điều đó, xét về ý nghĩa lý luận dạy học cho phép chúng ta xác định rõ mục đích học tập đó là truyền thụ các thao tác nằm trong một cơ cấu liên tục hợp lý của quá trình công nghệ, còn đối tượng - sản phẩm có ích đứng ở vị trí thứ hai, là kết quả không thể thiếu được của vế thứ nhất, được tạo nên trong quá trình học tập và là phương tiện để đạt tới mục đích chủ yếu - thao tác.

Như vậy, có thể nói rằng về bản chất, hệ thống "thao tác - đối tượng" mang đậm tính chất ưu việt của hai hệ thống trước, đồng thời khắc phục được một số những tồn tại cơ bản của chúng.

Do những đặc trưng hơn hẳn nêu trên của hệ thống, nó tỏ ra phù hợp với yêu cầu thực hiện nguyên lý giáo dục của chúng ta, phù hợp với những đòi hỏi của lao động sản xuất trong giai đoạn hiện nay ở nhà trường phổ thông vừa mang tính chất giáo dục vừa đem lại hiệu quả kinh tế phục vụ cho cá nhân, nhà trường và xã hội.

Cũng do sự có mặt đồng thời cả hai yêu cầu như vậy, khi ứng dụng hệ thống "thao tác - đối tượng" chúng ta cần lưu ý một cách thích đáng tới những yêu cầu xác định đối tượng chế tạo khi thiết lập kế hoạch giảng dạy, đó là :

- Đối tượng chế tạo phải bao gồm một số những yếu tố quen biết trong kinh nghiệm và nhận thức của học sinh (chẳng hạn về hình thù, tính chất, nguyên liệu...).

- Đối tượng phải được xác định sao cho việc chế tạo các chi tiết của nó đặt ra trước học sinh những nhiệm vụ trí lực như tìm hiểu tính chất của nguyên liệu, đặc điểm cơ cấu của công cụ, trình tự tiến hành công việc thiết kế...

- Hệ thống các đối tượng trong cả khoá trình giảng dạy phải giúp học sinh dần dần nâng cao mức độ độc lập công tác.

- Các đối tượng cần được thiết lập với khả năng hiện có về cơ sở vật chất và yêu cầu thực tiễn của nhà trường, địa phương.

3. HỆ THỐNG GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

Ở nước ta, sản xuất nông nghiệp là một bộ phận vô cùng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, vì thế mặt trận nông nghiệp luôn luôn đứng vào vị trí hàng đầu lôi cuốn mọi sức lực, tài năng và trí tuệ của nhiều lĩnh vực khoa học, trong đó có sự nghiệp giáo dục. Học sinh phổ thông - đối tượng của giáo dục, hiện nay đại đa số sống

ở nông thôn và một phần lớn trong các em, sau khi rời ghế nhà trường phổ thông sẽ trở lại phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp, vì thế việc trang bị cho học sinh một hệ thống những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cũng như một số kỹ năng, kỹ xảo lao động nông nghiệp là cần thiết.

Do tính chất quan trọng của sản xuất nông nghiệp, từ lâu, lao động kỹ thuật nông nghiệp đã trở thành môn học chính khoá ở THCS và THPT. So với sự phát triển của môn kỹ thuật công nghiệp thì việc giảng dạy kỹ thuật nông nghiệp đã được hoàn chỉnh hơn nhiều : có sách giáo khoa viết cho các vùng nông nghiệp điển hình của đất nước ; nội dung chương trình chi tiết, cụ thể, phản ánh tương đối rõ rệt tính chất thực tiễn Việt Nam và có cơ sở khoa học ; đội ngũ giáo viên giảng dạy và ngay cả bản thân học sinh ít nhiều, đều có những kinh nghiệm thực tiễn sản xuất nông nghiệp ; có sự giúp đỡ cần thiết của các hợp tác xã nông nghiệp - về đất đai, con giống, cây trồng công cụ, cán bộ kỹ thuật...

Mặc dầu vậy, cho đến nay môn Kỹ thuật nông nghiệp hầu như chưa được các trường phổ thông lưu ý, đôi khi người ta coi nó như một môn phụ, dạy lý thuyết không có thực hành, dạy thực hành thiếu cơ sở khoa học cần thiết, chuồng trại, vườn trường kể cả những trường ở nông thôn nhiều khi không có hoặc có mà thiếu sự chăm nom, tu sửa thường xuyên.

Tất cả những tồn tại này hạn chế hiệu quả chuẩn bị nguồn lực lao động có kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp của nhà trường phổ thông.

Như chúng ta biết, mỗi môn học mang những đặc trưng riêng phản ánh lĩnh vực khoa học đã sinh ra. Môn Kỹ thuật nông nghiệp là một trong những bộ môn thực hành kỹ thuật cũng phản ánh những nét chung của sản xuất nông nghiệp mà ta có thể kể ra đó là :

+ Trong sản xuất nông nghiệp, thời gian tạo ra sản phẩm so với lĩnh vực công nghiệp là dài hơn đáng kể (chẳng hạn để có rau ăn cũng cần tới 2 - 3 tháng, để có mít ăn cần 5 - 7 năm). Trong khi đó, sản phẩm công nghiệp thường được tạo ra trong một quãng thời gian tương đối ngắn.

+ Quá trình tạo ra sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp thường phụ thuộc vào hai yếu tố cơ bản là : lao động của con người và quá trình biến đổi tự nhiên diễn ra trong cơ cấu của động vật và thực vật. Tất nhiên, mục đích lao động của con người là tạo nên những điều kiện tốt nhất cho cơ chế tự nhiên của động vật và thực vật sinh trưởng, nhưng chính trong quá trình tạo nên chất hữu cơ, con người lại không tham gia trực tiếp mà chỉ tạo ra những ảnh hưởng để tác động đến quá trình đó. Còn trong sản xuất công nghiệp, sản phẩm được tạo nên chỉ với một yếu tố cơ bản là lao động con người. Theo dõi sản xuất nông nghiệp, theo kinh nghiệm cổ truyền cũng như trong sự phát triển của khoa học kinh tế hiện đại, hàng loạt những yếu tố chung nhất được xét tới như : làm đất, điều tiết nước, ánh sáng, không khí, chọn và xử lý giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh (trên các cây trồng) hoặc là chế độ nuôi dưỡng, chọn giống, phòng

bệnh (đối với con vật)...

Muốn cho sản phẩm thu hoạch được nhiều, ngoài những yếu tố phụ thuộc vào lao động của con người, còn phải có sự tham gia của thời tiết, khí hậu, môi trường... vì thế, hệ thống, giảng dạy lao động nông nghiệp còn mang tính chất thời vụ phải phản ánh một số hệ thống công nghệ của các quá trình sản xuất cơ bản (hay là hệ thống các quy trình sản xuất nông nghiệp). Việc giảng dạy theo hệ thống này sẽ gắn sự hiểu biết của học sinh không chỉ với những kiến thức và kỹ năng kỹ thuật canh tác, chăn nuôi riêng lẻ mà còn với những kiến thức, kỹ năng điển hình tồn tại trong nhiều lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.

Do tình trạng cắt xén, xáo trộn chương trình của một số trường phổ thông, tính hệ thống nhằm đảm bảo nguyên tắc giáo dục kỹ thuật tổng hợp của bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp bị phá vỡ, học sinh chỉ tiếp cận với một số những kiến thức kỹ thuật và kỹ năng thực hành của một vài loại và cây con riêng lẻ. Trên thực tế, các công trường vùng đô thị lại chỉ nặng về phương diện lý thuyết. Ngay ở một số trường có tiến hành công tác thực hành thí nghiệm, học sinh cũng chưa tiếp nhận được những kiến thức nông sinh học chung và chỉ tiếp thu được một số kiến thức và kỹ năng chuyên biệt của một vài lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi nào đó.

C. Mắc cho rằng, dạy công nghệ học sẽ giúp học sinh hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản của tất cả các quá trình sản xuất, nắm được cơ sở khoa học tự nhiên nằm trong các quá trình này về cơ học, vật lý và hoá học. Riêng trong các quy trình sản xuất nông học còn kèm theo tính chất sinh học. Ở nước ta, lao động nông nghiệp của học sinh trong trường phổ thông (trừ một số trường điển hình tiên tiến) nhìn chung còn rất ít được trang bị về mặt cơ sở vật chất khoa học. Bản thân việc sắp xếp chương trình cũng chưa phản ánh rõ điều đáng quan tâm ấy. Chẳng hạn những quy luật của kinh tế canh tác và công cụ được giải thích khá nhiều trong vật lý thì mãi tới lớp 6 học sinh mới được tiếp cận, còn các kiến thức hoá học rất cần cho việc giải thích sự biến đổi hoá học trong cây trồng thì mãi đến lớp 7 học sinh mới được lĩnh hội. Chính những tồn tại trên dẫn tới những lỗ hổng lớn trong kiến thức, kỹ năng lao động, gây ra hiện tượng của học sinh khi ra trường chưa trở thành một lực lượng có am hiểu kỹ thuật vững chắc để đi vào thực tiễn sản xuất.

Để phân nào giải quyết những tồn tại trên, nhằm đảm bảo tính kỹ thuật tổng hợp trong quá trình tích lũy kiến thức, kỹ năng trồng trọt chăn nuôi, theo chúng tôi cần thiết phải:

- Đưa một số kiến thức khoa học cơ bản về sinh vật, vật lý, hoá học, địa lý... có liên quan tới các quy trình sản xuất nông nghiệp dưới dạng sơ giản, cô đọng và có hệ thống vào trong giáo trình kỹ thuật nông nghiệp ở các bậc học.

- Thiết lập một hệ thống các công tác thực hành sản xuất trồng trọt và chăn nuôi dựa trên hệ thống quy trình sản xuất cơ bản, phổ biến trong nông nghiệp ở địa phương và toàn quốc.

- Để làm cho kiến thức kỹ thuật, kỹ năng canh tác được củng cố ở những địa điểm cho phép, nên tổ chức các đội lao động của học sinh trong các hợp tác xã, các đội này sẽ tận dụng được sự giúp đỡ của những người có kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời tác động trở lại bằng kiến thức khoa học của mình làm tăng năng suất sản phẩm so với mức khoán ấn định của hợp tác xã.

4. Thiết lập có quy hoạch vườn trường, chuồng trại làm nơi tiến hành các công tác thực hành và thực hành thí nghiệm nông nghiệp theo nội dung định sẵn của chương trình.

5. Soạn thảo một số sách hướng dẫn thực hành kỹ thuật nông nghiệp cho giáo viên và học sinh ứng với mỗi loại chương trình cụ thể. Thực hiện được một số yêu cầu nêu trên chúng ta sẽ tạo ra những khả năng đưa việc giảng dạy lao động kỹ thuật nông nghiệp ở các trường phổ thông theo tư tưởng lao động kỹ thuật tổng hợp.

4. NGUYÊN TẮC GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT PHỔ THÔNG

Đã từ lâu việc nghiên cứu quá trình vận dụng những nguyên tắc dạy học trong nhà trường phổ thông đối với các môn học cơ bản được lưu ý một cách thích đáng, những kết luận rút ra từ thực tế giảng dạy của các giáo viên có nhiều kinh nghiệm, những công trình nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục ngày càng làm phong phú cho lý luận dạy học Việt Nam. Song, theo nhận định của chúng tôi, việc phân tích về phương diện lý luận và thực tế những nguyên tắc dạy học trong quá trình giảng dạy lao động còn là một vấn đề cần được quan tâm. Trong giai đoạn hiện nay, khi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đã trở thành nhiệm vụ chiến lược chủ yếu của toàn Đảng, toàn dân ta thì việc xem xét những đặc điểm của quá trình giảng dạy lao động trong nhà trường phổ thông, nâng cao hiệu quả của bài giảng nhằm chuẩn bị cho hàng chục triệu học sinh các cấp đi vào lao động sản xuất trong tương lai là một vấn đề cấp thiết, đáp ứng những yêu cầu của cải cách giáo dục nói riêng và của xã hội nói chung.

Như chúng ta đã biết, dạy học là quá trình kết hợp lôgic giữa việc truyền thụ của giáo viên và quá trình học tập của học sinh, nó đòi hỏi sự vận dụng một cách nhuần nhuyễn các nguyên tắc dạy học trong những tình huống cụ thể nhằm cung cấp cho học sinh kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật một cách có hệ thống của một số ngành sản xuất phổ biến trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, giúp học sinh biết vận dụng những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo vào hoạt động sản xuất, xây dựng thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, cùng với các bộ phận khác xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Thực hiện nhiệm vụ đó, giảng dạy lao động không thể tách khỏi những nguyên tắc cơ bản trong lý luận dạy học. Tuy nhiên, với những đặc thù riêng biệt của bộ môn, giảng dạy lao động phản ánh những nguyên tắc dạy học nêu ra trong Giáo dục học Đại cương ở những góc cạnh khác với những môn khoa học cơ bản. Vậy thì sự thể hiện về bản chất của những nguyên tắc dạy học trong quá trình giảng dạy lao động như thế nào, ta sẽ lần lượt phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Sự phân tích này sẽ cho phép vận

dụng lý luận dạy học đại cương vào một môn học cụ thể nhằm đáp ứng những yêu cầu của việc nâng cao chất lượng giảng dạy lao động trong tình hình hiện nay.

4.1. Nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục và phát triển trong quá trình dạy kỹ thuật

Về bản chất, nguyên tắc này, trong giảng dạy lao động được coi như quá trình thống nhất giữa hoạt động giáo dục và hoạt động giáo dưỡng. Sự thống nhất ấy được biểu hiện trong việc phát triển trí tuệ, hình thành những khái niệm và niềm tin đạo đức, trau dồi thế giới quan đối với lao động xã hội, phát triển năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo, tăng cường năng lực cảm thụ, tình cảm thẩm mỹ đối với lao động kỹ thuật nói riêng.

Một trong những đặc điểm của giảng dạy lao động là sự tham gia trực tiếp, bước đầu của học sinh vào lao động sản xuất. Mặc dù sự tham gia của học sinh còn mang tính chất học tập, nhưng do sự tổ chức của nhà trường, nó lại phản ánh những hoạt động sản xuất của xã hội. Chính trong quá trình tham gia này, ngoài việc đạt tới sự biến đổi cả về lượng và chất đối với việc hình thành những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo lao động, nó còn là môi trường tốt để xây dựng tính cách của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Giảng dạy lao động với nội dung phong phú của mình chủ yếu thông qua hoạt động thực tiễn, trong từng giai đoạn, đối với từng lứa tuổi, từng khối lớp cần tạo điều kiện để phát triển năng lực trí tuệ của học sinh. Chẳng hạn thông qua việc tiếp thu những kiến thức kỹ thuật về nguyên liệu và công cụ, thông qua các hoạt động lắp ráp, thiết kế, thiết lập và đọc bản vẽ, sửa sang đối tượng chế tạo, tiếp xúc với quá trình công nghệ của sản xuất, học sinh sẽ ngày càng tích lũy được một khối lượng lớn các khái niệm kỹ thuật, quá trình nhận thức ngày càng được hoàn thiện, yếu tố lao động và sáng tạo trong khi giải quyết nhiệm vụ lao động nâng cao, phát triển.

Đảm bảo tính giáo dục trong giảng dạy lao động nhắc nhở người làm công tác giảng dạy phải luôn luôn lưu ý tới việc bồi dưỡng thái độ xã hội chủ nghĩa trong quá trình lao động. Thông qua các bài học lao động, giúp học sinh dần dần đồng cảm với lao động xã hội, thấy rõ được giá trị xã hội lao động của bản thân, trên cơ sở đó mà hình thành các khái niệm về niềm tin đạo đức. Giảng dạy lao động có đầy đủ những điều kiện để hình thành phẩm chất cá nhân. Chẳng hạn với các công tác tổ chức chỗ làm việc, thiết lập kế hoạch công tác, phân phối và tổ chức lao động trong tập thể (nhóm, đội, lớp) là những yếu tố khơi dậy việc hình thành những phẩm chất đạo đức như tính tổ chức kỷ luật, thận trọng, bèn bỉ, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, tình cảm thương yêu giúp đỡ lẫn nhau... Trong những điều kiện cho phép, học sinh được tiếp xúc với môi trường sản xuất xung quanh như hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng, hợp tác xã, được gần gũi với những người trực tiếp tham gia sản xuất, những công nhân, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có nhiều thành tích và kinh nghiệm sản xuất và thông qua đó, việc giảng dạy lao động sẽ giúp học sinh thấy rõ tính chất ưu việt của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công

cuộc lao động xây dựng đất nước.

Giảng dạy lao động thông qua các công tác thực tế của học sinh như gia công nguyên vật liệu, thiết kế sản phẩm... góp phần làm cho sức lực của các em được phát triển bởi sự điều hoà giữa lao động trí óc và lao động chân tay theo đúng những yêu cầu của vệ sinh lao động là yếu tố quan trọng góp phần làm cho trí tuệ thêm minh mẫn, cơ thể học sinh phát triển cân đối, tính khéo léo, bền bỉ chịu đựng được rèn luyện và củng cố.

Lao động có tổ chức, được sắp xếp trong điều kiện hợp lý về bố trí lớp học, công cụ, trong quá trình tìm tòi và tự mình tạo ra cái đẹp cho đối tượng sản xuất sẽ giúp cho việc hình thành những khái niệm thẩm mỹ kỹ thuật, học sinh đồng thời tìm thấy vẻ đẹp chân chính trong thành quả lao động của bản thân và xã hội.

Nhiệm vụ giáo dục và phát triển được tiến hành trong tất cả các môn học, song giảng dạy lao động với đặc thù riêng của mình rõ ràng có những nét ưu việt để thực hiện nguyên tắc, điều mà các môn học khác khó có thể thực hiện được. Chính điểm này nhắc nhở những người làm công tác giáo dục trong nhà trường không thể tiến hành công tác giáo dục học sinh nếu thiếu sự quan tâm một cách thích đáng tới giảng dạy lao động, bộ môn lâu nay trong một số trường vẫn coi như một công tác ngoại khoá, sức lực lao động của học sinh được sử dụng một cách tùy tiện, nhìn nhận lao động của các em đôi khi đơn thuần chỉ nặng nề phương diện kinh tế. Sự nhìn nhận phiến diện đối với lao động của học sinh như vậy, làm tổn hại đến bản năng tốt đẹp sẵn có và những phẩm chất đáng được phát triển ở thế hệ trẻ, có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của toàn bộ công tác giáo dục và giáo dưỡng trong nhà trường phổ thông.

4.2. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy lao động kỹ thuật

Học thuyết Mác - Lênin về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có quan hệ không chỉ tới quá trình nhận thức nói chung mà còn là kim chỉ nam cho việc xem xét quá trình giảng dạy và giáo dục thế hệ trẻ. Đúng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận dạy học hiện đại cho rằng những kiến thức khoa học chỉ xuất hiện trên cơ sở hoạt động thực tiễn của con người, trong đó hoạt động sản xuất là yếu tố cơ bản nhằm cải thiện đời sống xã hội và cải tạo chính bản thân mình. Sự hiểu biết những kiến thức khoa học của học sinh được biểu hiện không chỉ ở khối lượng nội dung được lĩnh hội mà chủ yếu là năng lực ứng dụng những kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn. Do vậy phương tiện quan trọng bậc nhất để thực hiện nguyên tắc này là sự thống nhất giữa giảng dạy, học tập với hoạt động thực tế - lao động sản xuất. Mọi quan hệ này trở thành nguyên lý trong sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã chỉ rõ : "Cải cách giáo dục phải làm cho giáo dục thấu suốt hơn nữa nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội". Tham gia vào quá trình lao động làm xuất hiện ở học sinh những nhu cầu về kiến thức và làm cho việc giảng dạy, học tập có ý nghĩa xã hội rộng lớn.

Trong hoạt động thực tiễn, học sinh sẽ ngày càng tin tưởng vào sự cần thiết phải sử dụng những kiến thức lý thuyết đã tiếp thu vào chỉ đạo hoạt động của bản thân. Nhờ ứng dụng vào thực tế, kiến thức trở nên cụ thể, sinh động hơn, những kinh nghiệm sống sẽ được tích tụ ở học sinh ngày một phong phú.

Như ta thường thấy, quá trình chuẩn bị cho học sinh đi vào hoạt động thực tiễn được bắt đầu bằng việc nắm vững các kiến thức lý thuyết, rồi sau đó, được tiếp tục củng cố, khắc sâu vào mở rộng trong các giờ thực hành, thí nghiệm. Trên cơ sở của những hoạt động này, dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh sẽ tiến hành kiểm tra sự tin cậy của các kiến thức đã tiếp thu, rèn luyện những kỹ năng vận dụng chúng vào thực tiễn.

Giai đoạn quan trọng trong quá trình hoạt động thực tiễn của học sinh là lao động sản xuất. Thông qua giai đoạn này, học sinh sẽ được chuẩn bị những kiến thức kỹ năng, kỹ thuật chung nhất trong một số ngành phổ biến, quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Cũng chính trong giai đoạn này kiến thức khoa học cơ bản sẽ được bổ sung và cụ thể hoá. Tiến lên giai đoạn cao hơn của việc học tập lao động, sự tham gia trực tiếp của học sinh vào sản xuất sẽ góp phần vào nhiệm vụ hoàn thiện vốn sống và kinh nghiệm thực tế cho bản thân.

Thông qua mối liên hệ giữa học tập với lao động sản xuất, học sinh có dịp gắn mình với xã hội. Đó là quá trình thống nhất biện chứng, là mối quan hệ hữu cơ gắn bó không thể thiếu được trong giáo dục và giáo dưỡng của nhà trường xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy để thực hiện tốt nguyên tắc này chúng ta cần chú ý tới một số những yêu cầu có tính chất sự phạm như sau :

- Khi nghiên cứu tài liệu lý thuyết của bộ môn (Giảng dạy lao động, kỹ thuật) cần tuân theo một hệ thống lôgic chặt chẽ. Những ví dụ thực tế minh hoạ cần phải phụ thuộc vào hệ thống này và được tiến hành ở những thời điểm mà chính lôgic công việc thực tế mà học sinh tiến hành, nghĩa là không nên đưa ra những kiến thức gượng ép xa rời thực tiễn đang diễn ra trước mắt học sinh.

- Toàn bộ quá trình lao động của học sinh cần phải dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, vì việc tiếp thu những kỹ năng, kỹ xảo lao động không dựa trên một cơ sở khoa học nhất định mà chỉ bằng con đường bắt chước máy móc sẽ làm cho quá trình lao động mang nặng tính chất thủ công, thiếu tính mềm dẻo và bền vững. Vì vậy, nếu như có một công việc nào đó đi trước những kiến thức lý thuyết của khoa học cơ bản tương ứng thì tốt hơn cả là cung cấp một cách ngắn gọn, xúc tích một số kiến thức cơ bản trong giai đoạn hướng dẫn mở đầu.

- Việc lựa chọn các bài tập thực hành cho học sinh cần chú ý tính giáo dục và phát triển của bài tập. Nghĩa là phải chọn những nhiệm vụ lao động như thế nào để khi tiến hành đòi hỏi ở học sinh kiến thức lý thuyết, sự tìm tòi khoa học, phát triển tính độc lập và sáng tạo của các em.

Gắn liền học tập với lao động sản xuất trong quá trình giảng dạy lao động có thể

thực hiện bằng nhiều con đường. Chúng ta hãy xét một số con đường cụ thể đã được kiểm nghiệm trên thực tế ở nhà trường phổ thông.

* Sử dụng trong các giờ lý thuyết những kiến thức thực tế để minh họa cho các kết luận khoa học, đồng thời chứng minh cho sự đúng đắn của các lý thuyết khoa học trong hoạt động thực tế. Những kiến thức thực tế này là một bộ phận trong cơ cấu của quá trình giảng dạy, không ảnh hưởng tới tính hệ thống của chương trình môn học. Để đạt mục đích này, tốt nhất nên sử dụng những kiến thức mà học sinh đã tích lũy được trong thời gian các em làm việc ở xưởng trường hay trong các cơ sở sản xuất khác.

* Việc giải thích cơ sở khoa học của những hoạt động sản xuất mà học sinh sẽ tiến hành thường được trải đều trong toàn bộ quá trình lao động.

* Tổ chức các hoạt động sản xuất của học sinh gắn liền với việc giải quyết một phần nhiệm vụ của các bộ môn khoa học khác như : Toán, Lý, Hoá, Sinh vật...

* Tiến hành tham quan trong các cơ sở sản xuất có liên quan tới lĩnh vực và ngành nghề đang học, giúp học sinh hiểu biết về công cụ các quá trình công nghệ trong thực tiễn sản xuất so với hoạt động lao động trong nhà trường để các em dần dần quen thuộc với điều kiện lao động của xã hội.

* Tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với những cán bộ, công nhân có nhiều phát minh, sáng kiến trong sản xuất, đồng thời khuyến khích các em vận dụng những điều tai nghe mắt thấy vào thực tiễn sản xuất của bản thân.

* Hướng dẫn học sinh bước đầu biết sử dụng các sách báo, tạp chí kỹ thuật nhằm chuẩn bị cho bài học và giải quyết các nhiệm vụ lao động được trao.

4.3. Đảm bảo tính khoa học trong quá trình giảng dạy lao động kỹ thuật

Trong lý luận dạy học, nguyên tắc đảm bảo tính khoa học có nghĩa là trong từng bước của việc giảng dạy, người ta sẽ giới thiệu cho học sinh những kiến thức khoa học hiện đại, đồng thời giúp các em nắm vững những kiến thức đó. Trong quá trình truyền đạt người ta thường sử dụng phương pháp giảng dạy có đặc tính gắn gũi với phương pháp khoa học của bộ môn đang nghiên cứu. Nguyên tắc này trong giảng dạy lao động được coi như quá trình giúp học sinh nắm vững một cách chính xác những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo lao động, hiểu biết quá trình công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất mà học sinh đang được nghiên cứu.

Thực hiện nguyên tắc này, trước tiên phải chú trọng tới việc truyền đạt cho học sinh cơ sở khoa học của những kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật, các quá trình công nghệ dựa trên tiềm lực những kiến thức có sẵn ở học sinh thông qua các môn học khác. Chẳng hạn khi học về cấu tạo của cửa máy, không thể đơn thuần trình bày cho học sinh các chi tiết tạo thành nó mà cần giải thích vì sao lưỡi dùng để cửa gỗ dọc thớ khác với lưỡi cửa dùng để cửa ngang thớ, vì sao gỗ càng rắn thì răng cửa càng phải nhỏ..., hoặc khi dạy các thao tác về bào, cần phải đưa ra những lập luận khoa học giúp học sinh thấy rõ lực tác dụng của lưỡi bào vào gỗ khi vào bào và ra bào dưới ảnh hưởng lực tác dụng vào các vị trí trên thân bào của bàn tay.

Mặt khác, để đáp ứng những yêu cầu của nguyên tắc đã nêu, cần có những lưu tâm đáng kể vào công tác tổ chức cơ cấu của xưởng trường, công cụ và thiết bị sao cho phù hợp với những tính toán khoa học của vệ sinh học đường, đồng thời vẫn đảm bảo sự phản ánh chân thực môi trường sản xuất. Chẳng hạn như các tiêu chuẩn về kết cấu của các phân xưởng điện, mộc, nguội, cơ khí, nơi làm việc của thầy giáo, bàn làm việc của học sinh... phải được thiết kế, chế tạo phù hợp với yêu cầu khoa học và thực tiễn khí hậu, con người Việt Nam.

Ngoài ra, tính khoa học của việc giảng dạy lao động đòi hỏi phải đảm bảo cho học sinh nắm một cách chính xác các thuật ngữ khoa học kỹ thuật nằm trong chương trình giảng dạy, có thể giới quan khoa học khi nhìn nhận sự tác động to lớn của khoa học kỹ thuật vào lực lượng sản xuất. Điều này được thực hiện không chỉ đơn thuần dựa vào một số bài giảng lao động mà còn là quá trình tiếp xúc với các tài liệu tạp chí và đối tượng kỹ thuật cụ thể, là quá trình quen biết với các cơ sở sản xuất để có điều kiện hiểu sâu, mở rộng kiến thức, nhớ kỹ và thấy được hiệu quả của khoa học kỹ thuật trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân.

4.4. Tính vừa sức trong giảng dạy lao động kỹ thuật

Xem xét tính khoa học trong giảng dạy lao động thường không tách rời khỏi tính vừa sức. Bởi vì chỉ có trên cơ sở đánh giá một cách đúng đắn khả năng hoạt động của trí tuệ, sức lực của học sinh thì mới có thể mang lại hiệu quả cao trong việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng kỹ thuật. Các nhà tâm lý học và lý luận dạy học Xô viết như N.I. Galperin, A.V. Apôgies. G.B. Encônin trong một công trình tập thể của mình đã từ lâu cho ta thấy rằng việc mở rộng khả năng nhận thức của học sinh được thực hiện trong quá trình phức tạp hoá một cách liên tục nhiệm vụ học tập và thực tiễn. Những nhiệm vụ này được đặt ra trước học sinh, đòi hỏi sự căng thẳng về trí lực và thể lực của các em. Do đó việc xác định một cách hợp lý mức độ và đặc tính khó khăn trong quá trình học tập là điều kiện vô cùng quan trọng để giúp học sinh có thể tiếp thu tốt các kiến thức khoa học.

Nguyên tắc này đòi hỏi khi giảng dạy lao động cần cố gắng xuất phát từ những kiến thức (có thể bao gồm cả những kiến thức chưa được hệ thống hoá, chưa thuộc về bản chất), những kỹ năng và kinh nghiệm có sẵn ở học sinh. Ta không nên đòi hỏi ở các em phải giải quyết những vấn đề mà trong tiềm lực của bản thân chưa có. Chẳng hạn không nên tiến hành dạy thiết kế và đọc bản vẽ kỹ thuật, hoặc không thể đạt được việc dạy lắp ráp mạng điện đơn giản khi học sinh chưa biết cách nối dây dẫn và bố trí nguyên liệu, thiết bị điện trên bảng lắp ráp...

Mặc dầu quá trình giải quyết những yêu cầu kỹ thuật của học sinh nhất thiết phải bao gồm sự tìm tòi suy nghĩ để đi dần tới giai đoạn độc lập sáng tạo, song toàn bộ sự tìm tòi đặt ra cho học sinh không nên quá xa lạ so với khả năng thực hiện của các em. Bởi vậy tính vừa sức đòi hỏi ngay cả giai đoạn yêu cầu cao đối với học sinh vẫn phải dựa trên những gì các em có thể tận thấy trong kiến thức và kinh nghiệm thực tế của

bản thân. Trong giảng dạy lao động, việc xác định thiết bị, công cụ, đồ dùng giảng dạy, việc sử dụng các mô hình, bản vẽ, sơ đồ, cách thức soạn thảo nhằm phát huy tính độc lập sáng tạo của học sinh, việc sử dụng các kiến thức của những bộ môn khoa học cơ bản nhằm nêu rõ bản chất của các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật và quá trình kỹ thuật học, việc định mức lao động và lựa chọn đối tượng sản xuất là những vấn đề không thể thiếu được trong quá trình làm việc của giáo viên dạy lao động. Giáo viên nên đặt mình trong tình trạng của người học để thấy hết được những khó khăn và thuận lợi của các em nhằm đặt ra các giải pháp thoả đáng, vừa không dễ dãi so với tầm suy nghĩ của học sinh, vừa không quá cường điệu mức độ cần thiết về những nội dung, nhiệm vụ kỹ thuật. Có như vậy hiệu quả của việc hình thành các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật mới đạt được nhanh chóng, vững chắc, hứng thú đối với lao động kỹ thuật của học sinh mới được duy trì và ngày một nâng cao.

4.5. Tính hệ thống và liên tục trong giảng dạy lao động kỹ thuật

Nguyên tắc này đòi hỏi việc tổ chức giảng dạy lao động phải được tiến hành sao cho quá trình nắm vững tài liệu học tập của học sinh diễn ra theo một trình tự nghiêm ngặt, phù hợp với lôgic khoa học của lĩnh vực lao động tương ứng, cũng như của những yêu cầu có tính chất lý luận dạy học (nghĩa là những kiến thức lĩnh hội sau được dựa trên những kiến thức đã tiếp thu). Chỉ trên cơ sở giảng dạy như vậy, quá trình nắm vững kiến thức của học sinh mới diễn ra một cách có ý thức, học sinh mới có thể sử dụng linh hoạt, chắc chắn kiến thức của mình vào hoạt động thực tiễn.

Nguyên tắc này trong giảng dạy lao động được hiểu là những kiến thức kỹ thuật, công nghệ, những kiến thức về tổ chức và quản lý sản xuất, những kỹ năng, kỹ xảo thực hành kỹ thuật được hình thành trong mối quan hệ khăng khít, không đứt đoạn, rời rạc mà tạo thành một chuỗi liên tục, hoàn chỉnh.

Nguyên tắc này đòi hỏi :

- Phải thực hiện một cách nghiêm túc chương trình lao động theo các phân môn cụ thể. Trên thực tế, bất cứ nội dung tài liệu học tập nào, trong đó có tài liệu học tập lao động đều đã được phân bố theo một quá trình hơn tục phù hợp với hệ thống giảng dạy lao động nào đó, tương ứng với các quá trình công nghệ của sản xuất vật chất. Chính nội dung tài liệu và chương trình đó đặt ra nhiệm vụ phải tìm ra những phương pháp, hình thức tổ chức dạy sao cho mỗi nhiệm vụ lao động của học sinh phải là một mắt xích nối liền các kiến thức, kỹ năng kỹ thuật. Ví dụ học về cách điều khiển vận hành của động cơ điện là một khâu không thể thiếu được những kỹ năng thực tế điều khiển và bảo dưỡng máy, đồng thời học cách điều khiển vận hành các động cơ điện là để chuẩn bị cho học sinh tiếp thu những kiến thức và kỹ năng mới trong kỹ thuật điều khiển máy nói chung sau này.

- Việc thiết lập chương trình, kế hoạch học tập cho học sinh trong từng tiết, từng phần và toàn bộ phải đi từ dễ đến khó, từ giản đơn nên phức tạp.

Chẳng hạn thoát tiên cung cấp cho học sinh những kiến thức về nguyên liệu, tiếp

tới là quá trình công nghệ gia công sản phẩm bao gồm các kiến thức về vẽ kỹ thuật (thiết lập bản vẽ đối tượng và các chỉ tiêu cần thiết), tính toán số lượng và chất lượng nguyên liệu, gia công chi tiết, lắp ghép và tu sửa, thử nghiệm và nghiệm thu đối tượng...

- Thường xuyên tổng kết những tài liệu đã nghiên cứu (cả về lý thuyết và thực thành). Thông qua công việc này, các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực tế của học sinh sẽ được hệ thống hoá theo quy trình sản xuất, học sinh sẽ được trang bị một số những kiến thức và quy luật chung nhất của phát triển kỹ thuật. Điều đó đảm bảo cho việc giảng dạy lao động theo phương hướng kỹ thuật tổng hợp đạt hiệu suất cao.

Ngoài ra, trong mỗi phương án của chương trình lao động bao gồm nhiều chương mục, phân môn khác nhau, cho nên phải sắp xếp sao cho các kiến thức và kỹ năng kỹ thuật được kết hợp với nhau thành một thể thống nhất, nhằm mục đích đã định. Chẳng hạn kiến thức sơ bộ về kỹ thuật không nên để thành phần riêng mà nên trải đều trong các phần gia công và chế tạo sản phẩm, hoặc các kiến thức về nguyên liệu (kim loại) cần được củng cố mở rộng trong khi học điện kỹ thuật, thiết kế mô hình kỹ thuật rèn, nguội...

4.6. Nguyên tắc phát huy tính tự giác, tích cực của học sinh trong giảng dạy lao động kỹ thuật

Một trong những yếu tố ảnh hưởng quyết định tới hiệu quả của quá trình dạy học là vai trò của chủ thể học sinh đối với việc lĩnh hội kiến thức. Do đó về bản chất, nguyên tắc này phản ánh về mặt biểu hiện tâm lý của việc giảng dạy. Nói cách khác, chúng ta sẽ đề cập tới những yếu tố bên trong của đối tượng giảng dạy - học sinh, làm cho các em nắm vững các tài liệu học tập.

Vận dụng vào trong bộ môn lao động, nguyên tắc này đòi hỏi phải tổ chức giảng dạy sao cho học sinh nắm vững một cách có ý thức, tích cực những kiến thức kỹ năng, kỹ xảo lao động, những phương pháp vận dụng chúng vào thực tế để phát triển ở các em tính độc lập sáng tạo trong lao động, trong tư duy; trên cơ sở đó hình thành thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cộng sản. Để đáp ứng những đòi hỏi của nguyên tắc này trong quá trình dạy lao động, người giáo viên cần vận dụng một cách linh hoạt các yêu cầu cơ bản sau :

- Phải đặt ra trước học sinh mục đích và những nhiệm vụ lao động cụ thể.

- Tạo ra những điều kiện để dẫn dắt học sinh giải quyết những nhiệm vụ quan trọng của quá trình lao động như tham gia vào việc thiết lập kế hoạch công tác của bản thân và tập thể, xác định các phương thức thực hiện kế hoạch đồng thời biết kiểm tra, hiệu chỉnh tiến trình và kết quả của mỗi công việc. Những yêu cầu trên có thể được giải quyết một cách thoả đáng khi chúng ta tiến hành những biện pháp cơ bản như :

+ Dạy học sinh phân tích các quá trình công nghệ để tạo nên sản phẩm, cách tổ chức chỗ làm việc cho bản thân và tập thể.

+ Vận dụng giảng dạy nêu vấn đề như một trong những phương pháp có hiệu quả

nhằm tích cực hoá quá trình học tập của học sinh. Để làm được điều đó, trên thực tế, việc đưa học sinh vào giải quyết những nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật là một đảm bảo chắc chắn cho họ phát huy tính tự giác, độc lập, tích cực, bởi những nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật dù đã quen biết đối với học sinh đều chứa đựng trong nó hai đặc điểm chủ yếu:

+ Chúng tồn tại quá trình tìm tòi trực tiếp của người nghiên cứu nó ;

+ Để đạt được kết quả mong muốn, người ta phải trải qua những bước giải quyết khác nhau. Chính những đặc điểm này, xét về bản chất, nhiệm vụ thiết kế đã đặt ra trước học sinh đặc tính nêu vấn đề. Nhiều nhà khoa học, trong các công trình nghiên cứu của mình đã chứng minh rằng quá trình thiết kế kỹ thuật sẽ giúp óc cho tưởng tượng không gian, khả năng vận dụng những hình mẫu không gian cho những đối tượng cụ thể ở học sinh được phát triển. Nhờ giải quyết các nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật, học sinh sẽ nhanh chóng đi từ tư duy đến hành động, dự tính trước được tiến trình công việc của mình, xác định kế hoạch tiến hành chúng và thông qua đó, sự chính xác tính khéo léo, thận trọng... được dần dần thiết lập. Có thể nói rằng trong giảng dạy lao động kỹ thuật, việc giải quyết các nhiệm vụ thiết kế trở nên sự cần thiết có tính chất khách quan và là một trong những phương tiện cơ bản giúp cho việc thực hiện nguyên tắc phát triển tính tự giác, tích cực và độc lập của học sinh đạt được hiệu quả tốt đẹp.

- Tiến hành giảng dạy lao động cho học sinh tại các cơ sở sản xuất ngoài xã hội. Quá trình làm việc này sẽ dựa trên những điều kiện thực tế của sản xuất như định mức lao động, kế hoạch và năng suất lao động, sử dụng thời gian và nguyên liệu... để kích thích hoạt động lao động của học sinh, thúc đẩy các em tham gia vào phát huy sáng tạo và cải tiến kỹ thuật, phong cách lao động, làm cho tính tự giác, tích cực của học sinh có điều kiện phát triển nhanh và vững vàng.

4.7. Nguyên tắc đảm bảo tính vững chắc trong việc hình thành kiến thức, kỹ năng kỹ thuật

Trong quá trình giảng dạy lao động, những kiến thức kỹ năng và kỹ xảo mà học sinh nắm được sẽ giúp các em có khả năng đi vào hoạt động sản xuất của xã hội một cách nhanh chóng, đồng thời đó còn là cơ sở để các em nắm vững tài liệu kỹ thuật mới, là điều kiện để tư duy lôgic, tính tích cực độc lập của các em được hình thành và phát triển. Tuy nhiên chúng ta phải thấy rằng những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật này chỉ có thể được sử dụng một cách linh hoạt khi chúng được củng cố và giữ gìn một thời gian dài trong trí nhớ của học sinh. Do đó, ở tất cả các giai đoạn của quá trình giảng dạy lao động chúng ta cần tuân theo một số những yêu cầu sau :

- Mục đích của tài liệu lý thuyết và thực hành mà học sinh tiếp thu phải được đặt ra một cách cụ thể, hợp lý và khoa học.

- Mức độ phức tạp và khó khăn của những nhiệm vụ trao cho học sinh cùng với sự phân bố tài liệu phải tuân theo một hệ thống lôgic, chặt chẽ.

- Có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành kỹ thuật trên cơ sở hệ thống các bài

luyện tập củng cố nhằm khắc sâu thêm kiến thức lý thuyết, hình thành vững chắc kỹ năng, kỹ xảo và thói quen. Khởi dậy ở học sinh hứng thú đối với nhiệm vụ lao động.

- Đối với những khái niệm kỹ thuật cơ bản, những công thức, những thao tác quan trọng, các quy định về kỹ thuật bảo hiểm, cần yêu cầu học sinh học thuộc và thành thục. Tất nhiên yêu cầu bắt buộc này phải được nâng dần từ mức độ "máy móc" tới mức độ "ý thức" (chẳng hạn ban đầu bắt buộc học sinh phải nhớ tên các công cụ nguyên liệu, chi tiết máy... thường gặp, sau đó phải chuyển sang việc thiết lập mối liên hệ logic giữa chúng trong thực tiễn sản xuất).

4.8. Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan trong giảng dạy lao động kỹ thuật

Bản chất nguyên tắc này là ở chỗ khi giảng dạy, giáo viên phải tạo điều kiện cho học sinh được tiếp xúc trực tiếp với các đối tượng cụ thể nằm trong chương trình. Đối tượng này có thể là vật thực, cũng có thể là mẫu vật, sơ đồ về cấu trúc của công cụ, máy móc, quá trình công nghệ...

Nguyên tắc này đòi hỏi trong các giờ giảng, giáo viên phải dựa vào những kinh nghiệm tri giác thực tế của học sinh, thông qua các cơ quan cảm giác (tai nghe mắt thấy sự chú ý của các em được nâng cao, hứng thú được khơi dậy, làm cho quá trình lĩnh hội tài liệu kỹ thuật trở nên sâu sắc và tin cậy, góp phần vào việc phát triển các cơ quan cảm giác, năng lực quan sát, tư duy. Mặc dầu vậy, tri giác chỉ là bước đầu của quá trình nhận thức để đi tới bước tiếp theo trong tư duy trừu tượng. Do đó, tri giác cần phải được kèm theo quá trình tích cực suy nghĩ bằng cách đặt ra nhiệm vụ nhận thức thông qua kế hoạch quan sát, tổng kết kết quả quá trình đó. Sự tách biệt giữa tri giác và những nhiệm vụ nêu trên sẽ dẫn tới tính chất phiến diện khi nghiên cứu đối tượng kỹ thuật.

Trong giảng dạy lao động, tính trực quan còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng chính vì học sinh cần được chuẩn bị bước vào những hoạt động thực tế của xã hội, đi vào thế giới các đối tượng, hiện tượng kỹ thuật cụ thể. Do đó việc quen biết ban đầu với các đối tượng và quá trình kỹ thuật sẽ giảm bớt sự ngỡ ngàng, khó khăn cho học sinh trong thực tế sản xuất sau này. Nhìn một cách khái quát, trong các giờ lao động các dạng trực quan như sau được sử dụng để tăng cường hiệu quả của quá trình nắm vững kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật.

- Giới thiệu các đối tượng thực, các thí nghiệm và phương thức lao động.
- Cho xem các mô hình, phản ánh đối tượng thật cần nghiên cứu.
- Mô tả các đối tượng, các quá trình kỹ thuật đồng thời khắc hoạ chúng lên bảng.
- Mô tả bằng ký hiệu (sơ đồ, bản vẽ, đồ hoạ...).
- Phim ảnh, vô tuyến truyền hình.

Việc lựa chọn đồ dùng dạy học cần dựa trên mục đích của các bài học. Trong thực tế giảng dạy, những đối tượng, hiện tượng và quá trình kỹ thuật cũng như quá trình công nghệ thông qua các mô hình, ký hiệu... có nhiều thuận tiện hơn so với việc

sử dụng chúng dưới dạng thực, còn các đối tượng thực, thường chỉ dùng khi cần giới thiệu những kết cấu cơ bản và chi tiết kỹ thuật.

Khi sử dụng đồ dùng trực quan, giáo viên cần phải điều khiển quá trình tri giác của học sinh, hướng sự tri giác của các em vào những mặt chính, bản chất của đối tượng. Số lượng các đồ dùng trực quan cũng cần được lưu ý. Nếu như một bài giảng có nhiều đồ dùng trực quan thì không nên đưa ra tất cả cùng một lúc, mà nên giới thiệu lần lượt chúng vào những thời điểm phù hợp nhất của bài học lao động đó.

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KỸ THUẬT PHỔ THÔNG TRONG XƯỞNG TRƯỜNG

5.1. Khái niệm về phương pháp giảng dạy lao động

Phương pháp giảng dạy lao động là cách thức tác động từ thầy đến trò cũng như mối quan hệ giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh mà nhờ nó (mối quan hệ này) giáo viên hoặc thợ hướng dẫn sẽ thông báo cho học sinh những kiến thức kỹ thuật và công nghệ, hình thành ở học sinh những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo lao động trong quá trình lao động mang tính chất học tập, giúp cho hoạt động tư duy của học sinh được phát triển, giáo dục học sinh thói quen và thái độ lao động của con người mới. Phương pháp giảng dạy lao động bao gồm nhiều thành phần riêng lẻ (được coi là các biện pháp). Ví dụ phương pháp làm mẫu các hoạt động lao động khi hướng dẫn các học sinh bao gồm việc làm mẫu hoạt động ở nhịp điệu làm việc thông thường, ở nhịp điệu chậm nhất và ở việc phân chia chúng thành những vận động riêng lẻ. Một biện pháp có thể nằm trong cơ cấu của nhiều phương pháp khác nhau. Chẳng hạn biện pháp ghi những khái niệm kỹ thuật mới của học sinh được tiến hành khi giáo viên giải thích tài liệu, khi làm việc độc lập với sách vở trong giai đoạn trao đổi, khi tiến hành công việc thực tiễn để thu hút sự chú ý của học sinh, uốn nắn những sai lệch. Song, việc giải thích và trao đổi ở một thời điểm khác lại được biểu hiện như những biện pháp nằm trong phương pháp bài tập. Chẳng hạn việc thông báo các kiến thức kỹ thuật công nghệ được thực hiện bằng phương pháp giải thích nhằm cung cấp cho học sinh những hiểu biết về cơ cấu của công cụ thông qua việc giới thiệu mô hình, sơ đồ, bản vẽ. Công việc giới thiệu này được coi như những biện pháp. Nhưng nếu mô hình, sơ đồ, bản vẽ là đối tượng nghiên cứu, những kiến thức cơ bản của học sinh thu được trên cơ sở khảo sát chúng thì giới thiệu lại biểu hiện như là phương pháp giảng dạy, còn lời giải thích của giáo viên được coi như biện pháp. Như vậy, chứng tỏ rằng, tùy thuộc vào mục đích sử dụng, các phương pháp và biện pháp giảng dạy, trong một chừng mực nhất định có thể thay đổi vị trí cho nhau.

5.2. Phân loại các phương pháp giảng dạy lao động

Khi đề cập tới việc phân loại các phương pháp giảng dạy, ta chỉ có thể nói về phương diện lý thuyết, bởi vì trong thực tế, các phương pháp thường được vận dụng dưới dạng tổ hợp. Chẳng hạn khi thực hiện hướng dẫn cho học sinh, người ta đã sử dụng các phương pháp giải thích, trình bày các đối tượng thực, đồ dùng trực quan, mô

hình, tài liệu kỹ thuật, tiến hành các công tác thí nghiệm, ghi chép, tham khảo tài liệu bổ trợ...

Trong phân loại phương pháp giảng dạy, có nhiều quan điểm khác nhau : một số nhà lý luận dạy học phân loại phương pháp theo nguồn gốc kiến thức mà học sinh tiếp thu, một số khác theo đặc trưng của các nhiệm vụ học tập, theo các phương thức hoạt động của giáo viên và học sinh...

Như vậy có nghĩa là việc phân loại phương pháp giảng dạy về bản chất chứa đựng trong nó cách nhìn nhận các phương pháp theo những dấu hiệu khác nhau. Song dù phân loại theo một hệ thống dấu hiệu đặc trưng nào đi nữa, thì mỗi kiểu phân loại phải giúp cho giáo viên lựa chọn và vận dụng một cách đúng đắn phương pháp nào đó trong những điều kiện cụ thể của mình khi tiến hành giảng dạy lao động.

Trong thực tế giảng dạy lao động, như chúng ta thường thấy việc phân loại phương pháp dựa trên những nhiệm vụ học tập cụ thể là phù hợp hơn cả.

Những nhiệm vụ học tập lao động, về cơ bản có thể đề cập tới là : Lĩnh hội những kiến thức mới về nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của các đối tượng kỹ thuật.

Tiếp thu những kiến thức mới về nguyên tắc, phương thức thực hiện quá trình công nghệ.

Hình thành những kỹ năng và kỹ xảo tiến hành các thao tác công nghệ.

Hiểu biết những cơ sở của tổ chức sản xuất và kinh tế sản xuất, vấn đề cơ khí hoá và tự động hoá sản xuất.

Tham gia vào các hình thức lao động công ích, trong số đó kể cả lao động sản xuất.

Kiểm tra các kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo.

Trên thực tế còn có những nhiệm vụ khác nằm trong các nhiệm vụ kể trên, chúng ta không đi sâu vào việc phân tích và liệt kê những nhiệm vụ đó.

5.3. Lựa chọn phương pháp giảng dạy

Việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, như N.K.Crupxkaia đã ghi rõ : "phương pháp giảng dạy được xác định một cách đúng đắn, cần phải xuất phát từ chính bản chất của môn học, dựa trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển của những kiến thức trong ngành tương ứng, được xác định bởi mục đích của nhà trường và dựa trên những thành tựu của tâm lý học duy vật, dựa trên trữ lượng kiến thức của trẻ em, dựa vào đặc điểm lứa tuổi và sự phản chiếu trong thời đại những đặc điểm đó ra sao" [11]. Điều đó cũng có nghĩa là việc lựa chọn phương pháp giảng dạy lao động phải tính tới đặc điểm của tài liệu học tập, lứa tuổi học sinh, đặc điểm và mức độ chuẩn bị của học sinh để tiếp thu tài liệu. Sự lựa chọn như vậy sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển tính cách của học sinh như hứng thú, nhu cầu đối với lao động, trí nhớ, tư duy. Lựa chọn một cách đúng đắn phương pháp giảng dạy lao động sẽ phát triển ở học sinh tính tích cực độc lập, hướng tới những hoạt động sáng tạo.

Xuất phát từ hoạt động thực tiễn của giáo viên và học sinh, gắn liền với việc thực hiện những nguyên tắc lý luận dạy học, hệ thống phương pháp dạy học lao động, một mặt phải dựa trên những nhiệm vụ học tập của học sinh, mặt khác phải phản ánh những yêu cầu lý luận dạy học như tính khoa học, tính vừa sức, tính trực quan, tính liên tục, tính hệ thống... và sau nữa phản ánh những đặc điểm riêng biệt của bộ môn thông qua con đường nghiên cứu những quy luật nắm vững kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh.

Mỗi một phương pháp giảng dạy lao động là tổ hợp của nhiều thành phần trong mối tương quan, hỗ trợ nhau, song những thành phần đó, trong sự thống nhất của mình, vẫn đặc trưng cho một phương pháp này hay phương pháp khác.

Từ sự phân tích trên, đồng thời căn cứ vào mục đích, nội dung và những đặc điểm riêng biệt của giảng dạy lao động, toàn bộ các phương pháp ứng dụng trong giảng dạy lao động ở xưởng trường có thể phân ra các nhóm chủ yếu như sau :

Các phương pháp thông báo và củng cố các kiến thức kỹ thuật, công nghệ.

- Các phương pháp giới thiệu.

- Các phương pháp gắn liền với hoạt động thực tiễn của học sinh.

Sau đây chúng ta sẽ đề cập tới những phương pháp cụ thể được ứng dụng trong các giờ dạy ở xưởng trường.

5.4. Hệ thống các phương pháp thông báo và củng cố các kiến thức kỹ thuật, công nghệ

Bất cứ một chương trình lao động nào cũng đều chứa đựng khả năng thông báo những kiến thức kỹ thuật, công nghệ cho học sinh như gia công nguyên liệu, điện kỹ thuật, cấu tạo công cụ và máy móc, tổ chức lao động, kỹ thuật bảo hiểm, vẽ kỹ thuật và một số những kiến thức về vật lý, hoá học, sinh vật học. Để thông báo và củng cố những kiến thức cơ bản này, người ta thường sử dụng ngôn ngữ của giáo viên và các công tác thí nghiệm của học sinh. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn về phương pháp này.

5.4.1. Các phương pháp sử dụng ngôn ngữ

Dùng ngôn ngữ để thông báo cho học sinh những qui luật cơ bản của tự nhiên của xã hội và những kiến thức ứng dụng các qui luật này trong sản xuất vật chất, trong kỹ thuật, tạo cơ sở khoa học cho việc hình thành ở học sinh những kỹ năng và kỹ xảo sử dụng công cụ lao động. Nếu những kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật được học sinh tiếp thu thiếu chỗ dựa về kiến thức thì đó chỉ là sự bắt chước một cách máy móc những hành động của người khác, thiếu linh hoạt trong khi tiến hành các nhiệm vụ sản xuất và trong nhiều trường hợp, sự tiếp thu ấy thiếu tính bền vững, đặc biệt là trong thời kỳ đầu tiên khi học tập ở xưởng trường.

Trong số các phương pháp sử dụng ngôn ngữ để giảng dạy lao động ở xưởng trường, ta có thể kể tới một số những phương pháp như : giải thích, minh hoạ, trao đổi.

Minh hoạ và giải thích là các phương pháp trình bày kiến thức phụ thuộc hoàn toàn vào phía giáo viên, còn trao đổi là phương pháp diễn ra trong mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh thông qua đối thoại.

- Giải thích : Là dùng lời nói để làm rõ các khái niệm riêng lẻ, các hiện tượng, các nguyên tắc hoạt động của công cụ kỹ thuật, các từ, thuật ngữ kỹ thuật.

Đặc trưng cơ bản của giải thích chính là sự trình bày ngắn gọn, súc tích những vấn đề nằm trong bài học ở xưởng. Ví dụ : giáo viên giải thích cho học sinh các qui tắc thiết lập các bản vẽ kỹ thuật, các kí hiệu kỹ thuật, những đặc điểm khác nhau của các loại gỗ hoặc kim loại... Phương pháp này được ứng dụng khi cần làm rõ những từ mới, thuật ngữ kỹ thuật, những hoạt động mẫu, các biện pháp sử dụng công cụ (tư thế làm việc, điều chỉnh thiết bị...). Học sinh căn cứ vào lời giải thích của giáo viên để ghi các thông tin cần thiết vào vở

- Minh hoạ : Được ứng dụng khi mô tả các quá trình lao động, quá trình công nghệ, tiếp nhận và gia công nguyên liệu cũng như những vấn đề khác. Trong các bài mở đầu, minh hoạ được sử dụng để trình bày ý nghĩa của lao động trong đời sống con người, những nhiệm vụ của hoạt động trong xưởng, các yêu cầu về văn hoá lao động, đồng thời nó còn giúp học sinh quen biết trang thiết bị của xưởng và chỗ làm việc. Phương pháp minh hoạ được kết hợp với giải thích nhằm hình thành niềm tin cho học sinh, tạo điều kiện cho việc thiết lập các biểu tượng và khái niệm cả về mặt lý thuyết cũng như công nghệ thực hành cho các em.

Yêu cầu cơ bản với những phương pháp này là sự trình bày ngắn gọn, chính xác và rõ ràng. Việc thông báo bằng ngôn ngữ cần chiếm một thời gian nhỏ so với toàn bộ bài giảng (trong các giờ thực hành - không vượt quá 10-15 phút). Phần lớn thời gian của giờ học dành cho việc tham gia trực tiếp vào thực tế tại chỗ làm việc của học sinh.

Trao đổi là phương pháp hỏi - đáp trong giờ học. Nó chiếm một vị trí rất đáng kể trong các giờ dạy sản xuất. Phương pháp này được vận dụng khi trình bày những kiến thức, củng cố và đào sâu tài liệu học tập, tiến hành tổng kết bài học cũng như trong quá trình thực hành sản xuất. Phương pháp này còn giúp học sinh hiểu một cách rõ ràng hơn về các biện pháp thực hiện thao tác làm việc và ứng dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn. Trao đổi thường diễn ra theo một số vấn đề của bài học, những vấn đề này học sinh đã thông hiểu ở mức độ xác định nhờ sự giải thích của giáo viên hay kinh nghiệm tích lũy của các em. Trong quá trình trao đổi, những mối liên hệ giữa các hiện tượng kỹ thuật công nghệ riêng lẻ được làm sáng tỏ, những biện pháp thực hiện các thao tác chế tạo sản phẩm được mô tả rõ nét hơn.

Cách tiến hành các dạng trao đổi khác nhau trong bài học ở xưởng trường tương tự như việc vận dụng phương pháp trao đổi trong các môn học đại cương. Đặc điểm của việc trao đổi trong các giờ học ở xưởng trường là không dài dòng, cần cô đọng cả về câu hỏi và câu trả lời để khỏi ảnh hưởng tới công tác thực hành. Phương pháp này luôn được kết hợp với những phương pháp khác trong tiến trình bài học.

5.4.2. Các công tác thí nghiệm

Công tác thí nghiệm là phần gắn bó hữu cơ của bài học lao động nhằm thông báo những kiến thức kỹ thuật, công nghệ học. Nó thường được bố trí sau khi giải thích tài liệu hay bắt đầu sự giải thích để dẫn dắt học sinh hình thành các kết luận lý thuyết.

Chương trình giảng dạy kỹ thuật trong xưởng trường ứng với mỗi năm học thường có 3 đến 4 bài thí nghiệm. Những bài này có ý nghĩa lớn đối với việc phát triển các kiến thức kỹ thuật của học sinh cũng như việc thực hiện mối quan hệ giữa bài học trong xưởng với các kiến thức vật lý, hoá học, toán, sinh vật học.

Chất lượng của các công tác thí nghiệm và mức độ hữu hiệu của nó trong quá trình học tập phụ thuộc chủ yếu vào việc xác định một cách đúng đắn nội dung thí nghiệm, khâu chuẩn bị và tổ chức tiến hành trước và trong khi thực hiện. Mỗi công tác thí nghiệm đều có những đặc điểm riêng xuất phát từ nội dung tài liệu học tập, song chúng ta cần lưu ý tới những yêu cầu sau :

Trước khi tiến hành thí nghiệm, cần cung cấp cho học sinh những khái niệm rõ ràng về mục đích công việc, thái độ tiến hành và trình tự ghi chép kết quả.

Công tác thí nghiệm chỉ có thể đạt được hiệu quả tốt khi nhiệm vụ đặt ra phù hợp với việc nghiên cứu các hiện tượng (chẳng hạn tìm hiểu tính chất của nguyên liệu hoặc những thí nghiệm đòi hỏi phải xác định đặc trưng về số lượng như xác định độ ẩm, độ dẫn điện của nguyên liệu, của gỗ). Những công tác thí nghiệm dạng thứ nhất thường dễ tiến hành hơn, do đó chúng được đưa vào giai đoạn đầu của khoá học, năm học. Các công việc ở dạng thứ hai, do tính chất phức tạp của nó, để tiến hành chúng, đòi hỏi công tác chuẩn bị phải kĩ càng, thận trọng và chính xác. Trong chương trình lao động kỹ thuật ở xưởng trường, thường các công tác thí nghiệm ở dạng thứ hai ít hơn dạng thứ nhất.

Về công tác tổ chức, giáo viên cần suy nghĩ việc thành lập các nhóm học sinh trong giờ giảng để làm sao cho mỗi em đều có điều kiện tích cực tham gia vào quá trình học tập. Ngoài ra còn có thể tổ chức những bài thí nghiệm, trong đó, mỗi học sinh phải tự mình tham gia tiến hành tất cả các giai đoạn của bài tập. Những bài thí nghiệm như vậy sẽ tạo điều kiện để tính tích cực độc lập của học sinh được phát huy. Nếu như bài thí nghiệm được cả lớp tiến hành theo cùng một công việc, nhiệm vụ trao cho mỗi học sinh và từng nhóm là như nhau thì giáo viên phải quan tâm nhiều tới số lượng thiết bị học tập để tiến hành thí nghiệm. Các bài học thí nghiệm ở xưởng trường thường đòi hỏi những dụng cụ rất đơn giản như mẫu các loại gỗ, kim loại, thước panme... Rất nhiều dụng cụ và thiết bị thí nghiệm học sinh có thể tự chế tạo được.

Tùy thuộc và tính chất, nội dung công việc thí nghiệm, những giờ học này có thể được tổ chức trong xưởng trường, trong các phòng học bộ môn khác như vật lý, sinh học, hoá học.

Trước ngày có bài thí nghiệm, giáo viên cần đề ra cho học sinh những bài tập nhằm ôn lại tài liệu lý thuyết có liên quan tới công việc sắp tới. Bài tập sẽ được bắt đầu

bằng việc kiểm tra những kiến thức này. Sau khi giải thích về mục đích công việc, giáo viên sẽ giới thiệu cho học sinh các dụng cụ và thiết bị, nguyên liệu cần thiết dùng cho việc thí nghiệm, những giai đoạn làm việc và trình tự trình bày các kết quả thu hoạch được. Sau giai đoạn này, học sinh bắt đầu tham gia trực tiếp vào thí nghiệm : thiết lập trình tự, tiến hành thí nghiệm và quan sát, căn cứ vào kết quả thu được rút ra kết luận về mặt lý thuyết, làm báo cáo tường trình.

5.5. Hệ thống các phương pháp giới thiệu

Giới thiệu là phương pháp quan trọng để thực hiện nguyên tắc giảng dạy trực quan. Việc ứng dụng các phương pháp này trong bài giảng tạo cho học sinh khả năng tiếp nhận đối tượng, hiện tượng và các quá trình kỹ thuật dưới dạng thực hoặc bằng hình ảnh của chúng. Trong một số trường hợp, giới thiệu có thể được thực hiện bằng các bảng thống kê hoặc bằng hoạt động mẫu của giáo viên. Trong tất cả các trường hợp, việc giới thiệu thường kèm theo giải thích bằng ngôn ngữ.

Giới thiệu cũng có thể được coi như một phương tiện giảng dạy trực quan, là nguồn gốc của các kiến thức, là đối tượng nghiên cứu, học tập của học sinh. Chẳng hạn khi tìm hiểu cấu tạo của chi tiết máy, học sinh phải được tận mắt nhìn và xem xét những đối tượng ấy. Ngay cả việc hình thành các thao tác, giáo viên cần kết hợp giới thiệu bằng lời thông qua làm mẫu, cách tiến hành các thao tác này trên những công cụ và nguyên liệu cụ thể. Làm như vậy, những hình ảnh tri giác về các đối tượng và hoạt động sẽ được hình thành sơ bộ ở học sinh. Các em sẽ không quá ngỡ ngàng khi tự mà bắt tay vào thực hiện các thao tác đó. Hệ thống các phương pháp giới thiệu tạo điều kiện cho học sinh tham gia trực tiếp vào hoạt động. Ví dụ khi học về bào máy, học sinh không chỉ xem xét nó mà còn được giữ bào trong tay, thử cách làm việc và thực sự dùng nó để bào gỗ. Muốn nắm vững các thủ thuật làm việc, học sinh phải quan sát giáo viên làm mẫu, tự mình thử tiến hành và sau đó củng cố những thủ thuật này trong các bài thực hành ở xưởng.

Từ những kinh nghiệm giảng dạy lao động kỹ thuật ở xưởng trường, người ta đã đề cập tới khá nhiều những phương pháp giới thiệu khác nhau. Song căn cứ vào những đặc điểm giống và khác nhau của chúng, tùy theo mức độ và hiệu quả đạt tới của các phương pháp này, chúng ta hợp nhất chúng vào những nhóm sau :

- + Nhóm giới thiệu các đối tượng nghiên cứu dưới dạng thực.
- + Nhóm giới thiệu tranh ảnh và các sơ đồ mẫu biểu.
- + Nhóm làm mẫu các hoạt động lao động.

Dưới đây chúng ta sẽ tiến hành khảo sát đặc điểm những dạng kể trên và cách sử dụng chúng trong bài giảng.

5.5.1. Giới thiệu các đối tượng nghiên cứu dưới dạng thực

Trong các giờ học ở xưởng trường, những mẫu vật về nguyên liệu, công cụ, chi tiết máy, sẽ được giáo viên mang tới lớp, đưa ra giới thiệu cho học sinh quan sát vào những thời điểm cần thiết và trong một khoảng thời gian nhất định. Ngoài ra, giáo viên

còn thực hiện mẫu những thí nghiệm làm sáng tỏ tính chất của nguyên liệu, mối quan hệ giữa nguyên liệu và công cụ, những qui luật vận động của các quá trình kỹ thuật. Một số bài học được giáo viên tổ chức thành những buổi tham quan tại các cơ sở sản xuất, nhằm giới thiệu cho học sinh một số quá trình công nghệ.

Việc giới thiệu các đối tượng kỹ thuật có thể tiến hành tại chỗ làm việc của giáo viên khi các đối tượng này tương đối lớn, khó có thể luân chuyển cho từng học sinh xem xét, số lượng ít không đủ phân phát cho mỗi em trong lớp, chẳng hạn như khi học bài động cơ điện, học sinh sẽ đứng xung quanh máy thành 1-2 hàng, luân chuyển vị trí để nhìn rõ các chi tiết của động cơ, còn giáo viên thì giới thiệu cho sinh cơ cấu của những bộ phận chính trong động cơ (stato và rôto, các nút đầu dây dẫn ra ngoài)... Để việc quan sát của học sinh được rõ ràng, trong những điều kiện cho phép, đối tượng kỹ thuật được đặt trên một giá chuyển động quay tại chỗ làm việc của giáo viên. Như vậy, suốt trong thời gian giới thiệu, học sinh sẽ ngồi cố định, còn đối tượng thì được giáo viên xoay quanh giá đỡ, nâng lên hạ xuống tùy theo yêu cầu cần cung cấp cho học sinh những hiểu biết kỹ thuật cần thiết.

Kết thúc phần giới thiệu, giáo viên cần sử dụng tất cả những gì đã trình bày về đối tượng để thực hiện một vài nhiệm vụ kỹ thuật trước mắt toàn thể học sinh. Công việc này góp phần nâng cao hứng thú kỹ thuật và củng cố niềm tin cho các em.

Phương pháp giới thiệu thường được sử dụng trong các bài mở đầu khi học sinh cần thiết phải quen biết với thiết bị của xưởng trường, hoặc trong những phần của bài học đề cập tới cơ cấu, hình dạng, kích thước, màu sắc của đối tượng kỹ thuật. Đối với những đối tượng quá nặng và công kênh, nên tổ chức học sinh theo từng nhóm lần lượt thay phiên nhau lên xem xét. Đối với những đối tượng vừa phải, việc giới thiệu có thể tiến hành bằng cách truyền tay qua mỗi học sinh trong cả lớp.

Khi học về máy và những công cụ phức tạp (máy điện, động cơ đốt trong, khoan tay có hộp và bánh xe răng, các dụng cụ điện...), giáo viên một mặt giới thiệu hình dạng, cấu tạo bên ngoài của các đối tượng đó, mặt khác cần phải tháo những bộ phận cơ bản để học sinh tận mắt nhìn thấy cấu tạo bên trong như các ổ máy, hệ thống truyền động... Đối với những vật quá lớn hoặc những chi tiết quá nhỏ, những bộ phận khó có thể tháo rời thì cần sử dụng các mô hình, hình mẫu mặt cắt phẳng hoặc không gian. Những mô hình, hình mẫu này phải được thiết kế sao cho chúng phản ánh những nét cơ bản nhất về số lượng và cấu tạo các bộ phận, các chi tiết phải dễ tháo lắp các đường nét ranh giới giữa các bộ phận phải được sơn vẽ bằng những màu nổi bật. Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng, việc giới thiệu mô hình và hình mẫu không thể thay thế được các đối tượng thực mà chỉ có tác dụng bổ sung cho đối tượng thực khi cần thiết.

Như trên đã nói tới, nếu các đối tượng không lớn lắm về kích thước và khối lượng, số lượng nhiều thì khi giới thiệu, giáo viên có thể phân phát cho từng học sinh để việc tìm hiểu chúng được rõ ràng và thuận lợi. Biện pháp này gọi là phân phát tài liệu.

Sử dụng biện pháp này giáo viên nhằm mục đích giúp cho học sinh hiểu biết về tính chất của nguyên liệu, công cụ cá nhân, làm quen với hình vẽ kỹ thuật. Nhờ có các tài liệu được phân phát, trong khi tiếp thu kiến thức kỹ thuật, học sinh có dịp vận dụng nhiều cơ quan cảm giác : xúc giác, thị giác, khứu giác... (ví dụ khi học về giống gỗ và tính chất của chúng, nhờ có các mẫu gỗ được phân phát, học sinh sẽ hiểu rõ màu sắc, vân, thớ gỗ, mùi vị, trọng lượng, độ dẻo, độ rắn...).

Để hình thành ở học sinh những khái niệm chính xác về đối tượng kỹ thuật, cần giới thiệu chúng cả ở tình trạng tĩnh tại cũng như tình trạng hoạt động (ví dụ khi học về các loại rũa và công dụng của chúng, thoát tiên giáo viên giới thiệu cho học sinh xem một vài loại rũa thông dụng, chỉ ra cho các em thấy rằng phần làm việc của rũa dạng răng khía để khi gia công nguyên liệu, những răng khía này sẽ lấy ra những lớp phôi kim loại. Tại chỗ làm việc của mình, học sinh quan sát những khía này trên rũa, sau đó giáo viên cho học sinh xem rũa rãnh đơn và rãnh kép, giải thích cho các em thấy rũa rãnh đơn dùng để gia công những kim loại mềm, còn rũa rãnh kép dùng để gia công những kim loại có độ cứng lớn. Tiếp theo giáo viên giới thiệu mẫu của bề mặt đối tượng cần phải gia công và trao cho học sinh nhiệm vụ dùng các loại để lựa gia công trên cùng một thứ kim loại và dùng một loại rũa để gia công bề mặt nhiều kim loại. Trên cơ sở thực hiện những nhiệm vụ này, học sinh sẽ tự mình rút ra nhận xét, củng cố thêm niềm tin vào lời giảng của giáo viên.

5.5.2. Giới thiệu tranh ảnh và các sơ đồ, mẫu biểu

Tranh ảnh, sơ đồ, biểu mẫu, hình vẽ kỹ thuật, các bản vẽ phác thường được sử dụng rộng rãi trong các giờ học ở xưởng trường. Người ta giới thiệu những tài liệu này dưới dạng đã được chuẩn bị sẵn hoặc kết hợp trong khi giảng, giáo viên dùng phấn vẽ lên bảng để minh họa cho lời giải thích của mình. Như vậy, có thể nói rằng tranh ảnh, sơ đồ, biểu mẫu được vận dụng như các phương tiện trực quan giúp cho quá trình tiếp thu tài liệu kỹ thuật của học sinh được rõ ràng và sâu sắc hơn. Trong những điều kiện cho phép, người ta còn dùng video chiếu phim, phim đèn chiếu, prozecto, mô tả các quá trình kỹ thuật mà tranh ảnh không thể diễn tả được.

Tuỳ theo công dụng, tất cả những phương tiện dạy học này được phân ra làm 3 nhóm : minh họa ; hướng dẫn trực quan và tổng hợp hai nhóm trên.

- Minh họa được giáo viên sử dụng khi giải thích tài liệu mới, mô tả đối tượng thực. Các phương tiện thuộc nhóm này sẽ tạo ra hình ảnh đối tượng bằng sự gia tăng hoặc rút bớt kích thước kèm theo màu sắc thích hợp. Cùng với sự giải thích của giáo viên, các phương tiện này tạo cho học sinh những khái niệm đúng đắn về đối tượng nghiên cứu. Trong nhiều trường hợp, những đối tượng và quá trình kỹ thuật trên thực tế chỉ có thể cho học sinh xem bằng tranh ảnh (chẳng hạn những công cụ lao động mà loài người sử dụng ở những giai đoạn trước đây, hoặc ngay cả những thiết bị kỹ thuật hiện có trong sản xuất xã hội nhưng không có trong xưởng trường). Sử dụng tranh ảnh, kể cả những bộ tranh lớn, giúp cho học sinh hiểu rõ các biện pháp đúng đắn trước khi

bắt tay vào sử dụng những công cụ kỹ thuật (chẳng hạn khi học về khoan hộp có bánh xe răng, các bức tranh vẽ làm cho tất cả học sinh thấy rõ cấu tạo của mũi lười cắt và góc mài, vị trí đặt của mũi khoan vào nguyên liệu... hoặc khi học về thước panme, các tranh phóng đại những chi tiết phần ngoài và phần trong sẽ làm nổi bật các đường ghi kích thước, cấu tạo của các thang vạch trên du xích và thân panme...). Do lợi ích này của tranh, trong xưởng trường, giáo viên nên cố gắng tìm mua những tập tranh ảnh minh họa có bán sẵn, hoặc tham khảo các tài liệu kỹ thuật, tự vẽ những tranh mô tả các đối tượng và quá trình kỹ thuật để góp phần nâng cao hiệu quả của giờ học.

Khi sử dụng những tranh ảnh minh họa, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau :

Những bức tranh, sơ đồ được sử dụng song song với lời giải thích của giáo viên và khi kết thúc phần giải thích, tranh và sơ đồ phải được cất đi ngay để có thể lôi cuốn sự chú ý của học sinh vào những phần tiếp theo của bài học.

Đối với các bộ tranh mô tả các thao tác kỹ thuật cơ bản thì có thể treo thường xuyên trong xưởng vào những chỗ dễ quan sát nhất.

- Nhóm các tranh ảnh dùng để hướng dẫn trực quan.

Một số tranh không chỉ được dùng vào việc minh họa cho lời giải thích của giáo viên mà còn được sử dụng làm tài liệu chỉ dẫn cho quá trình làm việc của học sinh. Những tranh ảnh thuộc loại này thường mô tả các qui trình công nghệ, các biện pháp thao tác sử dụng công cụ gia công nguyên liệu... (Ví dụ như bộ tranh mô tả các thao tác cơ bản khi bào gỗ). Khi giải thích, giáo viên sử dụng các tranh này làm tài liệu minh họa, còn khi học sinh bước vào thực hiện các thao tác thì các hình ảnh trong tranh đóng vai trò như các bản chỉ dẫn, giúp học sinh có được một hình ảnh cụ thể để các em so sánh với động tác của mình, trên cơ sở đó mà điều chỉnh sự sai lệch nếu có). Bởi vậy có thể cho rằng tranh ảnh còn là một trong những phương tiện tự kiểm tra của học sinh.

Để có thể làm tốt nhiệm vụ này, giúp cho việc tiếp thu bằng hình ảnh của học sinh được đúng đắn, thông thường tranh ảnh dùng làm tài liệu hướng dẫn trực quan phải phản ánh cả hai mặt : mô tả các biện pháp đúng và mô tả các biện pháp sai khi tiến hành công việc. Song như ta biết, trong quá trình giảng dạy, người giáo viên có nhiệm vụ truyền đạt những thông tin khoa học, kỹ thuật chính xác, đáng tin cậy, do đó, nếu không có một sự tổ chức đúng đắn quá trình lĩnh hội kiến thức thì việc giới thiệu các tranh ảnh có cả phần đúng và phần sai sẽ làm cho tri giác của học sinh thêm phức tạp. Theo kinh nghiệm giảng dạy thực tế, tốt hơn cả nên chỉ dùng loại tranh mô tả mặt đúng của đối tượng, còn nếu khi tiến hành công việc học sinh phạm phải sai lầm thì lúc đó giáo viên sẽ vạch ra cho các em thấy rõ nguyên nhân và cách thức khắc phục chúng, hướng dẫn cho các em theo những tiêu chuẩn kỹ thuật đã quy định. Nhờ sự so sánh và hướng dẫn chi tiết này, học sinh sẽ phát hiện ra những sai lầm của bản thân và sẽ thận trọng hơn khi tiến hành những công việc tiếp theo để sai phạm không lặp lại nữa.

- Nhóm có tính chất tổng hợp để minh hoạ và hướng dẫn trực quan.

Trong nhóm này, nổi bật là các hình vẽ trên bảng của giáo viên về các tài liệu kỹ thuật.

Phương tiện trực quan có tác dụng lớn đối với sự lĩnh hội kiến thức kỹ thuật của học sinh khi giải thích tài liệu là các hình cần thiết do giáo viên vẽ trên bảng. Sử dụng phương tiện này sẽ mở rộng khả năng hình thành ở học sinh các khái niệm trực quan về vật thể, thu hút sự chú ý của các em vào đối tượng nghiên cứu và giảm nhẹ sự căng thẳng khi tìm hiểu để nắm vững kiến thức kỹ thuật.

Ưu điểm cơ bản của hình trên bảng của giáo viên là học sinh được tuần tự xem xét sự hình thành đối tượng và qui trình kỹ thuật, rất linh hoạt và phong phú, điều mà bất cứ sự chi tiết hoá tới mức độ nào của tranh ảnh cũng không thể so sánh được.

Trong khi vẽ, giáo viên có kèm theo những lời giải thích, đánh dấu và ghi những điều cần thiết vào hình vẽ, còn học sinh thì vừa quan sát vừa vẽ theo hình vẽ trên bảng của giáo viên (ví dụ trong bài mở đầu về vẽ kỹ thuật, với mục đích giúp học sinh quen biết với các khái niệm sơ đẳng như : bản vẽ phác, hình vẽ kỹ thuật, bản vẽ kỹ thuật giáo viên sẽ cho học sinh xem một bức tranh vẽ một thanh gỗ với hình thù và kích thước thật của nó. Sau đó giáo viên lần lượt tiến hành vẽ trên bảng hai dạng hình chiếu của thanh gỗ, học sinh nhìn và vẽ theo, tiếp tục, giáo viên đo kích thước của thanh gỗ, chuyển kích thước này vào hình vẽ trên bảng, giải thích sự khác biệt giữa vẽ trong tranh mô tả thanh gỗ với kích thước thật : hình vẽ kỹ thuật với hình vẽ mô tả hai dạng hình chiếu ở dạng sơ bộ, hình vẽ phác và bản vẽ hình chiếu có kèm theo kích thước (bản vẽ kỹ thuật). Học sinh lại tiếp tục vẽ và ghi những lời giải thích của giáo viên vào vở của mình.

Các hình vẽ trên bảng có tính chất tạm thời và thường được sử dụng khi tiến hành giải thích trình tự chi tiết cần chú ý, thiết lập sơ đồ công nghệ hoặc sơ đồ điều khiển, nghiên cứu cấu tạo và vận hành của các thiết bị, máy móc, mô tả các ký hiệu cơ bản trong điện kỹ thuật, các sơ đồ điện..

Do tác dụng lớn lao của việc mô tả đối tượng thông qua hình vẽ trực tiếp trên bảng của giáo viên, chúng ta cần lưu ý tới sự chính xác rõ ràng của hình vẽ như đường nét, tỷ lệ giữa các phần riêng rẽ trong đối tượng, màu sắc phản ánh sự khác biệt giữa các bộ phận, chi tiết...

Hình vẽ trên bảng, do tính linh hoạt và tạm thời của nó trong các tiết học, đòi hỏi giáo viên phải minh hoạ mặt rõ nét nhất của tài liệu nghiên cứu, đơn giản và không diễn tả quá nhiều chi tiết. Trong thực tế giảng dạy ở xưởng trường, như ta thường thấy, người ta thường sử dụng các hình vẽ kỹ thuật, các bản phác thảo, bản vẽ kỹ thuật, các sơ đồ công nghệ, sơ đồ điều khiển, đồ thị, đồ biểu. Tất nhiên muốn sử dụng những phương tiện này học sinh phải biết đọc chúng, nhận biết các ký hiệu ở mức độ đơn giản những phương tiện kể trên. Trong các giờ học ở xưởng trường, bản vẽ kỹ thuật, bản phác thảo và hình vẽ kỹ thuật chiếm một vị trí đáng kể. Bản vẽ kỹ thuật được gọi

là ngôn ngữ của kỹ thuật, nó được vẽ theo một tỷ lệ xác định và chứa đựng toàn bộ những điều cần thiết để chế tạo đối tượng.

Bản vẽ phác thảo là sự mô tả bằng hình vẽ đối tượng và được tiến hành bằng tay, không cần quá chú ý tới tỷ lệ. Cũng như bản vẽ kỹ thuật nó cũng chứa đựng toàn bộ những điều cần thiết để chế tạo đối tượng.

Hình vẽ kỹ thuật là hình vẽ một tả các chi tiết, các cụm chi tiết của đối tượng. Chúng được vẽ bằng tay, không đề kích thước và tỷ lệ mà chỉ mô tả hình dạng bên ngoài chứ không cho biết một cách đầy đủ những yếu tố để thực hiện việc chế tạo đối tượng đó.

Sử dụng những tài liệu này sẽ giúp cho việc xác định trình tự công nghệ tiến hành các thao tác, sử dụng một cách có kế hoạch nguyên liệu, thời gian, công cụ... để làm ra sản phẩm theo khuôn mẫu thống nhất.

Nhưng để sử dụng được những tài liệu này, học sinh phải có được kỹ năng đọc và thiết lập chúng ngay từ những ngày đầu tiên bước vào xưởng trường. Hiện nay, chương trình vẽ kỹ thuật mãi tới lớp 11 học sinh mới được học một cách có hệ thống, do đó cần thiết phải xét tới việc cung cấp cho học sinh từ những lớp dưới những kiến thức cơ bản của vẽ kỹ thuật. Điều này là hoàn toàn có thể làm được bởi các nghiên cứu gần đây đã cho kết quả rằng học sinh ngay ở bậc tiểu học đã có thể đọc và thiết lập một số các bản vẽ đơn giản, biết chuyển kích thước từ bản vẽ sang nguyên liệu, biết sử dụng một số dụng cụ vẽ kỹ thuật...

Khi sử dụng những phương tiện này giáo viên phải lưu ý tới tính phức tạp của đối tượng, mức độ có hạn về trình độ lĩnh hội và khả năng hiểu biết của học sinh để có thể đề xuất các nhiệm vụ kỹ thuật phù hợp.

Cùng với các bản vẽ kỹ thuật mô tả đối tượng, trong xưởng trường còn thường xuyên sử dụng các bản vẽ mô tả quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm. Ban đầu, người ta đưa ra cho học sinh sử dụng những sơ đồ công nghệ đã được chuẩn bị sẵn. Làm việc dựa trên các sơ đồ này sẽ tạo điều kiện để hình thành cho học sinh tính độc lập trong công việc của mình. Tùy theo mức độ học vấn và sự hiểu biết kỹ thuật của học sinh mà cơ cấu và nội dung của các bản sơ đồ công nghệ cũng khác nhau.

Phổ biến hơn cả là loại sơ đồ mà trong đó bao gồm các phần cơ bản : ở góc trái trình bày bản vẽ kỹ thuật sản phẩm, ở góc phải ghi những chỉ dẫn và nguyên liệu, kích thước của phôi. Tại đây cũng có thể vẽ hình khai triển của sản phẩm. Phần dưới của sơ đồ trong mục "nội dung và thứ tự công việc" người ta sẽ đề cập tới trình tự chế tạo sản phẩm. Trên sơ đồ, người ta còn chỉ ra cách thực hiện các thao tác cơ bản bằng ngôn ngữ hoặc bằng các hình vẽ. Có thể nói rằng sử dụng những sơ đồ như vậy sẽ đảm bảo việc hướng dẫn có tính chất trực quan và là chỗ dựa quan trọng đối với quá trình hình thành ở học sinh một cách chính xác tiến trình trọn vẹn làm ra một sản phẩm. Ngoài ra, trong những điều kiện cho phép, người ta còn sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác để mô tả các quy trình công nghệ mà trên thực tế học sinh khó điều kiện

thấy được (ví dụ : khi nghiên cứu các thành phần nguyên liệu gỗ, kim loại, cấu tạo và vận hành của các loại động cơ, các máy cắt gọt, mô tả chậm các thao tác hoạt động trong khi làm việc...).

Cách sử dụng các phương tiện này, cũng như khi dùng các tranh ảnh thông thường, cần lưu ý điều kiện lớp học, xưởng trường, không để ảnh hưởng tới giờ học của các lớp khác. Tất cả những phương tiện như đã nêu trên, có thể sử dụng trong các giai đoạn khác nhau của quá trình học tập : tri giác tài liệu mới, củng cố, ôn tập, kiểm tra kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo... Nó đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng trước khi bước vào bài học của mỗi giáo viên dạy lao động để đảm bảo cho hiệu quả cao nhất của giờ học.

5.5.3. Giới thiệu các thủ thuật lao động

Trong các giờ dạy ở xưởng trường, trước khi bắt tay vào lao động thực sự, học sinh phải học cách sử dụng công cụ, thiết bị... nhờ vào hoạt động giới thiệu mẫu của giáo viên.

Song song với giới thiệu mẫu các thủ thuật lao động, giáo viên dùng lời để giải thích một cách cặn kẽ các thành phần khác nhau trong mỗi động tác, thủ thuật và tư thế lao động. Nếu quá trình giới thiệu này của giáo viên được tiến hành đúng đắn thì nó sẽ làm xuất hiện ở học sinh những biểu tượng chính xác về các hoạt động lao động sắp tới, giảm nhẹ sự căng thẳng của các em trong giai đoạn tái hiện lại những kỹ năng thao tác đã được chỉ dẫn. Từ tầm quan trọng này của phương pháp, khi tiến hành giới thiệu các phương thức lao động, giáo viên cần đảm bảo một số yêu cầu sau :

+ Đảm bảo cho học sinh tiếp nhận thấu đáo hình ảnh mẫu được giới thiệu. Muốn vậy khi giới thiệu, giáo viên cần hướng chú ý của học sinh vào những mặt chủ yếu, bản chất của hoạt động.

+ Việc giới thiệu của giáo viên phải đảm bảo cho sự tiếp thu của học sinh diễn ra một cách tích cực.

Để có thể làm được điều đó, giáo viên phải biết kết hợp khéo léo giữa giới thiệu với những lời giải thích, trao đổi với học sinh và đôi khi trong những trường hợp cần thiết, chúng ta có thể tác động đến các cơ quan cảm giác hoặc những tác nhân kích thích khác nhằm làm tăng hiệu quả sự tiếp nhận của các em.

+ Toàn bộ quá trình hoạt động của giáo viên, kể cả những chi tiết nhỏ phải rõ ràng, dễ hiểu đối với sự tri giác và lĩnh hội của tất cả học sinh.

+ Cuối cùng, việc giới thiệu phải đảm bảo thể hiện tay nghề chắc chắn, chính xác và thành thực. Muốn vậy, giáo viên phải nắm vững những chỉ dẫn lý thuyết, kỹ thuật, trình bày cho học sinh dễ hiểu, đồng thời cần nắm vững trên thực tế tất cả những thao tác, thủ thuật, tư thế... có liên quan tới nhiệm vụ sản xuất.

Đáp ứng đòi hỏi này, người giáo viên phải có sự chuẩn bị cẩn thận, làm trước tất cả những điều cần hướng dẫn để tránh những sai sót đáng tiếc của học sinh do chính quá trình giới thiệu của giáo viên gây ra.

Việc giới thiệu muốn đạt kết quả tốt người ta thường vận dụng kết hợp giữa làm mẫu ở nhịp điệu làm việc bình thường, làm mẫu chậm các thao tác với các thủ thuật thành phần và cuối cùng lại kết hợp các thao tác, thủ thuật đó để giới thiệu toàn bộ quá trình làm việc.

Trong các giờ lao động, phương pháp giới thiệu không phải là phương pháp duy nhất mà chỉ là một trong những phương pháp giải quyết nhiệm vụ học tập. Vì thế việc có sử dụng phương pháp này hay không là tùy thuộc vào nội dung bài học, mục đích lý luận dạy học, kinh nghiệm và mức độ chuẩn bị của học sinh.

5.6. Các phương pháp công tác thực hành của học sinh

Những kiến thức kỹ thuật, công nghệ và những kỹ năng, kỹ xảo hoạt động được hình thành cho học sinh chủ yếu thông qua con đường thực hành sản xuất. Chính trong quá trình này, những phẩm chất của trí tuệ như tư duy kỹ thuật, những kỹ năng ban đầu về thiết kế, năng lực sáng tạo... của học sinh được khơi dậy, thử thách thử nghiệm và được phát triển.

Khái niệm kỹ năng được hiểu như là năng lực của con người thực hiện có ý thức một hoạt động nào đó, được hình thành trên cơ sở những kiến thức và kinh nghiệm ban đầu. Kiến thức chính là cơ sở lý thuyết của hoạt động thực tiễn. Còn những kinh nghiệm là chỗ dựa cho việc tiến hành những nhiệm vụ kỹ thuật cùng loại hoặc chưa quen biết khác.

Những kinh nghiệm này của cá nhân lại chỉ được hình thành trong hoạt động thực tiễn và một khi được thiết lập lại ở mức độ chuẩn xác, kinh nghiệm dần trở thành vốn liếng riêng của học sinh, được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của mỗi cá nhân, học sinh dần nắm vững cấu trúc của chúng. Thoạt đầu mỗi vận động được thực hiện ở nhịp điệu chậm và rời rạc. Song, nhờ có sự tham gia thường xuyên của ý thức, các vận động diễn ra một cách nhịp nhàng thoải mái hơn. Tất nhiên do năng lực nhận thức của học sinh không đồng đều, vì thế trong cùng một giai đoạn thiết lập kỹ năng lao động, mức độ đạt được của các kỹ năng là khác nhau. Một khi các kỹ năng cơ bản đã được thành thực, hợp nhất lại thành những kỹ năng phức tạp hơn, các vận động trở nên tự động hoá, có, hoặc có rất ít sự tham gia chỉ đạo của ý thức, lúc đó kỹ năng trở thành kỹ xảo ở đây quá trình làm cho những kỹ năng cơ bản thành kỹ xảo được diễn ra theo con đường thay đổi biện chứng.

Mức độ hoàn thiện của kỹ năng, ở những giai đoạn khác nhau cũng có sự khác nhau, cấu trúc của nó cũng độ biến đổi. Trong quá trình luyện tập, các nhiệm vụ lao động được phức tạp hoá dần dần đến sự hợp nhất các kỹ xảo đơn giản thành những kỹ xảo phức tạp hơn.

Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng không phải toàn bộ kỹ năng đều trở thành kỹ xảo. Ở đây, tự động hoá các kỹ năng chỉ được xét về phương diện kỹ thuật của vận động, còn hoàn thiện hoạt động lại sẽ diễn ra với sự hợp lực của nhiều kỹ năng phức tạp.

Việc hình thành những kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật luôn gắn mật thiết với quá trình trang bị kiến thức cho học sinh và phải dựa trên kiến thức. Quá trình này diễn ra trong sự thống nhất biện chứng nhưng không đồng nhất với nhau. Để hình thành những kỹ xảo lao động, nếu chỉ có sự tham gia của tư duy thì chưa đủ mà cần thiết phải có sự hỗ trợ thường xuyên, liên tục của các hoạt động thực tiễn (thực hành sản xuất trong xưởng). Sau đây là một số các phương pháp tiến hành bài giảng thực hành lao động.

Mỗi bài học lao động đều nhằm hình thành cho học sinh những kỹ năng và kỹ xảo nhất định và được tiến hành theo những giai đoạn cơ bản, hướng dẫn mở đầu, lặp lại những động tác đã được hướng dẫn, luyện tập, tổng kết công việc. Trong mỗi giai đoạn này, nhiều phương pháp dạy học khác nhau được vận dụng. Lựa chọn phương pháp nào là tùy thuộc vào nội dung cụ thể của bài giảng, mục đích của nó, đặc điểm về cơ sở vật chất, thiết bị và mức độ chuẩn bị của học sinh.

Nhiệm vụ của hướng dẫn mở đầu là giúp cho học sinh hiểu được mục đích, nội dung, đặc điểm, tổ chức và những phương thức tiến hành một công việc nào đó, đồng thời cũng phải cung cấp cho học sinh những cơ sở khoa học của toàn bộ tiến trình làm việc. Hướng dẫn mở đầu đặc biệt quan trọng khi dạy những bài đầu tiên nhằm thiết lập những thao tác mới. Trong những bài này, phần lớn thời gian dành cho hướng dẫn mở đầu, còn thời gian dành cho học sinh lặp lại những thao tác vừa trình bày phải rút bớt lại. Nếu học sinh tiến hành các công việc phức tạp thì hướng dẫn mở đầu có thể trải ra tương ứng với mỗi giai đoạn thực hiện công việc.

Các phương thức hướng dẫn học sinh trước khi bắt tay vào lao động có ảnh hưởng đến chất lượng của nhiệm vụ lao động. Tất cả các dạng hướng dẫn như : giải thích bằng lời nói, tài liệu về kỹ thuật, làm mẫu các động tác tiến hành riêng lẻ và tổng hợp chúng sẽ đạt được hiệu quả tốt hơn nếu như có kèm theo việc hướng dẫn công tác tự kiểm tra của học sinh trên các vấn đề : có những biện pháp kiểm tra nào ? Kiểm tra cái gì ? Kiểm tra ra sao ? Làm thế nào để sửa đổi những sai sót khi gặp phải ? v.v...

Đối với học sinh các lớp THPT, khi kinh nghiệm lao động của các em đã khá phong phú, các nhiệm vụ lao động đặt ra đã tương đối phức tạp và đòi hỏi phải tiến hành trong một thời gian dài thì các dạng lao động thực hành phải nhằm vào hướng phát huy khả năng độc lập, sáng tạo cho học sinh. Do đó, trong các lớp này, vai trò của các tài liệu vẽ viết trong việc hướng dẫn học sinh có tầm quan trọng đặc biệt (tất nhiên vẫn phải kèm theo sự hướng dẫn của giáo viên). Tiến hành lặp lại các động tác mà giáo viên đã hướng dẫn thường được bắt đầu ngay sau giai đoạn mở đầu, khi học sinh muốn tái hiện lại những động tác đó. Thoạt đầu, ý định đó của học sinh có thể không hoàn thành mỹ mãn, nhưng về sau, do được lặp lại, các động tác trở nên thuần thục hơn, các thao tác trở nên thoải mái, tiêu tốn ít sức lực và thời gian hơn. Chính vào lúc này, học sinh đã thiết lập được các kỹ năng thực hành sản xuất.

Trong giai đoạn này, giáo viên có thể dùng các bài luyện tập bổ trợ để hình thành

tư thế làm việc, dạy cách cầm công cụ, phối hợp các vận động với công cụ... Có thể nói rằng sự chú ý chủ yếu của học sinh trong giai đoạn này là thực hiện sao cho đúng các động tác, chứ chưa phải là kết quả công việc. Bởi vậy các bài luyện tập hỗ trợ sẽ giúp học sinh nhanh chóng nắm vững những thao tác đầu tiên một cách có chất lượng.

Giai đoạn lặp lại các động tác được giáo viên hướng dẫn sẽ dần nâng cao độ chuẩn xác, tạo cơ sở cho học sinh chuyển sang giai đoạn luyện tập làm việc thực thụ. Trong giai đoạn này, các động tác riêng lẻ được hợp nhất với nhau, các vận động của cá nhân được phân tích và kiểm tra bằng thị giác nhờ đó mà các động tác được nâng lên ở mức độ kỹ xảo.

Trong quá trình hướng dẫn cho học sinh luyện tập, việc giải thích phải ngắn gọn. Thời gian chủ yếu của giáo viên là làm mẫu các thao tác, thủ thuật hoặc trao đổi với cá nhân, với các nhóm học sinh, quan sát các động tác làm việc của các em để chỉ ra những thiếu sót cần phải sửa đổi.

Nếu có những thiếu sót nào đó mà nhiều học sinh vấp phải thì giáo viên nên hướng dẫn lại cho các em, còn những lỗi của cá nhân sẽ được giáo viên uốn nắn riêng trong toàn bộ tiến trình làm việc. Nhờ có sự chỉ dẫn thường xuyên, các sai sót mới sẽ được hạn chế. Tất nhiên, hướng dẫn không có nghĩa là làm thay học sinh mà chỉ được coi như sự chỉ dẫn cho các em trong những lúc khó khăn, vấp vấp. Vấn đề cốt yếu trong quá trình hướng dẫn của giáo viên là làm cho quá trình này trở thành phương tiện giúp mỗi học sinh tự khắc phục để khỏi phiền thầy, phiền bạn, thường xuyên tự kiểm tra để tiến độ làm việc được thuận lợi, tự sửa chữa những hỏng hóc thông thường của công cụ và thiết bị... Giáo viên chỉ nên can thiệp vào quá trình làm việc của học sinh khi các em đã có sự cố gắng hết sức mình mà vẫn chưa giải quyết được nhiệm vụ sản xuất.

Kết quả của việc hình thành những kỹ năng và kỹ xảo lao động phụ thuộc không chỉ vào số lần các động tác được ôn luyện mà còn phụ thuộc vào việc tổ chức luyện tập. Vì thế, giáo viên cần lựa chọn các bài luyện tập, sắp xếp chúng theo một trình tự khoa học : có nhắc lại những cái đã qua, có phát triển lựa chọn. Các bài luyện tập bao giờ cũng phải tương ứng với nội dung, chương trình và thực trạng nhận thức, năng lực hoạt động của học sinh. Các kỹ năng và kỹ xảo trong các bài luyện tập phải được tính toán sao cho phù hợp với thời gian mà học sinh có thể hoàn thành được. Sự hợp lý của việc sắp xếp các bài luyện tập thể hiện ở chỗ : mức độ khó khăn dần được nâng lên, dẫn dắt học sinh giải quyết những nhiệm vụ thực hành từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Khi xác định trình tự này giáo viên cần phải lưu ý đến tính kế thừa và củng cố của các bài luyện tập, bài trước là chỗ dựa cho bài sau và bài sau là để hoàn thiện những kỹ năng và kỹ xảo tiếp thu trong bài trước.

Giai đoạn cuối cùng là tổng kết công việc, giáo viên nêu lên những ưu và nhược điểm trong khi làm việc, giải thích những sai sót đó và chỉ ra hướng khắc phục. Trong trường hợp cần thiết, giáo viên sẽ làm mẫu lại những thao tác khi tiến hành riêng lẻ,

cuối cùng là đánh giá thành tích, cho điểm (nếu cần). Trong một số bài, giáo viên có thể dẫn dò những điều cần thiết để chuẩn bị cho bài học sau.

6. HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KỸ THUẬT TRONG XƯỞNG TRƯỜNG

6.1. Lên lớp được coi là hình thức cơ bản của giảng dạy lao động kỹ thuật

Giờ học trên lớp được coi như hình thức cơ bản đối với việc tổ chức công tác giáo dục học sinh. Điều đó đã được thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ trong nhà trường nước ta và các nước trên thế giới khẳng định. Bản chất của hình thức này là ở chỗ : giáo viên tiến hành việc giảng dạy trong khuôn khổ thời gian đã định, với một số học sinh nào đó (gọi là lớp) theo một thời gian biểu nghiêm ngặt, sử dụng những phương pháp khác nhau nhằm đạt được nhiệm vụ mà lý luận dạy học đã vạch ra phù hợp với những yêu cầu của chương trình học tập.

Những đặc điểm chính là cho giờ học được coi như một hình thức tổ chức sư phạm đó là :

- Yếu tố thời gian thường xuyên không thay đổi. Khối lượng chung về thời gian được phân ra mỗi môn học, mỗi năm học, thời gian biểu của các giờ học và độ dài của mỗi bài học.

- Thường xuyên có một tập thể học sinh tương đối ổn định để giáo viên tiến hành công tác giáo dục.

- Giảng dạy lao động, so với các môn học khác đòi hỏi một số những thay đổi về tổ chức gắn liền với việc phân phối thời gian (ví dụ phải lưu ý thời gian tiêu phí vào việc chuẩn bị của học sinh để bước vào làm việc, thời gian dành cho việc thu dọn chỗ làm việc, xếp đặt và cất giữ những công cụ, nguyên liệu dở dang, các bán thành phẩm, rửa chân tay và vệ sinh cá nhân v.v..., do đó, trong giảng dạy lao động mỗi bài học thường được tiến hành trong 2 tiết.

Trong tuyệt đại bộ phận các bài học ở xưởng trường, nhằm bảo vệ sức khoẻ và nhằm đạt tới mục đích hướng nghiệp, số lượng học sinh trong một lớp thường không nên vượt quá 30 em. Điều đó cho phép chúng ta dễ dàng tổ chức trang thiết bị cho xưởng, giúp đỡ kịp thời cho mỗi học sinh trong học tập.

Mặc dầu có một số điểm khác biệt như vậy, song về cơ bản, những vấn đề chung mà lý luận dạy học đại cương đã nói tới đối với giờ lên lớp đều có thể vận dụng được khi tiến hành các bài dạy lao động ở trường phổ thông.

Hình thức tổ chức dạy học này nhằm giải quyết những nhiệm vụ thiết yếu như giáo viên muốn giải thích một điều gì đó cho tất cả học sinh theo một yêu cầu thống nhất, trong một thời điểm xác định.

Thường thì trong giai đoạn đầu của bài học lao động, hình thức lớp bài được vận dụng nhằm mục đích cung cấp cho học sinh cả lớp những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật mới mà giai đoạn tiếp theo của bài học sẽ phải sử dụng.

Hình thức lên lớp có thể phân thành hai hình thức bộ phận đó là :

6.1.1. Hình thức tổ chức theo nhóm

Học sinh được tổ chức theo các nhóm với số lượng mỗi nhóm khoảng từ 2 - 5 học sinh. Việc tổ chức bài học như vậy có thể theo hai phương án sau :

- Tất cả các nhóm thực hiện một nhiệm vụ lao động và những học sinh trong nhóm trên cơ sở của sự phân công lao động sẽ tiến hành giải quyết những nhiệm vụ khác nhau.

- Mỗi học sinh trong nhóm sẽ tiếp nhận một công việc cụ thể riêng biệt và hoàn thành công việc đó từ đầu tới cuối. Tổ chức lao động theo hình thức nhóm ở xưởng trường khiến giáo viên khó có khả năng tiến hành giải thích đồng thời cho tất cả học sinh trong nhóm hoặc trong lớp ngoài một số những vấn đề chung nhất. Muốn đạt được hiệu quả cho giờ dạy ứng với hình thức tổ chức này, giáo viên sẽ phải làm việc trực tiếp với từng nhóm và với từng học sinh trong nhóm. Đây là điều khó có thể đạt được trong khuôn khổ giới hạn về mặt thời gian của bài học. Bởi vậy, hình thức tổ chức dạy theo nhóm thường chỉ được vận dụng khi giáo viên tiến hành giảng giải những nhiệm vụ lao động để đảm bảo cung cấp cho mỗi học sinh một phạm vi kiến thức và kỹ năng kỹ thuật xác định nào đó.

6.1.2. Hình thức tổ chức dạy học cá nhân

Làm việc trên cơ sở hướng dẫn các cá nhân thực hiện các nhiệm vụ lao động cũng là hình thức tổ chức dạy lao động. Trong hình thức này, toàn bộ hoặc một số học sinh sẽ nhận những nhiệm vụ lao động riêng biệt. Những bài tập này đòi hỏi mỗi cá nhân học sinh phải độc lập giải quyết trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã học, sắp xếp kế hoạch làm việc, lựa chọn công cụ, nguyên liệu, thiết bị và thực hiện những biện pháp, thao tác công nghệ nào đó phù hợp với nhiệm vụ đòi hỏi.

* Ngoài ra, còn có thể nói tới một hình thức tổ chức bài học, trong đó có sự kết hợp giữa các công việc của nhóm và cá nhân, trong đó nhóm được trao giải quyết một nhiệm vụ hoàn chỉnh và mỗi cá nhân trong nhóm sẽ thực hiện những công việc cụ thể do nhiệm vụ sản xuất đề ra phù hợp với năng lực có được của từng học sinh.

Như ta thường thấy, khi tổ chức lao động theo nhóm làm một sản phẩm, công nghệ chế tạo sản phẩm chi phối việc phân bổ chỗ làm việc, số lượng và chất lượng của công cụ cho các nhóm hoặc cho mỗi cá nhân trong nhóm. Do đó, học sinh trong quá trình làm việc cần phải được luân chuyển từ chỗ này sang chỗ khác theo một trật tự xác định nhằm làm cho mỗi học sinh có thể quen biết với toàn bộ quy trình công nghệ, nắm được một tổ hợp rộng rãi các thao tác trong quy trình chế tạo sản phẩm. Như vậy, sự phân công lao động trong nhóm sẽ thực hiện giữa học sinh với nhau, kết quả làm việc của nhóm là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất.

6.1.3. Với đặc điểm lao động sản xuất trong xưởng trường, cần đề cập tới hình thức tổ chức các đội học sinh trong hình thức bài lên lớp.

So với việc tổ chức theo nhóm thì tổ chức theo đội là rất gần gũi. Đội học sinh

cũng là một dạng của hình thức nhóm. Kết quả làm việc theo đội sản xuất cũng là kết quả làm việc của mỗi cá nhân riêng lẻ nhưng với số lượng học sinh nhiều hơn (từ 10 - 15 em). Đội sản xuất thường được thiết lập để giải quyết những nhiệm vụ lao động hoàn chỉnh được trải ra theo một định kỳ dài hạn. Nhìn một cách khái quát, trong dạy lao động ở xưởng trường theo hình thức lên lớp, người ta sử dụng rộng rãi 4 hình thức tổ chức :

- Hình thức cả lớp
- Hình thức dạy theo nhóm
- Hình thức dạy cá nhân
- Hình thức đội sản xuất của học sinh

Ba hình thức tổ chức sau có thể nằm trong nội dung và cơ cấu của hình thức thứ nhất, vì thế ta nói rằng lên lớp là hình thức cơ bản trong dạy học ở xưởng trường.

Căn cứ vào phương pháp và hình thức tiến hành bài giảng, người ta phân ra những kiểu bài giảng chủ yếu thường được áp dụng trong thực tế giảng dạy ở xưởng trường. Sau đây ta sẽ xét những kiểu bài giảng đó.

6.2. Những kiểu bài giảng trong xưởng trường

Tương ứng với chương trình lao động kỹ thuật, học sinh phải lĩnh hội được một hệ thống những kiến thức kỹ thuật, công nghệ học, những hiểu biết về tổ chức sản xuất v.v... Muốn vậy, người ta đã ứng dụng nhiều kiểu bài giảng và mỗi kiểu phục vụ cho việc giải quyết những vấn đề xác định.

Quá trình hình thành cho học sinh những kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật bao gồm việc tri giác tài liệu mới, củng cố, ôn tập, nhờ các bài luyện tập thực hành kiến thức và kỹ năng lao động, vì vậy, sự khác nhau giữa các kiểu bài giảng là tất yếu, nó hoàn toàn không mâu thuẫn về lôgic trong việc hình thành ở học sinh những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật. Trong mỗi trường hợp cụ thể, mỗi dạng bài giảng mang những dấu hiệu phản ánh tính chất đặc thù khi giải quyết một nhiệm vụ lý luận dạy học nào đó.

Trên cơ sở tìm hiểu tài liệu trong và ngoài nước có liên quan tới việc ấn định những kiểu bài giảng ở xưởng trường, dựa vào bản chất của quá trình giảng dạy lao động và những nhiệm vụ của nó, người ta phân ra một số kiểu bài giảng như sau :

- Bài mở đầu
- Bài hình thành những kỹ năng mới
- Bài hình thành kiến thức và kỹ năng hoạ hình
- Bài giải quyết các nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật
- Bài thí nghiệm và thực hành thí nghiệm
- Bài giảng có sử dụng phim ảnh để giới thiệu tư liệu kỹ thuật
- Bài giảng tham quan

- Bài thực hành sản xuất

- Bài kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật của học sinh.

Mỗi kiểu bài giảng như đã nêu trên hoàn toàn không sử dụng được dưới dạng chuẩn xác tuyệt đối mà thường có sự tham gia ở mức độ nào đó những thành phần của các kiểu bài giảng khác. Song, mỗi bài học luôn luôn có một bộ phận cơ bản tập trung giải quyết một nhiệm vụ lí luận dạy học, đòi hỏi người vận dụng phải có sự quan tâm thích đáng. Bộ phận cơ bản, yếu tố trung tâm này biểu thị đặc tính của một kiểu bài giảng xác định.

Các kiểu bài giảng kể trên phản ánh những khía cạnh chung nhất có liên quan đến những yếu tố tổ chức giảng dạy.

6.2.1. Bài mở đầu

Bài mở đầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với học sinh lần đầu tiên tới xưởng trường. Nó có tác dụng khơi dậy hứng thú của học sinh đối với bộ môn lao động kỹ thuật. Nội dung của bài giảng mở đầu có thể có những thay đổi tùy theo đối tượng và nhiệm vụ học tập. Song, khi tiến hành, chúng ta cần lưu ý một số điểm sau :

- Không nên kể lể quá dài chẳng hạn về ý nghĩa của một công việc nào đó trong đời sống con người, về nội dung cấu trúc của xưởng, những quy định chung về kỹ thuật bảo hiểm v.v... Lý do rất đơn giản là học sinh lần đầu tới xưởng, em nào cũng háo hức muốn tiếp xúc ngay với việc làm, muốn thử công cụ này hay công cụ khác. Do đó, giáo viên nên bắt đầu bài giảng bằng một số những kiến thức ngắn gọn về nhiệm vụ của hoạt động học tập, những quy định chung nhất về giờ giấc, ăn mặc, bảo hiểm kỹ thuật (khoảng 5 - 10 phút) rồi mau chóng chuyển sang ngay nội dung của một công việc cụ thể nào đó. (Ví dụ, trong bài mở đầu phần "Kỹ thuật mộc" sau phần giải thích chung, cần chuyển ngay sang công việc hướng dẫn học sinh cách giữ gỗ trên bàn mộc như thế nào (thời gian 15 - 20 phút) để học sinh tập làm sơ bộ, rồi lại tiếp tục giải thích cho các em về cách sắp xếp dụng cụ đồ nghề trên các giá đỡ, cách bảo quản nguyên vật liệu và bán thành phẩm, nội quy, các yêu cầu về vệ sinh xưởng, bảo hiểm lao động).

Kết thúc bài giảng mở đầu, nên cho học sinh bình bầu tổ trưởng sản xuất. Các em này sẽ đảm nhận chức năng điều khiển công tác trực nhật của xưởng cho lớp mình.

Tùy thuộc vào điều kiện làm việc của xưởng (công cụ lao động được trang bị cho mỗi cá nhân hay dùng chung cho cả xưởng) giáo viên sẽ hướng dẫn cách cất giữ công cụ sau mỗi giờ học (tại chỗ làm việc của mỗi em hay tại các tủ đồ nghề chung cho cả lớp).

Do tính tò mò và sự ít ỏi về kiến thức kỹ thuật, học sinh thường đề xuất hàng loạt những câu hỏi theo khả năng hiểu biết của mình. Vì thế giáo viên phải biết chọn lọc trong số những câu hỏi đó những vấn đề chung nhất để giải đáp cho các em chứ không nên đi ngay vào những mục chi tiết, vụn vặt. Việc làm như vậy không có nghĩa là hạn

chế tư duy tích cực của học sinh mà trái lại đặt trước mỗi học sinh những tình huống có vấn đề đòi hỏi cần phải có thời gian và trữ lượng kiến thức kỹ thuật, kỹ thuật lao động cụ thể mới có thể giải quyết được.

Trước khi vào giờ học đầu tiên, cần có sự liên hệ chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp để bước đầu nắm được tình trạng chung của lớp học như năng lực, hứng thú, thể lực, điều kiện ăn, ở...

Trong những trường hợp cho phép, khi tiến hành bài mở đầu, giáo viên có thể tổ chức triển lãm thành tựu lao động của xưởng do học sinh các lớp khác đạt được như các hình ảnh cụ thể, với số liệu các sản phẩm do chính học sinh làm ra, bảng thống kê, biểu mẫu phản ánh giá trị sử dụng và giá trị xã hội của xưởng trường v.v...

6.2.2. Bài giảng hình thành các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật

Tuyệt đại bộ phận các kiểu bài giảng đều có liên quan ít nhiều tới nhiệm vụ hình thành kiến thức và kỹ năng kỹ thuật mới. Thời gian dành để tiến hành giải quyết nhiệm vụ trên thường từ 15 - 30 phút cho mỗi bài học. Tuy vậy, trên thực tế, đôi khi thời gian này có thể kéo dài hơn nữa. Nội dung của những kiến thức mới thường bao gồm những kỹ năng và kỹ xảo sử dụng công cụ biến đổi gia công nguyên liệu, những kiến thức về kỹ thuật, công nghệ tổ chức sản xuất, những kỹ năng hoạ hình, thiết lập kế hoạch lao động, thiết kế sản phẩm...

Trong chương trình lao động kỹ thuật, các công việc thực hành thường chiếm một tỷ lệ cao trong tổng số thời gian quy định cho mỗi bài học (từ 75%) so với cả khối lượng kiến thức truyền đạt. Như vậy là việc giải thích, hướng dẫn của giáo viên diễn ra trong những giai đoạn xen kẽ cần phải rất súc tích, gọn và rõ ràng.

Ngoài những giờ do Nhà nước quy định trong chương trình, có một số bài về thiết kế đối tượng, nếu xét thấy thời gian nội khoá chưa đủ đảm bảo thì giáo viên có thể trao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh về nhà làm. Tuy nhiên, đối với những kiến thức mới cần truyền đạt cho học sinh, giáo viên nên cố gắng sắp xếp để có khả năng giải quyết nó trong môi trường của xưởng, vì ở đó có những điều kiện thiết yếu về chỉ đạo sư phạm cũng như về phương tiện kỹ thuật.

Trong quá trình giảng dạy, những kiến thức lý thuyết và kỹ năng kỹ thuật có mối quan hệ gắn bó với nhau, do vậy việc phân chia về thời gian và thứ tự truyền đạt chúng trong những điều kiện cụ thể chỉ có tính chất tương đối. Thông thường, các kỹ năng được thực hiện dựa trên cơ sở của những kiến thức. Song ở một số trường hợp, kiến thức kỹ thuật lại được hình thành trước và sau đó hoàn thiện cùng với sự phát triển của các kỹ năng tương ứng. Mối liên quan này xảy ra trong nhiều phần khác nhau của nội dung chương trình lao động kỹ thuật như mộc, cơ khí, điện, nguội, hoặc thậm chí nó tồn tại ngay cả trong những thao tác gia công đơn giản. Sự gắn bó này, như ta thấy ít nhiều có điểm gần gũi với việc hình thành các kiến thức khoa học trong bộ môn cơ bản toán, lý, hoá, sinh...

Muốn cung cấp cho học sinh những kỹ năng kỹ thuật và công nghệ đòi hỏi giáo

viên phải vận dụng những thủ thuật và phương pháp có tính chất đặc thù so với các môn khoa học cơ bản. Bởi vì khi bắt tay vào tập một thao tác, học sinh bắt buộc phải tiến hành quan sát, so sánh không phải giữa kiến thức này với kiến thức khác mà là giữa những cử động phức tạp có trong thao tác khi giáo viên làm mẫu. (Ví dụ khi giáo viên giới thiệu cách bào gỗ, học sinh quan sát cách thức giáo viên cầm bào, điều khiển bào, ghi nhớ các vận động cơ bản). Song, như kinh nghiệm cho thấy, các khái niệm kỹ thuật thông qua quan sát chỉ có thể giúp học sinh nhận biết được mặt bên ngoài của hoạt động lao động chứ chưa phải mặt bản chất của công việc. Do đó, hình thành vốn kinh nghiệm cần thiết cho học sinh lao động kỹ thuật thông qua hoạt động thực tiễn là đặc điểm rất quan trọng, mà mỗi giáo viên hướng dẫn cần đặc biệt quan tâm. Khi tiến hành giảng dạy, những thao tác mới có thể được bắt đầu được luyện tập ngay sau khi có sự hướng dẫn giải thích cụ thể của giáo viên. Do chưa nắm vững kinh nghiệm, hàng loạt học sinh sẽ gặp phải những sai sót đáng kể, chính lúc này giáo viên vừa làm mẫu, vừa giải thích bản chất của thao tác. Việc làm mẫu cần thực hiện theo thứ tự : đầu tiên cần làm mẫu hoàn chỉnh với nhịp điệu bình thường, lần thứ hai giới thiệu ở nhịp điệu chậm, phân chia thao tác thành những vận động riêng lẻ. Ở những thời điểm cần thiết của giai đoạn thứ hai này, giáo viên có thể tạm dừng để định hình hoá sự chú ý của học sinh, lần thứ ba giáo viên tiến hành làm mẫu toàn bộ thao tác ở nhịp điệu bình thường. Tiếp theo việc làm mẫu của giáo viên là quá trình luyện tập của học sinh theo những nhiệm vụ sản xuất đã được cụ thể hoá để phục vụ cho từng phần của chương trình. Trong quá trình học sinh luyện tập, giáo viên tiến hành theo dõi, hướng dẫn thêm và kiểm tra sự ghi nhớ của các em.

Trong khi cung cấp cho học sinh những thông tin kỹ thuật chuẩn xác, ở những thời điểm cần thiết, giáo viên có thể nêu những sai sót hay vấp phải, vạch rõ nguyên nhân và cách khắc phục. Tất nhiên, đó là công việc kèm theo nhằm làm sáng tỏ những khái niệm lý thuyết và thực hành chuẩn xác.

Trong một vài trường hợp, việc hình thành các thao tác riêng lẻ và liên kết những thao tác này phải trải ra trên một diện rộng về nội dung và đòi hỏi một thời gian tương đối lớn, vì thế cần bố trí các bài học ở những phân môn (mộc, điện, nguội, cơ khí...) theo một trình tự thích hợp để các thao tác được hình thành có hệ thống, liên tục và được củng cố thường xuyên.

Chúng ta cũng nên lưu ý rằng, trong phạm vi dạy sản xuất của nhà trường phổ thông không nên quá đề tâm tới việc chuẩn xác hoá các thao tác đến mức độ nghề nghiệp, vì điều đó là chưa cần thiết. Trên thực tế, với số giờ quy định của chương trình lao động kỹ thuật phổ thông, chúng ta khó có thể hình thành ở học sinh những kỹ năng và kỹ xảo tinh thông có tính chất nghề nghiệp, và hơn nữa việc làm đó thường dẫn tới hậu quả là bỏ qua một số nội dung khác của chương trình có ý nghĩa lớn đối với việc giải quyết nhiệm vụ giảng dạy lao động kỹ thuật tổng hợp. Đành rằng trong những điều kiện cho phép, chúng ta không thể bỏ qua nhiệm vụ hoàn thiện với chất lượng tốt các thao tác và kỹ năng lao động cho học sinh.

6.2.3. Kiểu bài giảng thiết kế và giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật

Thực hiện chương trình lao động kỹ thuật công nghiệp, nhiệm vụ phát triển năng lực sáng tạo và khả năng thiết kế cho học sinh cần được đặc biệt lưu ý. Hầu như tất cả các đề mục của chương trình đều có thể bắt đầu bằng các nhiệm vụ thiết kế.

Theo lối dạy cổ truyền, đối tượng chế tạo chỉ được xem xét về phương thức làm ra nó, còn cấu tạo, nguyên tắc hoạt động, thiết kế đối tượng đó như thế nào thì hầu như rất ít có sự quan tâm cần thiết của giáo viên.

Để đảm bảo tính hệ thống và khoa học trong giảng dạy có liên quan tới quá trình chế tạo đối tượng, đòi hỏi quá trình học tập của học sinh phải được triển khai từ hồ sơ kỹ thuật của đối tượng, nguyên tắc hoạt động, các cơ chế thành phần và cách chế tạo những chi tiết cụ thể của nó. Những công việc cụ thể này được đưa dần vào các giờ lao động ở tất cả các bậc học ở tất cả những chương trình và phân môn kỹ thuật khác nhau. Tuy nhiên, trong chương trình của mỗi lớp sẽ phải có những bài riêng đề cập tới những công việc đã nêu. Tùy thuộc vào mức độ nhận thức của học sinh ở mỗi lớp, có thể đưa vào chương trình học 3 dạng thiết kế có tính chất học tập như sau :

- Thiết kế đối tượng theo dự án của cá nhân. Dạng thiết kế này đòi hỏi học sinh phải có khá đầy đủ những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định ứng với quá trình công nghệ sản xuất đối tượng. Học sinh phải đi từ "hai bàn tay trắng" nghĩa là tự mình tích cực tìm tòi, phác họa đối tượng tương lai trong tưởng tượng và trên bản vẽ với đầy đủ những dữ kiện về hình dạng, kích thước, nguyên liệu v.v...

Giá trị sư phạm của dạng thiết kế này là việc tổ chức cho học sinh hoạt động theo một chu trình hoàn chỉnh của quá trình sản xuất cung cấp cho học sinh những kiến thức về các yếu tố cơ bản của sản xuất như : tính chất nguyên liệu, cấu trúc, điều kiện công cụ và thiết bị, kỹ thuật học (phương thức gia công nguyên liệu, trình tự các thao tác), tổ chức lao động của bản thân và tập thể v.v....

Do đặc điểm phức tạp của nó, dạng thiết kế này thường chỉ dành cho học sinh các lớp cuối cấp phổ thông hoặc học sinh trong các trường trung học phổ thông kỹ thuật, bởi vì học sinh ở các loại trường lớp này đã có một trữ lượng nhất định kinh nghiệm về sản xuất, có những cơ sở cần thiết về năng lực tính toán, tổ chức, thể lực. Tuy nhiên cũng không nên loại trừ việc sử dụng dạng thiết kế này đối với những học sinh ở những trường phổ thông bình thường khác. Song, cần lưu ý một số điểm sau :

+ Đối tượng chế tạo phải quen thuộc đối với kinh nghiệm có sẵn của học sinh (điều đó giúp cho giai đoạn tư duy ban đầu nhằm xác định những yếu tố cần thiết cho toàn bộ công việc được giảm nhẹ).

+ Đối tượng chế tạo nên đơn giản về cấu trúc, số lượng các chi tiết vừa phải, gọn, nhẹ trong việc di chuyển.

+ Nguyên liệu dùng để chế tạo đối tượng không đòi hỏi học sinh phải tốn nhiều công sức tôn kiếm và sử dụng (có thể sử dụng các loại như giấy, vải, cát tống, tre, mây, gỗ dán, tôn mỏng, dây sắt nhỏ...).

- Thiết kế đối tượng có sự hỗ trợ nhất định của người khác.

Việc giải quyết những nhiệm vụ thiết kế này, một mặt học sinh phải tự mình tiến hành một số khâu trong toàn bộ quá trình sản xuất, đồng thời một số những dữ kiện kỹ thuật cũng như một số các chi tiết của sản phẩm đã được chế tạo sẵn dưới dạng hoàn chỉnh hoặc bán thành phẩm. Thường thì những dữ kiện và chi tiết này là khó đối với sự suy nghĩ và việc làm của học sinh.

Ưu điểm cơ bản của dạng thiết kế này là : những dữ kiện và chi tiết có sẵn được chuẩn bị bởi các cơ sở sản xuất (trường hợp này trong điều kiện của nước ta hiện nay là rất khó thực hiện do khó khăn về chương trình sách giáo khoa và cơ sở vật chất) hoặc do bản thân nhà trường lo liệu (nghĩa là cùng một sản phẩm, học sinh các lớp trên sẽ chuẩn bị những chi tiết phức tạp giúp học sinh các lớp dưới). Điều này là hoàn toàn có thể làm được nhằm liên kết trí tuệ của các tập thể học sinh, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho mỗi em trong các tập thể đó.

- Thiết kế đối tượng dựa hoàn toàn vào những tư liệu và chi tiết đã được chuẩn bị sẵn.

Đây là dạng thiết kế được ứng dụng rộng rãi, chủ yếu cho trẻ em các lớp vườn trẻ, mẫu giáo và các lớp học sinh nhỏ tuổi, biểu hiện trên thực tiễn của dạng thiết kế này là các bộ đồ lắp ráp kỹ thuật gồm các chi tiết đã được chế tạo sẵn, kèm theo các sơ đồ, giải thích, hướng dẫn cách tạo ra các hình khối khác nhau. ưu điểm cơ bản của dạng thiết kế này là :

Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp kỹ thuật dựa trên các cấu kiện có sẵn để thiết lập các đối tượng kỹ thuật một cách đúng đắn, hợp lý nhất.

+ Tiết kiệm tới mức tối đa thời gian tạo ra sản phẩm

+ Phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh nhỏ vì những nhiệm vụ đặt ra vừa mang tính chất kỹ thuật, vừa mang tính chất trò chơi giải trí, do đó tạo ra hứng thú kỹ thuật cho các em. Song với quan điểm kỹ thuật tổng hợp thì dạng thiết kế này chưa hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu của nó vì :

+ Không hình thành được những khái niệm kỹ thuật và kỹ thuật học (phương thức chế tạo các chi tiết của đối tượng, những thành phần cơ bản của quá trình công nghệ...)

+ Kiến thức, kĩ năng kỹ thuật tiếp thu được thiếu tính hệ thống và liên tục.

Trong nhà trường phổ thông chúng ta hiện nay, rất hiếm những trường hợp tìm thấy việc sử dụng các dạng thiết kế kể trên làm phương tiện để tiến hành các bài giảng lao động kỹ thuật. Nó thường chỉ có mặt ở các nhóm kỹ thuật được thành lập trong một số trường thành phố hay ở các câu lạc bộ kỹ thuật. Mục đích của thiết kế trong những trường hợp này ít nhiều vừa mang tính chất giải trí, vừa mang tính độc lập, góp phần vào việc cung cấp một hệ thống những kiến thức, kĩ năng kỹ thuật nhất định. Mặc dù trong điều kiện hiện tại, những khó khăn lớn về cơ sở vật chất của nhà trường chưa cho phép chúng ta mở rộng các dạng thiết kế trong giảng dạy lao động kỹ thuật,

nhưng rõ ràng vị trí của nó là không thể thiếu được trong hệ thống các phương tiện giáo dục và giáo dưỡng cơ bản. Kiểu bài giảng thiết kế kỹ thuật phản ánh tương đối đầy đủ không chỉ những chức năng cụ thể của hoạt động lao động hiện nay về phương tiện giáo dưỡng mà cả về phương diện giáo dục. Trong quá trình thiết kế, những kiến thức lý thuyết kỹ thuật của học sinh trở nên sinh động, các bài học lao động mang đậm nét tích cực của tư duy, nó không đơn thuần chỉ dừng lại ở nhiệm vụ thông báo kinh nghiệm thực tế cho học sinh mà còn là động cơ thúc đẩy các em suy nghĩ, làm xuất hiện nhu cầu hiểu biết cái mới.

Mỗi nhiệm vụ lao động đưa vào giờ học kỹ thuật đều có thể được coi như là một trong các dạng giải quyết nhiệm vụ kỹ thuật. Thực chất của nhiệm vụ kỹ thuật là những vấn đề được đặt ra đòi hỏi khi sử dụng kiến thức lý thuyết phải có khả năng tư duy dưới dạng ước đoán. Sự ước đoán này tất nhiên phải dựa trên những hiểu biết chủ yếu về kỹ thuật và kỹ thuật học có trong kinh nghiệm của học sinh, kể cả những biểu hiện của các yếu tố sáng tạo trong khi giải quyết nhiệm vụ. Ta có thể phân ra 3 kiểu nhiệm vụ kỹ thuật như sau :

- *Kiểu nhiệm vụ thứ nhất* có quan hệ tới những công việc của kỹ thuật.

Nhiệm vụ kỹ thuật thường bao gồm :

+ Nhận biết những yếu tố và khái niệm cơ bản của kỹ thuật (đường nét, hình và bản vẽ, hình chiếu cơ bản...)

+ Xác định số chi tiết trên bản vẽ, phương thức hợp nhất chúng.

+ Khai triển bản vẽ, thiết lập bản vẽ đối tượng dựa trên hình vẽ kỹ thuật, xây dựng kích thước...

Đối với các lớp cuối cấp THPT, nhiệm vụ kỹ thuật có thể là :

+ Thiết lập bản vẽ các mặt cắt chủ yếu của vật.

+ Thiết lập bản vẽ kỹ thuật các chi tiết không phức tạp lắm....

- *Kiểu nhiệm vụ thứ hai* có quan hệ tới những đòi hỏi về mặt công nghệ học như thiết lập qui trình công nghệ chế tạo chi tiết của sản phẩm, thiết lập qui hoạch sử dụng nguyên liệu, thời gian, năng lượng, v.v...

- *Kiểu nhiệm vụ thứ ba* nhằm củng cố và phát triển kiến thức kỹ thuật đã tiếp thu, trong đó việc tìm hiểu về cơ cấu, nguyên tắc hoạt động của công cụ, thiết bị, máy (từng bộ phận, cụm chi tiết hoặc toàn bộ đối tượng ; tính toán các số liệu cần thiết như xác định số bánh xe răng cần có trong hộp truyền động để thu được số vòng quay cần thiết, các chỉ tiêu kỹ thuật về độ dẫn điện, dẫn nhiệt, lực tác dụng của nguyên liệu, lập sơ đồ mạng điện v.v...)

6.2.4. Kiểu bài giảng hình thành kiến thức, kĩ năng hình hoạ

Trong các giờ học lao động kỹ thuật, để chế tạo bất cứ một sản phẩm nào, học sinh đều phải sử dụng những kiến thức hình học như : đọc hoặc thiết lập các bản vẽ đối tượng. Những kiến thức và kĩ năng này có thể được đưa vào những giai đoạn khác

nhau của giờ học, cũng có thể được tách ra thành một bài giảng. Mỗi xưởng trường nên có một bảng dùng riêng cho việc dạy vẽ kỹ thuật với những dụng cụ cần thiết : thước góc, thước chữ T, com pa đo góc, đo độ dài, thước đo độ v.v... ta cũng có thể dùng bảng viết bình thường, trên đó kẻ sẵn những dòng ngang dọc tạo nên các ô vuông có kích thước 50 x 50 (mm). Nhờ những ô vuông này giáo viên sẽ nhanh chóng dùng tay phác hoạ tương đối chính xác những hình vẽ kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật.

6.2.5. Kiểu bài giảng bao gồm các bài tập công nghệ và thực hành công nghệ

Bài giảng kiểu này có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh những hiểu biết ban đầu về thao tác công nghệ thông qua các nhiệm vụ lao động cụ thể do giáo viên sắp xếp. Hệ thống các bài luyện tập này được tiến hành trên những phé liệu không quá hư hỏng. Với tính chất học tập của học sinh, độ dung sai cho phép của sản phẩm chế tạo có thể thường lớn hơn so với độ dung sai gia công chính thức của sản xuất.

Các bài tập công nghệ ở giai đoạn đầu tiên nhằm hình thành những thao tác, kỹ năng đơn lẻ để chuẩn bị những điều kiện thiết yếu cho việc thực hiện những bài thực hành công nghệ (chẳng hạn kỹ năng ước đoán và xác định kích thước của vật theo độ dung sai, thiết lập những thiết bị gá lắp và phụ kiện cho phép đạt được kích thước và chất lượng gia công bề mặt của chi tiết v.v...).

Thực hành công nghệ là giai đoạn tiếp theo của các bài tập công nghệ. Nhiệm vụ lý luận dạy học của các bài giảng là tổ hợp các thao tác, kỹ năng cần thiết để có thể hoàn thành một chi tiết hay là toàn bộ sản phẩm. Những thao tác và kỹ năng này nằm trong một trình tự công việc như : thiết lập kế hoạch chế tạo (thiết kế), lựa chọn phôi (nguyên liệu hoặc bán thành phẩm), lựa chọn công cụ và các thiết bị gá lắp, lựa chọn kích thước, gia công chi tiết, lắp ráp và tu chỉnh sản phẩm, thử và kiểm nghiệm. Toàn bộ những công việc này thường đòi hỏi một lượng thời gian đáng kể được phân bố trong một số bài.

Do đó, mỗi bài chỉ đề cập tới một phần công việc cụ thể. Nhiệm vụ chủ yếu của thực hành công nghệ là nhằm củng cố và phát triển những kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật và công nghệ khi gia công sản phẩm.

6.2.6. Bài thí nghiệm, thực hành thí nghiệm và thực hành sản xuất

Các bài giảng loại này có ý nghĩa rất quan trọng trong hệ thống giảng dạy lao động kỹ thuật.

Công tác thí nghiệm trong xưởng trường gắn liền với nhiệm vụ nghiên cứu đơn giản một hiện tượng, một mặt nào đó của đối tượng kỹ thuật. (Ví dụ thí nghiệm xác định tính chất cơ học, vật lý, hoá học của tre, gỗ ; thí nghiệm nghiên cứu hiện tượng điện tử trong nam châm điện...).

Do đặc tính của công tác này, trong quá trình làm việc, học sinh sẽ phải sử dụng một số các kiến thức lý thuyết có liên quan nằm trong các bộ môn khoa học cơ bản : toán, lý, hoá, sinh. Công tác thực hành, thực nghiệm liên quan tới nhiệm vụ hình thành những kiến thức về cấu tạo của công cụ, thiết bị, máy móc, thiết lập các sơ đồ mạng

điện...

Đối với các bài thí nghiệm, giáo viên trình bày nội dung thí nghiệm, trình tự tiến hành, yêu cầu về kết quả cần thu được. Những điều hướng dẫn này học sinh sẽ ghi vào vở để có cơ sở khi bắt tay vào làm thí nghiệm.

Đối với công tác thực hành thí nghiệm, trước khi cho học sinh tiến hành, giáo viên phải làm thử trước ở nhà và sau đó biểu diễn trước mắt học sinh để xác định cho các em thấy những giai đoạn chính của công việc. Vì thế, để công tác thí nghiệm hay thực hành thí nghiệm trên lớp đạt hiệu quả, giáo viên nên làm thử trước khi lên lớp để chủ động trong việc hướng dẫn học sinh, tránh những sai sót đáng tiếc trong quá trình tiến hành bài học.

Các bài học thực hành sản xuất. Nhiệm vụ chính của loại bài này là giúp học sinh quen biết với những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật trong điều kiện phân công lao động xã hội mà trước hết là trong tập thể học sinh. Ví dụ để sản xuất một sản phẩm, toàn bộ công việc sẽ được chia ra thành những cung đoạn, mỗi cá nhân hay một nhóm học sinh sẽ chịu trách nhiệm hoàn thành cung đoạn đó theo một yêu cầu kỹ thuật thống nhất. Công việc loại này cho phép hình thành khái niệm ban đầu về sản xuất, trong sự phân công lao động xã hội. Lao động sản xuất mang tính chất tập thể như vậy sẽ tạo nên mối quan hệ giữa các cá nhân và những tập thể nhỏ trong một tập thể lớn hơn nhằm hoàn chỉnh chu trình công nghệ.

6.2.7. Bài giảng có sử dụng phim ảnh để giới thiệu tư liệu kỹ thuật

Trong quá trình tiến hành dạy lao động ở xưởng, nếu điều kiện cho phép ta có thể sử dụng các thiết bị kỹ thuật như phim, video, prozecto... để làm sáng tỏ một số vấn đề mà trong điều kiện của xưởng trường khó có thể thực hiện được. Việc sử dụng các thiết bị này trong giờ học lao động thường chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn từ 10 đến 15 phút. Trước khi trình chiếu cho học sinh xem, giáo viên phải dự tính trước nội dung lời thuyết minh, định ra những vấn đề cần cho học sinh trao đổi, lựa chọn những hình ảnh cần phải lưu ý cho từng bộ phận học sinh. Phim được chọn để chiếu bao giờ cũng phải thể hiện một sự gắn bó hữu cơ với phần nội dung học tập để tạo nên những kiến thức kỹ thuật liên tục và hệ thống.

6.2.8. Bài giảng tham quan

Trong thực tế giảng dạy lao động, tham quan có thể được tiến hành dưới sự tổ chức của giáo viên lao động và cũng có thể có sự kết hợp với giáo viên của các bộ môn khác. Để chuẩn bị cho tiến trình tham quan, giáo viên phải giúp cho học sinh hình dung sơ bộ đối tượng mà các em sẽ tham quan. Cần có những thoả thuận chi tiết với cơ sở tham quan, phải giới thiệu qua các thiết bị, máy móc, quá trình công nghệ mà học sinh sẽ quan sát, dự tính trước người thuyết minh, an toàn lao động và thông báo qua cho các em biết về những cuộc trao đổi với những cán bộ, công nhân tiên tiến.

Nếu cuộc tham quan có sự phối hợp với các bộ môn khác thì phải có sự thoả thuận từ trước giữa các giáo viên về nhiệm vụ, nội dung, tổ chức của cuộc tham quan.

Khi chuẩn bị tham quan, trong những điều kiện cần thiết, giáo viên có thể tập trung các em nam ở hai hoặc thậm chí các lớp của cùng một khối để tiến hành một bài học ở một địa điểm, còn các em nữ thì cho tham quan ở một địa điểm khác.

Tham quan có thể tiến hành ở bất cứ học kỳ nào trong năm học.

Thời gian dành cho mỗi bài tham quan từ 3 đến 4 giờ. Giáo viên phải lưu ý tới điều kiện đi lại và sinh hoạt của học sinh khi đi đường.

6.2.9. Bài kiểm tra kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật

Nhiệm vụ của loại bài này là nhằm kiểm tra và xem xét các kiến thức, uốn nắn những lệch lạc về tiêu chuẩn kỹ thuật trong tất cả các giai đoạn làm việc của học sinh. Công tác kiểm tra thường được tiến hành sau khi học sinh giải quyết một nhiệm vụ kỹ thuật nào đó (thiết lập bản vẽ, thống kê số liệu kỹ thuật, sử dụng nguyên liệu, gia công sản phẩm, tu sửa đối tượng chế tạo...)

Những vấn đề cần được kiểm tra có thể là độ chính xác của kích thước, hình thù, số lượng cần có của các chi tiết v.v...

Công tác kiểm tra được tổ chức theo từng cá nhân, từng nhóm học sinh hoặc theo cả lớp. Giáo viên có thể đi tới mỗi cá nhân kiểm tra trực tiếp, cũng có khi tập trung những học sinh tiến hành cùng một công việc để kiểm tra.

Trong quá trình dạy học, công tác kiểm tra, đánh giá, thường xuyên kịp thời sẽ tạo một mắt xích của một quá trình trọn vẹn nhằm xác định mức độ tiếp thu kiến thức lý thuyết, kỹ năng, kỹ xảo, của học sinh. Kiểm tra thường đi đôi với củng cố ôn tập tài liệu học tập, góp phần khắc phục những sai sót trong bài giảng. Kết quả của việc kiểm tra kiến thức, kỹ năng kỹ thuật đối với hoạt động trong giờ lao động phản ánh chất lượng công tác giảng dạy của giáo viên. Thông qua công việc này, giáo viên dạy lao động có điều kiện phân tích cung cách làm việc của mình, rút ra những kết luận bổ ích về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Nội dung công tác kiểm tra bao gồm :

- + Những kiến thức kỹ thuật và công nghệ học.
- + Chất lượng công việc so với yêu cầu kỹ thuật đòi hỏi.
- + Mức độ nắm vững các quy trình sử dụng công cụ, thiết bị, máy móc, các quy định về kỹ thuật bảo hiểm, các quy định sắp xếp nơi làm việc.
- + Kỹ năng ứng dụng kiến thức kỹ thuật vào việc giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.
- + Thời gian tiêu phí vào quá trình sản xuất.
- + Thái độ của học sinh đối với lao động (tính kỷ luật, tinh thần sáng tạo trong lao động...).

Đánh giá được coi như sự xác định chất lượng, mức độ các kiến thức kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật của học sinh so với tiêu chuẩn kỹ thuật theo thang điểm (5, 10, 20) tùy theo quy định trong hệ thống giáo dục của mỗi nước.

Kiểm tra và đánh giá có quan hệ khăng khít với nhau. Đánh giá chỉ được coi như

một khâu của công tác kiểm tra đánh giá. Thường trong một học kỳ, số lượng các bài kiểm tra không nên vượt quá 5 lần. Tuy nhiên số lần quy định này không giới hạn công tác kiểm tra thường xuyên mà nhiều giáo viên vẫn thường làm. Loại thứ nhất được gọi là kiểm tra tổng kết và loại thứ hai được gọi là kiểm tra thường kỳ. Kiểm tra thường kỳ được tiến hành một cách có hệ thống trong tiến trình các bài giảng nhằm theo dõi những công việc bình thường của học sinh như công cụ, gia công nguyên liệu, tổ chức hoạt động cá nhân, kỹ thuật bảo hiểm... Cùng với việc kiểm tra, giáo viên sẽ đánh giá những ưu điểm và nhược điểm của cá nhân, của nhóm, của tổ hoặc cả lớp.

Kiểm tra tổng kết sẽ được giáo viên dùng để đánh giá thành tích và kết quả học tập của học sinh sau một số chương, mục nào đó. Kết thúc năm học cần tiến hành kiểm tra các phần cơ bản trong chương trình kỹ thuật mà học sinh đã học. Những nội dung đó thường là số lượng và chất lượng các thủ thuật, thao tác, kỹ năng, kỹ thuật đã lĩnh hội, những quy tắc về kỹ thuật bảo hiểm, kỹ năng sử dụng công cụ, năng lực kế hoạch hoá lao động v.v... Kiểm tra của giáo viên sẽ giúp học sinh khắc phục những sai sót khi lao động và để làm điều đó, giáo viên cần nêu rõ những mặt chủ yếu sau :

- + Sai sót có quan hệ tới những vấn đề gì ? (nguyên liệu, công cụ kích thước và hình dạng sản phẩm, thứ tự thực hiện các thủ thuật và thao tác, chế độ làm việc, quy tắc bảo dưỡng công cụ và thiết bị...).

- + Mức độ của sai lầm : đã vi phạm những yêu cầu kỹ thuật và quá trình công nghệ tới mức độ nào.

- + Khi thực hiện các chức năng làm việc chủ yếu đã mắc những sai lầm nào về kế hoạch hoá, về mức độ chính xác khi thực hiện các thủ thuật, hoạt động riêng lẻ ; kiểm tra, đo đạc, theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Trên cơ sở kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và tổng kết, giáo viên sẽ nhận xét, cho điểm. Việc đánh giá còn cần phải phản ánh mức độ thực tế về kiến thức, kỹ năng và ý thức lao động của học sinh. Đánh giá đúng mức thành tích học tập của học sinh sẽ cổ vũ các em cố gắng, tích cực, nâng cao ý thức và nhu cầu nắm vững các kiến thức, kỹ năng kỹ thuật. Nếu đánh giá thiếu chính xác, thiên vị sẽ giảm hứng thú học tập, gây ra những xáo động trong tâm tư, tình cảm của học sinh. Như vậy kiểm tra và đánh giá không nên hiểu đơn phương về mặt nắm vững kiến thức kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật mà bao gồm cả những biểu hiện đạo đức của học sinh. Vì thế yêu cầu cơ bản đối với việc kiểm tra, đánh giá kiến thức kỹ năng, kỹ xảo của học sinh là :

- + Đảm bảo tính riêng lẻ và tính phân biệt.

- + Đảm bảo tính nhất thời và tính hệ thống.

- + Đảm bảo tính khách quan.

- + Đảm bảo tính giáo dục.

Tính riêng lẻ đòi hỏi việc kiểm tra và đánh giá các kiến thức, kỹ năng kỹ thuật phải được tiến hành với mỗi học sinh riêng biệt nếu học sinh đó hoàn thành một phần hay toàn bộ công việc độc lập. Thành tích đạt được sẽ là sự đánh giá đối với riêng học

sinh đó. Còn nếu công việc lao động lại do một nhóm hay một tập thể cùng làm thì sự kiểm tra và đánh giá lại phải căn cứ trên các nhóm hay tập thể đó.

Tính phân biệt lại đòi hỏi việc kiểm tra, đánh giá kiến thức kỹ năng kỹ thuật phải căn cứ vào nhiệm vụ lao động trao cho mỗi cá nhân và mỗi tập thể để đề ra những cách đánh giá khác nhau. Đối với các phân môn lao động khác nhau, cũng cần có phương pháp kiểm tra và đánh giá khác nhau.

Các hoạt động học tập sản xuất của học sinh được tiến hành một cách liên tục theo một hệ thống xác định, bao gồm nhiều chủ đề. Tính nhất thời trong việc kiểm tra và đánh giá kiến thức, kỹ năng kỹ xảo kỹ thuật đòi hỏi trên mỗi một chủ đề nhỏ không báo trước, giáo viên phải kiểm tra một số hoặc tất cả học sinh. Việc kiểm tra như vậy tạo nên ý thức thường trực trong học tập và tránh những lỗ hổng trong tri thức của học sinh. Song, do chương trình đã được cấu tạo theo một hệ thống nghiêm ngặt, vì thế, trong mỗi chủ đề của chương trình, giáo viên phải tìm ra được những kiến thức, kỹ năng, thao tác kỹ thuật cơ bản chủ yếu, kèm theo những câu hỏi kiểm tra cho những phần đó. Mỗi điểm số đánh giá bao giờ cũng phải tương ứng với một nội dung kiến thức chủ yếu.

Tính khách quan đòi hỏi việc kiểm tra đánh giá phải dựa trên những tiêu chuẩn khoa học và kỹ thuật để xem xét cẩn trọng các kỹ năng, thao tác của học sinh nhằm có được sự đánh giá đúng đắn. Để tránh những nhận xét chủ quan, cảm tính và thiếu chính xác của giáo viên làm cho thành tích học tập của học sinh bị nhận định sai lệch, cần tiến hành một bài kiểm tra cho toàn bộ một đề mục kỹ thuật nào đó, như vậy, học sinh sẽ có được điểm đánh giá tri thức một cách khách quan.

Tính giáo dục đòi hỏi việc kiểm tra và đánh giá kiến thức, kỹ năng kỹ thuật trong các giờ lên lớp phải góp phần củng cố để nâng cao tinh thần trách nhiệm, rèn luyện ý chí và tinh thần kỷ luật trong lao động. Việc kiểm tra sẽ giúp cho mỗi học sinh hiểu rõ năng lực của mình, nhờ đó một số em tránh được thái độ tự đánh giá mình quá cao sinh ra tự mãn, giúp các em nhận biết được mục đích, động cơ đúng đắn trong học tập và lòng say mê kỹ thuật.

Ngoài những nguyên tắc nêu trên, một vấn đề rất quan trọng là phải vận dụng được những hình thức và phương pháp đó dựa trên một số yếu tố cơ bản như : nội dung của từng nhiệm vụ lao động ; đặc điểm tâm lí và sự phát triển thể lực có tính chất cá biệt của mỗi học sinh ; cách hướng dẫn lao động của từng giáo viên, những hình thức và phương pháp đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật. Tất cả những kiểu bài giảng nêu trên tất nhiên chưa hoàn toàn phản ánh đầy đủ những kinh nghiệm do thực tiễn giảng dạy của các giáo viên lao động tích lũy được, song những kiểu bài giảng này sẽ là chỗ dựa cho công tác giảng dạy lao động kỹ thuật và còn đòi hỏi một sự sáng tạo lớn trong vận dụng để hoàn thiện và phát triển nó.

Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, những bài giảng gắn liền với các bài tập công nghệ và thực hành công nghệ, thí nghiệm và thực hành thí nghiệm, thực hành sản xuất

được sử dụng chủ yếu trong thời gian chính khoá, còn những kiểu bài giảng khác được ứng dụng để phát triển những kiến thức và kỹ năng hình hoạ, thiết kế kỹ thuật, cũng như những kỹ năng chuyên ngành thì cần có một thời gian ngoại khoá hỗ trợ.

Mỗi kiểu bài giảng có thể có ưu thế hơn một kiểu bài giảng khác khi nó giải quyết những nhiệm vụ lý luận dạy học tương ứng. Ở mỗi lớp khác nhau, việc vận dụng những kiểu bài giảng cũng khác nhau, và trong nhiều trường hợp còn là sự tổ hợp của hàng loạt những kiểu bài giảng trong một bài học. Chính những lý do này dẫn tới những đòi hỏi trong công tác giảng dạy của giáo viên không chỉ là sự thiết lập các đề mục, ghi chép nội dung kỹ thuật mà còn là quá trình suy nghĩ sâu sắc về toàn bộ hệ thống bài giảng cho mỗi một bài cụ thể sao cho hợp lý để đạt tới mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức, kỹ năng và kỹ xảo kỹ thuật đã được xác định.

7. HƯỚNG DẪN HỌC SINH KẾ HOẠCH HOÁ HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG CỦA CÁ NHÂN

7.1. Các giai đoạn kế hoạch hoá

Kế hoạch hoá hoạt động lao động của cá nhân là một trong những biểu hiện của tính tích cực sáng tạo, mức độ đầu tiên của công tác độc lập, cơ sở của tổ chức khoa học lao động, điều kiện quan trọng để nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả và chất lượng công tác.

Kế hoạch hoá lao động bao gồm :

- Nghiên cứu các hồ sơ kỹ thuật hay các mẫu sản phẩm.
- Xác định những điều kiện làm việc và kết quả cuối cùng của toàn bộ quá trình lao động.
- Vạch ra những giai đoạn làm việc cụ thể và phương thức thực hiện.
- Lựa chọn các đối tượng và phương tiện lao động.
- Thiết lập thứ tự và thời hạn làm việc.
- Dự tính những công tác kiểm tra.

Mỗi một học sinh trước khi thực hiện một công việc nào đó cần thiết phải hiểu mục đích và nhiệm vụ học tập, biết lường trước những điều kiện của khách quan, kinh nghiệm và kiến thức vốn có của bản thân mình, để trên cơ sở đó mà nhanh chóng xác định tiến trình hoạt động. Kết quả của toàn bộ công việc này là xuất hiện mô hình hoạt động tạo nên sản phẩm mới trong tư duy chứ chưa ở dạng hiện thực. Chính quá trình mô hình hoá hoạt động lao động sẽ đem lại cho học sinh khả năng kế hoạch hoá hoạt động của mình trước khi đạt được kết quả.

Nhiệm vụ của giáo viên là giúp học sinh tự mình xây dựng được quá trình lao động, tạo điều kiện hình thành tính độc lập và tổ chức, phát triển tư duy kỹ thuật, thái độ lao động sáng tạo và những phẩm chất khác cho các em.

Căn cứ vào bản chất của công việc kế hoạch hoá hoạt động lao động đối với mỗi cá nhân, người ta phân quá trình này thành giai đoạn cụ thể như sau :

7.1.1. Giai đoạn định hướng

Giai đoạn này bao gồm việc dự tính, đánh giá những khả năng và mức độ sẽ đạt được. Như vậy, người học sinh phải hiểu một cách thấu đáo rõ ràng những điều kiện làm việc, hình dung ra sự diễn biến của hoạt động và kết quả cụ thể. Ta có thể nêu ra đây một số những vấn đề mà học sinh phải thấy trước đó là :

- Địa điểm tiến hành công việc.
- Nguyên liệu chế tạo sản phẩm.
- Công cụ sử dụng.
- Hình dạng và kích thước khái quát của sản phẩm.
- Thời gian hoàn thành công việc.

Trong giai đoạn định hướng này, các hành động thừa hành (chẳng hạn như các thao tác cụ thể, tìm hiểu về tính chất nguyên liệu công cụ, chi tiết của sản phẩm...) thường chưa cần đề cập tới, mà học sinh phải quan tâm nhiều đến vấn đề quyết định ảnh hưởng tới quá trình lao động dưới dạng khái quát nhất, dự tính khả năng hiện có của thể lực, kinh nghiệm, kiến thức so với yêu cầu của nhiệm vụ, đồng thời xác định sự cân đối giữa nhiệm vụ này với chỗ làm việc, trang thiết bị kỹ thuật.

7.1.2. Giai đoạn lập kế hoạch tổ chức công việc

Giai đoạn thứ hai này được biểu hiện trong thực tế bằng việc dự tính tương đối cụ thể về nguyên liệu, thiết bị, công cụ, thời gian, sắp xếp bố trí các đối tượng và công cụ lao động tại chỗ làm việc.

7.1.3. Giai đoạn kế hoạch hoá tiến trình thực hiện

Giai đoạn này nhằm xây dựng hệ thống các hoạt động cần thiết để đạt được mục đích đã định. Những công việc cụ thể mà học sinh phải kế hoạch sẽ là :

- Trình tự các hoạt động thành phần trong toàn bộ quá trình.
- Lựa chọn các vận động, thủ thuật và thao tác theo các dạng và kết quả sẽ đạt được của công việc.

Những công việc trên phải được thiết lập theo một hệ thống liên tục có mối quan hệ lôgic giữa những bộ phận riêng lẻ trong quá trình và ăn nhịp với thời gian, cường độ, nhịp điệu làm việc cũng như những thành phần khác.

7.1.4. Giai đoạn kế hoạch hoá công tác kiểm tra và đánh giá công tác của bản thân

Khi thiết lập kế hoạch lao động cá nhân, một số vấn đề được đặt ra là : làm thế nào để biết được sự đúng đắn của hoạt động và kết quả của nó ? Việc kiểm tra sẽ được diễn ra trong những thời điểm nào ? Trình tự tiến hành chúng ra sao ?

Để trả lời cho các vấn đề trên, trong quá trình làm việc, học sinh phải tiến hành một cách thường xuyên công tác kiểm tra đối với những biện pháp, phương thức tiến hành. Vì thế nhất thiết phải dự tính các công việc kiểm tra trước khi bắt tay vào công

việc. Kế hoạch hoá công tác này được xác định ở 3 giai đoạn tiêu biểu :

- Giai đoạn mở đầu : với nội dung rà lại kế hoạch về phương diện lý thuyết và công tác chuẩn bị trên thực tế.

- Giai đoạn trung gian : chủ yếu hướng vào việc tìm hiểu diễn biến quá trình làm việc, phát hiện những sai lệch do khách quan (nguyên vật liệu, công cụ, máy móc, khí hậu...) gây ra để dự kiến biện pháp khắc phục.

- Giai đoạn kết thúc : tìm hiểu chất lượng công việc kiểm tra theo dự kiến vạch sẵn, học sinh sẽ có điều kiện để bổ sung cho kế hoạch chung những chi tiết cụ thể hơn (ví dụ ban đầu học sinh chỉ nêu lên các thao tác chính để gia công nguyên liệu còn việc thực hiện các thao tác như thế nào, bằng công cụ cầm tay hay bằng máy, thời gian tiêu phí để chế tạo sản phẩm là bao nhiêu... phải được học sinh bổ sung trong quá trình làm việc).

Đôi khi phải thay đổi hoàn toàn kế hoạch lao động. Việc làm này thường xảy ra khi có những sai lầm lớn trong kế hoạch ban đầu, hoặc là trong những điều kiện mới, kế hoạch đã đặt ra không còn phù hợp nữa.

Ở học sinh, những kiến thức kỹ thuật và kinh nghiệm trong việc kế hoạch hoá hoạt động lao động cá nhân nhìn chung còn rất ít, do đó vấn đề bổ sung, sửa chữa kế hoạch thiết lập ban đầu là điều không thể thiếu được.

7.2. Hình thức kế hoạch hoá

7.2.1. Hình thức đơn giản

Giai đoạn đầu trong việc dạy cách kế hoạch hoá lao động của cá nhân, học sinh sẽ học sử dụng các bản kế hoạch được thiết lập dưới dạng sơ giản. Trong bản kế hoạch này, người ta phác hoạ những nét đại cương của công việc. Chẳng hạn như tên công việc, nhiệm vụ và mục đích hoạt động, thời gian tiến hành lý thuyết và thực hành, số lượng nguyên liệu và dụng cụ, địa điểm làm việc, kỹ thuật an toàn lao động. Còn đối với nội dung cụ thể của bài, hình thức sơ giản khi thiết lập kế hoạch chỉ đòi hỏi nêu lên những nội dung cơ bản về kỹ thuật và kỹ thuật học cần phải nắm vững chứ chưa cần đề cập tới những chi tiết cụ thể có liên quan. Dưới đây chúng tôi trình bày kế hoạch sơ giản một bề học cụ thể.

Bài số...

Đánh dấu trên mặt phẳng kim loại

- 1 Nhiệm vụ học tập : quen biết với cách đánh dấu trên kim loại có bề mặt phẳng.
2. Đối tượng lao động: chế tạo khâu hót rác bằng sắt tây.
3. Nội dung bài học
 - Đánh dấu là một trong những thao tác cơ bản của nghề nguội.
 - Tiến hành đánh dấu kích thước của khâu hót lên bề mặt một tấm sắt tây.
4. Công cụ lao động và nguyên liệu

- Thước góc và thước thẳng thợ nguội.
- Kim vạch.
- Kéo cắt kim loại ; búa tay ; rũa ; vồ nhỏ bằng gỗ, sắt tây.

5. Thời gian : 2 giờ

6. Địa điểm - xưởng trường (có cả phần lý thuyết và thực hành)

7. Kỹ thuật bảo hiểm : chú ý tay giữ nguyên liệu khi cắt và khi dần mặt phẳng kim loại.

Ngoài ra việc trình bày dưới hình thức sơ giản cũng có thể theo dạng sau :

Bài số :.....

Tên bài học : Đánh dấu trên mặt phẳng kim loại

Nhiệm vụ học tập	Đối tượng lao động	Nội dung bài học	Chú thích

Công cụ và nguyên liệu :

Địa điểm và thời gian :

Kỹ thuật bảo hiểm :

7.2.2. Hình thức khai triển

Hình thức khai triển thường được học sinh sử dụng khi bản thân các em đã tích lũy được một số kiến thức, kinh nghiệm nhất định về kỹ thuật học cả về mặt lý thuyết cũng như thực hành, quen biết với cách lập các bản kế hoạch cá nhân theo hình thức sơ giản và thấy cần thiết sự có mặt của kế hoạch triển khai nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

Thiết lập kế hoạch lao động dưới hình thức khai triển đòi hỏi mỗi danh mục có trong kế hoạch sơ giản phải được chi tiết hoá dưới dạng mô tả hay bản vẽ (bản vẽ kỹ thuật hoặc bản vẽ mô tả các quá trình công nghệ). Do tính chất phức tạp của công việc, các bản kế hoạch khai triển phải có sự hướng dẫn cụ thể, từng bước của giáo viên để học sinh có thể chuyển sang giai đoạn độc lập xác định kế hoạch cho phù hợp với công việc và kinh nghiệm của bản thân. Việc mô tả các quá trình kỹ thuật, công nghệ học bằng bản vẽ thường là công việc của giáo viên để dùng chung cho cả lớp, còn việc thiết lập các bản vẽ kỹ thuật, vẽ phác lại chủ yếu do học sinh tiến hành. Hình thức khai triển có thể đi xa hơn nữa bằng việc xác định chi tiết các bước tiến hành từng thao tác. Trong trường phổ thông, nhiệm vụ chủ yếu của công việc này chỉ là chi tiết hoá những thao tác cơ bản của người thực hiện lao động chứ không đòi hỏi thiết lập kế hoạch "công thức thao tác" đối với tất cả các thao tác thành phần có trong quá trình kỹ thuật và công nghệ. Để làm việc này ta cũng có thể trình bày trong kế hoạch thông qua bản viết hoặc bản vẽ.

Tuy nhiên khi dạy cho học sinh cách lập kế hoạch hoạt động lao động của cá nhân, không phải tất cả các dạng hoạt động đều được kế hoạch hoá. Trong thực tế có nhiều hoạt động không cần phải thiết lập, đó là những dạng hoạt động sau :

Hoạt động không quen thuộc và học sinh chưa chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt để đạt mục tiêu đã định.

Hoạt động đã quá rõ ràng trong kinh nghiệm của học sinh, trình tự hoạt động thủ thuật và phương pháp tiến hành đã trở nên tự động hoá.

Ngoài ra, các kỹ năng đã được học sinh nắm vững và trở thành thói quen cũng không cần phải kế hoạch hoá. Những kỹ năng này được nêu ra trong kế hoạch dưới dạng nêu tên liệt kê. Có liên quan tới những dạng hoạt động không đòi hỏi phải kế hoạch hoá còn phải kể tới những công việc đã được người khác thiết lập kế hoạch. Trong trường hợp này, học sinh chỉ cần hiểu thấu đáo các nhiệm vụ của hoạt động.

Đặc điểm khác biệt giữa công việc kế hoạch hoá trong các giờ lao động ở xưởng trường của học sinh với công việc kế hoạch hoá hoạt động lao động của người công nhân xí nghiệp là ở chỗ rất nhiều những hoạt động không đòi hỏi người công nhân phải thiết lập kế hoạch thì trái lại với học sinh trở nên rất cần thiết. Lí do đơn giản là toàn bộ tiến trình giải quyết những công việc cụ thể nằm trong hoạt động đó đã đi vào tiềm thức, thói quen của người công nhân, còn học sinh các em mới chỉ sơ bộ hiểu biết và nắm vững chúng, cũng do vậy mà rất nhiều những công việc, học sinh không thể thiết lập kế hoạch được. Những hạn chế này là tất yếu do giới hạn về thời gian, điều kiện của xưởng, nhiệm vụ học tập và trình độ kiến thức, kinh nghiệm của học sinh trong nhà trường phổ thông.

7.3. Những điều kiện đảm bảo việc hình thành kỹ năng kế hoạch hoá hoạt động lao động của cá nhân

Dạy cho học sinh cách thiết lập kế hoạch cá nhân trong quá trình lao động thường liên quan tới những điều kiện tương ứng sau :

- Học sinh phải có những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật, kỹ thuật học tiến hành quá trình lao động sẽ được kế hoạch hoá. Thiếu những kiến thức và kỹ năng này học sinh không thể thiết lập được kế hoạch cho công việc của mình, do vậy việc hình thành một cách có hệ thống những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật là cần thiết đối với việc xây dựng, thiết lập, quá trình lao động nhằm tạo ra những sản phẩm có ích. Đó cũng chính là điều kiện cơ bản dẫn tới sự thành công của việc kế hoạch hoá lao động cá nhân.

- Học sinh cần thiết phải biết những giai đoạn chung xây dựng kế hoạch quá trình lao động và Algôrit trình tự hoạt động (gồm việc sắp xếp các thành phần của kế hoạch theo một phương án tối ưu). Kế hoạch hoá quá trình lao động, xét về bản chất, được thể hiện như là cơ sở có tính chất định hướng trong công tác và bao gồm Algôrit hoá trình tự hoạt động.

Algôrit hoá là bản kế hoạch công tác hoặc mệnh lệnh (chỉ dẫn) việc tiến hành các cử chỉ và hành động theo một trình tự xác định nhằm giải quyết nhiệm vụ đã định.

Algôrit hoá công việc chứa đựng sự tìm tòi một trình tự hợp lí và lôgic giải quyết nhiệm vụ, thực hiện hoạt động. Điều này cũng được xét tới trong việc dạy cách thiết lập kế hoạch lao động cho học sinh.

Để thiết lập một cách đúng đắn nhiệm vụ học tập, học sinh cần phải biết những kỹ năng nào nằm trong quá trình lao động mà mình sẽ tiến hành, đồng thời phải hiểu được sự biểu hiện những kỹ năng này thông qua các cử động và thao tác lao động sơ đẳng. Nếu những thao tác này hợp nhất lại trong một mô hình tối ưu các hoạt động của học sinh thì có thể dẫn tới một trình tự nghiêm ngặt xác định việc hình thành những kỹ năng cần thiết về kế hoạch hoá lao động của cá nhân, nghĩa là Algôrit hoá trình tự lao động.

Khi xây dựng Algôrit cũng như khi kế hoạch hoá quá trình lao động, hoạt động học tập được phân ra những thao tác sơ đẳng. Các thao tác này được sắp xếp theo một trình tự lôgic trong những điều kiện xác định là :

- Học sinh phải hiểu biết ít nhất ở mức độ tối thiểu các thao tác có trong toàn bộ quá trình học tập.

- Học sinh biết cách lựa chọn trong số những khả năng hiện có để chứa lập mối liên hệ lôgic nhằm tiêu tốn ít nhất năng lượng và thời gian để tiến hành công việc.

Cần nhấn mạnh sự hợp lí Algôrit phụ thuộc không chỉ vào số lượng các thao tác khi giải quyết nhiệm vụ mà vào cả trình tự vận dụng chúng. Kinh nghiệm thực tiễn cho chúng ta thấy cùng một công việc, có nhiều trình tự hợp lí để thực hiện các thủ thuật, thao tác nhưng trong đó chỉ có một con đường tối ưu hơn cả góp phần nâng cao năng suất lao động.

7.4. Xây dựng định mức lao động trong công tác kế hoạch hoá lao động sản xuất

Hiệu quả trong lao động sản xuất của xã hội cũng như của nhà trường phụ thuộc nhiều yếu tố : tổ chức lao động, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, tiềm năng tri thức khoa học, tay nghề và ý thức của người lao động... Một bộ phận quan trọng của tổ chức sản xuất sẽ được đề cập tới như là một phần công việc không thể thiếu được của công tác kế hoạch hoá lao động sản xuất, nó góp phần không nhỏ vào hiệu quả lao động về mặt vật chất và giáo dục học sinh, đó là định mức lao động.

Trong kế hoạch lao động, ngoài việc xác định quy trình kỹ thuật và công nghệ, còn phải bao gồm những yếu tố sau :

- Dự kiến số lượng và chất lượng sản phẩm có ích sẽ được học sinh và giáo viên làm ra trong một buổi, một tháng, một kỳ học, một năm học. Cần dự tính khái quát tất cả các dạng cán bộ mà thầy trò sẽ tham gia, cơ sở sản xuất (trong và ngoài trường), mục đích ý nghĩa của công việc, giá trị tính thành tiền (có thể chỉ là gần đúng) của sản phẩm đơn chiếc và toàn bộ. Dự kiến này cần công bố cho toàn thể học sinh biết để giúp các em nhìn nhận một cách đúng đắn sự đóng góp sức lao động của mình vào việc phát triển nền kinh tế xã hội và thấy được giá trị chân chính của đồng tiền.

- Xác định số lượng nguyên, nhiên liệu... phải tiêu phí trong quá trình học lao

động sản xuất. Sự tiêu phí này được xem xét trên mặt : số lượng điện năng, than, củi... giá trị quy ra tiền của nguyên, nhiên liệu.

- Tiền công thợ và cán bộ hướng dẫn chuyên nghiệp.

Có xác định cụ thể như vậy mới giúp cho học sinh thấy rõ những chi phí đáng kể của Nhà nước đối với sự học tập của các em. Việc tính toán này tạo ra khả năng so sánh giữa chi tiêu hao phí với kết quả lao động, là dịp tốt cho học sinh tăng cường ý thức tiết kiệm gìn giữ và bảo quản nguyên liệu, năng lượng trong sản xuất.

- Xác định công lao động của học sinh cần thiết để hoàn thành công việc trong suốt tiến trình.

- Xác định thời hạn chế tạo sản phẩm.

Việc dự tính về thời gian sản xuất sẽ giúp học sinh hiểu rõ về sự tiêu phí thời gian lao động của mình trong sự tiêu phí chung của tập thể khi tiến hành sản xuất. Kinh nghiệm cho biết, định mức thời gian là quan trọng nhất trong vấn đề tính mức lao động của học sinh. Cách tính định mức có thể dựa trên thời gian tiêu phí vào quá trình làm ra một sản phẩm hoặc là dựa trên thời gian tiêu phí vào quá trình làm ra một số lượng sản phẩm nào đó.

Hiện nay, nhiều giáo viên phổ thông chưa thấy hết tác dụng của việc định mức lao động, có người cho rằng việc làm này không cần thiết, vì nó gây trở ngại cho việc giải quyết nhiệm vụ phát triển kỹ năng, kỹ xảo sử dụng công cụ, nâng cao chất lượng sản phẩm... Nếu định mức khắt khe sẽ khiến cho học sinh chỉ chú ý tới số lượng mà bỏ qua những yêu cầu khác. Ý kiến khác thì cho rằng, trong những giai đoạn đầu của việc dạy lao động, cần tập trung bảo đảm chất lượng sản phẩm, định mức thời gian là công việc làm sau.

Những quan niệm trên chưa thật thoả đáng bởi quá trình lao động nào cũng đều tiến triển theo thời gian. Việc thực hiện các thao tác việc kiểm tra, tổ chức v.v... đều đòi hỏi học sinh phải tiêu phí một lượng thời gian nhất định. Đó là những nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động. Vì thế, ngay khi học sinh còn nhỏ, đã cần hướng dẫn cho các em sử dụng hợp lý nhất thời gian lao động sản xuất. Mặt khác, nếu chỉ chú ý tới chất lượng sản phẩm mà coi nhẹ yếu tố thời gian sẽ dẫn tới việc tiêu phí một cách tùy tiện thì giờ lao động, không tạo ra giới hạn nhất định để kích thích sự tìm tòi sáng tạo của học sinh nhằm làm ra sản phẩm với chất lượng cao trong một thời gian ngắn. Cho nên, muốn phát huy tác dụng giáo dục (và hiệu quả kinh tế) của việc tổ chức cho học sinh lao động sản xuất, cần thiết phải ấn định thời gian hoàn thành nhiệm vụ lao động và trong bất cứ giai đoạn lao động nào mà học sinh tham gia.

- Định mức sử dụng công cụ và thiết bị. Việc này rất khó, vì phải xác định mức hao mòn công cụ trên mỗi học sinh khi sử dụng trong một đơn vị thời gian nhất định. Cho nên vấn đề này chỉ mới có thể đặt ra cho học sinh trong việc lựa chọn công cụ phù hợp với đặc tính nguyên liệu, bảo quản gìn giữ chúng để hạ thấp tới mức nhỏ nhất những hư hỏng do quá trình làm việc gây ra.

Căn cứ vào những điều đã nêu trên, chúng tôi sơ bộ rút ra một số kết luận như sau :

- Định mức lao động cho học sinh là sự cụ thể hoá kế hoạch lao động trên mỗi công việc cụ thể, ứng với mỗi yếu tố cơ bản nằm trong quá trình lao động như : đối tượng lao động, phương tiện lao động. Hoạt động lao động thường có các kiểu định mức tương ứng : định mức tiêu thụ nguyên liệu, năng lượng, định mức thời gian tiêu phí. Tất cả các kiểu định mức này cần được đưa vào hoạt động sản xuất của trường phổ thông.

- Định mức lao động một khi được xác định đúng đắn sẽ đem lại nhiều tác dụng :

+ Nó đòi hỏi Ban phụ trách lao động hay Hội đồng nhà trường phải tính toán kỹ về năng lực từng cán bộ trong suốt năm học để chủ động điều chỉnh nhân lực, vật lực...

+ Định mức tạo khả năng đối chiếu sự hao phí trong tổ chức lao động với kết quả làm việc của học sinh, giúp các em thấy rõ chính những hao phí của Nhà nước trong học tập và sự đóng góp của học sinh là nhằm tạo ra một số lượng sản phẩm nhất định cho xã hội.

+ Định mức lao động còn là phương tiện kích thích sự nỗ lực cá nhân của học sinh trong lao động thông qua các tham số cụ thể và kết quả chung của tập thể.

+ Định mức còn và cơ sở để tổ chức thi đua, nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực độc lập, sáng tạo, ý thức tiết kiệm thời gian, nguyên liệu của mỗi cá nhân và tập thể học sinh trong quá trình lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Phạm Tất Dong - *Giáo dục lao động và hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nghiên cứu Giáo dục, số 6, 1996, tr.6.
2. Phạm Tất Dong (chủ biên) - Đặng Danh Ánh - Nguyễn Thế Trường - Trần Mai Thu - Nguyễn Dục Quang, *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10*, NXB Giáo dục, 2004, tr. 3-4. 3.
3. Phạm Tất Dong (chủ biên) - Đặng Danh Ánh - Nguyễn Thế Trường - Trần Mai Thu - Nguyễn Dục Quang, *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 11*, NXB Giáo dục, 2004, tr. 3-4. 4.
4. Phạm Tất Dong (chủ biên) - Đặng Danh Ánh - Nguyễn Thế Trường - Trần Mai Thu - Nguyễn Dục Quang, *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12*, NXB Giáo dục, 2004, tr. 3-4.
5. Quang Dương, *Tư vấn hướng nghiệp*, NXB trẻ, 2003, tr 54-55.
6. Nguyễn Văn Lê - Hà Thế Truyền - Bùi Văn Quân, *Một số vấn đề về hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
7. Phan Huy Thụ, *Sinh hoạt hướng nghiệp của học sinh cuối cấp PTCS*, 1982.
8. Phan Huy Thụ - Phạm Tất Dong - Nguyễn Thế Trường, *Sinh hoạt hướng nghiệp của học sinh THPT*, 1982.

TIẾNG NGA

9. C. Mác, F. Ăngghen, *Tuyển tập*. NXB Chính trị Liên Xô, 1959, Tập 19, tr.14 ; tập 23, tr.391 ; tập 46, tr.33.
10. V. I. Lênin, *Trọn bộ tuyển tập*, NXB Chính trị Liên Xô, Tập 24, tr.362 ; tập 29, tr.196.
11. Crupxkaia N.K., *Về công tác hướng nghiệp cho học sinh*, Tuyển tập các bài báo, NXB Giáo dục Liên Xô, 1965 tr.17.
12. Atutóp P.Q., Pôliakóp V.A., *Vai trò của lao động trong giáo dục kỹ thuật tổng hợp*, NXB Giáo dục Liên Xô, 1984, tr. 105.
13. Batusép C.Ia., *Chuẩn bị lao động cho học sinh*, NXB Giáo dục Liên Xô, tr.64.
14. Gôlômxtốc A.E. - Chemhíc O.A. - Bôchiakôva L.V., *Nội dung và phương pháp hướng nghiệp trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục Liên Xô, 1972, tr.9.
15. Iôvaisa L.A., *Những vấn đề hướng nghiệp cho học sinh*, NXB Giáo dục Liên Xô, 1983, tr.129.
16. Klimóp E.A., *Hướng nghiệp như là tổ hợp khoa học*, Leningrat, 1969, tr.72.
17. Klimóp E.A., *Những vấn đề tâm lý giáo dục của tư vấn nghề*, M., 1983, tr.96.
18. Klimóp E.A., *Lựa chọn nghề như thế nào*, M., 1975 tr.100.
19. Platônóp K.K., *Tuyển tập*, tập 3. NXB Khoa học Liên Xô, 1971, tr.203.

20. Platônốp K.K., *Hướng nghiệp cho tuổi trẻ*, M., NXB Đại học Liên Xô, 1978, tr.76.
21. Platônốp K.K. *Năng lực nghề và định hướng nghề*, Kiev, 1996, tr.8.
22. Rezápkiá G.V., *Tôi và nghề của tôi*, M., 2000.
23. *Giới thiệu học thuyết của Xanhximoong*, NXB Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô, 1961, tr.388-389.
24. Simônhenkô V.Đ., *Hướng nghiệp cho học sinh trong quá trình giảng dạy lao động*, NXB Giáo dục Liên Xô, 1984 tr.17.
25. Đubinhin N.P., *Sự vận động vĩnh cửu*, NXB Chính trị Liên Xô, 1973, tr.426-427.

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu.....	Trang 1
------------------	------------

Phần thứ nhất

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. KHÁI NIỆM HƯỚNG NGHIỆP.....	2
2. NGHỀ NGHIỆP.....	6
3. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH.....	11
4. HỆ THỐNG HƯỚNG NGHIỆP.....	25

Phần thứ hai

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. HƯỚNG NGHIỆP - PHẦN TẠO THÀNH CỦA GIÁO DỤC VÀ GIÁO DƯỠNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG.....	56
2. MỤC ĐÍCH, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP.....	67
3. CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG.....	73
4. HỆ THỐNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	77

Phần thứ ba

GIẢNG DẠY KỸ THUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. GIẢNG DẠY KỸ THUẬT THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP....	134
2. HỆ THỐNG GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP.....	136
3. HỆ THỐNG GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP.....	140
4. NGUYÊN TẮC GIẢNG DẠY LAO ĐỘNG KỸ THUẬT PHỔ THÔNG.....	143
5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KỸ THUẬT PHỔ THÔNG TRONG XƯỞNG TRƯỜNG.	153
6. HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KỸ THUẬT TRONG XƯỞNG TRƯỜNG.....	168
7. HƯỚNG DẪN HỌC SINH KẾ HOẠCH HOÁ HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG CỦA CÁ NHÂN	182
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	190